

# MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>1</b>
<b>PHẦN I: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	<b>4</b>
<b>CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	<b>4</b>
1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO .....	4
2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm.....	5
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA.....	6
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH .....	6
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	6
6. THANG ĐIỂM.....	6
7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH .....	8
8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY .....	12
9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	16
10. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN.....	19
<b>PHẦN II – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN.....</b>	<b>29</b>
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG .....</b>	<b>29</b>
1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN I.....	29
2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN II .....	33
3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH .....	39
4. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	43
5. TIẾNG ANH 1 .....	48
6. TIẾNG ANH 2 .....	60
7. TIN HỌC .....	73
8. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH.....	84
9. GIÁO DỤC THỂ CHẤT .....	92
10. SINH HỌC - DI TRUYỀN.....	98
11. HÓA HỌC .....	105
12. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG.....	109
<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH.....</b>	<b>116</b>
13. XÁC SUẤT THỐNG KÊ.....	116
14. TÂM LÝ Y HỌC VÀ Y ĐỨC .....	123
15. GIẢI PHẪU – MÔ .....	128
16. HÓA SINH .....	135
17. VI SINH – KÝ SINH TRÙNG.....	141
18. SINH LÝ – SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH.....	151
19. DƯỢC LÝ .....	159
20. DINH DƯỠNG TIẾT CHẾ.....	168
21. ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1 – CẤP CỨU BAN ĐẦU.....	176
22. ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 2 .....	183

23. KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN .....	188
<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH .....</b>	<b>195</b>
24. GIAO TIẾP TRONG THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP.....	195
25. CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ VÀ NAM HỌC.....	200
26. CHĂM SÓC BÀ MẸ THAI NGHÉN BÌNH THƯỜNG .....	208
27. CHĂM SÓC BÀ MẸ THAI NGHÉN CÓ NGUY CƠ.....	214
28. CHĂM SÓC BÀ MẸ CHUYỂN DẠ VÀ ĐẸ THƯỜNG .....	220
<b>2. Mục tiêu.....</b>	<b>220</b>
29. CHĂM SÓC BÀ MẸ CHUYỂN DẠ VÀ ĐẸ KHÓ.....	227
30. CHĂM SÓC BÀ MẸ SAU ĐẸ BÌNH THƯỜNG.....	233
31. CHĂM SÓC BÀ MẸ SAU ĐẸ CÓ NGUY CƠ.....	239
32. CHĂM SÓC SƠ SINH.....	245
33. CHĂM SÓC TRẺ DƯỚI 5 TUỔI .....	252
34. DÂN SỐ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH .....	262
35. PHÁ THAI AN TOÀN VÀ TOÀN DIỆN .....	270
36. THỰC HÀNH SẢN PHỤ KHOA KHHGD 1 .....	276
37. THỰC HÀNH SẢN PHỤ KHOA – KHHGD 2 .....	283
38. CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỘNG ĐỒNG .....	291
39. QUẢN LÝ HỘ SINH .....	299
40. THỰC HÀNH DỰA VÀO BẰNG CHỨNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG CHĂM SÓC HỘ SINH .....	305
41. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP .....	310
<b>KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN .....</b>	<b>314</b>
42. TIẾNG ANH NÂNG CAO.....	314
43. SỬ DỤNG PHẦN MỀM TRONG Y HỌC.....	328
44. DỊCH TỄ HỌC .....	337
45. NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI.....	344
46. ĐIỀU DƯỠNG THẨM HỌA .....	348
47. CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA .....	352
48. GIÁO DỤC SỨC KHỎE.....	357
49. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG .....	363
50. BỆNH HỌC NỘI KHOA .....	369
51. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA.....	378
52. BỆNH HỌC NGOẠI KHOA .....	387
53. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA .....	393
54. CHĂM SÓC NGƯỜI NHIỄM HIV/AIDS.....	400
<b>KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG .....</b>	<b>407</b>
55. CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC .....	407
56. XỬ TRÍ LÔNG GHÉP TRẺ BỆNH.....	411

57. CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO .....	425
58. CHĂM SÓC BÀ MẸ TRƯỚC, TRONG VÀ SAU PHẪU THUẬT .....	431
SẢN PHỤ KHOA.....	431
59. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH UNG THƯ SINH DỰC.....	436
60. CHĂM SÓC TIỀN THAI, SÀNG LỌC TRƯỚC SINH.....	440
61. CHĂM SÓC SỨC KHỎE BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN.....	444

# PHẦN I: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG  
NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1378/QĐ-ĐDN ngày 02 tháng 6 năm 2016 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

<b>Tên chương trình:</b>	Chương trình Đào tạo đại học Hộ sinh chính quy theo hệ thống tín chỉ
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học
<b>Ngành đào tạo:</b>	Hộ sinh
<b>Mã số:</b>	52720502
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy
<b>Chức danh sau khi tốt nghiệp:</b>	Hộ sinh viên

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Hộ sinh có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và chuẩn năng lực nghề hộ sinh ở trình độ đại học; có sức khỏe và khả năng tư duy; làm việc độc lập và phối hợp; sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học; quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, sức khỏe sinh sản nói chung; sức khỏe bà mẹ và trẻ em trước, trong, sau sinh và trẻ em dưới 5 tuổi nói riêng.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân hộ sinh có những năng lực sau:

1. Am hiểu kiến thức và đạt được các kỹ năng trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản, sản khoa, sơ sinh, khoa học xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp. Những kiến thức và kỹ năng này là nền tảng để cung cấp sự chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng.

2. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em có chất lượng cao; Sử dụng hiệu quả các kênh thông tin truyền thông nhằm thiết lập, giao tiếp, cung cấp

thông tin về tình trạng sức khỏe, tư vấn và giáo dục sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và chuẩn bị làm mẹ.

3. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc trước sinh, trong chuyển dạ và sau sinh một cách toàn diện, có chất lượng cao; tôn trọng bản sắc văn hóa và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo tốt nhất sức khỏe cho bà mẹ và trẻ sơ sinh.

4. Tổ chức và thực hiện hiệu quả việc sơ cứu, cấp cứu; dự phòng, phát hiện sớm và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa; Quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án theo đúng quy định; sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.

5. Sử dụng các bằng chứng khoa học, ứng dụng tin học và ngoại ngữ, sử dụng các kỹ năng giao tiếp, phối hợp, lãnh đạo và quản lý chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và an toàn cho bà mẹ và trẻ sơ sinh; Thực hiện và tham gia thực hiện các nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong thực hành nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, sự an toàn người bệnh và phát triển nghề nghiệp.

6. Thực hiện chăm sóc toàn diện, phù hợp nhu cầu cá nhân và có tính cá biệt; tôn trọng yếu tố văn hóa, tín ngưỡng liên quan đến phá thai cho những phụ nữ muốn kết thúc thai nghén hoặc những phụ nữ bị sảy thai, theo qui định của luật pháp và theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản.

7. Hành nghề theo pháp luật, các qui định của ngành y tế và các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

### **1.3. Vị trí và nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

- Hộ sinh viên, Hộ sinh trưởng tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước.
- Giảng viên tại các cơ sở có đào tạo hộ sinh và một số ngành thuộc khối ngành khoa học sức khỏe.

### **1.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Thạc sỹ, Tiến sỹ ngành hộ sinh và các chuyên ngành thuộc khối ngành khoa học sức khỏe.
- Điều dưỡng chuyên khoa cấp I và II chuyên ngành Phụ sản.

## **2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm**

### 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

TT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1	<b>Giáo dục đại cương</b> <i>Chưa tính khối kiến thức Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất</i>	25
2	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	
	▪ Kiến thức cơ sở ngành	36
	▪ Kiến thức ngành, chuyên ngành	63
	▪ Kiến thức tự chọn	12
	▪ Thực tập tốt nghiệp	4
	▪ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tốt nghiệp	8
<b>Tổng cộng:</b>		<b>144</b>

\* Chưa tính 165 giờ Giáo dục quốc phòng - An ninh và 90 giờ Giáo dục thể chất

### 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Tốt nghiệp trung học phổ thông (lớp 12 và tương đương).
- Tuyển sinh theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định Số 992/QĐ-ĐDN ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

### 6. THANG ĐIỂM

- 6.1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- 6.2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0

3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,0	F	0,0

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 7.1 Khối kiến thức bắt buộc (Kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành)

TT	Khối KT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Tổng số tiết	Học phần tiên quyết
				TS	LT	TLS, TH	TTBV, CD		
1	Kiến thức giáo dục đại cương	PHIL101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin I	2	2			30	
2		PHIL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin II	3	3			45	
3		PHIL103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			30	
4		PHI104	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3			45	
5		ENG101	Tiếng Anh 1	4	4			60	
6		ENG102	Tiếng Anh 2	4	4			60	
7		INF100	Tin học	3	2	1		60	
8		CHE100	Hoá học	2	1	1		45	
9		BIO100	Sinh học – Di truyền	2	1	1		45	
10		PHE100	Giáo dục thể chất *	3		3		90	
11		MIE100	Giáo dục Quốc phòng - An ninh *	8	6	2		165	
12	Kiến thức cơ sở ngành	LAW100	Pháp luật Đại cương	2	2			30	
13		MPS200	Xác suất và Thống kê y học	2	2			30	
14		ANA200	Giải phẫu – Mô phôi	5	4	1		90	BIO100
15		PPA200	Sinh lý - Sinh lý bệnh Miễn dịch	5	4	1		90	
16		MIC200	Vi sinh – Ký sinh trùng	4	3	1		75	
17		BIC200	Hóa sinh	2	1	1		45	
18		PHA200	Dược lý	4	3	1		75	
19		NUT200	Dinh dưỡng – Tiết chế	2	1	1		45	
20		PSY200	Tâm lý y học – Y đức	2	2			30	
21		FUN201	Điều dưỡng cơ sở 1 và Cấp cứu ban đầu	4	2	2		90	
22		FUN202	Điều dưỡng cơ sở 2	2	1	1		45	



TT	Khối KT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Tổng số tiết	Học phần tiên quyết	
				TS	LT	TLS, TH	TTBV, CD			
23		IFC25400	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	1	1		45		
24	Kiến thức chuyên ngành	MID31500	Giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1		45		
25		MID32001	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	4	2	1	1	105	FUN21601; FUN21602	
26		MID32002	Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường	4	1	1	2	135	FUN21601; FUN21602; MID31500	
27		MID32003	Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ	3	2		1	75		
38		MID32004	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường	4	1	1	2	135		
29		MID32005	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ khó	4	2	1	1	105		
30		MID32006	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường	4	1	1	2	135	MID32004	
31		MID32007	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ	3	1	1	1	90	MID32002	
32		MID32008	Chăm sóc sơ sinh	4	1	1	2	135		
33		MID31900	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	4	2		2	120	MID31900	
34		MID34501	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	3	1	1	1	90		
35		MID34502	Phá thai an toàn và toàn diện	3	1	1	1	90		
36		MID32001L	Thực hành sản phụ khoa, KHHGD 1	4			4	180	MID32002; MID32004; MID32006	
37		MID32002L	Thực hành sản phụ khoa, KHHGD 2	4			4	180	MID32001L	
38		MID32009	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	2	1		1	60	.MID32008; MID31900	
39		MID32010	Quản lý Hộ sinh	4	4			60		
40		MID32011	Thực hành dựa vào bằng chứng và Nghiên cứu khoa học trong chăm sóc Hộ sinh	3	2		1	75	EP41400	
41			Tự chọn	12						
42		MID32003L	Thực tập tốt nghiệp	4			4	180		
43			MID36100	<b>Khóa luận tốt nghiệp/ học phần tốt nghiệp</b>	8				360	
			<b>Tổng</b>							

## 7.2. Danh mục các học phần tự chọn

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Tổng số tiết	Học phần tiên quyết
			TS	LT	TLS, TH	TTBV, CD		
1	ENG401	Tiếng Anh nâng cao	4	4			60	
2	ENG402	Tiếng Anh chuyên ngành	4	4			60	
3	SIM400	Sử dụng phần mềm trong Y học	2	1	1		45	
4	EPI400	Dịch tễ học	2	1	1		45	
5	HEP400	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	2	1	1		45	
6	DIN410	Điều dưỡng thảm họa	2	2			30	
7	TAR400	Các chương trình y tế quốc gia	2	2			30	
8	HED400	Giáo dục sức khỏe	2	1	1		45	
9	EOH400	Sức khỏe môi trường	2	1	1		45	
10	MID41701	Bệnh học Nội khoa	2	1		1	60	
11	MID41702	Chăm sóc người bệnh Nội khoa	2	1		1	60	
12	MID41801	Bệnh học Ngoại khoa	2	1		1	60	
13	MID41802	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa	2	1		1	60	
14	HIV400	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS	4	3	1		75	
		<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>4</b>		

### 7.3. Danh mục các học phần học bổ sung nếu không làm khóa luận tốt nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC				Tổng số tiết	Điều kiện tiên quyết
			Tổng TC	LT	TLS, TH	THBV, CD		
1	MID41900	Xử trí lồng ghép trẻ bệnh (IMCI)	4			4	180	
2	MID42004	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	4	1		3	150	
3	MID42005	Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa	2	1		1	60	
4	MID42006	Chăm sóc người bệnh Ung thư sinh dục	2	2			30	
5	MID42007	Chăm sóc tiền thai, sàng lọc trước sinh	2	2			30	
6	MID42200	Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền	2	1		1	68	
		<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>7</b>		<b>9</b>		

#### **Quy định mã học phần:**

- Các chữ cái đầu là chữ viết tắt tên tiếng anh của học phần.
- Số tiếp theo quy định khối kiến thức (Số 1: kiến thức đại cương, số 2: kiến thức cơ sở ngành, số 3: kiến thức ngành và chuyên ngành, số 4: kiến thức tự chọn)
- Hai số tiếp theo là mã học phần
- Hai số cuối là số để quy định môn học có nhiều học phần
- Chữ L cuối cùng qui định là học phần thực hành bệnh viện
- \* Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm tại trường; 45 giờ thực hành tại bệnh viện, cộng đồng; thực tập tốt nghiệp, viết khóa luận tốt nghiệp.
- \* Một buổi học lý thuyết được quy định là 4 tiết, 1 buổi học thực hành, thí nghiệm tại trường; thực hành tại bệnh viện, cộng đồng được quy định là 5 tiết

## 8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Chương trình đào tạo đại học Hộ sinh chính qui được phân bổ thành 8 học kỳ (4 năm), mỗi năm có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Kế hoạch giảng dạy các học phần của các học kỳ trong toàn khoá học phải đảm bảo tính hệ thống và logic của khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tổ chức giảng dạy phải hợp lý đảm bảo đủ khối lượng kiến thức đã quy định trong chương trình và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

### KỶ 1:

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ tín chỉ	SỐ TIẾT		
				LT	TH	TTCS
1	INF100	Tin học	3	30	30	
2	PHE100	Giáo dục thể chất	3		90	
3	BIO100	Sinh học và di truyền	2	24	20	
4	CHE100	Hóa học	2	20	25	
5	ANA200	Giải phẫu - Mô	5	60	30	
6	PHIL101	Những NL cơ bản của CNML 1	2	30		
7	LAW200	Pháp luật đại cương	2	30		
		<b>Tổng:</b>	<b>19</b>	<b>194</b>	<b>195</b>	

### KỶ 2:

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ tín chỉ	SỐ TIẾT		
				LT	TH	TTCS
1	PSY200	Tâm lý Y học - Y đức	2	30		
2	MIC200	Vi sinh - Ký sinh trùng	4	45	30	
3	BIC200	Hóa sinh	2	25	20	
4	PPA200	Sinh lý - Sinh lý bệnh Miễn dịch	5	60	30	
5	MIE100	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	90	75	
		<b>Tổng:</b>	<b>21</b>	<b>250</b>	<b>155</b>	

**KỶ 3:**

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ tín chỉ	SỐ TIẾT		
				LT	TH	TTCS
1	ENG101	Tiếng Anh 1	4	60		
2	PHIL102	Những NL cơ bản của CNML 2	3	45		
3	NUT200	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	15	30	
4	FUN201	Điều dưỡng cơ sở 1 và cấp cứu ban đầu	4	30	60	
5	COM200	Giao tiếp trong thực hành Nghề nghiệp	2	15	30	
6	PHA200	Dược lý	4	45	30	
7	MPS200	Xác suất - Thống kê y học	2	30		
		<b>Tổng:</b>	<b>21</b>	<b>240</b>	<b>150</b>	

**KỶ 4**

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ tín chỉ	SỐ TIẾT		
				LT	TH	TTCS
1	PHIL103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
2	ENG102	Tiếng Anh 2	4	60		
3	FUN202	Điều dưỡng cơ sở 2	2	15	30	
4	IFC200	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	15	30	
5	HED400	Giáo dục sức khỏe (Tự chọn)	2	15	30	
6	EOH400	Sức khỏe môi trường (Tự chọn)	2	15	30	
7	MID32001	CSSK phụ nữ và Nam học	4	30	30	45
		<b>Tổng:</b>	<b>18</b>	<b>180</b>	<b>150</b>	<b>45</b>

**KỶ 5**

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ tín chỉ	SỐ TIẾT		
				LT	TH	TTCS
1	MID32002	Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường	4	15	30	90
2	MID32003	Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ	3	30		45
3	MID32004	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường	4	15	30	90
4	MID32005	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ khó	4	30	30	45
5	MID31900	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	4	30		90
			<b>19</b>	<b>120</b>	<b>90</b>	<b>360</b>

**KỶ 6:**

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ tín chỉ	SỐ TIẾT		
				LT	TH	TTCS
1	MID32006	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường	4	15	30	90
2	MID32007	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ	3	15	30	45
3	MID32008	Chăm sóc sơ sinh	4	15	30	90
4	MID32001L	Thực hành sản phụ khoa, KHHGD 1	4			180
5	PHIL104	Đường lối CM đảng cộng sản VN	3	45		
		<b>Tổng số</b>	<b>18</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>405</b>

**KỶ 7**

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ tín chỉ	SỐ TIẾT		
				LT	TH	TTCS
1	MID34501	Dân số kế hóa gia đình	3	15	30	45
2	MID34502	Phá thai an toàn và toàn diện	3	15	30	45
3	MID32002L	Thực hành sản phụ khoa, KHHGD 2	4			180
4	MID32011	Thực hành dựa vào bằng chứng và Nghiên cứu khoa học	3	30		45
5		Tự chọn	8			
		<b>Tổng số</b>	<b>21</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>315</b>

**KỶ 8**

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ tín chỉ	SỐ TIẾT		
				LT	TH	TTCS
1	MID32009	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	2	15		45
2	MID32010	Quản lý hộ sinh	4	60		
3		Thực tập tốt nghiệp	4			180
4		Khóa luận TN/học phần TN	8			
		<b>Tổng số</b>	<b>18</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>225</b>

## **9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **9.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo**

- Luật Giáo dục năm 2005 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá X thông qua ngày 14/06/2005; Sửa đổi một số điều tháng 11/2009;

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

- Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2006 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”;

- Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030;

- Quy hoạch phát triển nhân lực y tế giai đoạn 2011-2020;

- Tiêu chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 342/QĐ-BYT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Y tế.

- Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ Qui định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, kỹ thuật Y.

- Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành khoa học sức khỏe của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012.

- Quyết định số 3982/QĐ-BYT ngày 03/10/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn “Kỹ năng cơ bản của người đỡ đẻ”

- Quyết định số 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu hướng dẫn chuyên môn “Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ”

Chương trình và tài liệu đào tạo Hộ sinh trình độ Đại học được đăng tải trên trang điện tử của Bộ Y tế và Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế (tại Công văn 2513/BYT-K2ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế về việc phổ biến chương trình và tài liệu đào tạo Hộ sinh trình độ đại học;

Chương trình được xây dựng dựa trên năng lực và được tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, giảm số giờ thuyết trình, dành thời gian thích hợp cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành kỹ năng nghề nghiệp.

### **9.2. Tổ chức thực hiện chương trình**

#### **9.2.1. Tổ chức thực hành nghề nghiệp**

*Thực hành tại phòng thí nghiệm và phòng tiền lâm sàng*



Tổ chức thực hành tại phòng thí nghiệm và phòng tiền lâm sàng của các bộ môn theo nhóm từ 15-30 sinh viên/một phòng thực tập đảm bảo cho sinh viên có đủ thời gian thực hành.

#### ***Thực hành tại bệnh viện***

Sinh viên được thực hành tại các bệnh viện thực hành của nhà trường, tham gia chăm sóc, theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc, quản lý khoa, buồng bệnh, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc dưới sự quản lý hướng dẫn của giảng viên nhà trường, giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở thực hành.

#### ***Thực hành tại cộng đồng***

Sinh viên được thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng tại trạm y tế xã, phường là địa bàn thực tập cộng đồng của nhà trường.

### **9.2.2. Phương pháp dạy/học**

Lấy người học làm trung tâm, coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tôn trọng “thực học, thực hành”

Áp dụng các phương pháp dạy-học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên hình thành các năng lực nghề nghiệp của người Hộ sinh.

Tăng cường hiệu quả các buổi thực hành tại phòng thí nghiệm, thực hành tiền lâm sàng, thực hành tại bệnh viện và cộng đồng trên cơ sở xây dựng kế hoạch bài giảng cụ thể, chi tiết, chú trọng hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên tăng cường tự thực hành, tự lượng giá và phân công giảng viên của nhà trường phối hợp với giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở thực hành huấn luyện, theo dõi, giám sát, hỗ trợ các hoạt động thực hành lâm sàng của sinh viên. Xây dựng kế hoạch, phương pháp, công cụ lượng giá phù hợp với từng năng lực, kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

### **9.2.3. Đánh giá sinh viên**

Theo qui định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của nhà trường

Kết hợp nhiều phương pháp lượng giá, coi trọng đánh giá quá trình.

Hình thức đánh giá, số lần kiểm tra định kỳ và trọng số mỗi hình thức lượng giá được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần đã được Hiệu trưởng phê duyệt và được công bố cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy học phần.

### **9.2.4. Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học tích lũy kiến thức tốt nghiệp**

#### ***9.2.4.1. Làm khóa luận tốt nghiệp***

- Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp:

+ Sinh viên đã hoàn thành và đạt tất cả các học phần (trừ thực tập tốt nghiệp) tính đến thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp.

+ Sinh viên đạt điểm trung bình trung học tập (theo kết quả thi lần đầu từ 2.80 trở lên tính đến thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp.

+ Điểm rèn luyện: sinh viên có điểm rèn luyện toàn khóa xếp loại tốt trở lên.

+ Sinh viên đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp đúng thời điểm quy định.

+ Số lượng: hàng năm Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp tùy thuộc vào điều kiện hiện có về cán bộ hướng dẫn, cơ sở vật chất và thành tích học tập của sinh viên lấy từ cao nhất trở xuống, nhưng không vượt quá 15% tổng số sinh viên toàn khóa.

- Chủ đề làm khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên sẽ được chọn một trong các chủ đề về điều dưỡng lâm sàng; quản lý điều dưỡng hoặc cộng đồng phù hợp với định hướng và mong muốn nghề nghiệp sau khi ra trường để làm khóa luận tốt nghiệp. Danh sách các chủ đề do hiệu trưởng quyết định tùy thuộc vào điều kiện về cơ sở thực hành, cán bộ hướng dẫn hiện có.

- Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

- Chấm khóa luận tốt nghiệp theo qui chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và qui định của Nhà trường.

#### **9.2.4.2. Học và thi một số học phần**

- Đối tượng: Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.

- Sinh viên đăng ký học và thi một số học phần trong khối kiến thức các học phần học bổ sung nếu không làm khóa luận tốt nghiệp.

- Học và thi đạt yêu cầu các học phần đã đăng ký với khối lượng tương đương với số lượng tín chỉ làm khóa luận tốt nghiệp (8 tín chỉ).

- Điểm các học phần này được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học.

### **9.3. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo**

#### **9.3.1. Đội ngũ giảng viên**

- Giảng viên giảng dạy cử nhân hộ sinh phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giảng dạy lý thuyết và thực hành tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành kỹ năng tại trường do giảng viên cơ hữu thực hiện.

- Giảng dạy thực hành tại bệnh viện và cộng đồng: giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng thực hiện.

#### **9.3.2. Cơ sở vật chất**

- Cơ sở đào tạo phải bảo đảm cơ sở vật chất theo qui định và hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối internet.

- Mỗi bộ môn có nội dung học thực hành phải có ít nhất 01 phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo diện tích và được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế. Chú trọng trang bị đầy đủ, hiện đại cho các phòng rèn luyện kỹ năng hộ sinh và phòng thực tập tiền lâm sàng.

- Đủ mạng lưới các Bệnh viện thực hành từ tuyến tỉnh trở lên, các cơ sở thực tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo.

## **10. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN**

### ***10.1. Kiến thức giáo dục đại cương***

PHIL101: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1. (2 tín chỉ)

Nội dung: Theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

PHIL102: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2. (3 tín chỉ)

Nội dung: Theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

PHIL103: Tư tưởng Hồ Chí Minh. (2 tín chỉ)

Nội dung: Theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

PHIL104: Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam. (3 tín chỉ)

Nội dung: Theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

ENG101: Tiếng Anh 1. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ (trình độ B1) theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

ENG102: Tiếng Anh 2. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ (trình độ B1) theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

INF100: Tin học. (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin truyền thông về việc ban hành Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

MIE100: Chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh. (8 tín chỉ - cấp chứng chỉ)

Nội dung: Theo Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 về việc Quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn GDQP-AN trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

PHE100: Chương trình Giáo dục thể chất. (3 tín chỉ - cấp chứng chỉ)

Nội dung: theo Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.

BIO100: Sinh học và di truyền. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản nhất về một số quy luật di truyền chi phối tính trạng ở người từ đó có kiến thức tổng quan về di truyền người. Nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của các nhóm bệnh, tật di truyền ở người từ đó có kiến thức tổng quan về con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý làm nền tảng cho việc thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc con người.

CHE100: Hóa học. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản và có hệ thống về hoá học nhằm giải thích kiến thức cho các học phần liên quan như hoá sinh, vệ sinh dịch tễ, vi sinh.... Là cơ sở để phục vụ và giải thích cho các quá trình biến đổi chất trong cơ thể, các quá trình trong tự nhiên có liên quan đến điều dưỡng.

LAW200: Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong cuộc sống và những quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và hành nghề Điều dưỡng. Mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ sở Y tế trong nước. Giúp cho sinh viên nhận thức được môi trường công tác của mình sau khi ra trường, những nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của mình tại các cơ sở y tế khác nhau. Có kiến thức tổ chức một cơ sở y tế hoạt động có hiệu quả, đảm bảo an toàn, chất lượng.

## **10.2. Kiến thức cơ sở khối ngành**

MPS200: Xác suất – Thống kê y học. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê y học. Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng tình huống bài toán. Có khả năng vận dụng vào các đề tài nghiên cứu khoa học

PSY200: Tâm lý Y học – Y đức. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về tâm lý người bệnh từ đó biết cách chăm sóc người bệnh trên 3 lĩnh vực Tâm lý - sinh lý và xã hội và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

ANA200: Giải phẫu - Mô. (5 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về vị trí, hình thể, chức năng, cấu tạo đại thể, cấu tạo vi thể hoạt động các cơ quan, mô và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người. Sự điều hoà chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan với nhau để đảm bảo cho cơ thể tồn tại, phát triển một cách bình thường và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường sống. Các nghiên cứu của Giải phẫu - Mô tạo cơ sở để phát hiện, giải thích và xử lý các rối loạn hoạt động chức năng của cơ thể từ đó áp dụng vào việc học tập các học phần của ngành.

MIC200: Vi sinh – Ký sinh trùng. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật, ký sinh trùng; đặc điểm sinh học, tác hại, phương pháp chẩn đoán phòng thí nghiệm, biện pháp phòng chống lây nhiễm các bệnh do vi sinh vật, ký sinh trùng.

BIC200: Hóa sinh. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở phân tử của sự sống, về các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể sống, sự chuyển hóa các chất và nồng độ của các chất đó trong mỗi tế bào, trong dịch sinh vật của cơ thể sống. Là cơ sở để cung cấp kiến thức cho các học phần có liên quan ở mức độ phân tử. Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp thu kiến thức các học phần khác dễ dàng và sâu sắc hơn, như môn sinh lý, sinh lý bệnh, dinh dưỡng, ...

PPA200: Sinh lý. Sinh lý bệnh – Miễn dịch (5 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người, sự điều hoà chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau để đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển một cách bình thường và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường sống. Các nghiên cứu của sinh lý học tạo cơ sở để phát hiện, giải thích và xử lý các rối loạn hoạt động chức năng của cơ thể từ đó đưa ra các biện pháp nhằm đảm bảo và nâng cao sức khỏe cho con người.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng đề kháng bệnh tật của cơ thể, những kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn

dịch, về quy luật các quá trình bệnh lý điển hình. Các biểu hiện và cơ chế gây ra các biểu hiện bệnh lý của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh. Sinh lý bệnh – Miễn dịch trang bị cơ sở lý luận khoa học cho người cán bộ Y tế để giải thích, thực hành lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

PHA200: Dược lý. (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về hấp thụ, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể người. Giúp sinh viên có khả năng trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng của một số thuốc thông thường, đặc biệt những loại dùng trong sản khoa; nhận biết được dạng thuốc, đặc điểm, tác dụng của một số loại thuốc cơ bản tại phòng thực tập. Vận dụng những kiến thức này trong những học phần khác của đào tạo Hộ sinh và trong quá trình chăm sóc Hộ sinh..

NUT200: Dinh dưỡng tiết chế. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về dinh dưỡng: dinh dưỡng căn bản; dinh dưỡng các lứa tuổi; ảnh hưởng của dinh dưỡng đến sức khỏe - bệnh tật; phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng; cách xây dựng khẩu phần ăn cho người bình thường và người bệnh, kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm để có thể tư vấn cho người bệnh hiểu thêm về bệnh tật và cách sử dụng các chất dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe đồng thời cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong khi thực hiện nhiệm vụ của người điều dưỡng.

IFC25400: Kiểm soát nhiễm khuẩn. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực về hệ thống tổ chức phòng chống nhiễm khuẩn, sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn.

FUN21601: Điều dưỡng cơ sở 1- Cấp cứu ban đầu. (4 tín chỉ)

Học phần giúp tăng cường kỹ năng theo dõi chính xác và am hiểu những theo dõi đó nhằm mục đích nâng cao, thực hiện và đánh giá kế hoạch chăm sóc hiệu quả và thích hợp. Học phần cũng giới thiệu những nguyên tắc quản lý nguồn lực trong thực hiện chăm sóc sức khỏe. Học phần giới thiệu về những khía cạnh chăm sóc điều dưỡng cơ bản. Bao gồm đánh giá bệnh nhân (mạch/ huyết áp/ nhiệt độ/ nhịp thở); liệu pháp thay thế dịch, chăm sóc cơ thể; xử lý vết thương và kiểm soát đau. Dạy các kỹ năng cấp cứu trong các tình huống khẩn cấp.

FUN21602: Điều dưỡng cơ sở 2. (5 tín chỉ)

Nội dung: Mục tiêu của học phần này là cung cấp cho cử nhân hộ sinh những kỹ năng điều dưỡng cơ sở trong chăm sóc người bệnh trên lâm sàng, đảm bảo tôn trọng tính cá biệt, đặc điểm văn hóa của người bệnh.

### **10.3. Kiến thức ngành, chuyên ngành**

**MID31500: Giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp. (2 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần tập trung vào sự giao tiếp giữa nữ hộ sinh và bà mẹ nhằm đảm bảo bà mẹ được nhận những chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ thích hợp. Nghiên cứu về giao tiếp với những cán bộ nhân viên y tế khác, về những yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp bao gồm văn hóa, chất lượng giáo dục, sự hiểu biết về sức khỏe và giới. Xác định vai trò của người hộ sinh trong việc nhận biết bạo hành gia đình và hỗ trợ người phụ nữ bị bạo hành.

**MID32001: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học (4 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần trang bị cho người hộ sinh với vai trò trong chăm sóc sức khỏe sinh sản trong cộng đồng và suốt quãng đời. Nó bao gồm sức khỏe phụ nữ từ khi bắt đầu có kinh nguyệt cho đến khi mãn kinh và cung cấp cho nữ hộ sinh sự hiểu biết về sức khỏe giới tính nam giới, hoạt động sinh sản của con người và ảnh hưởng của văn hóa. Hỗ trợ khả năng của nữ hộ sinh để thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản từ vị thành niên đến lúc già yếu bằng nhiều cách nhạy cảm và tùy theo văn hóa. Nhấn mạnh vai trò của người hộ sinh như một nhà giáo dục

**MID32002: Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường (4 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần giúp phát triển hiểu biết của người hộ sinh về những thay đổi sinh lý xảy ra trong quá trình thai nghén và ứng dụng những nguyên tắc của tâm lý học và giao tiếp trong chăm sóc sức khỏe thai phụ. Mở rộng kiến thức về phát triển mô học và phôi thai học. Giới thiệu những nguyên tắc củng cố làm vững chắc thêm công tác chăm sóc sức khỏe trước sinh bao gồm chẩn đoán, theo dõi và giáo dục

**MID32003: Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ (3 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần giúp người hộ sinh nhận ra sự khác biệt đối với thai nghén thông thường và nhằm cung cấp chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả lấy bà mẹ làm trung tâm trong các tình huống phức tạp. Bảo đảm bà mẹ được chuyển tuyến thích hợp nhằm tối đa hóa sức khỏe cho cả bà mẹ và trẻ sơ sinh

**MID32004: Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường (4 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần nhấn mạnh chuyển dạ và đẻ thường và lập kế hoạch đánh giá và chăm sóc chuyển dạ của người hộ sinh và bác sỹ trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ. Thực hiện chăm sóc đặc biệt để giảm đau cho bà mẹ chuyển dạ. Giới thiệu về thủ thuật mổ lấy thai, cắt tầng sinh môn, đỡ đẻ can thiệp bằng Foc-xép hay giác hút và gây tê ngoài màng cứng. Cung cấp cho người hộ sinh kiến thức để nhận định, theo dõi và quản lý chuyển dạ và đẻ thường. Vận dụng

các kiến thức liên quan đến sinh lý bệnh học của chuyển dạ và đẻ thường để cung cấp chăm sóc sức khỏe hỗ trợ người mẹ có khả năng sinh con bình thường

MID32005: Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ khó (4 tín chỉ)

Nội dung: Mục đích của học phần này là chuẩn bị cho người hộ sinh nhận ra được những bất thường và chuẩn bị chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ có bất thường trong quá trình chuyển dạ. Chú trọng vào hiểu biết về dấu hiệu và triệu chứng của đẻ khó; những biến chứng khác để can thiệp kịp thời và chuyển tuyến thích hợp hoặc hội chẩn liên khoa

MID32006: Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần xây dựng dựa trên chủ đề sinh sản và nghiên cứu sự hồi phục của cơ thể sau sinh. Sự tiết sữa và đánh giá bà mẹ hậu sản bao gồm co hồi tử cung, chiều cao tử cung và tình trạng chảy máu. Chú trọng vào trẻ sơ sinh khỏe mạnh bình thường. Đồng thời với chăm sóc sức khỏe của trẻ dưới 1 tuổi bao gồm cả cho bú và tắm rửa, sự hồi phục của trẻ và đánh giá cũng được đề cập đến ở môn học này.

MID32007: Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần được thiết kế để người hộ sinh có thể ứng dụng những kiến thức về nguyên tắc chăm sóc sau đẻ trong các tình huống phức tạp. Bao gồm nhận định và xử trí các biến chứng sản khoa và chỉ định cần phải thực hiện trong các tình huống cấp cứu, kể cả chăm sóc cấp cứu và chuyển tuyến điều trị

MID32008: Chăm sóc sơ sinh (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần giúp cho sinh viên có khả năng phát triển các kỹ năng chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường. Nghiên cứu các lĩnh vực cần quan tâm khi chăm sóc trẻ mới sinh và phát hiện các bất thường; chăm sóc trẻ sơ sinh gặp khó khăn với những chức năng bình thường như thở và bú. Can thiệp cấp cứu và chuyển tuyến cũng được đề cập tới trong môn học này

MID31900: Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần nghiên cứu sự phát triển của trẻ sơ sinh bình thường và trẻ nhỏ. Chú trọng vào những mốc phát triển bình thường và những nguyên nhân thường gặp dẫn đến sự phát triển bất thường và vai trò của người hộ sinh trong việc giáo dục người mẹ về chăm sóc trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Học phần cũng chú trọng và cấp cứu và chuyển tuyến.

MID34501: Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần nghiên cứu về dân số và nhân khẩu học của Việt Nam. Những biện pháp tránh thai được xây dựng trên cơ sở sinh lý sinh sản đã được dạy trong môn học Chăm sóc sức khỏe phụ nữ; đề cập đến sử dụng những biện pháp tránh thai cho tất cả các nhóm tuổi và thực hiện tư vấn sức khỏe.



**MID34502: Phá thai an toàn và toàn diện (4 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ về: các chính sách, luật pháp, các quy định và các hướng dẫn của quốc gia về thực hiện phá thai an toàn; các yếu tố ảnh hưởng đến người phụ nữ khi phá thai và quá trình phá thai; tư vấn trước, trong và sau phá thai phù hợp và hiệu quả với từng đối tượng, chú ý trường hợp phá thai vì lựa chọn giới tính. Các phương pháp phá thai an toàn và toàn diện.

**MID32001L: Thực hành sản phụ khoa, KHHGD 1 (4 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần tăng cường thực hành lâm sàng giúp người hộ sinh thực hành những kỹ năng họ học được dưới sự giám sát của các hộ sinh và các bác sỹ sản khoa giàu kinh nghiệm. Mục đích nhằm phát triển năng lực chăm sóc bà mẹ trong quá trình nuôi con.

**MID32002L: Thực hành sản phụ khoa, KHHGD 2 (4 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần tăng cường thực hành lâm sàng giúp người hộ sinh thực hành những kỹ năng họ học được dưới sự giám sát của các hộ sinh và các bác sỹ sản khoa giàu kinh nghiệm. Mục đích nhằm phát triển năng lực chăm sóc bà mẹ trong quá trình nuôi con.

**MID32009: Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng (2 tín chỉ)**

Nội dung: Môn học xây dựng dựa trên kiến thức của nữ hộ sinh và sức khỏe sinh sản với mục tiêu tăng cường vai trò của người hộ sinh trong thực hành chăm sóc sức khỏe có hiệu quả và nâng cao sức khỏe cộng đồng, tập trung chủ yếu vào bối cảnh bên ngoài bệnh viện nơi mà người hộ sinh hành nghề, bao gồm việc cung cấp hội chẩn và chuyển tuyến phù hợp đến nơi có đủ các điều kiện cần thiết đối với tình trạng của bà mẹ và đưa trẻ để thực hiện công tác can thiệp hoặc vận chuyển

**MID32010: Quản lý Hộ sinh. (4 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần giới thiệu vai trò của người hộ sinh trong việc cung cấp chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh trong bối cảnh Việt Nam. Giải thích và phát triển tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm. Học phần được xây dựng dựa trên những quy định về luật pháp và đạo đức hành nghề.

Nghiên cứu ảnh hưởng quốc tế đối với sự phát triển của ngành hộ sinh, đặc biệt khi chúng liên quan đến Việt Nam trong bối cảnh của khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

**MID32011: Thực hành dựa vào bằng chứng và Nghiên cứu khoa học trong chăm sóc Hộ sinh (3 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần tăng cường nhu cầu cho việc thực hành có cơ sở và khuyến khích nữ hộ sinh tham gia chủ động vào phát triển kiến thức hộ sinh. Môn học

được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu những phương pháp nghiên cứu bằng chứng và nâng cao tư tưởng then chốt và kỹ năng phân tích.

#### **10.4. Kiến thức tự chọn**

ENG401: Tiếng Anh nâng cao. (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao, từ đó họ có thể sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, phương pháp thuyết trình khoa học...

SIM400: Sử dụng phần mềm trong Y học. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về sử dụng phần mềm SPSS để quản lý, xử lý, phân tích dữ liệu thu thập được trong quá trình điều tra phục vụ nghiên cứu khoa học.

EPI400: Dịch tễ học. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về dịch tễ học đại cương và dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm.

HEP400: Nâng cao sức khỏe và hành vi con người (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những quan niệm về sức khỏe của những đối tượng khác nhau trong xã hội, những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi.

DIN400: Điều dưỡng thảm họa. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về điều dưỡng thảm họa và biện pháp giáo dục cho cộng đồng về thảm họa và cách phòng chống.

TAR400: Các chương trình y tế quốc gia. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những nội dung và giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của những bệnh trong chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

HED400: Giáo dục sức khỏe. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực về thực hành đúng các kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe để giúp người dân và người bệnh thực hiện hành vi sức khỏe lành mạnh nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tàn tật.

EOH400: Sức khỏe môi trường. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức nguyên lý tổng quát dựa trên những phương pháp nghiên cứu nhằm thu thập những thông tin cơ bản về sức khỏe. Nghiên cứu về sự phân bố và yếu tố quyết định sự phân bố các chất ô nhiễm (các nguy cơ) trong môi trường đất, nước, không khí, môi trường lao

động... và đánh giá sự ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng vào thực tế chăm sóc sức khỏe.

MID31701: Bệnh học Nội khoa. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức và kỹ năng cơ bản về các bệnh Nội khoa

MID31702: Chăm sóc người bệnh Nội khoa. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc sức khỏe bệnh Nội khoa, Tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực nội khoa.

MID31801: Bệnh học Ngoại khoa. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức và kỹ năng cơ bản về các bệnh Ngoại khoa

MID31802: Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức và kỹ năng cơ bản về chăm sóc các bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại. Với hai giai đoạn chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật và chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật; ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định phân tích, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại.

HIV400: Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về phòng chống, chăm sóc người có HIV/AIDS, có đủ tự tin thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng đặc biệt là giới trẻ hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

### ***10.5. Các học phần chuyên môn thay thế***

MID42003. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục: 2 tín chỉ

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, các kỹ năng chăm sóc người bệnh mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục và các biện pháp dự phòng

MID41900: Xử trí lồng ghép trẻ bệnh IMCI: 4 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về đánh giá, phân loại, xác định điều trị, điều trị, tham vấn trẻ từ trẻ từ 0 đến 2 tháng tuổi, trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi.

MID42004: Chăm sóc Hộ sinh nâng cao: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần này tập trung vào một số bệnh thường gặp có thể ảnh hưởng đến thai nghén và sinh đẻ (tiểu đường, tăng huyết áp, viêm ruột thừa...) và cách chăm sóc những phụ nữ bị bệnh này trong thời kỳ thai nghén, chuyển

dạ đẻ và sau đẻ. Giới thiệu những kiến thức và các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ nuôi con. Đồng thời học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng đánh giá, phương thức điều trị, dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

MID42005: Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa, có đủ tự tin thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ hướng tới mục tiêu giảm thiểu các tai biến sản khoa, nâng cao chất lượng hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân

MID42006: Chăm sóc người bệnh Ung thư sinh dục: (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần trang bị cho người hộ sinh kiến thức về các loại ung thư sinh dục thường gặp, kỹ năng trong chăm sóc người bệnh ung thư sinh dục.

MID42007: Chăm sóc tiền thai và sàng lọc trước sinh, tâm lý chu sinh: (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần trang bị cho người Hộ sinh những kiến thức, kỹ năng về chăm sóc tiền thai, sàng lọc trước sinh, tâm lý chu sinh nhằm mục đích cải thiện, nâng cao chất lượng của thai kỳ trong tương lai, giúp phát hiện sớm các hiện tượng bất thường khi mang thai, giúp các cặp vợ chồng tăng cơ hội có được những đứa con khỏe mạnh. Chăm sóc tiền thai cung cấp các thông tin cảnh báo cho người phụ nữ về các vấn đề liên quan đến thụ thai và mang thai, xác định một số nguy cơ của thai kỳ cho người mẹ và thai nhi, cung cấp kiến thức về những nguy cơ này và can thiệp thích hợp khi có thể trước thời điểm thụ thai.

MID42200: Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền (2 tín chỉ)

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức cơ bản về một số phương pháp chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em bằng thuốc nam, châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

#### **10.6. Thực tập tốt nghiệp. (4 tín chỉ)**

Nội dung: Học phần Thực tập tốt nghiệp là một bộ phận quan trọng trong chương trình đào tạo, giúp cho sinh viên tích lũy và hoàn thiện được các năng lực cần thiết của người Hộ sinh trình độ đại học trong thực hành nghề Hộ sinh trước khi tốt nghiệp ra trường công tác, đạt chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam.

# PHẦN II – ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

## KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

### HỌC PHẦN

#### 1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN I

##### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I**
- Mã học phần: **PHIL101** Số tín chỉ: **TS: 2 (2LT)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 0 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Lý luận Chính trị**

##### 2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành Học phần I Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin sinh viên Đại học Hộ sinh chính quy có những năng lực sau:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để tiếp cận được nội dung Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin II
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;
- Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

##### 3. Mô tả học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về Triết học Mác - Lênin

**Tín chỉ 1:** Chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Chương I: Chủ nghĩa duy vật biện chứng là hạt nhân lý luận triết học của thế giới quan triết học Mác – Lênin, hệ thống lý luận, phương pháp luận được xác lập trên cơ sở giải quyết theo quan điểm duy vật biện chứng đối với các vấn đề cơ bản triết học, nắm vững nội dung cơ bản chương này là điều kiện tiên quyết nghiên cứu toàn bộ hệ thống quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin; Chương II: Phép biện chứng duy vật là một bộ phận lý luận cơ bản hợp thành thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, là lý luận và phương pháp luận để nhận thức và cải tạo thế giới;

**Tín chỉ 2:** Chương III: Chủ nghĩa duy vật lịch sử là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, là kết quả của sự vận dụng phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào nghiên cứu đời sống xã hội và lịch sử nhân loại, là sự hoàn thiện và phát triển phép biện chứng duy vật- một trong những phát kiến vĩ đại nhất của Mác

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	TÍN CHỈ 1		
1	Nhập môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	2	
2	Chủ nghĩa duy vật biện chứng	4	
3	Phép biện chứng duy vật	12	
	TÍN CHỈ 2		
4	Chủ nghĩa duy vật lịch sử	12	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>30</b>	

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Lý luận chính trị (2015), *Tài liệu hướng dẫn giảng dạy và học tập môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

##### \* Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Các tài liệu phục vụ dạy và học chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, tổ chức biên soạn.

3. Các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Nhập môn những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	2			4	2	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	Chủ nghĩa duy vật biện chứng	2			4		
2	Chủ nghĩa duy vật biện chứng	2			4	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	Phép biện chứng duy vật	2			4		
3	Phép biện chứng duy vật	4			8		Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
4	Phép biện chứng duy vật	4			8		Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
5	Phép biện chứng duy vật	2			4	12	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	Chủ nghĩa duy vật lịch sử	2			4		
6	Chủ nghĩa duy vật lịch sử	4			8		Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
7	Chủ nghĩa duy vật lịch sử	4			8		Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
8	Chủ nghĩa duy vật lịch sử	1			2	11	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	<b>Kiểm tra</b>	<b>1</b>					
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>			<b>58</b>	<b>30</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu của giảng viên**

Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1 lần
- Hình thức kiểm tra: tự luận
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Viết tự luận (được sử dụng giáo trình)
- Thời gian: 90 phút



## HỌC PHẦN

### 2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN II

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin II**
- Mã học phần: **PHIL101** Số tín chỉ: **TS 3 (3LT)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I**
- Học phần song hành: **Không**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 0 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Lý luận Chính trị**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin II, sinh viên Đại học Hộ sinh chính quy có những năng lực sau:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;
- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;
- Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

#### 3. Mô tả học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tín chỉ 1: Chương IV: Học thuyết giá trị là chương xuất phát điểm trong toàn bộ lý luận kinh tế của C.Mác, học thuyết này C.Mác nghiên cứu mối quan hệ giữa người với người thông qua mối quan hệ giữa vật với vật. Cơ sở về kinh tế để xác lập quan hệ này chính là lao động, cái thực thể yếu tố cấu thành giá trị hàng hóa. Đó là trọng tâm của học thuyết giá trị; Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư nghiên cứu những vấn đề chung của sản xuất hàng hóa, sự chuyển hóa của giá trị thành hàng hóa tiền tệ, hàng hóa sức lao động, mối quan hệ giữa nhà tư bản và lao động làm thuê, giá trị thặng dư.

Tín chỉ 2: Chương VI: Học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước đây là nấc thang mới trong quá trình phát triển và điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thích ứng với những biến động trong tình hình kinh tế chính trị thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trên cơ sở

phân tích quy luật vận động trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác – Lênin đã làm sáng tỏ tính diệt vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự ra đời tất yếu của phương thức sản xuất công sản chủ nghĩa mà lực lượng duy nhất có sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng là giai cấp công nhân;

Tín chỉ 3: Chương VIII: Những vấn đề chính trị xã hội có tính chất quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ ra tính phức tạp lâu dài, khó khăn và gian khổ trong mục đích cuối cùng là bảo vệ thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa công sản. Trong tiến trình đó tất yếu xuất hiện vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cần phải được giải quyết một cách khoa học trên lập trường thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học đã thâm nhập vào phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân với sự ra đời hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa vào thế kỷ XX. Và đến cuối thập niên XX các nước này rơi vào khủng hoảng các nước xã hội còn lại đổi mới cải cách tiếp tục phát triển. Lời giải đáp khoa học chân chính là nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Học thuyết giá trị	4	
2	Học thuyết giá trị thặng dư	16	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
3	Học thuyết chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	4	
4	Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	8	
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		
5	Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	8	
6	Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	5	
	<b>Tổng số tiết</b>	<b>45</b>	

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình

#### 6. Tài liệu học tập

\* **Giáo trình:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Lý luận chính trị (2015), *Tài liệu hướng dẫn giảng dạy và học tập môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

\* **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Các tài liệu phục vụ dạy và học chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, tổ chức biên soạn.
3. Các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số tiết lên lớp	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Học thuyết giá trị	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
2	Học thuyết giá trị thặng dư	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
3	Học thuyết giá trị thặng dư	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
4	Học thuyết giá trị thặng dư	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
5	Học thuyết giá trị thặng dư	2		2	4	2	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
	Học thuyết chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	2			4	2	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
6	Học thuyết chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	2			4	2	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	<b>Kiểm tra 1</b>	<b>1</b>				1	
7	Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa	4			8	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
8	Sứ mệnh lịch sử giai cấp	4			8		- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết lên lớp	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự nghiên cứu		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa						
9	Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
10	Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa	4			8	4	
11	Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
12	Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng	1			2		- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	<b>Kiểm tra 2</b>	<b>1</b>				<b>1</b>	
	<b>Tổng số</b>	<b>45</b>			<b>98</b>	<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu của giảng viên**

Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 2 lần
- Hình thức kiểm tra: tự luận
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Viết tự luận (được sử dụng giáo trình)
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Mã học phần: **PHIL102** Số tín chỉ: **TS 2 (2LT)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I, II**
- Học phần song hành: **Không**
- Phân bổ giờ tín chỉ bao gồm:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 0 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Lý luận Chính trị**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành Môn học *Tư tưởng Hồ Chí Minh* sinh viên Đại học Hộ sinh chính quy có những năng lực sau:

- Nắm bắt được một cách hệ thống về con đường cách mạng Việt Nam; tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh.
- Hiểu được sự vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam của Hồ Chí Minh.
- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.
- Xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

#### 3. Mô tả học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về Sự vận dụng Chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn Cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh

Tín chỉ 1: Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chương I: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương II: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và CMGPDT; Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

Tín chỉ 2: Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Chương VII: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	
2	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và CMGPDT	4	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	4	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.	4	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.	4	
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.	6	
	<b>Tổng số tiết</b>	<b>30</b>	

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình

#### 6. Tài liệu học tập

**\* Giáo trình:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Lý luận chính trị (2015), *Tài liệu hướng dẫn giảng dạy và học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB chính trị quốc gia

**\* Tài liệu tham khảo:**

1. Hội đồng Trung ương (2006), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin*, Nxb chính trị quốc gia

2. Ban Tuyên giáo TW (2006), *Tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh*

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tuyển tập, đĩa CDRom Hồ Chí Minh toàn tập.

4. Các nghị quyết, Văn kiện của Đảng 1. *Tài liệu hướng dẫn giảng dạy và học tập môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin do Bộ môn Lý luận chính trị biên soạn.*



## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết lên lớp	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.	1			2	1	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.	3			6	3	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề DT và CMGPDT	4			8	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	4			8	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.	4			8	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.	4			8	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.	4			8	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.	4			12	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.	1				1	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	<b>Kiểm tra 1</b>	<b>1</b>				<b>1</b>	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>				<b>30</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu của giảng viên**

Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1 lần
- Hình thức kiểm tra: tự luận
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Viết tự luận (được sử dụng giáo trình)
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 4. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam**
- Mã học phần: **PHIL 104** Số tín chỉ: **TS 3 (3LT)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 0 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 0 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Lý luận Chính trị**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng Sản Việt Nam sinh viên Đại học Hộ sinh chính quy có những năng lực sau:

- Sinh viên nắm những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

#### 3. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về Đường lối cách mạng của Đảng cộng Sản Việt Nam

Tín chỉ 1: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945);

Tín chỉ 2: Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Tín chỉ 2: Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị, Chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; Chương VIII: Đường lối đối ngoại.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	1	
2	Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	8	
3	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).	8	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
4	Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975).	8	
5	Đường lối công nghiệp hoá.	4	
6	Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	4	
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		
7	Đường lối xây dựng hệ thống chính trị.	4	
8	Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội.	4	
9	Đường lối đối ngoại.	4	
	<b>Tổng số</b>	<b>45</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Lý luận chính trị, *Tài liệu hướng dẫn giảng dạy và học tập môn học Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2009), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

##### \* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn (2009), *Giáo trình các môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Các tài liệu phục vụ dạy và học chương trình Lý luận chính trị do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, tổ chức biên soạn.

3. Các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số tiết lên lớp	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	1			2	1	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.	3			6	3	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
2	Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
3	Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	1			2	1	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).	3			6	3	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
4	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
5	Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).	1			2	2	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
6	Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975).	3			6	3	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
7	Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975).	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số tiết lên lớp	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
8	Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975).	1			2	1	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
	<b>Kiểm tra 1</b>	<b>1</b>				<b>1</b>	
9	Đường lối công nghiệp hoá.	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
10	Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
11	Đường lối xây dựng hệ thống chính trị.	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
12	Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội.	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
13	Đường lối đối ngoại.	4			8	4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
14	<b>Kiểm tra 2</b>	<b>1</b>				<b>1</b>	
	<b>Tổng số</b>	<b>45</b>			<b>98</b>	<b>4</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu của giảng viên**

Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 2 lần
- Hình thức kiểm tra: tự luận
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: tự luận (được sử dụng giáo trình)
- Thời gian: 90 phút

## **HỌC PHẦN**

### **5. TIẾNG ANH 1**

#### **1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Tiếng anh 1
- Mã học phần: ENG 101
- Loại học phần: Bắt buộc
- Số tín chỉ: 4
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các học phần học song hành: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 60 tiết (theo tín chỉ)
  - + Giờ tự học: 120 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

#### **2. Mục tiêu của môn học**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh tương đương trình B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR), tức Bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ cho Việt Nam do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Mục tiêu cụ thể như sau

##### **2. 1. Nói:**

Sinh viên có thể:

- Tham gia vào các cuộc trao đổi xã giao không chuẩn bị trước, những chủ đề quen thuộc mà bản thân quan tâm.
- Cung cấp tương đối chi tiết thông tin, ý kiến, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại một sự kiện/tình huống.
- Sử dụng các cấu trúc đơn giản, tuy nhiên vẫn mắc nhiều lỗi phát âm và ngữ pháp, đôi khi gây cản trở giao tiếp.
- Sử dụng những từ dùng hàng ngày, ngữ đoạn và thành ngữ quen thuộc.
- Trao đổi qua điện thoại những vấn đề quen thuộc với sự hỗ trợ từ các hình ảnh/phương tiện nghe nhìn.

##### **2. 2. Nghe:**

Sinh viên có thể:



- Nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói có độ khó trung bình trong các tình huống giao tiếp thông thường, về các chủ đề hàng ngày liên quan đến bản thân.
- Hiểu từ ngữ thông thường và một số lượng rất hạn chế các thành ngữ.
- Hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng,
- Hiểu các tập hợp chỉ dẫn/ hướng dẫn ngắn, hiểu các câu hỏi trực tiếp về các chủ đề quen thuộc.

### **2. 3. Đọc:**

Sinh viên có thể:

- Đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một bài văn xuôi đơn giản (ba đến năm đoạn)
- Tìm hai hoặc ba chi tiết cụ thể trong các bài đọc dạng văn xuôi, bảng, biểu và lịch trình dùng cho mục đích phân tích, so sánh.
- Hiểu tin nhắn, thư, lịch trình, hành trình được đánh máy hoặc viết tay rõ ràng..
- Thường xuyên dùng từ điển đơn ngữ dạng đơn giản, thiết kế cho người học như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ.

### **2. 4. Viết:**

Sinh viên có thể:

- Viết câu với các cấu trúc đơn giản song vẫn gặp khó khăn với một số cấu trúc phức tạp;
- Ghi lại lời nhắn điện thoại hàng ngày.
- Truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bố cục chuẩn quen thuộc.
- Điền mẫu khai xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm; có thể làm báo cáo.
- Viết lại các thông tin đơn giản, nghe được hoặc nhìn thấy; có thể ghi chép khi nghe các bài trình bày ngắn hoặc từ các tài liệu tham khảo.

### **3. Mô tả môn học**

Tiếng anh học phần 1 gồm 4 tín chỉ dành cho sinh viên đại học chính quy chuyên ngành hộ sinh. Học phần này rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ thấp của trình độ Tiếng anh Bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam hay mức chuẩn B1 theo Bảng đánh giá Chung của Hội đồng Châu Âu. Nội dung gồm bốn thành tố: từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng và các tình huống giao tiếp tương

ứng với chủ đề của từng bài. Học phần này đóng vai trò quan trọng, nền tảng cho học phần ngoại ngữ 2.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Các tiêu mục
<p><b>Unit 1: A questions of sport</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b>            + Reading part 1            + Speaking part 1  <b>- Kiến thức ngôn ngữ</b>            + Ngữ pháp: Thời hiện tại đơn giản            + Từ vựng: Thể thao, sở thích và cách diễn tả thái độ</p>
<p><b>Unit 2: I am friendly person</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b>            + Listening Part 3            + Writing Part 1, 2 and 3  <b>Kiến thức ngôn ngữ</b>            + Ngữ pháp: have got            + Từ vựng: Mô tả người về ngoại hình, các tính, sở thích...            + Ngữ âm: các nguyên âm đơn</p>
<p><b>Unit 3: What is your job?</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b>            + Speaking Part 3            + Reading Part 3  <b>Kiến thức ngôn ngữ</b>            + Ngữ pháp: Hiện tại đơn giản và hiện tại tiếp diễn            + Từ vựng: những từ chỉ nghề nghiệp và công việc            + Ngữ âm: Các nguyên âm đơn</p>
<p><b>Unit 4: Let's go out</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b>            + Listening Part 1            + Writing Part 5  <b>Kiến thức ngôn ngữ</b>            + Ngữ pháp: Giới từ chỉ thời gian, hiện tại tiếp diễn diễn tả kế hoạch tương lai            + Từ vựng: Giải trí, cách hẹn lịch            + Ngữ âm: Phát âm những từ về ngày, tháng</p>
<p><b>Unit 5: Wheeing and wings</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b>            + Reading: Part 2  <b>Kiến thức ngôn ngữ</b>            + Ngữ pháp: Danh từ đếm được và không đếm được, cách diễn tả số</p>

	<p>lượng</p> <p>+ Từ vựng: Phương tiện giao thông, ngôn ngữ hàng không</p> <p>+ Ngữ âm: Những âm tiết không được nhấn</p>
<p><b>Unit 6:</b> <b>What did you do at school?</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <p>+ Listening Part 2</p> <p>+ Writing Part 3</p> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <p>+ Ngữ pháp: Quá khứ đơn</p> <p>+ Từ vựng: Các môn học ở trường, mô tả về cảm xúc, quan điểm</p>
<p><b>Unit 7:</b> <b>Around town</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <p>+ Reading: Part 3</p> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <p>+ Ngữ pháp: Giới từ chỉ vị trí và sự chuyển động, so sánh tính từ</p> <p>+ Từ vựng: Các địa điểm</p>
<p><b>Unit 8:</b> <b>Let's celebrate</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <p>+ Speaking Part 3, 4</p> <p>+ Writing part 2</p> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <p>+ Ngữ pháp: Hiện tại hoàn thành</p> <p>+ Từ vựng: Mô tả các kinh nghiệm và đưa ra lời chúc</p>
<p><b>Unit 9: How do you feel?</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <p>+ Reading: Part 4</p> <p>+ Speaking: Part 2</p> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <p>+ Ngữ pháp: Câu trả lời ngắn cho hiện tại hoàn thành</p> <p>+ Từ vựng: Mô tả cơ thể, bệnh tật</p>
<p><b>Unit 10: I look forward to hearing from you</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <p>+ Listening: Part 1</p> <p>+ Writing Part 3</p> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <p>+ Ngữ pháp: Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn</p> <p>+ Từ vựng: Viết thư và thư điện tử</p>
<p><b>Unit 11:</b> <b>Facts and Fingers</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <p>+ Reading: Part 5</p> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <p>+ Ngữ pháp: So sánh cao nhất, Bị động hiện tại đơn</p>

	+ Từ vựng: Về quốc gia, quốc tịch
<b>Unit 12: A good read</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Speaking: Part 1 + Writing: Part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Quá khứ tiếp diễn + Từ vựng: Kể chuyện, các loại sách
<b>Unit 13: A place of my own</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Động từ khuyết thiếu + Từ vựng: Mô tả phòng và đồ đạc
<b>Unit 14: What's in fashion</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening: Part 4 + Writing Part 2 and 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: used to, too and enough + Từ vựng: Quần áo, thời trang, màu sắc
<b>Unit 15: Risk!</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 1 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Động từ khuyết thiếu + Từ vựng: Cụm động từ

## 5. Phương pháp giảng dạy

Một số phương pháp học tập được áp dụng giúp sinh viên học tập chủ động:

- Phương pháp động não (Brainstorming) : Trong một thời gian ngắn, nảy sinh nhiều ý tưởng, sáng kiến cho tình huống chăm sóc, điều dưỡng.
- Phương pháp suy nghĩ- từng cặp- chia sẻ (Think-pair- share): Sinh viên cùng đọc, suy nghĩ về một tình huống điều dưỡng sau đó trao đổi về ý kiến và kinh nghiệm trong một thời gian nhất định.
  - Phương pháp đóng vai (Role-playing)
  - Phương pháp hoạt động nhóm (Group- based learning)
  - Phương pháp mô phỏng (Simulations)

## 6. Tài liệu học tập

- **Giáo trình:**

**Louise Hashem & Barbara Thomas, *Objective PET*. Cambridge University press**

**- Sách tham khảo:**

- [1]. Sue, I. & Joanna, K. (2005) *Target PET*. Richmond Publishing
- [2]. Martyn, F. (2004) *Instant PET*. Cambridge University Press
- [3]. Cambridge ESOL Examination (2008) – Preliminary English Tests 1, 2, 3, 4, 5. Cambridge University Press.

**7. Lịch trình thực hiện học phần**

**7.1. Lịch trình chung**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học
	Thuyết trình
Nhập môn + Unit 1:	4
Unit 2:	4
Unit 3:	4
Unit 4	4
Unit 5	4
Unit 6	4
Unit 7	4
Unit 8	3
<b>Stop and check 1</b>	1
Unit 9	4
Unit 10	4
Unit 11	4
Unit 12	4
Unit 13	4
Unit 14	2
Unit 15	2
<b>Stop and check 2</b>	4
<b>Final examination</b>	
<b>Tổng</b>	<b>60</b>

**Ghi chú:**

- 01 buổi lý thuyết quy định là 4 tiết
- 01 tiết học được tính là 50 phút

**7.2. Lịch trình chi tiết**

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức lên lớp				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	<b>Nhập môn</b>  <b>UNIT 1</b>				1	- Chuẩn bị kế hoạch học tập. - Chuẩn bị học liệu. - Ghi chép, ôn tập và học thuộc các ký hiệu phiên âm quốc tế Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp	
		<b>1,5</b>	<b>1</b>	<b>0,5</b>	<b>3</b>	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong giờ tự học	
2	<b>UNIT 2</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm	
3	<b>UNIT 3</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm	
4	<b>UNIT 4</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm	
5	<b>UNIT 5</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm	
6	<b>UNIT 6</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm	

<b>7</b>	<b>UNIT 7</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
<b>8</b>	<b>UNIT 8</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking  <b>Stop and Check 1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	1	3 1	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm  - Làm bài Kiểm tra viết
<b>9</b>	<b>UNIT 9</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
<b>10</b>	<b>UNIT 10</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
<b>11</b>	<b>UNIT 11</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
<b>12</b>	<b>UNIT 12</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
<b>13</b>	<b>UNIT 13</b> - Vocabulary - Listening 2			1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập

	- Language spot - Speaking	1	2			cùng nhóm
14	<b>UNIT 14, Unit 15</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - <b>Speaking</b>	1	2	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
15	<b>Stop and check 2</b>				4	Thực hiện bài thi nói
	<b>Tổng</b>				<b>60</b>	

### 8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Phải có sơ đồ ngồi theo lớp học để giảng viên kiểm soát lớp;
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành; thực tập;
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Các nhóm phải làm bài tập cũ, đọc từ mới trước khi lên lớp;
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email

### 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

#### 9.1. Điểm chuyên cần: 10%

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm
- Giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy học phần chấm điểm. Điểm chuyên cần theo thang điểm 10, điểm nguyên.

#### 9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%;

##### Số lần kiểm tra: 2

#### 9.2.1. Kiểm tra định kỳ 1: Bài viết 45 phút

##### Dạng thức bài kiểm tra định kỳ 1

Kỹ năng kiểm tra	Nội dung	Điểm
<b>Part 1</b> <b>Use of English</b>	1. Pronunciation 2. Vocabulary 3. Grammar	20
<b>Part 2</b> <b>Reading</b>	Bài tập lựa chọn 2 trong 3 dạng sau - Đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp	30



<b>comprehension</b>	trong đời sống hàng ngày, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) - Đọc một bài khoảng 200 – 250 từ, chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. - Làm bài đọc điền từ (Cloze test)	
<b>Part 3 Writing</b>	Bài tập lựa chọn 2 trong 3 dạng sau - Sentence transformation - Write an email - Write a letter (100 words)	30
<b>Part 4 Listening</b>	Bài tập lựa chọn 1 trong số 3 dạng sau - Listen to choose the correct picture - Multi word choice (A, B, C) - Filling words in the blank	20
<b>Tổng điểm</b>		100

#### 9.2.2 - Kiểm tra định kỳ 2: Bài nói

<b>Phần</b>	<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Thang điểm</b>
<b>I (2-3 phút)</b>	Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiểu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.	2
<b>II (5 phút)</b>	Thí sinh bốc thăm 1 trong số 14 chủ đề nói của trình độ B1 liên quan tới các lĩnh vực cá nhân, xã hội, nghề nghiệp, giáo dục, nơi chốn làm việc...  Thí sinh trình bày chủ đề đã bốc thăm. Phần trình bày phải có bố cục rõ ràng, giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận, biết sử dụng phương tiện liên kết ý. Tránh liệt kê hàng loạt mà không phát triển kỹ từng ý.	5
<b>III (3 phút)</b>	(Thời gian chuẩn bị cho chủ đề bốc thăm từ 5-7 phút – không tính vào thời gian thi)	3
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>10</b>

- *Thang điểm cụ thể cho bài nói như sau:*

<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm</b>
Phong cách trình bày	1,5
Phát âm và độ chuẩn xác trong diễn đạt	1,5
Độ trôi chảy	1,5
Từ vựng và ngôn ngữ diễn đạt	1,5
Nội dung và kết cấu bài nói	4
<b>Tổng</b>	<b>10</b>

### 9.3. Thi kết thúc học phần: 50%

- Hình thức thi: Viết, Đọc và, Nghe hiểu
- Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài thi
- Bài thi được viết hoàn toàn bằng tiếng Anh do sinh viên đã được làm quen với các hướng dẫn làm bài trong suốt môn học và để giúp các em làm quen với các hướng dẫn làm bài trong bài thi hết môn.

#### Dạng thức đề thi

Đề thi gồm 3 phần, tổng thời gian 90 phút.

Nội dung	Loại hình bài tập và mục đích đánh giá	Số câu/ Số mục	Thang điểm
<b>PAPER I READING</b>	Paper 1 bao gồm 4 loại hình bài tập gọi là section 1, 2, 3, 4		<b>40</b>
<b>Section 1:</b>	Section 1 gồm 10 câu trắc nghiệm. Phần này giúp đánh giá khả năng hiểu và sử dụng được từ vựng và ngữ pháp thích hợp	10	10
<b>Section 2</b>	Đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày (dạng hình ảnh không có chữ hoặc có ít chữ) hoặc thông báo ngắn, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD)	5	10
<b>Section 3</b>	- Đọc một bài khoảng 200 – 250 từ, chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.	5	10
<b>Section 4</b>	Section 4 là một đoạn văn bao gồm 10 chỗ trống-là những từ thiếu trong câu liên quan. Thí sinh cần vận dụng kiến thức ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng tìm ra từ thích hợp	10	10
<b>PAPER II WRITING</b>	Paper 2 gồm 2 loại hình bài tập gọi là section 1 và section 2		<b>30</b>
<b>Section 1</b>	Cho sẵn 10 câu, viết lại các câu đó với những	10	10

	cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó không thay đổi.		
<b>Section 2</b>	Viết một bài viết ngắn khoảng 100 -120 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày, hoặc dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn như: viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm; viết một lá thư mời hay thư phản nản về một sản phẩm hoặc dịch vụ sau khi đã mua hàng hoặc dùng dịch vụ theo một quảng cáo; viết thư trả lời để cảm ơn, xin lỗi, giải thích một sự việc hay dặn dò, đưa lời khuyên cho ai đó; viết một câu chuyện đã có sẵn câu mở đầu và câu kết thúc...		20
<b>PAPER III LISTENING</b>	Paper 3 gồm 2 loại hình bài tập gọi là section 1 và section 2		<b>30</b>
<b>Section 1</b>	Section 1 có thể là một trong 2 dạng bài tập sau: Nghe các đoạn hội thoại hay độc thoại ngắn để chọn các bức tranh phù hợp.	5	10
<b>Section 2</b>	Nghe một đoạn hội thoại hay độc thoại. Điền vào 10 chi tiết bỏ trống trong bài. Chỗ trống thường là thông tin quan trọng.	10	20
<b>Tổng</b>		60	<b>100</b>

### Thang điểm tổng cộng

TT	Bài thi	Điểm tối đa	Điểm đạt
1	Đọc	40	≥ 13
2	Nghe	30	≥ 10
3	Viết	30	≥ 10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>≥ 50</b>

- Điểm đạt của toàn bộ kỳ thi là  $\geq 50$ .

## **HỌC PHẦN**

### **6. TIẾNG ANH 2**

#### **1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Tiếng anh 2
- Mã học phần: ENG 102
- Loại học phần: Bắt buộc
- Số tín chỉ: 4
- Các học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1
- Các học phần học song hành: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 60 tiết (theo tín chỉ)
  - + Giờ tự học: 120 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

#### **2. Mục tiêu của môn học**

Kết thúc học phần, sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy đến khi đi đến những nơi sử dụng ngôn ngữ đó. Tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về đề tài quen thuộc, phù hợp với sở thích cá nhân và miêu tả những trải nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng, ước muốn và lý giải gọn gàng cho các ý kiến và kế hoạch được vạch ra.

##### **2. 1. Nói:**

Sinh viên có thể:

- Tham gia vào các cuộc trao đổi xã giao không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc mà bản thân quan tâm và công việc thường nhật một cách khá tự tin.
- Đưa ra ý kiến, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại một sự kiện/tình huống.
- Sử dụng đa dạng các cấu trúc đơn giản và một số cấu trúc phức tạp. Tuy nhiên vẫn mắc nhiều lỗi phát âm và ngữ pháp, đôi khi gây cản trở giao tiếp.
- Đạt mức lưu loát trong giao tiếp thông thường, nhưng vẫn còn nhiều chỗ ngập ngừng.
- Trao đổi qua điện thoại những vấn đề quen thuộc, nhưng còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng khi không có hình ảnh/phương tiện nghe nhìn hỗ trợ.

##### **2. 2. Nghe:**

Sinh viên có thể:

- Có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói (các đoạn hội thoại trực diện, các băng hình băng tiếng, các

chương trình phát thanh) trong các tình huống giao tiếp nghi lễ hoặc thông thường, về các chủ đề hàng ngày liên quan đến bản thân.

- Hiểu khá nhiều từ ngữ thông thường và một số lượng rất hạn chế các thành ngữ.
- Hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng, về các kinh nghiệm và kiến thức chung.
- Nghe hiểu, đoán trước được các lời nhắn đơn giản trên điện thoại

### **2. 3. Đọc:**

Sinh viên có thể:

- Không những đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một bài văn xuôi đơn giản (ba đến năm đoạn) mà còn đọc được bài đọc không theo hình thức văn xuôi trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao.
- Tìm hai hoặc ba chi tiết cụ thể trong các bài đọc dạng văn xuôi, bảng, biểu và lịch trình dùng cho mục đích phân tích, so sánh.
- Lấy thông tin về các chủ điểm quen thuộc từ các bài đọc có bố cục rõ ràng, gắn gũi với kiến thức nền và trải nghiệm bản thân.
- Thường xuyên dùng từ điển đơn ngữ dạng đơn giản, thiết kế cho người học như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ.

### **2. 4. Viết:**

Sinh viên có thể:

- Có khả năng hoàn thành các nhiệm vụ viết tương đối phức tạp.
- Truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bố cục chuẩn quen thuộc.
- Viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn, điền mẫu khai xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm; có thể làm báo cáo.
- Ghi chép thông tin từ bảng, biểu dưới dạng một đoạn văn mạch lạc.
- Ghi lại lời nhắn điện thoại hàng ngày.
- Thể hiện khả năng kiểm soát viết tốt với các cấu trúc đơn giản song vẫn gặp khó khăn với một số cấu trúc phức tạp; một số câu/ cụm từ viết ra nghe chưa tự nhiên (ghép từ).

### **3. Mô tả môn học**

Tiếng anh B1 học phần 2 gồm 4 tín chỉ dành cho sinh viên đại học chính quy ngành hộ sinh. Ở học phần này, học viên sẽ tiếp tục được trau dồi kiến thức ngôn ngữ đã học từ học phần 1 (cấu trúc, ngữ pháp, từ vựng) và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ

để đạt được trình độ ngoại ngữ của người học là có thể sử dụng độc lập (Independent User) ở bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt nam, tương đương mức chuẩn B1<sup>+</sup> của CEFR (Common European Framework of Reference for Languages – CEFR). Nội dung gồm bốn thành tố: từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng và các tình huống giao tiếp tương ứng với chủ điểm của từng bài. Với vốn kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ được học, học viên có thể giao tiếp trong lĩnh vực học thuật và môi trường làm việc quốc tế cũng như có thể đọc và tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành nhằm hỗ trợ và đào sâu kiến thức chuyên ngành điều dưỡng.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Các tiểu mục
<b>Unit 16: Free time</b>	<b>Các kỹ năng</b> + Listening: Part 2 + Writing: Part 1 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Tương lai đơn + Từ vựng: Học hành và thư giãn
<b>Unit 17: Next week's episode</b>	<b>Các kỹ năng</b> + Reading: Part 4 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Tương lai đơn + Từ vựng: TV and Radio
<b>Unit 18: Shooting a film</b>	<b>Các kỹ năng</b> + Listening: Part 3 + Writing: part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành + Từ vựng: Kể chuyện, miêu tả sự kiện trong quá khứ
<b>Unit 19: Happy families</b>	<b>Các kỹ năng</b> + Reading: Part 5 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Động từ sau Make và let + Từ vựng: Gia đình
<b>Unit 20: So you think you've got</b>	<b>Các kỹ năng</b> + Listening Part 1 + Writing Part 3

<b>talent?</b>	<b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: So sánh trạng từ + Từ vựng: Nhạc cụ
<b>Unit 21: Keep in touch!</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: have something done + Từ vựng: Gọi điện thoại
<b>Unit 22: Strange but true?</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening : Part 4 + Writing part 1 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Câu tường thuật + Từ vựng: Khoa học
<b>Unit 23: Best friends</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 1 + Speaking: Part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Đại từ quan hệ, giới từ đi với tính từ + Từ vựng: Tình bạn
<b>Unit 24: I've got an idea</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening Part 3 + Writing part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Bị động quá khứ đơn + Từ vựng: Mô tả đồ vật
<b>Unit 25: Shop till you drop</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Câu hỏi tường thuật + Từ vựng: Shop and shopping
<b>Unit 26: Persuading people</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Speaking: Part 1 and 2 + Writing part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Câu điều kiện loại 1 + Từ vựng: Các động từ tường thuật

<b>Unit 27:</b> <b>Traveller's tales</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: trạng từ, đại từ phản thân + Từ vựng: travel, building
<b>Unit 28:</b> <b>What would you do?</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening part2 + Writing part 1 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Câu điều kiện loại 2 + Từ vựng: Nghề nghiệp
<b>Unit 29:</b> <b>What is on the menu?</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 4 + Speaking: Part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Câu trả lời ngắn cho hiện tại hoàn thành + Từ vựng: Food and restaurant
<b>Unit 30:</b> <b>Blue for a boy, pink for a girl</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening: Part 4 + Speaking: Part 3 and 4 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: hardly, before, after + Từ vựng: Nói lời tạm biệt

### 5. Phương pháp giảng dạy

Một số phương pháp học tập được áp dụng giúp sinh viên học tập chủ động:

- Phương pháp động não (Brainstorming) : Trong một thời gian ngắn, nảy sinh nhiều ý tưởng, sáng kiến cho tình huống chăm sóc, điều dưỡng.

- Phương pháp suy nghĩ- từng cặp- chia sẻ (Think-pair- share): Sinh viên cùng đọc, suy nghĩ về một tình huống điều dưỡng sau đó trao đổi về ý kiến và kinh nghiệm trong một thời gian nhất định.

- Phương pháp đóng vai (Role-playing)

- Phương pháp hoạt động nhóm (Group- based learning)

- Phương pháp mô phỏng (Simulations)

### 6. Tài liệu học tập (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

- **Giáo trình :**

**Louise Hashem & Barbara Thomas, *Objective PET*. Cambridge University press**

- **Sách tham khảo:**



- [1]. Sue, I. & Joanna, K. (2005) *Target PET*. Richmond Publishing  
 [2]. Martyn, F. (2004) *Instant PET*. Cambridge University Press  
 [3]. Cambridge ESOL Examination (2008) – Preliminary English Tests 1, 2, 3, 4, 5. Cambridge University Press.

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1. Lịch trình chung

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học
	Thuyết trình
Unit 16:	4
Unit 17:	4
Unit 18:	4
Unit 19	4
Unit 20	4
Unit 21	4
Unit 22	4
Unit 23	3
<b>Stop and check 1</b>	1
Unit 24	4
Unit 25	4
Unit 26	4
Unit 27	4
Unit 28	4
Unit 29	2
Unit 30	2
<b>Stop and check 2</b>	4
<b>Final examination</b>	
<b>Tổng</b>	<b>60</b>

#### Ghi chú:

- 01 buổi lý thuyết quy định là 4 tiết
- 01 tiết học được tính là 50 phút

## 7.2. Lịch trình chi tiết

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức lên lớp				Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tổng số tiết	
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập		
1	<b>UNIT 16</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking - Exam folder	1,5	1	0,5	1  3	- Chuẩn bị kế hoạch học tập. - Chuẩn bị học liệu. - Ghi chép, ôn tập và học thuộc các ký hiệu phiên âm quốc tế Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong giờ tự học
2	<b>UNIT 17</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking - Exam folder	1	2	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
3	<b>UNIT 18</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking - Exam folder	1	2	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
4	<b>UNIT 19</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking - Exam folder	1	2	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
5	<b>UNIT 20</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking - Exam folder	1	2	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
6	<b>UNIT 21</b> - Vocabulary - Listening 2			1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Language spot</b></li> <li>- <b>Speaking</b></li> <li>- Exam folder</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>			- Tham gia làm bài tập cùng nhóm
<b>7</b>	<b>UNIT 22</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Vocabulary</b></li> <li>- <b>Listening 2</b></li> <li>- <b>Language spot</b></li> <li>- <b>Speaking</b></li> <li>- Exam folder</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm</li> </ul>
<b>8</b>	<b>UNIT 13</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Vocabulary</b></li> <li>- <b>Listening 2</b></li> <li>- <b>Language spot</b></li> <li>- <b>Speaking</b></li> <li>- Exam folder</li> </ul> <b>Stop and Check 1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	1	3 1	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài Kiểm tra viết</li> </ul>
<b>9</b>	<b>UNIT 24</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Vocabulary</b></li> <li>- <b>Listening 2</b></li> <li>- <b>Language spot</b></li> <li>- <b>Speaking</b></li> <li>- Exam folder</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm</li> </ul>
<b>10</b>	<b>UNIT 25</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Vocabulary</b></li> <li>- <b>Listening 2</b></li> <li>- <b>Language spot</b></li> <li>- <b>Speaking</b></li> <li>- Exam folder</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm</li> </ul>
<b>11</b>	<b>UNIT 26</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Vocabulary</b></li> <li>- <b>Listening 2</b></li> <li>- <b>Language spot</b></li> <li>- <b>Speaking</b></li> <li>- Exam folder</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm</li> </ul>
<b>12</b>	<b>UNIT 27</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Vocabulary</b></li> <li>- <b>Listening 2</b></li> <li>- <b>Language spot</b></li> <li>- <b>Speaking</b></li> <li>- Exam folder</li> </ul>	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm</li> </ul>

<b>13</b>	<b>UNIT 28</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking - Exam folder	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
<b>14</b>	<b>UNIT 29, Unit 30</b> - Vocabulary - Listening 2 - Language spot - Speaking - Exam folder	<b>1</b>	<b>2</b>	1	4	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm
<b>15</b>	<b>Stop and check 2</b>				4	Thực hiện bài thi nói
	<b>Tổng</b>				<b>60</b>	

### 8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Phải có sơ đồ ngồi theo lớp học để giảng viên kiểm soát lớp;
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành; thực tập;
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Các nhóm phải làm bài tập cũ, đọc từ mới trước khi lên lớp;
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email

### 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

#### 9.1. Điểm chuyên cần: 10%

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm
- Giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy học phần chấm điểm. Điểm chuyên cần theo thang điểm 10, điểm nguyên.

#### 9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%;

##### Số lần kiểm tra: 2

##### 9.2.1. Kiểm tra định kỳ 1: Bài viết 45 phút

##### Dạng thức bài kiểm tra định kỳ 1

<b>Kỹ năng kiểm tra</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
<b>Part 1 Use of English</b>	4. Pronunciation 5. Vocabulary 6. Grammar	20
<b>Part 2 Reading comprehension</b>	Bài tập lựa chọn 2 trong 3 dạng sau - Đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) - Đọc một bài khoảng 200 – 250 từ, chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. - Làm bài đọc điền từ (Close test)	30
<b>Part 3 Writing</b>	Bài tập lựa chọn 2 trong 3 dạng sau - Sentence transformation - Write an email - Write a letter (100 words)	30
<b>Part 4 Listening</b>	Bài tập lựa chọn 1 trong số 3 dạng sau - Listen to choose the correct picture - Multi word choice (A, B, C) - Filling words in the blank	20
<b>Tổng điểm</b>		100

### 9.2.2 - Kiểm tra định kỳ 2: Bài nói

<b>Phần</b>	<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Thang điểm</b>
<b>I (2-3 phút)</b>	Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiểu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.	2
<b>II (5 phút)</b>	Thí sinh bốc thăm 1 trong số 14 chủ đề nói của trình độ B1 liên quan tới các lĩnh vực cá nhân, xã hội, nghề nghiệp, giáo dục, nơi chốn làm việc...  Thí sinh trình bày chủ đề đã bốc thăm. Phần trình bày phải có bố cục rõ ràng, giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận, biết sử dụng phương tiện liên kết ý. Tránh liệt kê hàng loạt mà không phát triển kỹ từng ý.	5
<b>III (3 phút)</b>	(Thời gian chuẩn bị cho chủ đề bốc thăm từ 5-7 phút – không tính vào thời gian thi)	3
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>10</b>

- **Thang điểm cụ thể cho bài nói như sau:**

Tiêu chí đánh giá	Điểm
Phong cách trình bày	1,5
Phát âm và độ chuẩn xác trong diễn đạt	1,5
Độ trôi chảy	1,5
Từ vựng và ngôn ngữ diễn đạt	1,5
Nội dung và kết cấu bài nói	4
<b>Tổng</b>	<b>10</b>

9.3. **Thi kết thúc học phần: 50%**

- Hình thức thi: Viết, Đọc và, Nghe hiểu
- Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài thi
- Bài thi được viết hoàn toàn bằng tiếng Anh do sinh viên đã được làm quen với các hướng dẫn làm bài trong suốt môn học và để giúp các em làm quen với các hướng dẫn làm bài trong bài thi hết môn.

### **Dạng thức đề thi**

Đề thi gồm 3 phần, tổng thời gian 90 phút.

Nội dung	Loại hình bài tập và mục đích đánh giá	Số câu/ Số mục	Thang điểm
<b>PAPER I READING</b>	Paper 1 bao gồm 4 loại hình bài tập gọi là section 1, 2, 3, 4		<b>40</b>
<b>Section 1:</b>	Section 1 gồm 10 câu trắc nghiệm. Phần này giúp đánh giá khả năng hiểu và sử dụng được từ vựng và ngữ pháp thích hợp	10	10
<b>Section 2</b>	Đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày (dạng hình ảnh không có chữ hoặc có ít chữ) hoặc thông báo ngắn, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD)	5	10
<b>Section 3</b>	- Đọc một bài khoảng 200 – 250 từ, chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ	5	10

	biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.		
<b>Section 4</b>	Section 4 là một đoạn văn bao gồm 10 chỗ trống-là những từ thiếu trong câu liên quan. Thí sinh cần vận dụng kiến thức ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng tìm ra từ thích hợp	10	10
<b>PAPER II WRITING</b>	Paper 2 gồm 2 loại hình bài tập gọi là section 1 và section 2		<b>30</b>
<b>Section 1</b>	Cho sẵn 10 câu, viết lại các câu đó với những cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó không thay đổi.	10	10
<b>Section 2</b>	Viết một bài viết ngắn khoảng 100 -120 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày, hoặc dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn như: viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm; viết một lá thư mời hay thư phàn nàn về một sản phẩm hoặc dịch vụ sau khi đã mua hàng hoặc dùng dịch vụ theo một quảng cáo; viết thư trả lời để cảm ơn, xin lỗi, giải thích một sự việc hay dặn dò, đưa lời khuyên cho ai đó; viết một câu chuyện đã có sẵn câu mở đầu và câu kết thúc...		20
<b>PAPER III LISTENING</b>	Paper 3 gồm 2 loại hình bài tập gọi là section 1 và section 2		<b>30</b>
<b>Section 1</b>	Section 1 có thể là một trong 2 dạng bài tập sau: Nghe các đoạn hội thoại hay độc thoại ngắn để chọn các bức tranh phù hợp.	5	10
<b>Section 2</b>	Nghe một đoạn hội thoại hay độc thoại. Điền vào 10 chi tiết bỏ trống trong bài. Chỗ trống thường là thông tin quan trọng	10	20
<b>Tổng</b>		60	<b>100</b>

Thang điểm tổng cộng

<b>TT</b>	<b>Bài thi</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Điểm đạt</b>
1	Đọc	40	$\geq 13$
2	Nghe	30	$\geq 10$
3	Viết	30	$\geq 10$
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b><math>\geq 50</math></b>

Điểm đạt của toàn bộ kỳ thi là  $\geq 50$ .



## HỌC PHẦN

### 7. TIN HỌC

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Tin học**
- Mã học phần: **INF100** Số tín chỉ: **TS 3 (2LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: **Không**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### **Lý thuyết: 30 tiết**

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

#### **Thực hành: 30 tiết**

+ Thảo luận: 1,5 tiết

+ Thực hành: 28,5 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Toán Tin**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Tin học, sinh viên đại học Hộ sinh chính qui có những năng lực:

- Hiểu rõ sự cần thiết và tầm quan trọng của Tin học trong cuộc sống, học tập và nghiên cứu. Có khả năng thích ứng với sự phát triển của các phần mềm ứng dụng. Vận dụng những kiến thức tin học để ứng dụng vào cuộc sống và môi trường làm việc.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng như: soạn thảo văn bản Microsoft Word, thao tác trên bảng tính điện tử Excel, tạo trình chiếu với Power Point cũng như kiến thức về internet. Áp dụng được các kiến thức đã học về tin học vào cuộc sống và công việc.

- Sinh viên có thể tự trau dồi kiến thức cho quá trình tự học thông qua mạng internet. Ứng dụng kỹ năng tra cứu tìm kiếm và trao đổi thông tin vào hoạt động học tập và công việc. Nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng hiện nay.

#### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Tin học là một học phần giữ một vai trò rất quan trọng trong chương trình giáo dục đại cương ở bậc đại học và là học phần bắt buộc đối với tất cả sinh viên đại học.

Học phần gồm 3 tín chỉ, bao gồm một số kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ điều hành Windows XP
- Sử dụng trình soạn thảo văn bản với MS Word
- Thiết kế và trình chiếu với Power Point
- Sử dụng bảng tính điện tử với MS Excel
- Sử dụng Internet và cách tìm kiếm thông tin

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>I. PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
CHƯƠNG I: ĐẠI CƯƠNG VỀ TIN HỌC		<b>1</b>	
1	Bài 1: Nhập môn tin học	1	
CHƯƠNG II: HỆ ĐIỀU HÀNH WIN XP		<b>2</b>	
2	Bài 2: Tổng quan về hệ điều hành	1	
3	Bài 3: Cấu hình hệ thống windows XP – Quản lý dữ liệu bằng Windows Explorer	1	
CHƯƠNG III: MICROSOFT WORD		<b>12</b>	
4	Bài 4: Tổng quan về Microsoft Word	0,5	
5	Bài 5: Soạn thảo văn bản	1,5	
6	Bài 6: Định dạng văn bản	4	
7	Bài 7: Bảng biểu	1	
8	Bài 8: Vẽ - Trang trí văn bản	2	
9	Bài 9: Trộn thư - In	1	
10	Kiểm tra ĐK1	2	
CHƯƠNG V: MICROSOFT POWERPOINT		<b>4</b>	
11	Bài 10: Bài mở đầu	1	
12	Bài 11: Tạo bài thuyết trình		
13	Bài 12: Hiệu chỉnh – Định dạng Slide	1	
14	Bài 13: Thiết lập hiệu ứng	1,5	
15	Bài 14: Chuẩn bị bài thuyết trình - Trình chiếu	0,5	
CHƯƠNG IV: MICROSOFT EXCEL		<b>10</b>	
16	Bài 15: Tổng quan về Microsoft Excel	0,5	
17	Bài 16: Định dạng bảng tính	1,5	
18	Bài 17: Công thức và Hàm của Excel	6	
19	Bài 18: Cơ sở dữ liệu – Biểu đồ, đồ thị	2	
CHƯƠNG VI: INTERNET		<b>1</b>	
20	Bài 19: Mạng máy tính	1	
21	Bài 20: Sử dụng trình duyệt IE, Firefox		
22	Bài 21: Giao tiếp và học tập trên Internet		
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>30</b>	
<b>II. PHẦN THỰC HÀNH</b>			
	Bài 1: - Thay đổi giao diện, tùy chỉnh Windows XP	1	

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	- Thực hiện quản lý File, Folder		
	Bài 2: - Soạn thảo văn bản. - Tùy chỉnh thanh công cụ Toolbar - Thực hiện các lệnh với File văn bản - Định dạng ký tự - Định dạng đoạn văn bản - Tạo đường viền, màu nền, chữ cái lớn, chia cột báo, thiết lập Bullest and Numbering - Đặt điểm dừng Tab, tạo Leader - Tìm kiếm, thay thế. Chức năng AutoCorrect - Tạo tiêu đề đầu trang, cuối trang	6	
	Bài 3: - Tạo bảng, sửa cấu trúc bảng. - Định dạng bảng biểu - Một số phép toán đơn giản, sắp xếp dữ liệu.	2	
	Bài 4: - Vẽ, sơ đồ, chữ nghệ thuật - Chèn tranh ảnh, ký tự đặc biệt - Chèn công thức toán học.	2	
	Bài 5: - Thực hiện trộn thư - Bảo vệ văn bản. - In văn bản	2	
	Bài 6: - Tạo Silde, trình bày bố cục Slide - Sử dụng các mẫu slide định dạng sẵn. - Chèn hình ảnh, âm thanh, biểu đồ, công thức toán học - Chèn WordArt, Texbox, AutoShap - Hiệu chỉnh - Định dạng - Slile Quản lý slide, Slide Master - Tạo tiêu đề đầu trang, cuối trang - Thiết lập các hiệu ứng - Phối hợp hiệu ứng - Tự động hóa bài thuyết trình - Tạo liên kết, các nút điều khiển	6	

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
	- Thiết lập trình chiếu, kỹ năng trình chiếu		
	Bài 7: - Nhập dữ liệu vào bảng tính. Định dạng dữ liệu. - Định dạng bảng tính - Thực hiện hàm tính toán cơ bản với các loại địa chỉ tương đối, tuyệt đối...	2	
	Bài 8: - Công thức - Các hàm thường dùng Nhóm hàm ngày tháng, dữ liệu, toán học, tìm kiếm, thống kê...	6	
	Bài 9: - Sắp xếp dữ liệu - Lọc dữ liệu - Tính tổng theo nhóm - Tạo biểu đồ, chỉnh sửa biểu đồ - Thiết lập trang -In.	2	
	Bài 10: - Sử dụng trình duyệt IE, FireFox - Cách tìm kiếm thông tin - Giao tiếp, học tập trên Internet	1	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>60</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy trực quan, tại phòng thực hành máy tính (đã được nối mạng Lan và kết nối Internet). Giảng viên dạy lý thuyết tại phòng thực hành với các thiết bị hỗ trợ máy tính và máy chiếu. Sinh viên nghe giảng, quan sát các kỹ thuật và cách thực hiện của giảng viên. Sau đó sinh viên sẽ được thực tập theo các bài tập thực hành. Giảng viên, qua mạng LAN sử dụng phần mềm NetOp Shool để theo dõi và quản lý hoạt động học tập của sinh viên. Giảng viên trực tiếp đánh giá kết quả thực hành của sinh viên qua mạng. Chọn lọc những kết quả thực hành, những bài thực hành điển hình để nhận xét và rút kinh nghiệm.

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Giáo trình chính:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Toán Tin (2014), *Giáo trình Tin học*.

2. Nguyễn Công Minh (2009), *Tự học các kỹ năng cơ bản Microsoft Office Word 2010 (cho người mới sử dụng)*, NXB Hồng Đức.

**\* Tài liệu tham khảo**

1. Trương Nguyễn Tiến Trung, *Hướng dẫn tự học Microsoft Word 2010 (cho người mới bắt đầu)*, NXB Hồng Đức.

2. Trương Nguyễn Tiến Trung, *Hướng dẫn tự học Microsoft Excel 2010 (cho người mới bắt đầu)*, NXB Hồng Đức.

3. Hà Thành, Trí Việt (2010), *Sổ tay thực hành - Tin học văn phòng phiên bản 2003 - 2007*, NXB Văn hoá thông tin.

\* **Website:** <http://www.violet.vn>; <http://thegioitinhoc.v>; <http://www.ebook.edu.vn>

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần: - Giới thiệu tổng quan về học phần, gợi mở các hướng nghiên cứu, những vấn đề sinh viên cần đạt được. - Chia nhóm sinh viên.							Đọc Chương I, II Giáo trình Trả lời câu hỏi và bài tập chương I, II
	Lý thuyết Chương I, II	3						
	<b>Thực hành bài 1 Phần WindowsXP</b>				1			
2	Lý thuyết Chương III Bài 4,5	2						
	<b>Thực hành bài 2 Định dạng văn bản</b>				2			- Làm BT phần Microsoft Word Bài thực hành 1, 2
3	Lý thuyết bài 6 - Thiết lập khổ giấy, hướng giấy. - Định dạng ký tự	2						

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	- Định dạng đoạn VB							
	<b>Thực hành bài 2</b> <b>Định dạng văn bản</b>				2			- Làm BT phần Microsoft Word Bài thực hành 3, 4
4	Lý thuyết bài 6 (tiếp) -Tạo Tab, tạo chữ cái lớn, chữ nghệ thuật, chia cột báo, thiết lập Bullest and Numbering - Đặt điểm dừng Tab, tạo Leader - Tìm kiếm, thay thế. - Chức năng AutoCorrect - Tạo tiêu đề đầu trang, cuối trang	2						
	<b>Thực hành bài 2 (tiếp)</b> <b>Định dạng văn bản</b>				2			- Làm BT phần Microsoft Word Bài thực hành 5
5	Lý thuyết bài 7 Bảng biểu	1						
	<b>Thực hành bài 3</b> <b>Bảng biểu</b>				2			- Làm BT phần Microsoft Word Bài thực hành số 7

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	Lý thuyết bài 8 - Vẽ, sơ đồ, chữ nghệ thuật,	1					Đọc bài 8 chương III giáo trình	
6	Lý thuyết bài 8 (tiếp) - Ký tự đặc biệt, - Công thức toán học	1						
	<b>Thực hành bài 4</b> - Vẽ, sơ đồ, tạo chữ nghệ thuật - Chèn tranh ảnh, ký tự đặc biệt - Chèn công thức toán học.				2		- Làm BT phần Microsoft Word Bài thực hành 6, 8, 9	
	Lý thuyết bài 9 Trộn thư - In	1					Đọc bài 9 chương III giáo trình	
7	<b>Thực hành bài 5</b>				2		- Làm BT phần Microsoft Word Bài thực hành 10	
	<b>Kiểm tra định kỳ 1</b>	2					Nội dung: Phần Word - Hình thức: TH	
8	Lý thuyết bài 10, 11 Tạo bài thuyết trình	1						



Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	<b>Thực hành bài 6 Phần PowerPoint</b>				2			- Làm BT thực hành phần Power Point
	Lý thuyết bài 12 Hiệu chỉnh – Định dạng Slide	1						- Thảo luận về những hạn chế và lưu ý khi thiết kế slide và thuyết trình. - BT nhóm, nộp cho GV qua email
9	Lý thuyết bài 13, 14 <b>Thiết lập hiệu ứng Trình chiếu</b>	3						- Các nhóm thuyết trình về BT, Thảo luận <b>- Bài Tập nhóm là bài KT ĐK số 2</b>
	<b>Thực hành bài 6 (tiếp) Phần PowerPoint</b>				2			
10	<b>Kiểm tra định kỳ 2</b>			1	1			
	Lý thuyết bài 14, 15 Tổng quan Excel Định dạng bảng tính	2						
11	<b>Thực hành bài 7 Phần Excel</b>				2			- Làm BT1, BT2 phần Excel (bài tập cơ bản tính toán với địa chỉ tương đối, tuyệt đối)
	Lý thuyết bài 16 Công thức và hàm	3						- Thực hành bài 7 chương III
12	<b>Thực hành bài 8</b>				2			- Làm BT phần Excel về các hàm BT số 3, 4, 5

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	Lý thuyết bài 16 (tiếp)	3						
13	<b>Thực hành bài 8</b>				4		- Làm BT phần Excel về các hàm BT số 6, 7, 9, 10, 11, 12	
	Lý thuyết bài 17 Cơ sở dữ liệu – Biểu đồ	1						
14	<b>Thực hành bài 9</b>				2		- Làm BT về cơ sở dữ liệu, Biểu đồ BT 8, các câu liên quan đến dữ liệu ở các bài trước	
	Lý thuyết bài 19,20,21 <b>Chương VI: Internet</b>	1					- Đọc bài 19, 20 ,21 giáo trình - Chuẩn bị thảo luận về vấn đề “Giao tiếp và học tập qua internet”	
	<b>Thực hành bài 10</b>			0,5	05			
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>		<b>1,5</b>	<b>28,5</b>			

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Các nhóm phải thảo luận trước khi lên lớp, có danh sách nhóm, có biên bản thảo luận nhóm;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: 10 %*

- Tham gia học tập trên lớp
- Minh chứng tham gia thảo luận;
- BT Cá nhân, BT nhóm.

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40% - 2 điểm*

### *9.3. Thi cuối kỳ: 50%*

Hình thức: thực hành.

Thời gian làm bài: 90 phút.

### *9.4. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập*

#### ***BT cá nhân:***

Hình thức: Thực hành + vấn đáp

Tiêu chí đánh giá: Thực hiện đúng yêu cầu của bài;

Lập luận logic; Trả lời câu hỏi

#### ***BT nhóm:***

Hình thức: Thuyết trình + Thực hành.

Nội dung: Giải quyết một trong các BT nhóm, thái độ, khả năng phối hợp làm việc nhóm khi giải quyết bài tập được giao.

Trả lời vấn đáp

Tiêu chí đánh giá: Thực hiện đúng yêu cầu của bài; Trình bày đẹp.

## HỌC PHẦN

### 8. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Mã học phần: **MIE 100** Số tín chỉ: TS: **08 (6LT/2TH)**

- Loại học phần: **Bắt buộc**

- Gồm 3 học phần

+ Đường lối quân sự của Đảng Số tín chỉ: 03 (3LT)

+ Công tác quốc phòng, an ninh Số tín chỉ: 02 (2LT)

+ Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

Số tín chỉ: 03(1LT/2TH)

- Tổ chức thực hiện: **Học liên tục cả 3 học phần**

- Đánh giá kết quả học tập: Mỗi học phần có điểm học phần. Điểm đánh giá kết quả chung của môn học là điểm trung bình cộng của cả 3 học phần.

- Sau khi kết thúc môn học cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình giáo dục Quốc phòng – an ninh, là điều kiện cấp bằng tốt nghiệp

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Đường lối quân sự của Đảng: 45 tiết

+ Công tác quốc phòng, an ninh: 30 tiết

+ Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK: 15LT–75TH

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Giáo dục Quốc phòng**

#### 2. Mục tiêu của chương trình

- Trình bày được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh góp phần nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy ý thức trách nhiệm, tự giác của tuổi trẻ, của người điều dưỡng trong việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

- Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH, xây dựng tác phong nhanh nhẹn, hình thành nếp sống có kỷ luật trong học tập, công tác, tham gia khắc phục thảm họa trong thời bình, sẵn sàng phục vụ khi có chiến tranh xảy ra.

- Thuần thục trong thao tác các kỹ năng quân sự cần thiết, biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo trong sử dụng súng tiểu liên AK (CKC)

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật băng bó, cấp cứu, chuyển thương góp phần nâng cao kỹ năng thực hành điều dưỡng.

### **3. Mô tả học phần**

#### **Học phần 1: Đường lối quân sự của Đảng**

Đây là học phần quan trọng có tính định hướng về nhận thức cho sinh viên trong học tập các học phần tiếp theo của môn học Giáo dục quốc phòng.

Học phần đề cập những lý luận cơ bản về đường lối quân sự, bao gồm: Những vấn đề cơ bản của Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

#### **Học phần 2: Công tác quốc phòng – An ninh**

Đây là một học phần quan trọng trang bị các kiến thức về quốc phòng, an ninh giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN. Trang bị cho sinh viên kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.

#### **Học phần 3: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu, tính năng, tác dụng, cấu tạo và sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, B40, B41; đặc điểm tính năng kỹ thuật sử dụng thuốc nổ, phòng chống vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, vũ khí lửa, vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Huấn luyện cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên Ak (CKC) và động tác chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự.

Nội dung gồm: Đội ngũ đơn vị, Sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn, cấp cứu ban đầu các vết thương; Từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK. Tổ chức học tập trung theo lớp. Học lý thuyết tại giảng đường, phần thực hành tại

bãi tập của Nhà trường. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### 4.1 Học phần 1: Đường lối quân sự của Đảng

TT	Tên bài	Số tiết	Ghi chú
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	2	
2	Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.	6	
3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	6	
4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	6	
5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	9	
6	Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.	8	
7	Nghệ thuật quân sự Việt Nam	8	
	<b>Tổng số tiết</b>	<b>45</b>	

##### 4.2 Học phần 2: Công tác quốc phòng – An ninh

TT	Tên bài	Số tiết	Ghi chú
1	Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4	
2	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	4	
3	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	
4	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	6	
5	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội	4	
6	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	4	
7	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

##### 4.3 Học phần 3: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

TT	Tên bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>Lý thuyết</b>		
1	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	2	
2	Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao	2	
3	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	2	
4	Thuốc nổ	2	
5	Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn	2	

<b>TT</b>	<b>Tên bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
6	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	3	
7	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	2	
	<b>Tổng số tiết lý thuyết</b>	<b>15</b>	
<b>Phần Thực hành</b>			
1	Đội ngũ đơn vị	8	
2	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	6	
3	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	6	
4	Thuốc nổ	3	
5	Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn	2	
6	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	4	
7	Ba môn quân sự phối hợp	4	
8	Từng người trong chiến đấu tiến công	8	
9	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8	
10	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	
	<b>Tổng số tiết thực hành</b>	<b>75</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>90</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy**

- + Lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm
- + Thực hành: Làm mẫu, sử dụng đội mẫu theo 3 bước: làm nhanh, làm chậm có phân tích, làm tổng hợp

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Giáo trình**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, NXB Giáo dục - Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập II*, NXB Giáo dục - Hà Nội.

#### **\* Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Quang Định (2004), *“Diễn biến hoà bình” và cuộc đấu tranh chống “Diễn biến hoà bình” ở Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân - Hà Nội.
2. Phan Xuân Sơn, Lưu Văn Quảng (đồng chủ biên), (2006) *Những vấn đề cơ bản về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội.

## 7. Lịch trình thực hiện:

### 7.1 Học phần: Đường lối quân sự của Đảng

STT bài giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	2			2	4	Đọc tài liệu phân: Đặc điểm môn học
2	Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	4	2		6	12	Đọc tài liệu phân: Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lê nin về bảo vệ Tổ quốc XHCN. Vấn đề thảo luận: Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lê nin về chiến tranh
3	Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4	2		6	12	Đọc tài liệu phân: Một số biện pháp chính xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay. Vấn đề thảo luận: Vị trí đặc trưng nền QPTD, ANND.
4	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4	2		6	12	Đọc tài liệu phân: Một số nội dung chủ yếu của CTND bảo vệ Tổ quốc Vấn đề thảo luận: Quan điểm của Đảng trong CTND bảo vệ Tổ quốc.
	<b>Kiểm tra giữa học phần</b>	2				2	
5	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	4	3		7	14	Đọc tài liệu phân: Những biện pháp chủ yếu xây dựng LLVTND. Vấn đề thảo luận: Đặc điểm và những nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND.
6	Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.	8			8	16	Đọc tài liệu phân: Một số giải pháp chủ yếu thực hiện việc kết hợp phát triển KT-XH gắn với củng cố QP-AN.
7	Nghệ thuật quân sự Việt Nam	8			8	16	Đọc tài liệu phân: Chiến thuật quân sự
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>9</b>		<b>43</b>	<b>88</b>	<b>Ghi chú:</b> Đọc tài liệu: <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh tập 1</i> , NXB Giáo dục - Hà Nội.



## 7.2. Lịch trình thực hiện học phần 2: Công tác quốc phòng – An ninh

STT bài giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, tự NC	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4			4	8	Đọc tài liệu phần: Những giải pháp phòng chống chiến lược "DBHB", BLLĐ ở Việt Nam hiện nay
2	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	4			4	8	Đọc tài liệu phần: Xây dựng lực lượng dự bị động viên
3	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	3	1		4	8	Đọc tài liệu phần: Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia Vấn đề thảo luận: Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.
4	Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	3	1		4	8	Đọc tài liệu phần: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc Vấn đề thảo luận: Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề DT và TG chống phá CMVN
	<b>Kiểm tra giữa học phần</b>	<b>2</b>				<b>2</b>	
5	Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội	3	1		4	8	Đọc tài liệu phần: Tình hình trật tự an toàn XH Vấn đề thảo luận: Quan điểm của Đảng, nhà nước trong công tác bảo vệ ANQG, TTATXH
6	Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	3	1		4	8	Đọc tài liệu phần: Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ Vấn đề thảo luận: Trách nhiệm của SV trong tham gia xây dựng phong trào TDBVANTQ
7	Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4			4	8	Đọc tài liệu phần: Công tác phòng chống tệ nạn xã hội.
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						<b>Ghi chú:</b> Đọc tài liệu: <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh tập 1</i> , NXB Giáo dục - Hà Nội.
	<b>Cộng:</b>	<b>26</b>	<b>4</b>		<b>28</b>	<b>58</b>	

### 7.3. Lịch trình thực hiện học phần Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

STT bài giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, tự NC	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	Đội ngũ đơn vị				8		8	
2	Sử dụng bản đồ địa hình quân sự	2	1	1	4		8	Bài tập: Đo cự ly trên bản đồ Vấn đề thảo luận: Phương pháp tìm tọa độ trên bản đồ
3	Phòng chống địch tiến công bằng hỏa lực vũ khí công nghệ cao	2				2	4	Đọc tài liệu phần: Biện pháp chủ động phòng chống VKCN cao của địch
4	Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh	2			6		8	
5	Thuốc nổ	2		1	2		5	Vấn đề thảo luận: Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu.
6	Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn	2			2		4	Vấn đề thảo luận: Các nhân tố sát thương, phá hoại và cách phòng chống vũ khí hủy diệt lớn.
7	Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh	2			4		6	<b>Ghi chú:</b> Đọc tài liệu: <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh tập 2</i> , NXB Giáo dục - Hà Nội.
	<b>Kiểm tra giữa học phần</b>	<b>2</b>					<b>2</b>	
8	Ba môn quân sự phối hợp				4		4	
9	Tùng người trong chiến đấu tiến công				8		8	
10	Tùng người trong chiến đấu phòng ngự				8		8	
11	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	1			24		25	
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>72</b>		<b>90</b>	

## 8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ học tập trên lớp;
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận trước khi lên lớp, phải có biên bản của các cuộc thảo luận;
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email.

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

### 9.1 Học phần 1: Đường lối quân sự của Đảng

Hoạt động đánh giá	Trọng số	Số lần kiểm tra	Hình thức kiểm tra
Thái độ, chuyên cần	10%		Tham gia học tập trên lớp - Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm
Kiểm tra giữa học phần	40%	01	Viết câu hỏi cải tiến; trắc nghiệm
Thi hết học phần	50%	01	Thi viết

### 9.2 Học phần 2: Công tác quốc phòng – An ninh

Hoạt động đánh giá	Trọng số	Số lần kiểm tra	Hình thức kiểm tra
Thái độ, chuyên cần	10%		
Kiểm tra giữa học phần	40%	01	Viết câu hỏi cải tiến; trắc nghiệm
Thi hết học phần	50%	01	Thi viết

### 9.3 Học phần 3: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

Hoạt động đánh giá	Trọng số	Số lần kiểm tra	Hình thức kiểm tra
Thái độ, chuyên cần	10%		
Kiểm tra giữa học phần	40%	01	Viết câu hỏi cải tiến; trắc nghiệm
Thi hết học phần	50%	01	TH ngoài thao trường với các nội dung: chiến thuật, bắn súng tiểu liên AK bài 1 trên máy bắn tập MBT 03

## HỌC PHẦN

### 9. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **GDTC**
- Mã học phần: **PHE 100**

Số tín chỉ: **03**

- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Hướng dẫn thực hành: 90 tiết
  - + Tự thực hành: Theo hướng dẫn của giáo viên
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn GDTC

#### 2. Mục tiêu của học phần

- + Giúp cho sinh viên có được thể lực tốt nhất để học tập và hoạt động trong cuộc sống.
- + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nguyên lý và phương pháp tập luyện về môn điền kinh, bóng bàn và bóng chày.
- + Thực hiện được kỹ thuật cơ bản của một số môn điền kinh, bóng bàn và bóng chày.

#### 3. Mô tả học phần

Học phần môn học GDTC cung cấp những kiến thức cơ bản của môn học TDTT, để sinh viên có được một cơ thể khoẻ mạnh, có sinh lực, khoẻ léo, bền bỉ để hoàn thành công việc. Dựa trên cơ sở sinh lý học TDTT đã được lựa chọn để tăng cường dần dần và toàn diện sức khoẻ con người.

Học phần gồm 03 tín chỉ:

- Tín chỉ 1 và 2: Môn bắt buộc - Điền kinh (60 tiết)
- Tín chỉ 3: Môn tự chọn bóng bàn - bóng chày (30 tiết)

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
* Tín chỉ 1 và 2 môn bắt buộc – Điền kinh	60	
- Tín chỉ 1: Nhảy xa kiểu ngò	30	
- Tín chỉ 2: Chạy ngắn 100m	30	

* Tín chỉ 3 môn tự chọn	30	
- Bóng bàn	30	
- Bóng chuyền		
<b>Số tiết thực hành</b>	90	
<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>90</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết môn học: Học tại lớp và ở nhà tự học
- Dạy thực hành: Hướng dẫn và làm mẫu

### 6. Tài liệu học tập:

\* Tài liệu tham khảo:

- Vụ GDTC-Bộ GD&ĐT (1995), *Lý luận và phương pháp GDTC trong các trường Đại học*, Hà Nội.

- Bộ GD&ĐT số: *TT25/2015-BGDĐT* ngày 14/10/2015 của *BGDĐT* về quy định chương trình môn học GDTC của các trường CĐ và ĐH.

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Sân tập thực hành			Tự học, nghiên cứu		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
<b>TÍN CHỈ 1 VÀ 2 MÔN BẮT BUỘC</b>							
1	* Điền kinh: Tín chỉ 1 - Chạy ngắn + Kỹ thuật xuất phát + kỹ thuật chạy lao sau xuất phát				5		Quan sát làm mẫu và thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
2	- Chạy ngắn + Kỹ thuật chạy giữa quãng + Kỹ thuật đánh đích				5		
3	- Hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn				5		
4-5	- Hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn 100m				10		

6	- Kiểm tra chạy ngắn 100m				5		5	
7	* Điền kinh: Tín chỉ 2 - Nhảy xa + Kỹ thuật chuẩn bị và chạy đà + Kỹ thuật dậm nhảy				5		5	
8	- Kỹ thuật bay trên không - Kỹ thuật tiếp đất				5		5	
9-11	- Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi				15		15	
12	- Kiểm tra chỉ 2 nhảy xa				5		5	
<b>TÍN CHỈ 3 MÔN TỰ CHỌN (SV TỰ CHỌN 1 TRONG 2)</b>								
	* BÓNG BÀN							Quan sát làm mẫu và thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
1	- Lý thuyết bóng bàn				5		5	
2	- Ôn kỹ thuật vạt bóng nhanh thuận tay				5		5	
3	- Ôn kỹ thuật vạt bóng nhanh trái tay				5		5	
4	- Ôn kỹ thuật giao bóng				5		5	
5	- Ôn kỹ thuật môn bóng bàn				5		5	

6	- Kiểm tra thử				5		5	
	<b>* BÓNG CHUYÊN</b>							Quan sát làm mẫu và thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.
1	- Lý thuyết bóng chuyên				5		5	
2	- Kỹ thuật đệm bóng (kỹ thuật phòng thủ)				5		5	
3	- Kỹ thuật chuyên 2				5		5	
4	Kỹ thuật phát bóng				5		5	
5	Kỹ thuật đập bóng				5		5	
6	Kiểm tra thử môn bóng chuyên				5		5	
	<i>Thi hết học phần</i>							
	<b>Tổng</b>				<b>90</b>		<b>90</b>	



## 8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Phải có mặt đầy đủ các buổi học trên lớp, lên lớp đúng giờ.
- Phải tham gia đủ các buổi thực hành, nếu vắng (có lý do) phải xin phép được học bù. Trong mỗi buổi thực hành nếu đi muộn trên 15 phút thì không được phép vào lớp, phải học lại buổi học đó.
- Phải tự học các bài đã quy định tự đọc trong chương trình, nếu có ý kiến thắc mắc phải nêu ra trong buổi lên lớp kế tiếp để được nghe giải đáp (nếu cần thiết thì thực hiện việc trao đổi bằng cách gặp trực tiếp giảng viên hoặc qua điện thoại và địa chỉ mail)

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

### 9.1. Điểm chuyên cần: 10%

- Tham gia học tập trên lớp đầy đủ được
- Thái độ, ý thức học tập trên lớp tốt, hăng hái phát biểu

### 9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%;

- Số lần kiểm tra: 02
- Hình thức kiểm tra là: Kiểm tra trực hành điền kinh – bóng bàn – bóng chuyền

### 9.3. Thi kết thúc học phần: 50%

- Hình thức thi: Thực hành điền kinh – bóng bàn – bóng chuyền
- Cách đánh giá:

Hoạt động đánh giá	Trọng số	Số lần kiểm tra	Hình thức kiểm tra
Thái độ, chuyên cần	10%		
Kiểm tra	40%	02	Kiểm tra thực hành
Thi hết học phần	50%	01	Thi thực hành: Sinh viên bốc thăm

## HỌC PHẦN

### 10. SINH HỌC - DI TRUYỀN

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Sinh học- di truyền**
- Mã học phần: **BIO100** Số tín chỉ: **TS 2 (1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: **Không**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
  - + Thực hành: 20 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Sinh vật**

#### 2. Mục tiêu của học phần

- Mô tả được cấu trúc vi thể, siêu vi thể và các hoạt động chức năng chính của tế bào từ đó có kiến thức tổng quan về cấu trúc và chức năng của cơ thể trong trạng thái bình thường, bệnh lý làm nền tảng cho việc chăm sóc con người.

- Phân tích được quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể từ đó hiểu được đặc điểm của các giai đoạn chính của sự phát triển một cơ thể con người.

- Trình bày và ứng dụng được một số phương pháp nghiên cứu di truyền học từ đó có thể tham gia nghiên cứu khoa học trong y học nói chung và ngành điều dưỡng nói riêng.

- Trình bày được một số quy luật di truyền chi phối tính trạng ở người từ đó có kiến thức tổng quan về di truyền người.

- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của các nhóm bệnh, tật di truyền ở người từ đó có kiến thức tổng quan về con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý làm nền tảng cho việc thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc con người.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm từ đó sinh viên sẽ có kiến thức trong việc giao tiếp, thiết lập mối quan hệ, khả năng quản lý công việc sau này.

#### 3. Tóm tắt nội dung học phần

**Học phần gồm hai phần lý thuyết và thực hành**

**Phần 1: lý thuyết (có hai chương)**

Chương 1: Sinh học đại cương

Trình bày những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại giúp cho sinh viên hiểu về cấu trúc và các hoạt động của cơ thể sống, đặc biệt là cơ thể con người. Giới thiệu đại cương về tế bào, cấu trúc và chức năng siêu vi thể của các thành phần trong tế bào cũng như các hoạt động chức năng chính của tế bào trong cơ thể con người nói riêng

và sinh vật nói chung. Qua đây, sinh viên sẽ có kiến thức để học tốt các môn y học cơ sở, y học lâm sàng và giải thích được một số công việc mà sau này người điều dưỡng hay gặp

Trình bày đặc điểm sinh học của từng giai đoạn của sự phát triển của sinh vật hay con người nói riêng, từ đó biết cách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe tốt hơn. Đây cũng là kiến thức nền tảng cho các môn y học cơ sở và y học lâm sàng.

## Chương 2: Di truyền học

Trong chương sẽ giới thiệu các phương pháp nghiên cứu di truyền cơ bản nhất. Đặc biệt trình bày các quy luật di truyền cơ bản áp dụng cho người, các bệnh tật di truyền và đột biến hay gặp trên người cũng như nguyên tắc, phương pháp điều trị và dự phòng bệnh tật di truyền và đột biến ở người. Phần này nâng cao hiểu biết cho sinh viên và là cơ sở để học các môn y học lâm sàng.

### Phần thực hành

Phần thực hành sinh viên sẽ được học tại labo của bộ môn. Buổi học đầu là phần sinh học đại cương, sinh viên được học bằng kính hiển vi quang học và tiếp xúc với một số hoá chất, vì vậy sinh viên phải có một thái độ thật nghiêm túc. Phần thực hành sẽ minh họa cho phần lý thuyết mà sinh viên đã được học. Ngoài ra, đây còn là tiền đề để cho sinh viên học các môn thực hành của y học cơ sở. Phần di truyền sinh viên được làm quen với một số phương pháp nghiên cứu di truyền giúp sinh viên hiểu hơn về môn học và giúp cho sinh viên làm quen với nghiên cứu khoa học.

## 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>I. PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
<b>Chương 1: Sinh học đại cương</b>			
1	Bài 1: Đại cương về tế bào	1	
2	Bài 2: Cấu trúc và chức năng các thành phần cấu tạo của tế bào	3	
3	Bài 3: Một số hoạt động chức năng của tế bào	4	
4	Bài 4: Sinh học phát triển	4	
<b>Chương 2. Di truyền học</b>			
5	Bài 5: Các quy luật di truyền	6	
6	Bài 6: Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người	6	
7	Bài 7: Sinh học phân tử	1	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>25</b>	
<b>II. PHẦN THỰC HÀNH</b>			
1	Bài 1: Hướng dẫn cách sử dụng kính hiển vi quang học và quan sát hình dạng, cấu trúc tế bào	3	
2	Bài 2: Trao đổi nước và các chất hòa tan qua màng tế bào	2	

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Bài 3: Phân bào nguyên phân	2	
4	Bài 4: Phân bào giảm phân	3	
5	Bài 5: Nếp vân da bàn tay	3	
6	Bài 6: Phương pháp con sinh đôi	2	
7	Bài 7: Phương pháp phân tích, đánh giá các bộ NST Người bị rối loạn	2	
8	Bài 8: Phương pháp lập gia hệ, phân tích gia hệ và xác định nguy cơ di truyền	2	
9	Kiểm tra	1	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>20</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>45</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy**

- Lý thuyết: Thuyết trình, phát vấn, (Seminar, dạy học dựa trên vấn đề, nghiên cứu trường hợp)...

- Trong các buổi học đều có thời gian để đại diện các nhóm sinh viên trình bày bài tập. Cả lớp nghe và nhận xét, bổ sung. Giảng viên tổng kết. Sau mỗi buổi học đều có bài tập theo nhóm hoặc cá nhân.

- Thực hành: Mỗi buổi thực hành có một giảng viên và hai kỹ thuật viên phụ trách. Giảng viên giới thiệu lý thuyết và tổng kết buổi học. Sau khi giới thiệu lý thuyết và quy trình sinh viên sẽ được chia nhóm nhỏ để làm thực hành dưới sự hướng dẫn và quản lý của kỹ thuật viên. Cuối buổi thực hành có kiểm tra bằng nhiều hình thức khác nhau (làm thao tác, bảng kiểm...) theo yêu cầu của từng buổi.

### **6. Tài liệu học tập (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)**

#### **\* Giáo trình:**

1. Bộ môn Sinh vật (2013), *Giáo trình sinh học và di truyền*, Nxb Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định (Tài liệu lưu hành nội bộ)

3. Trịnh Văn Bảo, Trần Thị Thanh Hương, Phan Thị Hoan (2012), *Sinh học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

#### **\* Tài liệu tham khảo**

1. Trịnh Văn Bảo, Trần Thị Thanh Hương (2012), *Di truyền y học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Nguyễn Văn Thanh (2009), *Sinh học phân tử*, NXB Giáo dục.

3. Tạ Thành Văn (2010), *PCR và một số kỹ thuật y sinh học phân tử*, NXB Y học.

#### **\* Website:**

<http://www.mdu.edu.vn>

<http://www.ebook.edu.vn>

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu đề cương chi tiết môn học</li> <li>- Giới thiệu tổng quan về môn học, mục đích, ý nghĩa và yêu cầu của môn học, gợi mở các hướng nghiên cứu, những vấn đề GV đang quan tâm và học sinh cần đạt được sau khoá học.</li> <li>- Chia nhóm sinh viên.</li> <li>- Lý thuyết bài 1,2</li> </ul>	4				8	4	Đọc tài liệu chuẩn bị bài tập cho buổi sau. Có 4 bài tập: Bài 1: Vận chuyển thắm. Bài 2: Âm thực bào và trực phân. Bài 3: Gián phân. Bài 4: Sự phát sinh giao tử ở người.
2	<b>Thực hành bài 1, 2</b>				5		5	
3	Lý thuyết tiếp bài 3	2	1	1		8	4	Mỗi nhóm trình bày bài tập được giao từ 20-25 phút. Đọc tài liệu chuẩn bị bài tập cho buổi tiếp theo: 4 bài tập cho 4 nhóm: Bài 1: Các hình thức sinh sản của sinh vật. Bài 2: Giai đoạn tạo giao tử, tạo hợp tử, phôi thai. Bài 3: Giai đoạn sinh trưởng, trưởng thành.

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
							Bài 4: Giai đoạn già lão, giai đoạn tử vong và sự tái sinh	
4	<b>Thực hành bài 3,4</b>				5		5	
5	Lý thuyết bài 4	2	1	1		8	4	Mỗi nhóm trình bày bài tập được giao từ 20-25 phút. Đọc tài liệu chuẩn bị bài tập cho buổi tiếp theo: 4 bài tập cho 4 nhóm. Bài 1: Di truyền 2 alen. Bài 2: di truyền nhiều alen. Bài 3: Đặc điểm và khái niệm di truyền đa nhân tố. Bài 4: Một số tính trạng di truyền đa nhân tố
6	Lý thuyết bài 5	2	1	1		8	4	Mỗi nhóm trình bày bài tập được giao từ 20-25 phút. Đọc tài liệu chuẩn bị bài tập cho buổi tiếp theo. 4 bài tập cho 4 nhóm: Bài 1 Sự hình thành giới tính ở người, chất nhiễm sắc giới tính. Bài 2: Sự

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
							di truyền liên kết với giới tính. Bài 3: Quy luật di truyền ty thể. Bài 4: NST người	
	<b>Thực hành bài 5,6</b>				5	5		
7	Lý thuyết bài 5 tiếp + bài 6	2	1	1		8	4	Mỗi nhóm trình bày bài tập được giao từ 20-25 phút. Đọc tài chuẩn bị bài tập cho buổi tiếp theo. 4 bài tập cho 4 nhóm: : Bài 1: Đột biến số lượng NST. Bài 2: Đột biến cấu trúc NST. Bài 3: Đột biến NST giới tính. Bài 4: Khái niệm và cơ chế đột biến gen, một số bệnh phân tử thường gặp.
	Lý thuyết bài 6 tiếp+ bài 7	2	1	1		8	4	Mỗi nhóm trình bày bài tập được giao từ 20-25 phút.
8	<b>Kiểm tra lý thuyết</b>	1					1	
9	<b>Thực hành bài 7,8</b>				5		5	
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>20</b>	<b>48</b>	<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ lý thuyết theo quy chế, giờ thực hành;
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận trước khi lên lớp, phải có biên bản của các cuộc thảo luận;
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: 10 %*

- Tham gia học tập trên lớp (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt và tích cực thảo luận);
- Minh chứng tham gia thảo luận;
- Chuẩn bị tốt BT Cá nhân được giao, BT nhóm được giao, có ý thức phối hợp nhóm

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số bài kiểm tra: 01 bài
- Hình thức: 01 bài trắc nghiệm khách quan Thời gian: 30 phút  
01 bài thực hành theo hình thức OSPE
- Nội dung: Những vấn đề đã được học trên lớp và những vấn đề tự nghiên cứu.

### *9.3. Thi cuối kỳ: 50%*

- Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan hoặc viết tiểu luận
- Thời gian làm bài: 60 phút.

### *9.4. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập*

#### **\*BT cá nhân**

- Hình thức: chuẩn bị bài tập + vấn đáp
- Nội dung: Kiểm tra thái độ tự học, tự nghiên cứu, tra cứu tài liệu, mục tiêu cụ thể trong nội dung của tuần.
- Tiêu chí đánh giá: Thực hiện đúng yêu cầu của bài; thuyết trình rõ ràng, có tính thuyết phục; Lập luận logic; Trình bày đẹp

#### **\*BT nhóm**

- Hình thức: Thuyết trình + làm bài tập
- Nội dung: Giải quyết một trong các BT nhóm (trong bộ BT);
- Tiêu chí đánh giá: Thực hiện đúng yêu cầu của bài; thuyết trình rõ ràng, có tính thuyết phục; Lập luận logic; Trình bày đẹp



## HỌC PHẦN

### 11.HÓA HỌC

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Hóa học**
- Mã học phần: **CHE100** Số tín chỉ: **TS: 2 (1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  - + Thực hành ở phòng thực hành: 25 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hoá học**

#### 2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên đạt được các mục tiêu sau

- Sinh viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản, các quy luật của hoá học, nhằm giải thích kiến thức cho các học phần liên quan như hoá sinh, vệ sinh dịch tễ, vi sinh...

- Sinh viên có các kỹ năng sử dụng, xử lý hoá chất, dụng cụ, biết cách pha chế hóa chất, thực hiện tốt thao tác thực hành để vận dụng trong công tác điều dưỡng

#### 3. Mô tả học phần

- Học phần Hoá học cung cấp những kiến thức cơ bản về các chất và quy luật biến đổi của chất. Những kiến thức cơ bản và có hệ thống của hoá học là cơ sở để phục vụ và giải thích cho các quá trình biến đổi chất trong cơ thể, các quá trình trong tự nhiên có liên quan đến điều dưỡng

- Học phần hóa học gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

**Phần lý thuyết: gồm 20 tiết.**

Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường: Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về hoá học đại cương và phân tích. Phần hóa học đại cương trình bày các khái niệm, nguyên lý, quy luật cơ bản của nhiệt động hoá học, động hóa học, các điều kiện và yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng hoá học. Phần này cũng trình bày chi tiết về dung dịch và các tính chất của dung dịch, cách phân tích chất giúp sinh viên nắm vững các quy luật cơ bản của hoá học trong y học và cuộc sống. Phần hóa học phân tích trình bày về các phương pháp phân tích hiện có và ứng dụng của chúng trong y học hiện nay.

**Phần thực hành: gồm 25 tiết**

Trước khi học phần thực hành, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành. Phần này Sinh viên được học tại phòng thực hành

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
1.	Nhiệt động hóa học.	4	
2.	Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học.	4	
3.	Đại cương về dung dịch.	4	
4.	Dung dịch các chất điện ly.	4	
5	Phân tích định lượng.	4	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>20</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
1.	Kỹ Thuật pha các dung dịch có nồng độ khác nhau.	5	
2.	Ảnh hưởng của nồng độ, chất xúc tác, nhiệt độ tới tốc độ phản ứng hóa học và sự dịch chuyển cân bằng	5	
3.	Tính chất của dung dịch	5	
4.	Phân tích định lượng bằng phương pháp trung hòa.	5	
5.	Phân tích định lượng bằng phương pháp oxy hóa khử.	5	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>25</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>45</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

- Phần học Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận trên lớp,
- Phần học Thực hành: Làm mẫu, thảo luận.

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Hoá học (2014), *Bài giảng hoá học*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).
2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Hoá học (2014), *Thực tập hoá học*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

##### \* Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Đăng Độ (2012), *Bài tập cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học*, Nxb Giáo dục
2. Vũ Đăng Độ (2012), *Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học*, Nxb Giáo dục
3. Lê Thành Phước (2009), *Hóa Đại Cương – Vô cơ*, Nxb Y học

##### \* Trang web

<http://www.hoahocvietnam.com>; <http://www.h2vn.com>

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp				Tự học, nghiên cứu	
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Nhiệt động hóa học.	3	0,5	0,5			- Chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giảng viên - Tích cực thảo luận trên lớp
2	Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học.	3	0,5	0,5			
3	Kỹ Thuật pha các dung dịch có nồng độ khác nhau.	1			4		
4	Ảnh hưởng của nồng độ, chất xúc tác, nhiệt độ tới tốc độ phản ứng hóa học và sự dịch chuyển cân bằng	1			4		
5	Đại cương về dung dịch.	3	0,5	0,5			
6	Dung dịch các chất điện ly.	3					
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b>	<b>1</b>					
7	Tính chất của dung dịch	1			4		
8	Phân tích định lượng.	3	0,5	0,5			
9	Phân tích định lượng bằng phương pháp trung hòa.	1			4		
10	Phân tích định lượng bằng phương pháp oxy hóa khử.	1			4		
	<b>Tổng số</b>	<b>22</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>20</b>		

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập.

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01 thực hành
- Hình thức kiểm tra Thực hành: Kiểm tra thao tác thực hành.

Thời gian: 45 phút.

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Viết hoặc trắc nghiệm
- Thời gian: 60phút

## HỌC PHẦN

### 12. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Pháp luật đại cương**
- Mã học phần: **LAW100** Số tín chỉ lên lớp: **TS 2 (2LT)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **không**
- Học phần song hành: **không**
- Phân bổ giờ tín chỉ bao gồm:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp, hoạt động theo nhóm: 5 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 4 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Giáo dục pháp luật**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Pháp luật đại cương, sinh viên Đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức cơ bản về: Nhà nước, pháp luật, vi phạm hành chính, vi phạm hình sự, vi phạm dân sự, vi phạm kỷ luật, trách nhiệm pháp lý, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, quyền và nghĩa vụ của người khám - chữa bệnh, những kiến thức cơ bản về phòng chống tham nhũng.

2. Vận dụng các kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập và trong cộng đồng dân cư; Phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội (thực hiện và tuyên truyền thực hiện nội quy, quy chế và các quy định khác đối với công dân).

3. Hành nghề phù hợp với năng lực chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật. Thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền của người bệnh, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong học tập, trong lao động và trong cuộc sống hằng ngày.

4. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong hoạt động nghề nghiệp.

#### 3. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về một số ngành luật quan trọng trong cuộc sống (luật Hình sự và tố tụng hình sự, luật Dân sự tố tụng dân sự, luật lao động, luật hành chính, luật đất đai, luật pháp quốc tế, luật phòng chống tham nhũng...)

và những quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và hành nghề Điều dưỡng.

Thảo luận nhóm là nội dung học tập trọng yếu của môn học. Mỗi nhóm tối đa 10 sinh viên được phân công công việc theo nhóm để làm các bài tập tình huống về pháp luật trong thời gian tự học và báo cáo trên lớp.

Học phần gồm 2 tín chỉ:

Tín chỉ 1: Cung cấp cho SV những kiến thức đại cương về nhà nước và pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tín chỉ 2: Cung cấp cho SV những kiến thức đại cương về Phòng chống tham nhũng, về luật khám - chữa bệnh và đại cương về luật pháp quốc tế.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Đại cương về Nhà nước và pháp luật	4	
2	Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự	2	
3	Pháp luật lao động	2	
4	Pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự	3	
5	Pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính	2	
6	Pháp luật về đại dai	2	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
7	Công pháp quốc tế	3	
8	Tư pháp quốc tế	3	
9	Luật khám - chữa bệnh	4	
10	Luật phòng chống tham nhũng	5	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn làm bài tập nhóm.

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), *Giáo trình pháp luật đại cương*, NXB Đại học sư phạm

##### \* Tài liệu tham khảo:

1. *Bộ luật hình sự* (2009), NXB Tư pháp.
2. *Bộ luật tổ tụng hình sự* (2009), NXB Tư pháp.
3. *Bộ luật tổ tụng dân sự* (2011), NXB Tư pháp.

4. *Bộ luật dân sự và văn bản hướng dẫn thi hành* (2014), NXB Lao động.
5. *Bộ luật lao động* (2012), NXB Lao động.
6. *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Tư pháp
7. *Luật đất đai* (2013), NXB Lao động.
8. *Luật phòng chống tham nhũng* (2013), NXB Tư pháp.
9. *Luật khám - chữa bệnh số 40/2009/QH12*

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Bài 1: Đại cương về Nhà nước và Pháp luật	3	0,5	0,5		4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp: đọc chương I, II để chuẩn bị thảo luận nội dung “Những dấu hiệu của vi phạm pháp luật”, “Những hình thức thực hiện pháp luật”</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự học</li> </ul>
2	Bài 2 : Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự Bài 3: Pháp luật lao động	3	0,5	0,5		4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp: đọc chương III, IV để chuẩn bị thảo luận nội dung “Những dấu hiệu của vi phạm dân sự”, “ Thừa kế”, “Chế độ bảo hiểm xã hội”</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự học</li> </ul>
3	Bài 4: Pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự Bài 5: Pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính	3	0,5	0,5		4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp: đọc chương V, VI để chuẩn bị thảo luận nội dung “Những dấu hiệu của</li> </ul>



STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
							vi phạm hình sự và biện pháp xử lý”, - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự học
4	Bài 5: (Tiếp) Bài 6: Pháp luật về đất đai Hoạt động theo nhóm	2		1		3	Nghe thuyết trình và Báo cáo các vấn đề thảo luận
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	<b>1</b>				<b>1</b>	
5	Bài 7: Công pháp quốc tế Bài 8: Tư pháp quốc tế	3	0,5	0,5		4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp: đọc chương IX để chuẩn bị thảo luận nội dung “Một số lĩnh vực hợp tác chủ yếu của Cộng đồng quốc tế”, - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự học
6	Bài 8: Tư pháp quốc tế (tiếp) Bài 9: Luật khám - chữa bệnh	3	0,5	0,5		4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp: đọc chương X và bài Luật khám chữa bệnh để chuẩn bị thảo luận nội dung “Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài ”,

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
							- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự học
7	Bài 9: Luật khám - chữa bệnh (tiếp) Bài 10: Luật phòng chống tham nhũng	3	0,5	0,5		4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp: đọc trước bài luật phòng chống tham nhũng để thảo luận vấn đề: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp phòng, chống tham nhũng - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự học
8	Bài 10: Luật phòng chống tham nhũng (tiếp) Báo cáo kết quả bài tập nhóm		1	1		2	Nghe thuyết trình Báo cáo các vấn đề thảo luận
	<b>Tổng số</b>	<b>21</b>	<b>4</b>	<b>5</b>		<b>30</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Tham gia thảo luận trên lớp;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1
- Hình thức kiểm tra: Viết (bài tập vận dụng)
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Thi tự luận
- Thời gian: 60 phút

# KHÔI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

## HỌC PHẦN

### 13. XÁC SUẤT THỐNG KÊ

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Xác suất thống kê**
- Mã học phần: **MPS200** Số tín chỉ lên lớp: **TS: 2 (2LT)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Phân bổ giờ tín chỉ bao gồm:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 9 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Toán-Tin**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Xác suất thống kê sinh viên có những năng lực:

- Trình bày các kiến thức cơ bản về quy luật của giải tích toán học và các hiện tượng ngẫu nhiên. Tính được xác suất các biến cố của hiện tượng ngẫu nhiên. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.

- Xử lý được số liệu, tính các số đặc trưng của mẫu thống kê. Cũng cố thêm các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.

- Trình bày và áp dụng được lý thuyết kiểm định giả thuyết thống kê, lý thuyết ước lượng, bài toán so sánh các tham số thống kê trong báo cáo, nghiên cứu về y học. Tranh luận, lựa chọn test thống kê phù hợp vào các số liệu, dấu hiệu nghiên cứu. Phân tích bài toán tương quan hồi quy tuyến tính. Dự báo được các hiện tượng đơn giản.

- Vận dụng linh hoạt vào lĩnh vực chuyên ngành, nghiên cứu khoa học. Say mê tìm hiểu thêm và ứng dụng kiến thức mới của toán Xác suất thống kê.

#### 3. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Bổ sung các kiến thức toán học phổ thông. Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất, các phép toán về xác suất; Biến ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối xác suất thường gặp; Giới thiệu một số cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng tình huống bài toán. Giúp sinh viên học dịch tễ, các môn quản lý điều dưỡng, nghiên cứu khoa học, thực hành tin học,... dễ dàng hơn.

Học phần gồm 2 tín chỉ:

Tín chỉ 1: Lý thuyết xác suất và Biến ngẫu nhiên.

Tín chỉ 2: Thống kê.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1: Lý thuyết xác suất và Biến ngẫu nhiên</b>		
1	Giải tích tổ hợp.	1	
2	Phép thử, biến cố của phép thử.	2	
3	Định nghĩa xác suất.	1	
4	Các phép toán về xác suất.	2	
5	Công thức xác suất đầy đủ - Định lý Bayest.	2	
6	Phép thử lặp Bernoulli.	1	
7	Biến ngẫu nhiên.	6	
	<b>TÍN CHỈ 2: Thống kê</b>		
8	Khái niệm thống kê.	1	
9	Các giá trị đặc trưng của một mẫu.	2	
10	Lý thuyết ước lượng.	2	
11	Kiểm định giả thiết thống kê.	2	
12	So sánh hai số trung bình.	2	
13	So sánh hai tỷ lệ.	1	
	<b>Kiểm tra giữa học phần</b>	1	
14	So sánh các tỷ lệ.	2	
15	Tương quan hồi quy tuyến tính.	2	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình, hỏi đáp.
- Thảo luận nhóm.
- Hướng dẫn làm bài tập cá nhân, nhóm.

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2016), *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục.

2. Bộ Y tế (2008), *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục.

##### \* Tài liệu tham khảo

1. Đặng Hùng Thắng (2008), *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục.

2. Đào Hữu Hồ (2007), *Xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh (2009), *Xác suất và thống kê toán*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

4. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2010), *Thống kê Y học 1*.

5. Trường Đại học Y Thái Bình (2008), *Xác suất thống kê*.

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	<p>- Giới thiệu mục tiêu môn học. Lịch trình thực hiện môn học. Quy chế tính điểm, một số quy định của môn học.</p> <p><b>Chương 1. Lý thuyết xác suất.</b></p> <p>Bài 1. Giải tích tổ hợp</p> <p>Bài 2. Phép thử, biến cố của phép thử.</p> <p>Bài 3. Khái niệm xác suất</p>	1		1	8	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tài liệu học tập theo quy định, các tài liệu tham khảo. Các yêu cầu của giảng viên.</li> <li>- Đọc tài liệu chương 1.</li> <li>- Thảo luận: mối quan hệ giữa các phép toán tổ hợp; so sánh sự giống nhau với tập hợp; ứng dụng xác suất trong đời sống hàng ngày.</li> <li>- Giải các bài tập, đặt ra tình huống và giải các bài tập với các tình huống</li> </ul>
2	<p>Bài 4. Các phép toán về xác suất</p> <p>Bài 5. Công thức xác suất đầy đủ - Định lý Bayest.</p>	2		1	8	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu học tập theo qui định, đọc thêm các tài liệu tham khảo.</li> <li>- Ôn tập kiến thức xác suất toán phổ thông, so sánh sự khác biệt. Vận dụng vào tình huống trong y học.</li> <li>- Mối liên hệ các bài toán này với khái niệm xác suất.</li> <li>- Thảo luận nhóm sinh viên, cùng giải quyết các bài tập.</li> </ul>

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
3	Bài 6. Phép thử lặp Bernoulli. <b>Chương 2. Biến ngẫu nhiên</b> Bài 1. Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối.	1 2		1	8	12	- Đọc tài liệu học tập theo qui định, đọc thêm các tài liệu tham khảo. - Tìm ra được bản chất phép thử lặp Bernoulli. Vận dụng vào tình huống trong y học. - Mối liên hệ giữa biến ngẫu nhiên với biến cố, xác suất của biến cố. Quy luật nhị thức và phép thử Bernoulli. - Thảo luận nhóm sinh viên, cùng giải quyết các bài tập.
4	Bài 2. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. <b>Chương 3. Thống kê</b> Bài 1. Khái niệm thống kê.	2 1		1	8	12	- Đọc tài liệu học tập chương 2 theo qui định, đọc thêm các tài liệu tham khảo. - Nêu được ý nghĩa của các tham số đặc trưng. - Thảo luận nhóm sinh viên, cùng giải quyết các bài tập.
5	Bài 2. Các giá trị đặc trưng của một mẫu. Hướng dẫn sử dụng máy tính bỏ túi tính các giá trị đặc trưng của một mẫu trong	2			8	12	- Đọc tài liệu học tập chương 3 theo qui định, đọc thêm các tài liệu tham khảo.

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, NC	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	thực hành. Bài 3. Lý thuyết ước lượng	1		1			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị máy tính bỏ túi CASIO 500ES và 570ES</li> <li>- Nêu được sự khác nhau với kiến thức phổ thông.</li> <li>- Khái niệm ước lượng, sai số chuẩn,.. Tìm được khoảng ước lượng và ứng dụng thực tế.</li> <li>- Thảo luận nhóm sinh viên, cùng giải quyết các bài tập.</li> </ul>
6	Bài 4. Kiểm định giả thiết thống kê. Bài 5. So sánh hai số trung bình.	1 1		1 1	8	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu học tập chương 3 theo qui định, đọc thêm tài liệu tham khảo</li> <li>- Chuẩn bị máy tính bỏ túi CASIO 500ES và 570ES</li> <li>- Nêu được khái niệm kiểm định, so với thực tế. Sự giống và khác nhau giữa bài toán so sánh và bài toán kiểm định.</li> <li>- Thảo luận nhóm sinh viên, cùng giải quyết các bài tập.</li> </ul>
7	Bài 6. So sánh hai tỷ lệ.	1			8	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu học tập chương 3 theo</li> </ul>



STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, NC	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	Kiểm tra giữa học phần Bài 7. So sánh các tần số nghiên cứu bằng test $\chi^2$ .	1 1		1			qui định, đọc thêm tài liệu tham khảo - Chuẩn bị máy tính bỏ túi CASIO 500ES và 570ES - Sự giống và khác nhau giữa bài toán so sánh hai tỷ lệ và bài toán so sánh các tỷ lệ. Mối quan hệ test t và test $\chi^2$ - Thảo luận nhóm sinh viên, cùng giải quyết các bài tập. - Ôn tập tốt, Làm bài kiểm tra theo quy chế
8	Trương quan hồi quy tuyến tính.	1		1	4	6	- Đọc tài liệu học tập chương 3 theo qui định, đọc thêm tài liệu tham khảo - Chuẩn bị máy tính bỏ túi CASIO và 570ES. Ý nghĩa bài toán hồi quy. - Thảo luận nhóm sinh viên, cùng giải quyết các bài tập.
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>21</b>		<b>9</b>			

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Tham gia thảo luận trên lớp;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1 bài
- Hình thức kiểm tra: tự luận.
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Thi tự luận.
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 14. TÂM LÝ Y HỌC VÀ Y ĐỨC

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Tâm lý Y học và Y đức**
- Mã học phần: **PSY200** Số tín chỉ lên lớp: **TS 2 (2LT)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Phân bổ giờ tín chỉ bao gồm:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 08 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Tâm lý Y học – Y đức**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Tâm lý y học và y đức sinh viên Đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

- Tích lũy được các kiến thức tâm lý y học và y đức làm cơ sở cho việc thiết lập được mối quan hệ tốt với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp.
- Vận dụng được các kiến thức Tâm lý y học và y đức để nhận biết tâm lý người bệnh và các nhu cầu của người bệnh từ đó chăm sóc người bệnh trên cả ba lĩnh vực tâm lý, sinh lý và xã hội.
- Hành nghề phù hợp với năng lực chuyên môn. Hình thành được thái độ đúng đắn để chăm sóc người bệnh theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

#### 3. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về Tâm lý y học và đạo đức y học. Việc nắm vững kiến thức này giúp cho sinh viên hiểu được tâm lý người bệnh từ đó biết cách chăm sóc người bệnh trên 3 lĩnh vực Tâm lý - sinh lý và xã hội và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp. Hoạt động của sinh viên là nghe giảng, thảo luận trên lớp. Học phần Tâm lý y học và đạo đức y học cùng với các học phần chăm sóc người bệnh ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cử nhân điều dưỡng có kiến thức toàn diện trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của Điều dưỡng Việt Nam ở bậc đại học.

Học phần gồm 2 tín chỉ:

Tín chỉ 1: Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức chung cơ bản về Tâm lý học.

Tín chỉ 2: Sinh viên sẽ được trang bị thêm kiến thức về Tâm lý y học và đạo đức nghề nghiệp.

Phần thảo luận trên lớp sẽ chia lớp theo nhóm, trong mỗi nhóm tối đa 10 người, sinh viên sẽ được phân công công việc cụ thể trong nhóm và thảo luận câu hỏi được giao

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
Bài 1	Những vấn đề chung của tâm lý học	2	
Bài 2	Stress tâm lý	2	
Bài 3	Các quá trình và trạng thái tâm lý	4	
Bài 4	Nhân cách và sự hình thành nhân cách	4	
Bài 5	Tâm lý học lứa tuổi	3	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
Bài 6	Đại cương về tâm lý học y học	2	
Bài 7	Tâm lý người bệnh	2	
Bài 8	Liệu pháp tâm lý	2	
Bài 9	Trị liệu tâm lý	2	
Bài 10	Lịch sử y đức	2	
Bài 11	Những đặc trưng đạo đức của người điều dưỡng Việt Nam	2	
Bài 12	Nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng	3	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2016), *Tâm lý y học và đạo đức y học*, NXB Giáo dục.
2. Phạm Thị Minh Đức (2011), *Tâm lý và đạo đức y học*, NXB Giáo dục.

##### \* Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2011), *Đạo đức Y học*, NXB Y học.
2. Trường Đại học Y Hải phòng (2010), *Bài giảng đạo đức y học*, NXB Y học.
3. Nguyễn Huỳnh Ngọc (2011), *Tâm lý học y học-Y đức*, NXB giáo dục Việt Nam.
4. Quy định về y đức, ban hành kèm theo QĐ số 2033/BYT-QĐ ngày 06 tháng 11 năm 1996 của Bộ Y tế.
5. Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Điều dưỡng viên Việt Nam ban hành theo Quyết định số 20/2012/QĐ-HĐDVN ngày 10 tháng 09 năm 2012.

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Bài 1: Những vấn đề chung của tâm lý học Bài 2: Stress tâm lý	3	1		8	12	- Đọc tài liệu chương I giáo trình tâm lý y học và y đức - Thảo luận: Bản chất của hoạt động tâm lý - Tham gia thảo luận nhóm
2	Bài 3: Các quá trình và trạng thái tâm lý	3	1		8	12	- Thảo luận: Cảm xúc và tình cảm - Tham gia thảo luận nhóm
3	Bài 4: Nhân cách và sự hình thành nhân cách	3	1		8	12	- Thảo luận: Các yếu tố quyết định sự hình thành nhân cách - Tham gia thảo luận nhóm
4	Bài 5: Tâm lý học lứa tuổi	1	1		6	9	- Thảo luận: Phân kỳ lứa tuổi - Tham gia thảo luận nhóm
	<b>Kiểm tra</b>	1					
5	Bài 6: Đại cương tâm lý học y học Bài 7: Tâm lý người bệnh	3	1		8	12	- Đọc tài liệu chương II giáo trình tâm lý y học và y đức - Thảo luận: Ứng dụng của tâm lý học trong y học lâm sàng - Tham gia thảo luận nhóm

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
6	Bài 8: Liệu pháp tâm lý Bài 9: Trị liệu tâm lý	3	1		8	12	- Thảo luận: Tác dụng của các liệu pháp tâm lý trực tiếp trong chăm sóc người bệnh - Tham gia thảo luận nhóm
7	Bài 10: Lịch sử y đức Bài 11: Những đặc trưng đạo đức của người điều dưỡng Việt Nam	3	1		8	12	- Thảo luận: Áp dụng chuẩn đạo đức điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp - Tham gia thảo luận nhóm
8	Bài 12: Nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng	1	1		6	9	- Thảo luận: Nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng. - Tham gia thảo luận nhóm
	<b>Kiểm tra</b>	1					
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>22</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>90</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Tham gia thảo luận trên lớp;
- Trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận trên lớp.

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01
- Hình thức kiểm tra: Viết (Câu hỏi ngắn)
- Thời gian 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Thi tự luận (Câu hỏi mở điển cải tiến)
- Thời gian 90 phút.

## HỌC PHẦN

### 15. GIẢI PHẪU – MÔ

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Giải phẫu - Mô**
- Mã học phần: **ANA200** Số tín chỉ: **TS: 5 (4LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Sinh vật, Hoá học.**
- Học phần song hành: **Sinh lý, Hoá Sinh.**
- Học phần kế tiếp: **Vi sinh-Ký sinh trùng, Dược học và các môn điều dưỡng**

#### **lâm sàng**

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 60 tiết
  - + Thực hành ở phòng thực hành: 30 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Giải phẫu - Mô**

#### 2. Mục tiêu của học phần:

- Mô tả vị trí, hình thể, cấu tạo đại thể, cấu tạo vi thể, liên quan của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người. Các chức năng, hoạt động của các cơ quan, các mô và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng. Nhận định về tình trạng sức khoẻ của người bệnh.

- Trình bày sự hình thành, phát triển của phôi thai người bình thường từ khi thụ tinh đến giai đoạn hình thành. Để giải thích tình trạng sức khoẻ của người bệnh.

- Vận dụng những kiến thức đã học về Giải phẫu, Mô để phát hiện, đánh giá các tổn thương về hình thái, một số dị dạng bẩm sinh thường gặp, nhận định người bệnh một cách toàn diện và hệ thống.

- Giải thích một số rối loạn cấu trúc, chức năng để áp dụng trong học tập các môn điều dưỡng lâm sàng, chăm sóc và theo dõi người bệnh, trong nghiên cứu khoa học.

- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong việc học lý thuyết và các thao tác thực hành tại phòng thực tập làm cơ sở sau này cho việc ứng dụng trên lâm sàng, thực hành tại bệnh viện. Đưa ra những quyết định về chăm sóc và thực hiện những can thiệp điều dưỡng cho người bệnh một cách an toàn và hiệu quả.

#### 3. Mô tả học phần

- Học phần Giải phẫu - Mô cung cấp những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể, chức năng, cấu tạo đại thể, cấu tạo vi thể, hoạt động của các cơ quan, mô trong cơ thể con người. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người. Sự điều hoà chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan với nhau để đảm bảo cho cơ thể tồn tại, phát triển một cách bình thường và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường sống.



- Các nghiên cứu của Giải phẫu - Mô tạo cơ sở để phát hiện, giải thích và xử lý các rối loạn hoạt động chức năng của cơ thể từ đó áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

Học phần Giải phẫu - Mô gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

**Phần lý thuyết: gồm 60 tiết**

- Trước khi học nội dung của học phần lý thuyết, sinh viên phải có những kiến thức của các môn: Sinh học, Hóa học.

- Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường. Ngoài các bài giảng trên lớp, sinh viên còn được nghiên cứu các chủ đề dựa vào Giáo trình và các Tài liệu tham khảo. Nội dung chương trình lý thuyết giúp sinh viên nắm vững khối lượng kiến thức của môn học. Phần lý thuyết không bắt buộc sinh viên phải lên lớp đầy đủ 100% số tiết mà có thể tự nghiên cứu nhưng không được nghỉ quá 20% số tiết lý thuyết và bắt buộc phải dự đầy đủ các bài kiểm tra giữa học phần.

**Phần thực hành: 30 tiết**

- Trước khi học phần thực hành, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

- Phần này yêu cầu sinh viên phải tham gia đầy đủ (30 tiết), vắng buổi nào phải thực tập bù buổi đó theo sự bố trí của Bộ môn, nếu sinh viên không thực tập bù được sẽ nhận điểm 0 về phần thực hành. Trong thực hành có những nội dung sinh viên phải nghiên cứu theo chủ đề, có nội dung sinh viên được thị giáo dưới sự hướng dẫn của Giáo viên. Nếu đạt yêu cầu sinh viên sẽ đủ điều kiện thi hết học phần.

**4. Nội dung chi tiết học phần**

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>III. PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
1.	Giới thiệu môn học, đại cương hệ thần kinh	4	
2.	Hệ thần kinh trung ương, thực vật, ngoại biên	4	
3.	Giải phẫu bộ máy Tuần hoàn, Hô hấp	4	
4.	Xương, cơ, mạch máu, thần kinh Đầu-Mặt-Cổ-Thân mình	4	
5.	Xương, cơ, mạch máu, thần kinh Chi trên	4	
6.	Xương, cơ, mạch máu, thần kinh Chi dưới	4	
7.	Giải phẫu bộ máy tiêu hóa	4	
8.	Giải phẫu bộ máy tiết niệu, Sinh dục	4	

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
9.	Giải phẫu hệ giác quan	4	
10.	Giải phẫu cơ quan nội tiết		Đọc thêm
11.	Đại cương Tế bào, Mô, Biểu mô	4	
12.	Mô liên kết, Mô cơ	4	
13.	Mô thần kinh	4	
14.	Mô tuần hoàn, hô hấp	4	
15.	Mô tiêu hóa, Tiết niệu	4	
16.	Mô nội tiết, Sinh dục	4	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>60</b>	
<b>IV. PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
1.	Giới thiệu nội qui và phương pháp học thực hành, Giải phẫu Hệ thần kinh	5	
2.	Giải phẫu Đầu, mặt, cổ, Chi trên	5	
3.	Giải phẫu Tuần hoàn, Hô hấp Tiêu hoá	5	
4.	Giải phẫu Thân mình, Chi dưới	5	
5.	Giải phẫu Tiết niệu, Sinh dục, Giác quan	5	
6.	Kiểm tra thực hành	5	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>90</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy**

- Phần Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp với trình chiếu các hình ảnh, cấu tạo chi tiết giải phẫu các cơ quan trong cơ thể, các Video Clip mô tả hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể. Sau mỗi bài học có lượng giá bằng hình ảnh hoặc câu hỏi ngắn.

- Phần Thực hành: Quan sát trên mô hình, tranh vẽ các chi tiết giải phẫu theo hệ cơ quan, liên quan giữa các hệ cơ quan và những chi tiết ứng dụng trên điều dưỡng lâm sàng trên các mô hình, tranh vẽ về hệ thống các cơ quan trong cơ thể người. Trong một buổi thực hành giờ đầu Giảng viên sẽ hướng dẫn toàn bộ nội dung theo mục tiêu

của buổi học, tiếp theo Kỹ thuật viên sẽ giám sát lớp, đôn đốc việc học thực hành của Sinh viên, giờ cuối Giảng viên sẽ tổng kết bài, giải đáp thắc mắc và lượng giá các chi tiết giải phẫu trên mô hình và tranh vẽ.

## **6. Tài liệu học tập**

### **\* Giáo trình:**

1. Trường Đại Điều dưỡng Nam Định (2016), *Giải phẫu học*, NXB Giáo dục
2. Trường Đại Điều dưỡng Nam Định, Bộ môn Giải phẫu – Mô (2013), *Mô học*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Trịnh Văn Minh (2011), *Giải phẫu người* tập I, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Trịnh Văn Minh (2011), *Giải phẫu người* tập II, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Trịnh Văn Minh (2011), *Giải phẫu người* tập III, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Quang Quyền (1993), *Giải phẫu học* tập I, tập II, NXB Y học.
5. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ môn Mô học – Phôi thai học (2001), *Phôi thai học*, NXB Y học

### **\* Trang Web:**

1. <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1.	Giới thiệu môn học, đại cương hệ thần kinh	4					
2.	Hệ thần kinh trung ương, Thần kinh thực vật, Thần kinh ngoại biên	4				8	
3	Hệ tuần hoàn, Hô hấp	4				8	
4.	Xương, cơ, mạch máu, thần kinh Đầu-Mặt-Cổ-Thân mình	4				8	
5.	Xương, cơ, mạch máu, thần kinh Chi trên	4				8	
6.	Xương, cơ, mạch máu, thần kinh Chi dưới	4				8	
7.	Hệ tiêu hóa	4				8	
8.	Hệ tiết niệu, Sinh dục	4				8	
9.	Hệ giác quan	3				8	
	Hệ nội tiết					2	
10.	Kiểm tra định kỳ lần 1	1					
11.	Giới thiệu nội qui và phương pháp học thực hành, Giải phẫu Hệ thần kinh, Tiêu hoá				5		
12.	Giải phẫu Đầu - Mặt - Cổ - Chi trên				5	8	
13.	Giải phẫu Tuần hoàn, Hô hấp				5	8	
14.	Giải phẫu Thân mình, Chi dưới				5	8	

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp				Tự học, nghiên cứu	
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
15.	Giải phẫu Tiết niệu, Sinh dục, Giác quan				5	8	
16	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2</b>				5		
17.	Đại cương Tế bào, Mô, Biểu mô	4					
18.	Mô liên kết, Mô cơ	4				8	
19.	Mô thần kinh	4				8	
20.	Mô tuần hoàn, hô hấp	4				8	
21.	Mô tiêu hóa, Tiết niệu	4				8	
22.	Mô nội tiết, Sinh dục	3				4	
23.	<b>Kiểm tra định kỳ lần 3</b>	<b>1</b>					
	<b>Tổng</b>	<b>60</b>			<b>30</b>	<b>150</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận theo nhóm, hoàn thành bài tập.

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%;*

- Số lần kiểm tra: 03 lần
- Hình thức kiểm tra:
  - + Viết, câu hỏi trắc nghiệm: 02 bài - Thời gian: 30 phút
  - + Vấn đáp trên mô hình và tranh vẽ.

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Viết câu hỏi trắc nghiệm
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 16. HÓA SINH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Hóa sinh**
- Mã học phần: **BIC200**      Số tín chỉ: **TS: 2 (1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: **Hóa học, sinh học**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
  - + Thực hành: 20 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hóa sinh**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

- Trình bày được cấu tạo, tính chất, chức năng của các loại sinh chất chủ yếu trong cơ thể.
- Trình bày được quá trình chuyển hóa và cơ chế điều hòa chuyển các chất trong cơ thể.
- Phân tích được ý nghĩa lâm sàng của một số chất trong máu và nước tiểu ở trạng thái sinh lý và bệnh lý..
- Vận dụng kiến thức hóa sinh, giải thích được một số ứng dụng trên lâm sàng.
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong thực hành - những đức tính cần thiết trong thực hành nghề nghiệp.

#### 3. Mô tả học phần

Hóa sinh là môn học nghiên cứu về cơ sở phân tử của sự sống. Cụ thể, môn Hóa sinh nghiên cứu về bản chất các chất cấu tạo nên cơ thể sống, diễn biến của các phản ứng hóa học và các yếu tố ảnh hưởng tới phản ứng trong cơ thể sống. Từ đó, tìm ra được quy luật biến hóa của vật chất. Hướng tới mục đích điều khiển các phản ứng theo hướng có lợi cho sức khỏe con người. Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Hóa sinh, phục vụ và giải thích cho kiến thức của các môn học liên quan, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp thu kiến thức các môn học khác dễ dàng và sâu sắc hơn, như môn sinh lý, sinh lý bệnh, dinh dưỡng, ... Kiến thức Hóa sinh được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, trong y học, với các ứng dụng trong phòng bệnh, chẩn đoán bệnh và chăm sóc sức khỏe. Học phần Hóa sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất xúc tác sinh học, cấu tạo và chuyển hóa các chất trong cơ thể như glucid, lipid, protein, acid nucleic, nước và các chất vô cơ, thành phần các chất trong các dịch sinh vật như máu và nước tiểu.

Học phần Hóa sinh gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

### **Phần lý thuyết: gồm 25 tiết**

Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường. Trước khi đến lớp, sinh viên phải nghiên cứu trước tài liệu liên quan tới nội dung học tập và chuẩn bị kỹ các nội dung sẽ đưa ra thảo luận. Nội dung chương trình lý thuyết giúp sinh viên nắm vững khối lượng kiến thức của môn học. Phần lý thuyết không bắt buộc sinh viên phải lên lớp đầy đủ 100% số tiết mà có thể tự nghiên cứu nhưng không được nghỉ quá 20% số tiết lý thuyết và bắt buộc phải dự bài kiểm tra giữa học phần.

### **Phần thực hành: gồm 20 tiết**

Phần thực hành được học sau khi sinh viên đã học xong phần lý thuyết. Phần này Sinh viên được học tại phòng thực hành Hóa sinh.

- Phần này yêu cầu sinh viên phải tham gia đầy đủ (20 tiết) mới được dự bài kiểm tra thực hành. Vắng buổi thực hành nào sinh viên phải thực tập bù buổi đó theo sự bố trí của Bộ môn, nếu sinh viên không thực tập bù được sẽ nhận điểm 0 về phần thực hành.

### **4. Nội dung chi tiết học phần**

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
1.	Enzym và xúc tác sinh học	2	
2.	Oxy hóa sinh học	2	
3.	Glucid	4	
4.	Lipid	4	
5.	Protein	4	
6.	Acid Nucleic	2	
7.	Nước và các chất vô cơ	2	
8.	Hóa sinh thận – nước tiểu	2	
9.	Hóa sinh máu	2	
10.	Kiểm tra lý thuyết	1	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>25</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
1.	Trang thiết bị trong phòng xét nghiệm hóa sinh	1	
2.	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng xét nghiệm	1	
3.	Xét nghiệm Hóa sinh nước tiểu	3	
4.	Định lượng glucid, lipid và protein trong huyết thanh	5	
5.	Định lượng ure, creatinin và acid uric trong huyết thanh	5	
6.	Đo hoạt độ enzyme GOT, GPT, trong huyết thanh	4	
7.	Kiểm tra thực hành	1	



TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>20</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Phần Lý thuyết: Với phương pháp chính là thuyết trình và tùy theo từng nội dung có thể có thêm phần phát vấn, nêu vấn đề thảo luận, khuyến khích sự hoạt động tích cực của sinh viên. Các phương tiện hỗ trợ giảng dạy là máy chiếu, phần bảng. Sau mỗi buổi học giảng viên sẽ hệ thống hóa lại kiến thức của bài, đưa ra nhận xét và đánh giá để sinh viên kịp thời rút kinh nghiệm.

- Phần học Thực hành: Kỹ thuật viên giới thiệu kỹ thuật xét nghiệm và thao tác mẫu. Sau đó, sinh viên sẽ được thực hành các kỹ thuật xét nghiệm dưới sự giám sát, hướng dẫn của kỹ thuật viên. Khi có kết quả xét nghiệm, sinh viên sẽ viết báo cáo. Dựa trên kết quả xét nghiệm, giảng viên sẽ đưa ra vấn đề thảo luận, phân tích và biện luận kết quả xét nghiệm. Cuối buổi giảng viên sẽ tổng kết bài, giải đáp thắc mắc, nhận xét và đánh giá để sinh viên kịp thời rút kinh nghiệm.

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Học viện quân y - Bộ môn Hóa sinh (2010), *Hóa sinh y học*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Hóa sinh (2015), *Bài giảng Hoá sinh*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

3. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định- Bộ môn Hóa sinh (2015), *Thực tập Hoá sinh*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Đình Hồ (2007) *Hóa sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

2. Nguyễn Nghiêm Luật, Nguyễn Thị Hà, Hoàng Thị Bích Ngọc, Phạm Thiên Ngọc, Đỗ Thị Thu, Tạ Thành Văn (2012), *Hóa sinh*, Nhà xuất bản Y học.

3. Trần Thanh Nhãn, Trần Thị Tường Linh, Phạm Thanh Trang, Ngô Kiến Đức (2012), *Hóa sinh học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

4. Vụ Khoa học và Đào tạo – Bộ y tế (2007) *Hóa sinh học*, Nhà xuất bản Y học.

#### \* Trang Web:

1. <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Enzym và xúc tác sinh học	2				4	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
	Oxy hóa sinh học	2				4	
2	Glucid	4				8	- Nghiên cứu kỹ các nội dung sẽ thảo luận trên lớp đã được giáo viên thông báo và hướng dẫn tìm tài liệu. - Có thể tham gia thuyết trình trước lớp
3	Lipid	4				8	
4	Protein	4				8	
5	Acid Nucleic	2				4	
	Nước và các chất vô cơ	2				4	
6	Hóa sinh thận – nước tiểu	2				4	
	Hóa sinh máu	2				4	
<b>7</b>	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b>	<b>1</b>					
8	Hướng dẫn sử dụng dụng cụ - trang thiết bị trong phòng xét nghiệm hóa sinh				1	2	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm.
	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng xét nghiệm				1	2	
	Xét nghiệm Hóa sinh nước tiểu				3	6	
9	Định lượng glucid, lipid và protein trong huyết thanh				5	10	- Tham gia thảo luận, biện luận kết quả.

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
10	Định lượng ure, creatinin và acid uric trong huyết thanh				5	10	- Viết báo cáo kết quả thực hành.
11	Đo hoạt độ enzyme GOT, GPT, gama - GT trong huyết thanh				4	8	
	<b>Tổng số</b>	<b>25</b>			<b>20</b>	<b>86</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao.
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành, sinh viên phải nghiên cứu trước nội dung thực hành của buổi học đó và những nội dung lý thuyết liên quan đã được học ở phần lý thuyết..
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01
- Hình thức kiểm tra: thực hành

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Thi viết câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 17. VI SINH – KÝ SINH TRÙNG

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **VI SINH – KÝ SINH TRÙNG**
- Mã học phần: **MIC 200** Số tín chỉ: **TS: 4 (3LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Dược học
- Các học phần học song hành: Sinh vật, Hoá sinh, Mô phôi
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

**Lý thuyết: 45 tiết**

+ Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết

**Thực hành ở phòng thực hành: 30 tiết**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Vi sinh vật – Ký sinh trùng**

#### 2. Mục tiêu của học phần

- Trình bày được các hệ thống miễn dịch của cơ thể, nguyên lý, nguyên tắc sử dụng vắc xin và huyết thanh.
- Mô tả được đặc điểm sinh học của các vi sinh vật gây bệnh.
- Hiểu được khả năng gây bệnh và phương pháp chẩn đoán phòng thí nghiệm các bệnh nhiễm trùng.
- Áp dụng được nguyên tắc phòng và chăm sóc các bệnh nhiễm trùng.
- Mô tả được đặc điểm hình thể, sinh lý, sinh thái của những ký sinh trùng thường gặp.
- Trình bày và phân tích được đặc điểm chu kỳ sống của những ký sinh trùng thường gặp.
- Nêu được tác hại và đặc điểm bệnh học, các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng.
- Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và các biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng
- Thực hiện được các phương pháp vô trùng, tiệt trùng.
- Biết được các môi trường nuôi cấy cơ bản sử dụng trong nuôi cấy, phân lập vi sinh vật gây bệnh.
- Lấy được các bệnh phẩm thông thường để xét nghiệm tìm vi sinh vật gây bệnh.
- Làm được các tiêu bản soi tươi, tiêu bản nhuộm Gram và nhận định đúng kết quả.
- Lấy và bảo quản được các bệnh phẩm để làm xét nghiệm ký sinh trùng.
- Làm được một số kỹ thuật xét nghiệm tìm ký sinh trùng.
- Nhận biết được một số ký sinh trùng trên tiêu bản.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Vi sinh - Ký sinh trùng cung cấp những kiến thức về đặc điểm cơ bản của Vi sinh vật - Ký sinh trùng, mối quan hệ của vi sinh vật với cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh của Vi sinh vật - Ký sinh trùng. Nguyên tắc phòng chống Vi sinh vật - Ký sinh trùng gây bệnh.

Nắm được các kỹ thuật cơ bản và ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán phòng thí nghiệm tìm Vi sinh vật - Ký sinh trùng gây bệnh. Vận dụng những kiến thức Vi sinh - Ký sinh trùng vào việc học tập các môn học khác của ngành Điều Dưỡng.

Học phần Vi sinh vật - Ký sinh trùng gồm hai phần: Lý thuyết và Thực hành.

**Phần lý thuyết:** bố cục thành 6 chương với 3 chương về Vi sinh vật, 3 chương về Ký sinh trùng, tổng số 48 bài. Gồm 45 tiết

- + Chương 1: Đại cương về vi sinh y học
- + Chương 2: Vi khuẩn gây bệnh thường gặp
- + Chương 3: Virus gây bệnh thường gặp
- + Chương 4: Đại cương về ký sinh y học
- + Chương 5: Đơn bào
- + Chương 6: Đa bào - Tiết túc y học

Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

**Phần thực hành:** gồm 30 tiết, 15 tiết thực hành về Vi sinh vật, 15 tiết thực hành về Ký sinh trùng gồm có các nội dung sau:

- + Các môi trường nuôi cấy cơ bản trong vi sinh Y học
- + Các phương pháp chẩn đoán vi sinh bệnh nhiễm trùng
- + Kỹ thuật lấy bệnh phẩm tìm vi sinh vật gây bệnh
- + Kỹ thuật soi tươi và nhuộm Gram
- + Hình thể vi khuẩn gây bệnh thường gặp
- + Kỹ thuật xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét và ấu trùng giun chỉ.
- + Hình thể ký sinh trùng sốt rét và ấu trùng giun chỉ.
- + Kỹ thuật xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột.
- + Hình thể các loại trứng giun thường gặp.
- + Hình thể các loại trứng sán thường gặp.

Trước khi học phần thực hành, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

Phần này sinh viên được học tại phòng thực hành của bộ môn tại trường.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>PHẦN LÝ THUYẾT VI SINH VẬT</b>			

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ VI SINH Y HỌC</b>	<b>10</b>	
1	Hình thể, cấu trúc, sinh lý và di truyền vi khuẩn	2	
2	Đại cương về virus	1	
3	Kháng sinh và sự kháng kháng sinh	1	
4	Nhiễm trùng bệnh viện	1	
5	Tiệt trùng và khử trùng	1	
6	Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật	2	
7	Miễn dịch cơ bản trong vi sinh y học	1	
8	Vắc xin và huyết thanh	1	
	<b>Chương 2: VI KHUẨN GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP</b>	<b>12</b>	
9	Tụ cầu vàng	2	
10	Lậu cầu	1	
11	Trực khuẩn thương hàn	1	
12	Phẩy khuẩn tả	1	
13	Phế cầu	1	
14	<i>H.influenzae</i>	1	
15	<i>M.catarrhalis</i>	1	
16	Trực khuẩn lao	1	
17	Trực khuẩn uốn ván	1	
18	Xoắn khuẩn giang mai	1	
19	<i>Rickettsia</i>	1	
	<b>Chương 3: VIRUS GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP</b>	<b>8</b>	
20	Virus dại	1	
21	Virus viêm gan B	1	
22	Virus sốt xuất huyết	1	
23	Virus viêm não Nhật Bản	1	
24	HIV	1	
25	Virus cúm	1	
26	Virus sởi	1	
27	Virus quai bị	1	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>30</b>	
<b>PHẦN LÝ THUYẾT KỸ SINH TRÙNG</b>			
	<b>Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KỸ SINH Y HỌC</b>	<b>2</b>	

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khái niệm về ký sinh trùng, đặc điểm chung, danh pháp, phân loại ký sinh trùng, ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ.	1	
2	Đặc điểm miễn dịch, đặc điểm bệnh học, các phương pháp chẩn đoán, các biện pháp phòng bệnh ký sinh trùng.	1	
	<b>Chương 2: ĐƠN BÀO</b>	<b>4</b>	
3	Amíp	0.5	
4	Trùng lông	0.5	
5	Trùng roi đường tiêu hóa	0.5	
6	Trùng roi âm đạo	0.5	
7	Trùng roi đường máu và nội tạng	1	
8	Ký sinh trùng sốt rét	1	
	<b>Chương 3: ĐA BÀO - TIẾT TỨC Y HỌC</b>	<b>9</b>	
9	Giun đũa	1	
10	Giun tóc	1	
11	Giun móc/ mỏ	1	
12	Giun kim	0.5	
13	Giun xoắn	0.5	
14	Giun lươn	0.5	
15	Giun chỉ	1	
16	Sán lá gan	0.5	
17	Sán lá phổi	0.5	
18	Sán lá ruột	0.5	
19	Sán dây lợn	0.5	
20	Sán dây bò	0.5	
21	Tiết tức y học	1	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>15</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
<b>PHẦN THỰC HÀNH VI SINH</b>			
1	Các môi trường nuôi cấy cơ bản trong vi sinh Y học	3	
2	Các phương pháp chẩn đoán vi sinh bệnh nhiễm trùng	3	
3	Kỹ thuật lấy bệnh phẩm tìm vi sinh vật gây bệnh	3	
4	Kỹ thuật soi tươi và nhuộm Gram	3	



TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
5	Hình thể vi khuẩn gây bệnh thường gặp	3	
<b>PHẦN THỰC HÀNH KÝ SINH TRÙNG</b>			
1	Kỹ thuật xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét và ấu trùng giun chỉ.	3	
2	Hình thể ký sinh trùng sốt rét và ấu trùng giun chỉ.	4	
3	Kỹ thuật xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột.	3	
4	Hình thể các loại trứng giun thường gặp.	3	
5	Hình thể các loại trứng sán	2	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>30/45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Phần học Lý thuyết: Phương pháp dạy thuyết trình, thảo luận và tự học
- Phần học Thực hành: Thuyết trình, thảo luận, thực hành
  - + Giảng viên làm mẫu
  - + Sinh viên chia nhóm thực tập dưới sự giám sát và uốn nắn của giáo viên
  - + Đánh giá kỹ năng thực hành của sinh viên

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. *Vi sinh vật Y học* (2007), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2016), *Vi sinh Y học*, NXB Giáo dục
3. Lại Quang Sáng (2008), *Ký sinh trùng y học*, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (lưu hành nội bộ).
4. Phạm Văn Thân (2009), *Ký sinh trùng y học (Dùng cho đào tạo cử nhân điều dưỡng)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. *Cẩm nang vi sinh vật Y học* (2007), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Lê Bách Quang (2005), *Ký sinh trùng và côn trùng y học*, NXB Quân đội nhân dân.
3. Lê Thị Xuân (2008), *Ký sinh trùng thực hành (Dùng cho đào tạo cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học)*,

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com>; [http:// www. Emedicine.com](http://www.Emedicine.com).

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực Hành		
	<b>Tín chỉ 1</b>						
1	1. Hình thể, cấu trúc, sinh lý và di truyền vi khuẩn	3	0,5	0,5		4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.</li> <li>- Nghiên cứu kỹ các nội dung sẽ thảo luận trên lớp đã được giáo viên thông báo và hướng dẫn tìm tài liệu.</li> <li>- Có thể tham gia thuyết trình trước lớp</li> <li>- Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm.</li> <li>- Hoàn thành các bài thực hành</li> </ul>
	2. Đại cương về virus						
	3. Kháng sinh và sự kháng kháng sinh						
2	1. Nhiễm trùng bệnh viện	3	0,5	0,5		4	
	2. Tiết trùng và khử trùng						
	3. Nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật						
3	TH bài 1: Một số môi trường nuôi cấy cơ bản, các phương pháp chẩn đoán vi sinh vật	0,5		0,5	4	4	
4	1. Miễn dịch cơ bản trong vi sinh y học	3	0,5	0,5		4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.</li> <li>- Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm.</li> <li>- Tham gia thảo luận, nhận biết kết quả nhuộm Gram, hình thể vi khuẩn gây bệnh thường gặp</li> </ul>
	2. Vắc xin và huyết thanh						
	3. Tụ cầu vàng						
	4. Lậu cầu						
5	TH bài 2: Kỹ thuật nhuộm Gram, hình thể						

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp				Tự học, nghiên cứu	
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực Hành		
	các vi khuẩn gây bệnh hay gặp	0,5		0,5	4	4	
6	1. Trực khuẩn thương hàn	3		1		4	
	2. Phẩy khuẩn tả						
	3. Phế cầu						
	4. H.influenzae						
	<b>Tín chỉ 2</b>						
7	1. M.catarrhalis	3	0,5	0,5		4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.</li> <li>- Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm.</li> <li>- Tham gia thảo luận, nhận biết kết quả hình thể vi khuẩn gây bệnh thường gặp</li> </ul>
	2. Trực khuẩn lao						
	3. Trực khuẩn uốn ván						
	4. Xoắn khuẩn giang mai						
	5. Rickettsia						
8	TH bài 3: Chẩn đoán tụ cầu vàng gây bệnh. Kỹ thuật kháng sinh đồ.	0,5		0,5	5	4	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b>	1					
9	1. Virus dại	3	0,5	0,5			- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
	2. Virus viêm gan B						
	3. Virus sốt xuất huyết						

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực Hành		
	4. Virus viêm não Nhật Bản						
10	1. HIV	3	0,5	0,5		4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu kỹ các nội dung sẽ thảo luận trên lớp đã được giáo viên thông báo và hướng dẫn tìm tài liệu.</li> <li>- Tham gia thảo luận, nhận biết kết quả kháng sinh đồ</li> </ul>
	2. Virus cúm						
	3. Virus sởi						
	4. Virus quai bị						
	<b>Tín chỉ 3</b>						
12	1. Khái niệm về ký sinh trùng, đặc điểm chung, danh pháp, phân loại ký sinh trùng, ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và vật chủ.	2		1		4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.</li> <li>- Nghiên cứu kỹ các nội dung sẽ thảo luận trên lớp đã được giáo viên thông báo và hướng dẫn tìm tài liệu.</li> <li>- Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm, nhận biết được hình thể</li> </ul>
	2. Đặc điểm miễn dịch, đặc điểm bệnh học, các phương pháp chẩn đoán, các biện pháp phòng bệnh ký sinh trùng.						
13	1. Amíp, trùng lông, trùng roi đường tiêu hóa, trùng roi âm đạo, trùng roi đường máu và nội tạng	4	0,5	0,5			

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực Hành		
	2. Ký sinh trùng sốt rét						
14	TH bài 1: Kỹ thuật xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét.	0,5		0,5	4		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.</li> <li>- Nghiên cứu kỹ các nội dung sẽ thảo luận trên lớp đã được giáo viên thông báo và hướng dẫn tìm tài liệu.</li> <li>- Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm, nhận biết được hình thể</li> </ul>
15	TH bài 2: Hình thể ký sinh trùng sốt rét.	0,5		0,5	3		
16	Giun đũa, giun tóc, giun móc/ mỏ, giun kim Giun lươn, giun xoắn, giun chỉ	3	0,5	0,5		4	
17	Sán lá gan, sán lá phổi, sán lá ruột	3		1		4	
	Sán dây lợn, sán dây bò						
	Tiết túc y học						
18	TH bài 3: Kỹ thuật xét nghiệm phân và hình thể các loại trứng giun, trứng sán.	0,5		0,5	4	4	
19	<b>Kiểm tra thực hành</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>37</b>	<b>4</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>52</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu.
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao.
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 2
- \* Kiểm tra lý thuyết: Hình thức kiểm tra: trắc nghiệm gồm câu hỏi đúng/sai, điền khuyết, chọn ý đúng nhất
- Thời gian: 30 phút
- \* Kiểm tra thực hành: Hình thức kiểm tra: Đánh giá sinh viên thực hiện các kỹ năng thực hành dựa vào quy trình kỹ thuật
- Thời gian: 30 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm gồm câu hỏi đúng/sai, điền khuyết, chọn ý đúng nhất
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 18. SINH LÝ – SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **SINH LÝ – SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH**
- Mã học phần: **PPA 200** Số tín chỉ : 5 (4LT-1TH)
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Giải phẫu- Mô, Sinh học di truyền , Hoá học.**
- Học phần song hành: **Hoá sinh; Dược lý**
- Phân bổ giờ tín chỉ bao gồm:

Phần Sinh lý học:

- + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
- + Đọc tài liệu ở nhà: 58 tiết
- + Thảo luận trên lớp: 5,0 tiết
- + Thực hành tại phòng thực hành: 15 tiết

Phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch

- + Nghe giảng lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- + Đọc và nghiên cứu tại nhà: 58 tiết.
- + Thực hành tại phòng thực hành: 15 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **SINH LÝ – SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần sinh lý học sinh viên có những năng lực:

- Trình bày quá trình điều hoà chức năng của các cơ quan trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường.
- Trình bày được chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể của con người ở trạng thái bình thường và cơ chế biểu hiện các rối loạn bệnh lý.
- Vận dụng những kiến thức đã học về sinh lý – sinh lý bệnh – miễn dịch để phát hiện, đánh giá các rối loạn về chức năng của các cơ quan trong cơ thể.
- Giải thích một số rối loạn chức năng, cơ chế dẫn tới các biểu hiện rối loạn điển hình trên lâm sàng, từ đó áp dụng trong học tập các môn điều dưỡng lâm sàng, chăm sóc và theo dõi người bệnh, nghiên cứu khoa học.
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực trong các thao tác thực hành tại phòng thực tập làm cơ sở cho việc thực hành chăm sóc bệnh nhân sau này.

#### 3. Mô tả học phần

- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người, sự điều hoà chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau để đảm bảo

cho cơ thể tồn tại và phát triển một cách bình thường và thích ứng với sự thay đổi của môi trường sống; trang bị những kiến thức cơ sở làm nền tảng để học tập những môn học Điều dưỡng lâm sàng và Y học dự phòng; kiến thức cơ bản về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng đề kháng bệnh tật của cơ thể, những kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch. Cung cấp những kiến thức cơ bản về quy luật các quá trình bệnh lý điển hình. Các biểu hiện và cơ chế gây ra các biểu hiện bệnh lý của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh. Sinh lý bệnh – Miễn dịch trang bị cơ sở lý luận khoa học cho người cán bộ Y tế để giải thích, thực hành lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ SINH LÝ HỌC</b>	<b>30</b>	
1	Sinh lý học đại cương	1,0	
2	Sinh lý màng tế bào	1,0	
3	Sinh lý máu	3,0	
4	Sinh lý hệ nội tiết	3,0	
5	Sinh lý hệ tiết niệu	3,0	
6	Sinh lý hệ sinh dục	3,0	
7	Sinh lý hệ thần kinh trung ương	4,0	
8	Sinh lý hệ tuần hoàn	3,0	
9	Sinh lý hệ hô hấp	3,0	
10	Sinh lý chuyển hóa năng lượng và điều nhiệt	2,0	
11	Sinh lý hệ tiêu hóa	3,0	
	Kiểm tra	1,0	
	<b>TÍN CHỈ SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH</b>	<b>30</b>	
1	<b>Chương I: Giới thiệu môn học và các rối loạn cơ bản</b>		
2	Giới thiệu môn học và các khái niệm cơ bản	1,0	
3	Rối loạn chuyển hoá glucid	2,0	
4	Rối loạn chuyển hoá protein	1,0	
5	Rối loạn chuyển hoá nước và điện giải	2,0	
6	Rối loạn cân bằng Acid - Base	2,0	
7	Các rối loạn cơ bản trong Viêm	1,5	
8	Các rối loạn cơ bản về điều hoà thân nhiệt - Sốt	1,5	
9	<b>Chương II. Sinh lý bệnh cơ quan</b>		
10	Rối loạn cấu tạo máu	2,0	
11	SLB đại cương chức năng tuần hoàn	3,0	



<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
12	SLB đại cương chức năng hô hấp	2,0	
13	SLB đại cương chức năng tiêu hoá	2,0	
14	SLB chức năng gan	1,5	
15	SLB đại cương chức phận tiết niệu	1,5	
16	<b>Chương III: Miễn dịch học</b>		
17	Miễn dịch học cơ bản	3,0	
18	SLB chức năng miễn dịch	3,0	
	Kiểm tra	1,0	
	<b>Tổng số tiết lý thuyết</b>	<b>60,0</b>	
	<b>PHẦN THỰC HÀNH</b>	<b>30</b>	
1	Định công thức bạch cầu Tốc độ lắng huyết cầu Quan sát tuần hoàn mao mạch	5,0	
2	Thử tác dụng của Insulin trên thỏ Định thời gian máu chảy, máu đông	5,0	
3	Định nhóm máu hệ ABO bằng phương pháp huyết thanh mẫu	5,0	
4	Thử tác dụng của Insulin gây hạ đường máu. Cơ chế bệnh sinh bệnh tiểu đường. Định lượng Glucose máu	5,0	
5	Sinh lý bệnh máu Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn - Sốc	5,0	
6	Phản ứng kết hợp KN- KT: ứng dụng Chẩn đoán có thai sớm, nguyên lý phản ứng ELISA, Cơ chế sốc do truyền nhầm nhóm máu	5,0	
	Kiểm tra		
	<b>Tổng số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn làm bài tập cá nhân nhóm, tiểu luận

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình chính:

1. Lê Thanh Tùng; Vũ Thế Hùng; Lê Thị Ngọc Thuý (2016), *Sinh lý bệnh và miễn dịch*, NXB y học, Hà Nội

#### \* Tài liệu tham khảo

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2007), *Sinh lý học tập I*, NXBYH
2. Trường ĐH Y Hà Nội (2007), *Sinh lý học tập II*, NXBYH
3. Trường ĐH Quân Y Hà Nội (2007), *Bài giảng sinh lý học*, NXBYH
4. Trường ĐH Quân Y Hà Nội (2007), *Bài giảng sinh lý học tập II*, NXBYH
5. Văn Đình Hoa, Nguyễn Ngọc Lanh (2007), *Sinh lý bệnh và Miễn dịch*, NXB Y học
6. Trường Đại học Y Hà Nội (2008), *Sinh lý học*, NXB Y học.
7. Trường Đại học Y Hà Nội (2008), *Sinh lý bệnh học*, NXB Y học.

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Bài 1: Sinh lý học đại cương:	1,0			2,0	3,0	Đọc trước tài liệu ở nhà trước khi lên lớp. Thảo luận.
	Bài 2: Sinh lý màng tế bào	1,0			2,0	3,0	NT
	Bài 3: Sinh lý máu	1,5	0,5		6,0	8,0	NT
2	Bài 3: Sinh lý máu (tiếp)	1,0				1,0	NT
	<b>Bài 4: Sinh lý hệ nội tiết</b>	2,5	0,5		6,0	9,0	NT
3	<b>Bài 5: Sinh lý hệ tiết niệu</b>	2,5	0,5		6,0	9,0	NT
	<b>Bài 6: Sinh lý hệ sinh dục</b>	1,0			6,0	7,0	NT
4	<b>Bài 6: Sinh lý hệ sinh dục (tiếp)</b>	1,5	0,5			2,0	NT
	Bài 7: Sinh lý hệ thần kinh trung ương	3,0	1,0		8,0	12,0	NT
5	Bài 8: Sinh lý hệ tuần hoàn	2,5	0,5		6,0	9,0	NT
	Bài 9: Sinh lý hệ hô hấp	1,0			6,0	7,0	NT
6	Bài 9: Sinh lý hệ hô hấp (tiếp)	1,5	0,5			2,0	NT
	Bài 10: Sinh lý chuyển hóa năng lượng và điều nhiệt	1,5	0,5		4,0	6,0	NT
7	Bài 11: Sinh lý hệ tiêu hóa	2,5	0,5		6,0	9,0	NT
	<b>Kiểm tra phần sinh lý học</b>	1,0				1,0	
1	Giới thiệu môn học và các khái niệm cơ bản	1,0			2,0	3,0	NT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, NC	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	Rối loạn chuyển hoá Glucid	2,0			4,0	6,0	NT
	Rối loạn chuyển hoá Protein	1,0			2,0	3,0	NT
2	Rối loạn chuyển hoá nước và điện giải	2,0			4,0	6,0	NT
	Rối loạn cân bằng Acid-Base	2,0			4,0	6,0	NT
3	Các rối loạn cơ bản trong viêm	1,5			3,0	4,5	NT
	Các rối loạn cơ bản về điều hoà thân nhiệt – Sốt.	1,5			3,0	4,5	NT
	Rối loạn cấu tạo máu	2,0			4,0	6,0	NT
4	SLB chức năng tuần hoàn	3,0			6,0	9,0	NT
	SLB chức năng hô hấp	2,0			4,0	6,0	NT
5	SLB chức năng tiêu hoá	2,0			4,0	6,0	NT
	SLB chức năng gan	1,5			3,0	4,5	NT
	SLB chức phận tiết niệu	1,5			3,0	4,5	NT
6	Miễn dịch học cơ bản	3,0			6,0	9,0	NT
7	SLB chức năng miễn dịch	3,0			6,0	9,0	NT
	<b>Kiểm tra phần Sinh lý bệnh</b>	<b>1,0</b>				<b>1,0</b>	NT
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60</b>	<b>5</b>		<b>116</b>	<b>118</b>	

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, NC	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	<b>PHẦN THỰC HÀNH</b>						
1	Định công thức bạch cầu Tốc độ lắng huyết cầu Quan sát tuần hoàn mao mạch	1	1		3	5	Nghe giảng lý thuyết thực hành, quan sát băng hình, KTV làm mẫu, thảo luận, làm thực hành
2	Thử tác dụng của Insulin trên thỏ Định thời gian máu chảy, máu đông	1	1		3	5	NT
3	Định nhóm máu hệ ABO bằng phương pháp huyết thanh mẫu	1	1		3	5	NT
4	Thử tác dụng của Insulin gây hạ đường máu. Cơ chế bệnh sinh bệnh tiểu đường. Định lượng Glucose máu	1	1		3	5	NT
5	Sinh lý bệnh máu Sinh lý bệnh chức năng tuần hoàn - Sốc	1	1		3	5	NT
6	Phản ứng kết hợp KN- KT: ứng dụng Chẩn đoán có thai sớm, nguyên lý phản ứng ELISA, Cơ chế sốc do truyền nhầm nhóm máu Kiểm tra thực hành	1	1		2	4  1	NT

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Tham gia thảo luận trên lớp;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra-đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 3**

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm
- Thời gian: 50 phút/ 1 bài

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: trắc nghiệm
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 19. DƯỢC LÝ

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Dược lý**
- Mã học phần: **PHA200** Số tín chỉ: **4 (3LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: **Giải phẫu – Mô; Sinh lý; Vi sinh – ký sinh trùng**
- Các học phần học song hành: **Sinh lý bệnh – miễn dịch.**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 45 tiết
  - + Thực hành tại phòng thực hành: 30 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Dược**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần dược lý, sinh viên có những năng lực sau:

- Trình bày được khái niệm về thuốc, vai trò của thuốc, các cách tác dụng của thuốc dùng cho người để hướng dẫn người bệnh dùng thuốc đúng và an toàn.
- Trình bày được quá trình dược động học của thuốc, giúp người bệnh dùng thuốc hợp lý và hiệu quả.
- Phân tích được quan niệm dùng thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, để nhận biết được sự tương tác giữa thuốc với thuốc và thuốc với thức ăn, đồ uống, giúp người bệnh tránh việc lạm dụng thuốc và những tác dụng bất lợi.
- Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định điều trị, chống chỉ định, đường sử dụng, bảo quản của các dạng thuốc thường dùng, giúp người bệnh sử dụng thuốc đạt hiệu quả cao, phát hiện và xử trí ban đầu các dấu hiệu của phản ứng có hại của thuốc, báo cáo kịp thời cho bác sỹ điều trị.
- Nhận biết được các dạng thuốc thường dùng và biết cách sử dụng các dạng thuốc đó để hướng dẫn sử dụng được các nhóm thuốc thông thường dùng cho người trong thực tế hành nghề
- Quan sát qua hình ảnh và thống kê được hầu hết các loại thuốc hiện có mặt trên thị trường thuốc Việt Nam và những thuốc thế hệ mới, giúp cho việc hành nghề phù hợp với thực tế.

#### 3. Mô tả học phần

Dược lý là một học phần cơ sở trong chương trình đào tạo điều dưỡng. Học phần dược lý cung cấp những kiến thức cơ bản về dược động học, tác dụng, áp dụng lâm sàng của thuốc, về các tai biến khi dùng thuốc, giúp sinh viên điều dưỡng hiểu rõ về thuốc – một phương tiện chủ yếu, quan trọng trong công tác phòng và chữa bệnh cho người. Trên cơ sở hiểu biết về thuốc, có thể tư vấn cho người dùng thuốc cách sử dụng

thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng việc chăm sóc sức khoẻ người bệnh.

\* **Phần lý thuyết:** gồm 9 chương, 22 bài được bố cục theo tác dụng điều trị của thuốc và được chia làm 3 phần

Phần 1: bao gồm các kiến thức đại cương, các nhóm thuốc làm giảm triệu chứng bệnh, làm giảm hoặc mất cảm giác của một bộ phận hay toàn thân.

Phần 2: bao gồm các nhóm thuốc nâng cao sức khoẻ, phục hồi hoặc điều chỉnh chức năng cơ thể, thuốc tác dụng lên quá trình đông máu, thuốc tác dụng trên hệ hô hấp và thuốc điều trị các bệnh đường tiêu hoá.

Phần 3: bao gồm các nhóm thuốc kháng khuẩn, kháng virus, kháng nấm, thuốc nội tiết và điều chỉnh rối loạn nội tiết, thuốc tác dụng trên tim mạch thường gặp.

\* **Phần thực hành:** Sinh viên được thực hành tại phòng thực hành của bộ môn sau khi kết thúc phần lý thuyết. Sinh viên sẽ nhận biết, phân biệt các dạng thuốc thường dùng và hướng dẫn cách dùng của các dạng thuốc này; quan sát qua hình ảnh tư liệu và thống kê các thuốc hiện lưu hành trên thị trường Việt Nam.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>V. PHẦN LÝ THUYẾT</b>		
<b>Phần 1:</b> Đại cương, Thuốc làm giảm triệu chứng bệnh, làm giảm hoặc mất cảm giác của một bộ phận hay toàn thân.			
	Chương 1: Đại cương Dược lý học	4	
	Chương 2: Bài 1: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm, thuốc điều trị bệnh GUT	4	
	Bài 2: Thuốc giảm đau thực thể	1	
	Bài 3: Thuốc gây tê – gây mê	2	
	Bài 4: Thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật	2	
	Bài 5: Thuốc chống dị ứng	2	
<b>Phần 2</b> Thuốc nâng cao sức khoẻ, phục hồi hoặc điều chỉnh chức năng cơ thể, thuốc tác dụng lên quá trình đông máu, thuốc tác dụng trên hệ hô hấp và thuốc điều trị các bệnh đường tiêu hoá			
	Chương 3: Bài 1: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp	2	
	Bài 2: Thuốc điều trị bệnh thiếu máu Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu	2	
	Bài 3: Thuốc hạ Lipid máu	3	
	Bài 4: Vitamin	3	
	Bài 5: Dung dịch tiêm truyền	1	
	<b>CHƯƠNG 4:</b>		
	Bài 1: Thuốc điều trị bệnh đường tiêu hoá	2	



<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
	Bài 2: Thuốc điều trị giun sán	1	
<b>Phần 3:</b> Thuốc kháng khuẩn, kháng virus, kháng nấm, thuốc nội tiết và điều chỉnh rối loạn nội tiết, thuốc tác dụng trên tim mạch.			
	Chương 5 Bài 1: Thuốc kháng sinh – Sulfamid kháng khuẩn	4	
	Bài 2: Thuốc hỗ trợ điều trị virus	2	
	Kiểm tra	1	
	Chương 6: Bài 1: Thuốc nội tiết và điều chỉnh rối loạn nội tiết	3	
	Bài 2: Thuốc điều trị bệnh phụ nữ		Tự đọc tài liệu
	<b>Chương 7: THUỐC TÁC DỤNG TRÊN TIM MẠCH - THUỐC LỢI TIÊU</b>	4	
	Chương 8: Bài 1: Thuốc điều trị lao, phong	1	
	Bài 2: Thuốc điều trị sốt rét	1	
	Chương 9: Bài 1: Thuốc dùng trong chuyên khoa Bài 2: Thuốc sát khuẩn - Thuốc dùng ngoài da		Tự đọc tài liệu
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>45</b>	
	<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>		
1	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: - Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm - Thuốc điều trị bệnh gút - Thuốc giảm đau thực thể - Thuốc chống dị ứng - Thuốc gây tê, gây mê - Thuốc Giảm ho, long đờm - Thuốc làm giãn cơ trơn khí phế quản	5	
2	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: - Thuốc điều trị bệnh thiếu máu - Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu - Vitamin - Thuốc hạ lipid máu	5	
3	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: - Dung dịch tiêm truyền	5	

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	- Thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật - Thuốc điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng. - Thuốc điều trị bệnh tiêu chảy, lỵ amip. - Thuốc nhuận tràng, thuốc tẩy, thông mật, lợi mật - Thuốc điều trị giun, sán - Thuốc hỗ trợ điều trị virus		
4	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: Thuốc kháng sinh và Sulfamid kháng khuẩn	5	
5	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: - Hormon - Thuốc điều trị bệnh phụ nữ - Thuốc điều trị lao, phong – Sốt rét <b>Kiểm tra nhóm 1</b>	4       1	
6	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: - Thuốc tác dụng trên tim mạch - Thuốc lợi tiểu - Thuốc dùng trong chuyên khoa - Thuốc dùng ngoài da – Thuốc sát khuẩn <b>Kiểm tra nhóm 2</b>	4       1	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>75</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- \* Phương pháp giảng dạy lý thuyết: thuyết trình, phát vấn.
- \* Phương pháp giảng dạy thực hành:
  - Trình chiếu, thuyết minh, hình ảnh tư liệu.
  - Hướng dẫn cách nhận thức các dạng thuốc

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều Dưỡng Nam Định (2016), *Dược lý học*, NXB Giáo dục
2. Bộ Y tế (2007), *Dược lý học tập 1,2*, NXB Y học, Hà Nội.

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2007), *Dược lâm sàng đại cương, Dược lâm sàng điều trị* NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2007), *Hóa dược tập 1,2*, NXB Y học.
3. Bộ Y tế (2007), *Pháp chế hành nghề dược*, NXB Y học.
4. Đào Văn Phan (2012), *Dược lý học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Viện nghiên cứu và phổ biến kiến thức bách khoa (2007), *Từ điển bách khoa dược học*, NXB Từ điển bách khoa viện nghiên cứu và phổ biến kiến thức bách khoa.

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1.	Chương 1: Đại cương dược lý học	4					4	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.
2.	Chương 2: Bài 1: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm – Thuốc điều trị gút Bài 2: Thuốc giảm đau thực thể	4 1					5	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.
3.	Chương 2: Bài 3: Thuốc gây tê, gây mê. Bài 4: Thuốc an thần gây ngủ, chống co giật	2 2					4	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.
4.	Chương 3: Bài 1: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp Bài 2: Thuốc điều trị bệnh thiếu máu – Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu	2 2					4	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.
5.	Chương 2: Bài 5: Thuốc chống dị ứng Chương 3: Bài 3: Thuốc hạ lipid máu	2 3					5	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.
6.	Chương 3: Bài 4: Vitamin Bài 5: Dung dịch tiêm truyền	3 1					4	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.
7.	Chương 4: Bài 1: Thuốc điều trị bệnh đường tiêu hoá	2					4	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	Bài 2: Thuốc điều trị giun sán	1						
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	1						
8.	Chương 5: Bài 1: Thuốc kháng sinh – Sulfamid kháng khuẩn Chương 9: Thuốc dùng trong chuyên khoa-Thuốc sát khuẩn- Thuốc dùng ngoài da.	4					4	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp. Tự học chương 9 Đọc tr 256-271 “Dược lý học”
9.	Chương 6: Bài 1: Thuốc nội tiết và điều chỉnh rối loạn nội tiết Bài 2: Thuốc điều trị bệnh phụ nữ	3					3	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp. Tự học: -Bài 2 chương 6, Đọc tr 215-223 “Dược lý học”
10.	Chương 5: Bài 2: Thuốc hỗ trợ điều trị virus Chương 8: Bài 1: Thuốc điều trị lao phong Bài 2: Thuốc điều trị sốt rét	2 1 1					4	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.
11.	Chương 7: Thuốc tác dụng trên tim mạch – Thuốc lợi tiểu	4					4	Nghe giảng, trả lời câu hỏi của giảng viên, nêu ý kiến thắc mắc và nghe giải đáp.
12.	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: - Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm - Thuốc điều trị bệnh gút				5		5	Quan sát hình ảnh tư liệu qua máy chiếu, nghe, nhìn hướng dẫn của giảng viên về cách nhận biết các dạng thuốc quy định trong buổi

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuốc giảm đau thực thể</li> <li>- Thuốc chống dị ứng</li> <li>- Thuốc gây tê, gây mê</li> <li>- Thuốc Giảm ho, long đờm</li> <li>- Thuốc làm giãn cơ trơn khí phế quản</li> </ul>							thực hành, chia cặp đóng vai người hướng dẫn dùng thuốc để nhận thức thuốc.
13	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuốc điều trị bệnh thiếu máu</li> <li>- Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu</li> <li>- Vitamin</li> <li>- Thuốc hạ lipid máu</li> </ul>				5		5	Quan sát hình ảnh tư liệu qua máy chiếu, nghe, nhìn hướng dẫn của giảng viên về cách nhận biết các dạng thuốc quy định trong buổi thực hành, chia cặp đóng vai người hướng dẫn dùng thuốc để nhận thức thuốc.
14.	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung dịch tiêm truyền</li> <li>- Thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật</li> <li>- Thuốc điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng.</li> <li>- Thuốc điều trị bệnh tiêu chảy, lỵ amip.</li> <li>- Thuốc nhuận tràng, thuốc tẩy, thông mật, lợi mật</li> <li>- Thuốc điều trị giun, sán</li> <li>- Thuốc hỗ trợ điều trị virus</li> </ul>				5		5	Quan sát hình ảnh tư liệu qua máy chiếu, nghe, nhìn hướng dẫn của giảng viên về cách nhận biết các dạng thuốc quy định trong buổi thực hành, chia cặp đóng vai người hướng dẫn dùng thuốc để nhận thức thuốc .
15.	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc:				5		5	Quan sát hình ảnh tư liệu qua máy chiếu, nghe, nhìn hướng dẫn của

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	Thuốc kháng sinh và Sulfamid kháng khuẩn							giảng viên về cách nhận biết các dạng thuốc quy định trong buổi thực hành, chia cặp đóng vai người hướng dẫn dùng thuốc để nhận thức thuốc.
16.	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: - Hormon - Thuốc điều trị bệnh phụ nữ - Thuốc điều trị lao, phong – Sốt rét				4		5	
	<b>Kiểm tra nhóm 1</b>				1			
17.	Quan sát hình ảnh tư liệu - Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các nhóm thuốc: - Thuốc tác dụng trên tim mạch - Thuốc lợi tiểu - Thuốc dùng trong chuyên khoa - Thuốc dùng ngoài da - Thuốc sát khuẩn				4			Quan sát hình ảnh tư liệu qua máy chiếu, nghe, nhìn hướng dẫn của giảng viên về cách nhận biết các dạng thuốc quy định trong buổi thực hành, chia cặp đóng vai người hướng dẫn dùng thuốc để nhận thức thuốc
	<b>Kiểm tra nhóm 2</b>				1			
	<b>Tổng số tiết</b>	<b>45</b>			<b>30</b>		<b>75</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Phải tự học các bài đã quy định tự đọc trong chương trình, nếu có ý kiến thắc mắc phải nêu ra trong buổi lên lớp kế tiếp để được nghe giải đáp (nếu cần thiết thì thực hiện việc trao đổi bằng cách gặp trực tiếp giảng viên hoặc qua điện thoại và địa chỉ mail)

- Phải có mặt đầy đủ các buổi học lý thuyết trên lớp (không được nghỉ quá 25% tổng số thời gian lên lớp lý thuyết), lên lớp đúng giờ.

- Phải tham gia đủ các buổi thực hành (nếu vắng có lý do) phải xin phép được học bù. Trong mỗi buổi thực hành nếu đi muộn trên 15 phút thì không được phép vào lớp, phải học lại buổi học đó.

- Sinh viên phải ngồi đúng vị trí quy định tại phòng thực hành theo sơ đồ mà giảng viên đã đề ra

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

Theo Quy chế 43. Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo ĐH sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp đầy đủ.
- Thái độ, ý thức học tập trên lớp tốt.

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra lý thuyết: 1
- Hình thức có thể là: Viết, câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc trắc nghiệm.
- Thời gian: 45 phút
- Số lần kiểm tra thực hành: 1
- Hình thức: vấn đáp
- Thời gian: 10 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: viết, câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc trắc nghiệm.
- Thời gian: 60- 90 phút

## HỌC PHẦN

### 20. DINH DƯỠNG TIẾT CHẾ

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Dinh dưỡng tiết chế**
- Mã học phần: **NUT 200**                      Số tín chỉ: **TS: 2(1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: **Sinh lý, Hóa sinh**
- Các học phần học song hành: **Kiến thức cơ sở ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết
  - + Thực hành ở phòng thực hành: 30 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Y tế cộng đồng**

#### 2. Mục tiêu của học phần

#### 3. Mô tả học phần

- Học phần Dinh dưỡng tiết chế cung cấp những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng: dinh dưỡng căn bản, dinh dưỡng các lứa tuổi, ảnh hưởng của dinh dưỡng đến sức khỏe-bệnh tật, phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng, cách xây dựng khẩu phần ăn cho người bình thường và người bệnh, kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm để có thể tư vấn cho người bệnh hiểu thêm về bệnh tật và cách sử dụng các chất dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe đồng thời cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong khi thực hiện nhiệm vụ của người điều dưỡng như: Kiểm tra, đánh giá được một số thực phẩm trong việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

Nhu cầu ăn, uống là nhu cầu tối thiểu nhất của con người, ăn uống không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe con người mà nó còn có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của con người.

Vì vậy, học phần này có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho con người. Do đó học phần này có liên quan đến hầu hết những môn y học (điều dưỡng) lâm sàng cũng như y học dự phòng .

Học phần Dinh dưỡng tiết chế gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

#### **Phần lý thuyết: gồm 16 tiết**

Sinh viên sẽ được học phần này tại giảng đường gồm 3 buổi lý thuyết được trình bày dưới dạng thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập và thực hiện các bài tập nhóm. Tập giải quyết các vấn đề theo tình huống cụ thể dưới sự giám sát của các giảng viên và trợ giảng, đồng thời phải thực hiện 1 bài kiểm tra. Những buổi học này giúp cho học viên các kiến thức cơ bản về vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng; ảnh hưởng của dinh dưỡng đến sức khỏe và bệnh tật; vai trò của dinh dưỡng trong điều trị; nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn cho người bình thường và người bệnh...

#### **Phần thực hành: gồm 30 tiết**



Trước khi học phần thực hành, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

Phần này sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng tại phòng thực hành của Bộ môn gồm 6 buổi. Sinh viên sẽ phải thực hiện các kỹ năng theo nhóm hoặc cá nhân dưới sự hướng dẫn của các giảng viên của bộ môn: Sinh viên sẽ được thực hiện các kỹ năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn cho người bình thường, người bệnh; kỹ năng đánh giá vệ sinh bếp ăn tập thể...

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
<b>Chương 1</b>	<b>Tổng quan dinh dưỡng – Dinh dưỡng căn bản</b>	<b>5</b>	
Bài 1	Tổng quan về dinh dưỡng học	1	
Bài 2	Vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng	1	
Bài 3	Thành phần dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm nguồn gốc động vật	1	
Bài 4	Thành phần dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm nguồn gốc thực vật	1	
Bài 5	Giới thiệu bảng thành phần thực phẩm Việt Nam	1	
<b>Chương 2</b>	<b>Dinh dưỡng các lứa tuổi</b>	<b>3</b>	
Bài 6	Dinh dưỡng trẻ em	1	
Bài 7	Dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú	2	
<b>Chương 3</b>	<b>Dinh dưỡng – Sức khỏe và bệnh tật</b>	<b>2</b>	
Bài 8	Ảnh hưởng của dinh dưỡng đến sức khỏe và bệnh tật	1	
Bài 9	Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng	1	
<b>Chương 4</b>	<b>Dinh dưỡng cộng đồng</b>	<b>1</b>	
Bài 10	Phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng	1	
Bài 11	Truyền thông giáo dục và tư vấn dinh dưỡng	0	Đọc thêm
Bài 12	Can thiệp dinh dưỡng	0	Đọc thêm
Bài 13	Giám sát dinh dưỡng	0	Đọc thêm
<b>Chương 5</b>	<b>Dinh dưỡng điều trị - Tiết chế dinh dưỡng</b>	<b>5</b>	
Bài 14	Vai trò của dinh dưỡng điều trị và tiết chế dinh dưỡng	0	Đọc thêm
Bài 15	Nguyên tắc thực hành tiết chế dinh dưỡng	1	
Bài 16	Phương pháp xây dựng và đánh giá khẩu phần	1	
Bài 17	Tính nhu cầu dinh dưỡng người bệnh	1	

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
Bài 18	Một số kỹ năng chế biến món ăn cơ bản	0	Đọc thêm
Bài 19	Xây dựng, tổ chức khoa dinh dưỡng trong bệnh viện	1	
	Số tiết lý thuyết	16	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
Bài 1	Thực hành đánh giá tình trạng dinh dưỡng và tình nhu cầu năng lượng cho phụ nữ mang thai và sau sinh các giai đoạn	5	
Bài 2	Thực hành đánh giá tình trạng dinh dưỡng và tình nhu cầu năng lượng cho người bệnh	5	
Bài 3	Thực hành tính nhu cầu dinh dưỡng và xây dựng khẩu phần ăn cho trẻ em các lứa tuổi	5	
Bài 4	Thực hành tính nhu cầu dinh dưỡng và xây dựng khẩu phần ăn cho phụ nữ mang thai và sau sinh các giai đoạn	5	
Bài 5	Thực hành phương pháp điều tra và đánh giá khẩu phần cho trẻ em các lứa tuổi	4	
Kiểm tra ĐK 2		1	
Bài 6	Kiểm tra vệ sinh bếp ăn tập thể	5	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>60</b>	

## **5. Phương pháp giảng dạy**

- Phần học Lý thuyết:

- + Phương pháp giảng dạy bằng thuyết trình,
- + Thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân/nhóm/tiểu luận.

- Phần học Thực hành:

- + Hướng dẫn kỹ năng thực hành, làm bài tập
- + Kiểm tra kỹ năng thực hành bằng bảng kiểm, chữa bài tập

## **6. Tài liệu học tập**

\* **Giáo trình:**

1. Trường ĐH điều dưỡng Nam Định- Bộ môn Y tế cộng đồng (2014). *Dinh dưỡng tiết chế*. (Tài liệu lưu hành nội bộ)
2. Trường Đại học Y Hà Nội - Bộ môn Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm (2004). *Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm*, NXB Y học

**\* Tài liệu tham khảo:**

1. Lê Thị Hợp (2004). "*Đánh giá tình trạng dinh dưỡng*", Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, Trường Đại học y Hà Nội, Nhà xuất bản y học, Hà nội, trang 173.
2. Viện Dinh dưỡng (2007). *Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam*, NXB Y học, Hà nội.
3. Trường Đại học Y khoa Hà Nội (2002). *Bệnh học truyền nhiễm*, NXB Y học, Hà nội
4. Viện Dinh dưỡng (2007). *Bảng thành phần dinh dưỡng, thực phẩm Việt Nam*, NXB Y học, Hà nội.
5. Hà Huy Khôi – Từ Giấy (2005). *Dinh dưỡng hợp lý và sức khỏe*, NXB Y học

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Tổng quan về dinh dưỡng học	1				2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia phát biểu ý kiến, thảo luận nhóm</li> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia phát biểu ý kiến</li> </ul>
	Vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng	0,5		0,5		2	
	Thành phần dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm nguồn gốc động vật	1				2	
	Thành phần dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm nguồn gốc thực vật	1				2	
	Giới thiệu bảng thành phần thực phẩm Việt Nam	1				<b>4</b>	
2	Dinh dưỡng trẻ em	1				2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia phát biểu ý kiến, thảo luận nhóm</li> </ul>
	Dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú	1		1		4	
	Ảnh hưởng của dinh dưỡng đến sức khỏe và bệnh tật	0,5		0,5		2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia phát biểu ý kiến, thảo luận nhóm, trình bày</li> </ul>
	Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng	0,5		0,5		2	
	Phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng	1				4	

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
							nội dung thảo luận
3	Nguyên tắc thực hành tiết chế dinh dưỡng	0,5		0,5		3	- Tham gia phát biểu ý kiến, thảo luận nhóm, trình bày nội dung thảo luận
	Phương pháp xây dựng và đánh giá khẩu phần	1				3	
	Tính nhu cầu dinh dưỡng người bệnh	0,3		0,7		3	
	<b>Kiểm tra ĐK 1</b>	1					
	Xây dựng, tổ chức khoa dinh dưỡng trong bệnh viện	0,5		0,5		4	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia phát biểu ý kiến, thảo luận nhóm, trình bày nội dung thảo luận
4	Thực hành đánh giá tình trạng dinh dưỡng và tính nhu cầu năng lượng cho phụ nữ mang thai và sau sinh các giai đoạn	2			3	5	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thực hành kỹ năng, làm bài tập
5	Thực hành đánh giá tình trạng dinh dưỡng và tính nhu cầu năng lượng cho người bệnh	2			3	5	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thực hành kỹ

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
							năng, làm bài tập
6	Thực hành tính nhu cầu dinh dưỡng và xây dựng khẩu phần ăn cho phụ nữ mang thai và sau sinh các giai đoạn	2			3	5	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thực hành kỹ năng, làm bài tập
7	Thực hành tính nhu cầu dinh dưỡng và xây dựng khẩu phần ăn cho một số bệnh	2			3	5	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thực hành kỹ năng, làm bài tập
8	Thực hành phương pháp điều tra và đánh giá khẩu phần cho trẻ em các lứa tuổi	2			2	5	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thực hành kỹ năng, làm bài tập
9	Kiểm tra vệ sinh bếp ăn tập thể	1		1	3		- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham quan, thảo luận
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>10,8</b>		<b>4,2</b>	<b>17</b>	<b>38</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1
- Hình thức kiểm tra: 1 bài kiểm tra TH: tự luận
- Thời gian: 45 phút/ 1 bài kiểm tra

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 21. ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1 – CẤP CỨU BAN ĐẦU

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Điều dưỡng cơ sở I- Cấp cứu ban đầu**
- Mã học phần: FUN21601 Số tín chỉ: **4(2LT/2TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết:  
**Giải phẫu; Sinh lý; Vi sinh vật, ký sinh trùng, hóa sinh. Dược lý.**
- Các học phần học song hành:

#### Một số môn học cơ sở khối ngành (Tâm lý y học- đạo đức y học...)

- Các yêu cầu khác đối với học phần: **Trước khi học phần thực hành sinh viên phải hoàn thành phần lý thuyết của bài học.**

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Lý thuyết: 30 tiết
  - + Thuyết trình: 25 tiết
  - + Thảo luận: 04
  - + Bài tập trên lớp: 01 tiết.
- Thực hành ở phòng thực hành: 60 tiết
- Tự học: 120 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng cơ sở**

#### 2. Mục tiêu của học phần

- Trình bày được sơ lược chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam (mục tiêu 1); (chuẩn 1.A.13)

- Trình bày được nội dung cơ bản của quy trình điều dưỡng và ứng dụng QTQDD trong thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc (chuẩn 3.B.11; 5.B.9).

- Thực hiện được một số kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản (chuẩn 3.B.4; chuẩn 4.B.8; 4.B.20, 5.B.11).

- Trình bày được các nguyên tắc trong cấp cứu ban đầu và thực hiện được các kỹ thuật cấp cứu ban đầu (4.B.25).

- Sử dụng và quản lý được một số trang thiết bị y tế thường dùng trong chăm sóc người bệnh (chuẩn 1.B.15).

#### 3. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về các chuẩn thực hành điều dưỡng, hộ sinh; quy trình điều dưỡng; nhận định thực thể và một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh và cấp cứu ban đầu



Học phần cơ sở có 2 phần: lý thuyết và thực hành

- Phần lý thuyết: bố cục thành 5 chương với 30 bài. Gồm 30 tiết

+ Chương 1: Cơ sở lý luận thực hành Điều dưỡng

+ Chương 2: Dấu hiệu sống.

+ Chương 3: Thuốc và dinh dưỡng

+ Chương 4: Vệ sinh – Bài tiết – Xét nghiệm – Thay băng

+ Chương 5: Cấp cứu ban đầu

Phần này sinh viên sẽ học tại giảng đường, đồng thời tự học bằng cách tìm các tài liệu làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.

- Phần thực hành: Nội dung học tập được chia theo 5 chủ đề.

+ Chủ đề 1: Quy trình điều dưỡng

+ Chủ đề 2: Dấu hiệu sống

+ Chủ đề 3: Thuốc và dinh dưỡng.

+ Chủ đề 4: Vệ sinh – Bài tiết – Xét nghiệm – Thay băng

+ Chủ đề 5: Cấp cứu ban đầu

Phần này sinh viên thực tập tại phòng thực hành của bộ môn tại trường và rèn luyện thêm bằng cách tự học tại nhà, thư viện hoặc phòng tự học thực hành.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần.

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
<b>Chương 1: Cơ sở lý luận thực hành điều dưỡng</b>		<b>06</b>	
Bài 1	Chuẩn năng lực Hộ sinh		
Bài 2	Nhu cầu cơ bản của con người		
Bài 3	Quy trình điều dưỡng		
<b>Chương 2: Dấu hiệu sống.</b>		<b>06</b>	
Bài 4	Theo dõi mạch		
Bài 5	Theo dõi nhiệt độ		
Bài 6	Theo dõi huyết áp động mạch		
Bài 7	Theo dõi nhịp thở		
Bài 8	Hút thông đường hô hấp		
Bài 9	Liệu pháp ô xy		
<b>Chương 3: Thuốc và dinh dưỡng</b>		<b>08</b>	
Bài 10	Cho người bệnh uống thuốc		
Bài 11	Tiêm an toàn		Đọc thêm hướng dẫn tiêm an toàn
Bài 12	Tiêm trong da		
Bài 13	Tiêm dưới da		
Bài 14	Tiêm bắp		
Bài 15	Tiêm tĩnh mạch		
Bài 16	Truyền dung dịch đường tĩnh mạch		
Bài 17	Truyền máu		

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
Bài 18	Cung cấp dinh dưỡng qua đường miệng		
Bài 19	Cung cấp dinh dưỡng qua ống thông dạ dày		
<b>Chương 4: Vệ sinh – Bài tiết – Xét nghiệm – Thay băng</b>		<b>06</b>	
Bài 20	Vệ sinh cho người bệnh		
Bài 21	Thụt tháo		
Bài 22	Thông tiểu – Dẫn lưu nước tiểu		
Bài 23	Lấy bệnh phẩm xét nghiệm		
Bài 24	Thay băng – rửa vết thương		
<b>Chương 5: Cấp cứu ban đầu</b>		<b>04</b>	
Bài 25	Băng vết thương.		
Bài 26	Sơ cứu chảy máu		
Bài 27	Cấp cứu ngừng hô hấp, tuần hoàn		
Bài 28	Sơ cứu gãy xương		
Bài 29	Vận chuyển bệnh nhân		
<b>Số tiết lý thuyết</b>		<b>30</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
1	Quy trình điều dưỡng	4	
3	Dấu hiệu sống	8	
4	Thuốc và dinh dưỡng	16	
5	Vệ sinh – Bài tiết – Xét nghiệm - Thay băng	16	
6	Cấp cứu ban đầu	16	
<b>Số tiết thực hành</b>		<b>60</b>	
<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>		<b>30/60</b>	

## **5. Phương pháp giảng dạy**

### **5.1. Phần học Lý thuyết**

Phương pháp: Thuyết trình, thảo luận nhóm và tự học.

- Trước khi bắt đầu học phần sinh viên được phổ biến toàn bộ nội dung học tập, được giới thiệu các tài liệu cần thiết có liên quan đến học phần cũng như phương pháp học, phương pháp đánh giá.

- Mỗi buổi giảng, giảng viên thực hiện theo các bước: thuyết trình sau đó giao bài tập về nhà cho sinh viên tự học theo nhóm hoặc cá nhân (Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên cách tìm tài liệu học tập và làm bài tập). Sinh viên hoàn thành bài tập nộp/gửi qua email cho giảng viên. Trong quá trình làm bài tập sinh viên có vướng mắc có thể liên hệ với giảng viên để được giúp đỡ. Sinh viên thảo luận tập trung trên lớp để trình bày các vấn đề/bài tập đã được giao và trao đổi về những vấn đề còn thắc mắc. Giảng viên tổng kết và cho ý kiến thống nhất về kiến thức đã được học.

### **5.2. Phần học thực hành**

- Phần thực hành trong học phần điều dưỡng cơ sở được diễn ra tại phòng thực hành của bộ môn.

- Phương pháp giảng thực hành là huấn luyện kỹ năng nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành chăm sóc cơ bản. Mỗi kỹ năng sinh viên được huấn luyện qua các giai đoạn:

+ Giảng viên làm mẫu (30 phút).

+ Thực hành dưới sự giám sát của giảng viên/người hướng dẫn (sinh viên được chia thành nhóm học tập (10 -15 sinh viên)

+ Tự thực hành (các sinh viên tự tổ chức thực hành và giám sát việc học theo nhóm dưới sự điều hành, uốn nắn của giảng viên/người hướng dẫn.

+ Đánh giá: giảng viên đánh giá hoàn thành kỹ năng học tập của sinh viên dưới 2 hình thức đánh giá thường xuyên sau mỗi kỹ năng được học hoặc trong quá trình huấn luyện kỹ năng, đánh giá cuối đợt nhằm đánh giá mức độ thành đạt về thực hành của sinh viên đối với phần thực hành của học phần.

- Sinh viên có thể đăng ký thời gian tự học thực hành tại khu thực hành của bộ môn để tự hoàn thiện và trau dồi kỹ năng học tập.

## **6. Tài liệu học tập.**

### **\* Giáo trình:**

1. Đỗ Đình Xuân (2010), *Kỹ năng thực hành Điều dưỡng T1, T2*, NXB Giáo dục.

2. Nguyễn Mạnh Dũng (2013), *Điều dưỡng cơ sở* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Patricia A. Potter, Anne Griffin Perry (2001), *FUNDAMENTALS OF NURSING*. ISBN 0-323-01141-1. 2001

2. Lisa Dougherty and Sara Lister (2010), *CLINICAL NURSING PROCEDURES*. ISBN-13; 978.14051-0161-5

### 7. Lịch trình thực hiện.

TT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, tự nghiên cứu	Tổng số tiết	Ghi chú	
		Lên lớp							
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành				
Tin chỉ 1	1	Chuẩn năng lực Hộ sinh							
	2	Nhu cầu cơ bản của con người							
	2	Quy trình điều dưỡng	6		1		8	7	
	3	TH bài Quy trình điều dưỡng				5	8	5	
	4	Theo dõi mạch							
		Theo dõi nhiệt độ							
		Theo dõi huyết áp động mạch	2				4		
		Theo dõi nhịp thở							
		Hút thông đường hô hấp							
	4	Liệu pháp ô xy	1		1		4	4	
	5	TH theo dõi mạch				1			
		TH theo dõi nhiệt độ, chườm				1			
TH theo dõi huyết áp động mạch					2				
TH theo dõi nhịp thở					1				
6	TH hút thông đường hô hấp				2				
	TH liệu pháp Oxy				3	20	10		
Tin chỉ 2	7	Cho người bệnh uống thuốc							
	8	Tiêm an toàn							
		Tiêm trong da							
		Tiêm dưới da							
		Tiêm bắp							
		Tiêm tĩnh mạch							
	8	Truyền Dd tĩnh mạch							
	9	Truyền máu	7		1		4		
		CC dinh dưỡng đường miệng							
		CC qua ống thông dạ dày	2				4	10	
		<b>Kiểm tra lý thuyết</b>	1					1	
	10	TH uống thuốc				1			
TH tiêm các loại					4				
11	TH truyền dịch				2				
	TH truyền máu				3				
12	TH cung cấp dinh dưỡng				5	12	15		

Tin chỉ 3		Vệ sinh cho người bệnh						
		Lấy bệnh phẩm xét nghiệm						
		Thụt tháo						
		Thông tiểu – Dẫn lưu nước tiểu						
	13	Thay băng – rửa vết thương	3	1			4	4
Tin chỉ 4		Băng vết thương.						
		Sơ cứu chảy máu						
		Cấp cứu ngừng hô hấp, tuần hoàn						
		Sơ cứu gãy xương						
	17	Vận chuyển người bệnh	3		1		4	4
Tin chỉ 4		TH băng vết thương				1		
		TH sơ cứu chảy máu				1		
	18	TH cấp cứu ngừng hô hấp, tuần hoàn				3		
		TH sơ cứu gãy xương				4		
	19	TH vận chuyển người bệnh				1	20	10
<b>20 Thi kết thúc học phần</b>						5		
Tổng			25	1	4	60	120	90

### 8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với giáo vụ bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua Email) sau đó phổ biến lại cho lớp

- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai thuận lợi và công bằng. Chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (áo choàng, phù hiệu, sổ học tập...).

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ dự lớp lý thuyết (theo quy chế).

- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (Mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần.

<b>Hoạt động đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>	<b>Số lần kiểm tra</b>	<b>Hình thức đánh giá, kiểm tra/thi</b>
Thái độ, chuyên cần	10%		Thời gian lên lớp và nộp bài tập cá nhân/nhóm.
Kiểm tra lý thuyết	20%	01	Viết, câu hỏi tự luận.
Kiểm tra thực hành	20%	01	Đánh giá thực hiện kỹ năng thực hành trong quá trình học dựa vào bảng kiểm
Thi hết học phần	50%	01	Thi OSPE



Sinh viên thực tập tại phòng thực hành của bộ môn tại trường. Nội dung học tập được chia theo 2 chủ đề:

- + Chủ đề 1: Nhận định thực thể
- + Chủ đề 3: Phụ giúp bác sỹ

Phần này sinh viên thực tập tại phòng thực hành của bộ môn tại trường và rèn luyện thêm bằng cách tự học tại nhà, thư viện hoặc phòng tự học thực hành.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần.

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>VI. PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
<b>Chương 1: Nhận định thực thể</b>		<b>08</b>	
Bài 1	Nhận định toàn thân		
Bài 2	Nhận định đầu – mặt – cổ		
Bài 3	Nhận định lồng ngực		
Bài 4	Nhận định ổ bụng		
Bài 5	Nhận định cơ, xương, khớp, cột sống		
<b>Chương 2: Phụ giúp bác sỹ</b>		<b>07</b>	
Bài 6	Phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng bụng		
Bài 7	Phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng phổi		
Bài 8	Phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng tim		
Bài 9	Phụ giúp bác sỹ chọc dịch não tủy		
Bài 10	Phụ giúp bác sỹ đặt Catheter tĩnh mạch dưới đòn.		
Bài 11	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản		
Bài 12	Phụ giúp bác sỹ mở khí quản		
Bài 13	Chăm sóc người bệnh thở máy		
<b>Số tiết lý thuyết</b>		<b>15</b>	
<b>VII. PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
1	Nhận định thực thể	15	
3	Phụ giúp bác sỹ	15	
<b>Số tiết thực hành</b>		<b>30</b>	
<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>		<b>15/30</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

##### 5.1. Phần học Lý thuyết

Phương pháp: Thuyết trình, thảo luận nhóm và tự học.

- Trước khi bắt đầu học phần sinh viên được phổ biến toàn bộ nội dung học tập, được giới thiệu các tài liệu cần thiết có liên quan đến học phần cũng như phương pháp học, phương pháp đánh giá.

- Mỗi buổi giảng, giảng viên thực hiện theo các bước: thuyết trình sau đó giao bài tập về nhà cho sinh viên tự học theo nhóm hoặc cá nhân (Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên cách tìm tài liệu học tập và làm bài tập). Sinh viên hoàn thành bài tập



nộp/gửi qua email cho giảng viên. Trong quá trình làm bài tập sinh viên có vướng mắc có thể liên hệ với giảng viên để được giúp đỡ. Sinh viên thảo luận tập trung trên lớp để trình bày các vấn đề/bài tập đã được giao và trao đổi về những vấn đề còn thắc mắc. Giảng viên tổng kết và cho ý kiến thống nhất về kiến thức đã được học.

## **5.2. Phần học thực hành**

- Phần thực hành trong học phần điều dưỡng cơ sở được diễn ra tại phòng thực hành của bộ môn.

- Phương pháp giảng thực hành là huấn luyện kỹ năng nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành chăm sóc cơ bản. Mỗi kỹ năng sinh viên được huấn luyện qua các giai đoạn:

+ Giảng viên làm mẫu (30 phút).

+ Thực hành dưới sự giám sát của giảng viên/người hướng dẫn (sinh viên được chia thành nhóm học tập (10 -15 sinh viên)

+ Tự thực hành (các sinh viên tự tổ chức thực hành và giám sát việc học theo nhóm dưới sự điều hành, uốn nắn của giảng viên/người hướng dẫn.

+ Đánh giá: giảng viên đánh giá hoàn thành kỹ năng học tập của sinh viên dưới 2 hình thức đánh giá thường xuyên sau mỗi kỹ năng được học hoặc trong quá trình huấn luyện kỹ năng, đánh giá cuối đợt nhằm đánh giá mức độ thành đạt về thực hành của sinh viên đối với phần thực hành của học phần.

- Sinh viên có thể đăng ký thời gian tự học thực hành tại khu thực hành của bộ môn để tự hoàn thiện và trau dồi kỹ năng học tập.

## **6. Tài liệu học tập.**

### **\* Giáo trình:**

1. Đỗ Đình Xuân (2010), *Kỹ năng thực hành Điều dưỡng T1, T2*, NXB Giáo dục.

2. Nguyễn Mạnh Dũng (2013), *Điều dưỡng cơ sở* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Patricia A. Potter, Anne Griffin Perry (2001), *FUNDAMENTALS OF NURSING*. ISBN 0-323-01141-1. 2001

2. Lisa Dougherty and Sara Lister (2010), *CLINICAL NURSING PROCEDURES*. ISBN-13; 978.14051-0161-5

## 7. Lịch trình thực hiện.

TT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, tự NC	Tổng số tiết	Ghi chú
		Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
Tín chỉ 1	1. Nhận định toàn thân	5	2	1	8	8		
	2. Nhận định đầu – mặt – cổ							
	3. Nhận định lồng ngực							
	4. Nhận định ổ bụng							
	5. Định cơ, xương, khớp, cột sống							
	2	TH bài 1: nhận định toàn thân			5	16	15	
	3	TH bài 2: nhận định đầu – mặt – cổ			3			
		TH bài 3: nhận định lồng ngực			2			
		TH bài 4 nhận định ổ bụng			3			
		TH bài 5: nhận định cơ – xương – khớp.			2			
Tín chỉ 2	6. Phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng bụng	2	1	1	8	7		
	7. Phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng phổi							
	8. Phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng tim							
	9. Phụ giúp bác sỹ chọc dịch não tủy							
	10. Phụ giúp bác sỹ đặt Catheter tĩnh mạch							
	5	11. Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản	2		1	8		
	6	12. Phụ giúp bác sỹ mở khí quản						
		13. Chăm sóc người bệnh thở máy						
		TH bài 6: Phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng bụng				1	10	
		TH bài 7: phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng phổi				1		
		TH bài 8: phụ giúp bác sỹ chọc dịch màng tim				1		
	11	TH bài 9: phụ giúp bác sỹ chọc dịch não tủy				1		
	12	TH bài 10: phụ giúp bác sỹ đặt Catheter tĩnh mạch dưới đòn.				3		
13						15		

	TH bài 11: phụ giúp đặt NKQ				1			
	TH bài 12: phụ giúp MKQ				1			
	TH bài 13. chăm sóc thở máy				1			
<b>Thi kết thúc học phần (OSPE)</b>					<b>5</b>			
<b>Tổng</b>		<b>9</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	<b>45</b>	

### 8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Đại diện sinh viên (Ban cán sự lớp) liên hệ với giáo vụ bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua Email) sau đó phổ biến lại cho lớp

- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai thuận lợi và công bằng. Chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (áo choàng, phù hiệu, sổ học tập...).

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ dự lớp lý thuyết (theo quy chế).

- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (Mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết).

### 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

<b>Hoạt động đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>	<b>Số lần kiểm tra</b>	<b>Hình thức đánh giá, kiểm tra/thi</b>
Thái độ, chuyên cần	10%		Thời gian lên lớp và nộp bài tập cá nhân/nhóm.
Kiểm tra thực hành	40%	01	Đánh giá thực hiện kỹ năng thực hành trong quá trình học dựa vào bảng kiểm
Thi hết học phần	50%	01	Thi OSPE

## HỌC PHẦN

### 23. KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Kiểm soát nhiễm khuẩn**
- Mã học phần: **IFC25400** Số tín chỉ: **2 (1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: **các môn cơ sở**.
- Các học phần học song hành:

#### **Điều dưỡng cơ sở I, II, các môn chuyên ngành.**

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - Lý thuyết: 15 tiết
    - + Thuyết trình: 7 tiết.
    - + Thảo luận: 8 tiết.
  - Thực hành ở phòng thực hành: 30 tiết
    - + Lên lớp học tại phòng thực hành: 18 tiết
    - + Tham quan/Quan sát thực địa tại bệnh viện: 12
  - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn điều dưỡng**

#### 2. Mục tiêu của học phần

- Trình bày được tổ chức hệ thống chống nhiễm khuẩn Việt Nam, mục tiêu, định nghĩa, tiêu chuẩn chẩn đoán, cách giám sát và các giải pháp thực hiện chương trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện (mục tiêu 1; chuẩn 3.4).
- Trình bày được khái niệm, các trường hợp áp dụng, không áp dụng: các biện pháp khử, tiệt khuẩn, vệ sinh đôi tay, cách quản lý, xử lý dụng cụ và chất thải bệnh viện, các biện pháp vệ sinh khoa phòng. (mục tiêu 2; mục tiêu 9; chuẩn 3.2)
- Trình bày được nội dung phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ xung, phòng ngừa phơi nhiễm với HIV – viêm gan do nghề nghiệp (mục tiêu 1; chuẩn 3.3).
- Trình bày được một số loại nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp, công tác phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện tại các khoa có nguy cơ nhiễm khuẩn cao và biện pháp cách ly người bệnh mắc các bệnh lây truyền. (mục tiêu 1; chuẩn 3.2)
- Thực hiện được kỹ thuật rửa tay, mặc áo và mang găng; vệ sinh khoa phòng, phòng mổ, xử lý dụng cụ đã qua sử dụng. (mục tiêu 2; mục tiêu 9; chuẩn 4.1)
- Tham quan học tập được cách tổ chức, vận hành trung tâm tiệt khuẩn, nhà giặt tại bệnh viện, cách tổ chức, áp dụng các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn tại khoa HSCC, khoa phẫu thuật, khoa truyền nhiễm của bệnh viện. (mục tiêu 1) (mục tiêu 2; mục tiêu 9;

### 3. Mô tả học phần

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hệ tổ chức phòng chống nhiễm khuẩn, sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn. Nội dung học phần được chia thành 2 phần: Lý thuyết và thực hành

- **Phần lý thuyết:** Được chia thành 3 chủ đề

+ Chủ đề 1: bao gồm các bài học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lý luận cơ bản về tổ chức hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn Việt Nam, mục tiêu ngành mục tiêu, định nghĩa, tiêu chuẩn chẩn đoán, cách giám sát và các giải pháp thực hiện chương trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện .

+ Chủ đề 2: bao gồm các bài học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số kỹ thuật được áp dụng trong chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn: kỹ thuật rửa tay - mặc áo - mang găng, qui trình khử khuẩn tiệt khuẩn, qui trình xử lý – quản lý dụng cụ y tế thông thường

+ Chủ đề 3: Bao gồm các bài cung cấp cho sinh viên kiến thức về phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa bổ xung và phòng ngừa phơi nhiễm HIV, viêm gan do nghề nghiệp, các loại nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp và công tác chống nhiễm khuẩn bệnh viện ở các khoa có nguy cơ nhiễm khuẩn cao và công tác cách ly.

- **Phần thực hành:** Nội dung học tập ở học phần được chia thành 3 chủ đề

+ Chủ đề 1: Các kỹ thuật rửa tay – mặc áo – mang găng tay.

+ Chủ đề 2: Cách xử lý các dụng cụ y tế, kỹ thuật vệ sinh khoa phòng.

+ Chủ đề 3: Công tác tổ chức, cách thức làm việc của khoa chống nhiễm khuẩn, công tác phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện tại khoa phẫu thuật, điều trị tích cực, truyền nhiễm.

### 4 Nội dung chi tiết học phần.

TT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
Bài 1	Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn	2	
Bài 2	Hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện công tác KSNK	1	
Bài 3	Mục tiêu, giải pháp thực hiện chương trình KSNK	1	
Bài 4	Vệ sinh môi trường bệnh viện	1	
Bài 5	Khử khuẩn – Tiệt khuẩn	1	
Bài 6	Xử lý – Quản lý dụng cụ y tế thông thường	1	
Bài 7	Quản lý chất thải y tế	2	
Bài 8	Đường lây truyền bệnh và các biện pháp phòng ngừa	2	

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
Bài 9	Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể	1	
Bài 10	Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh NKBV thường gặp	2	
Bài 11	Cách ly	1	
Bài 12	Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện	1	
<b>Số tiết lý thuyết</b>		<b>16</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH</b>			
Bài 1	Vệ sinh môi trường bệnh viện	4	
Bài 2	Khử khuẩn – Tiệt khuẩn	4	
Bài 3	Xử lý – Quản lý dụng cụ y tế thông thường	8	
Bài 4	Quản lý chất thải y tế	4	
Bài 5	Đường lây truyền bệnh và các biện pháp phòng ngừa	4	
Bài 6	Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể	4	
Bài 7	Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp		
Bài 8	Cách ly	2	
Bài 9	Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện		
<b>Số tiết thực hành</b>		<b>30</b>	
<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>		<b>16/30</b>	

## **5. Phương pháp giảng dạy**

### **5.1. Lý thuyết**

- Thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm và tự học.
- Trước khi bắt đầu học phần sinh viên được phổ biến toàn bộ nội dung học tập, được giới thiệu các tài liệu cần thiết có liên quan đến học phần cũng như phương pháp học, phương pháp đánh giá.
- Mỗi buổi giảng, giảng viên thực hiện theo các bước: lên lớp thuyết trình sau đó giao bài tập về nhà cho sinh viên tự học theo nhóm hoặc cá nhân (Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên cách tìm tài liệu học tập và làm bài tập). Sinh viên hoàn thành bài tập nộp/gửi qua email cho giảng viên. Trong quá trình làm bài tập sinh viên có vướng mắc có thể liên hệ với giảng viên để được giúp đỡ. Sinh viên thảo luận tập trung trên lớp để trình bày các vấn đề/bài tập đã được giao và trao đổi về những vấn đề còn thắc mắc. Giảng viên tổng kết và cho ý kiến thống nhất về kiến thức đã được học.

## **5.2. Thực hành**

Phần thực hành trong học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn được chia thành 3 chủ. Việc học thực hành được diễn ra tại phòng thực hành của bộ môn và tham quan, kiến tập tại một số khoa thuộc bệnh viện thực hành của trường.

### **Tại phòng thực hành của trường**

- Sinh viên học tập tại phòng thực hành lâm sàng của bộ môn với chủ đề 1, 2.
- Phương pháp giảng thực hành là huấn luyện kỹ năng nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành chăm sóc cơ bản. Mỗi kỹ năng sinh viên được huấn luyện qua các giai đoạn:

- + Giảng viên làm mẫu (30 phút).

- + Sinh viên thực hành dưới sự giám sát của giảng viên/người hướng dẫn (sinh viên được chia thành nhóm học tập (10 -15 sinh viên)

- + Sinh viên tự thực hành (các sinh viên tự tổ chức thực hành và giám sát việc học theo nhóm dưới sự điều hành, uốn nắn của giảng viên/người hướng dẫn).

- + Đánh giá: giảng viên đánh giá hoàn thành kỹ năng học tập của sinh viên dưới 2 hình thức đánh giá thường xuyên sau mỗi kỹ năng được học hoặc trong quá trình huấn luyện kỹ năng, đánh giá cuối đợt nhằm đánh giá mức độ thành đạt về thực hành của sinh viên đối với phần thực hành của học phần.

- Sinh viên có thể đăng ký thời gian tự học thực hành tại khu thực hành của bộ môn để tự hoàn thiện và trau dồi kỹ năng học tập.

### **Tại bệnh viện:**

Sinh viên đi tham quan học tập tại khoa chống nhiễm khuẩn, khoa điều trị tích cực, khoa ngoại, khoa truyền nhiễm, khoa nhi để hoàn thành nội dung học tập tại các chủ đề 3. Trong giai đoạn này, ngoài việc tham quan sinh viên được tham gia thảo luận về 3 nội dung:

- Nội dung 1: Các biện pháp thu gom, quản lý chất thải bệnh viện

- Nội dung 2: Các biện pháp vệ sinh khoa phòng

- Nội dung 3: Các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện tại các khoa có nguy cơ nhiễm khuẩn cao (truyền nhiễm, khoa phẫu thuật, điều trị tích cực).

- Sinh viên viết báo cáo thu hoạch sau đợt thực tập về những điều đã học được tại bệnh viện.

## 6. Tài liệu học tập.

### \* Giáo trình:

1. Bộ Y tế (2012), Tài liệu đào tạo liên tục Kiểm soát nhiễm khuẩn cho nhân viên y tế tuyến cơ sở.
2. Nguyễn Mạnh Dũng (2013), *Kiểm soát nhiễm khuẩn* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

### \* Tài liệu tham khảo:

1. Patricia A. Potter, Anne Griffin Perry (2001), *FUNDAMENTALS OF NURSING*. ISBN 0-323-01141-1. 2001
2. Lisa Dougherty and Sara Lister (2010), *CLINICAL NURSING PROCEDURES*. ISBN-13; 978.14051-0161-5

\* Website: <http://www.ykhoanet.com>

## 8. Lịch trình thực hiện.

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng Số tiết	Yêu cầu đối với SV	
		Lên lớp						Tự học, tự NC
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
Tín chỉ 1	1. Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.	1		2		4	1. Tham dự đầy đủ các buổi lên lớp. 2. Hoàn thành bài tập về nhà. 3. Đọc thêm tài liệu theo hướng dẫn 4. Tham dự đầy đủ các buổi thảo luận. 5. Hoàn thành các	
	2. Hệ thống tổ chức KSNK và điều kiện thực hiện công tác KSNK.							
	3. Mục tiêu, giải pháp thực hiện chương trình KSNK.							
	4. Vệ sinh môi trường bệnh viện	2		1		8		
	5. Khử khuẩn – Tiệt khuẩn							
	6. Xử lý – Quản lý dụng cụ y tế thông thường							
7. Quản lý chất thải y tế								
3	Thực hành vệ sinh môi trường				4	4		
4,5	Thực hành khử khuẩn – Tiệt khuẩn- vệ sinh tay				4	8	4	
Tín chỉ 2	8. Đường lây truyền bệnh và các biện pháp phòng ngừa	2	1	1		4	4. Tham dự đầy đủ các buổi thảo luận. 5. Hoàn thành các	
	9. Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể							
	10. Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh NKBV thường gặp	2	1	1		8		
	11. Cách ly							
	12. Giám sát NKBV							
	8	Thực hành xử lý – Quản lý DCYT thông thường				4		4
9	Thực hành quản lý chất thải y tế				2	4	6	
	<b>Kiểm tra thực hành</b>				4			



Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng Số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
10	Tham quan bệnh viện: Khoa KSNK; Trung tâm xử lý chất thải				4	8	bài kiểm tra. Điểm đánh giá kỹ năng phải đạt điểm 5 trở lên
11	<b>Tham quan bệnh viện:</b> - Địa điểm: Khoa điều trị tích cực, khoa ngoại - Nội dung: + Phòng , xử trí phơi nhiễm máu và dịch cơ thể + Kiểm soát các bệnh NKBV thường gặp				4	4	
12	<b>Tham quan bệnh viện:</b> - Địa điểm: Khoa truyền nhiễm - Nội dung: Cách ly; Giám sát NKBV				4	4	
<b>Thi hết học phần</b>		1					
<b>Tổng</b>		<b>8</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	<b>46</b>

### 9. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Đại diện sinh viên (BCS lớp) liên hệ với giáo vụ bộ môn để nhận kế hoạch học tập và được phổ biến về các quy định của bộ môn về học phần cũng như sự hướng dẫn học tập (có thể qua đường Email, họp gặp mặt)

- Sinh viên phải có trách nhiệm phân nhóm học tập (có danh sách, sơ đồ kèm theo) để giảng viên kiểm soát lớp công khai thuận lợi và công bằng. Chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (áo choàng, phù hiệu, sổ học tập...).

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ dự lớp lý thuyết (theo quy chế).

- Sinh viên phải chuẩn bị và hoàn thành bài tập (cá nhân, nhóm) theo quy định.

- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập. Mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được bộ môn xét giải quyết.

### 10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Hoạt động đánh giá	Trọng số	Số lần kiểm tra	Hình thức đánh giá, kiểm tra/thi
Thái độ, chuyên cần	10%	01	Thời gian lên lớp và nộp bài tập cá nhân/nhóm.
Thực hành	40%	01	01 điểm đánh giá thực hiện kỹ năng thực hành trong quá trình học hoặc đánh giá

			bài tập cá nhân
Thi hết học phần	50%	01	Thi viết, câu hỏi cổ điển cải tiến.

# KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

## HỌC PHẦN

### 24. GIAO TIẾP TRONG THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp**
- Mã học phần: **COM200** Số tín chỉ: **TS 2 (1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 11 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 4 tiết
  - + Thực hành: 30 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Tâm lý Y học – Y đức**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp, sinh viên đại học Hộ sinh có những năng lực sau:

- Tích lũy được những kiến thức về kỹ năng giao tiếp nói chung và kỹ năng giao tiếp của người điều dưỡng nói riêng: các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời và không lời khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình người bệnh và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

- Vận dụng được các kiến thức về kỹ năng giao tiếp cần thiết để thiết lập các mối quan hệ. Xây dựng được các mối quan hệ để giao tiếp có hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, với cộng đồng để nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc và hoạt động tư vấn giáo dục sức khỏe.

- Hành nghề phù hợp với năng lực chuyên môn. Hình thành được thái độ đúng đắn để giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh và các nhân viên y tế khác một cách hiệu quả.

#### 3. Mô tả học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp như các phương tiện giao tiếp, hình thức phong cách giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp cơ bản của điều dưỡng và các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp của người điều dưỡng... Từ đó giúp sinh viên có các kỹ năng giao tiếp khi tiếp cận người bệnh, gia đình người bệnh và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Hoạt động của sinh viên là nghe giảng, thảo luận trên lớp. Học phần này cùng với các học phần chăm sóc người bệnh ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cử nhân điều dưỡng có kiến thức toàn diện trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của Điều dưỡng Việt Nam ở bậc đại học.

Học phần này gồm hai phần: Lý thuyết và thực hành.

**Phần Lý thuyết:** gồm 15 tiết, Phần này sinh viên sẽ học tại giảng đường

**Phần thực hành:** gồm 30 tiết. Trước khi học phần thực hành, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

Phần này Sinh viên được học tại phòng thực hành theo mô phỏng.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần.

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
Bài 1	Đại cương về giao tiếp	2	
Bài 2	Các phương tiện giao tiếp	2	
Bài 3	Kỹ năng thuyết trình	4	
Bài 4	Hình thức, phong cách và cấu trúc giao tiếp	3	
Bài 5	Kỹ năng giao tiếp của người điều dưỡng	2	
Bài 6	Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giữa người điều dưỡng và người bệnh	2	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>15</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG RÈN LUYỆN KỸ NĂNG</b>			
Bài 1	Thực hành giao tiếp với người bệnh	10	
Bài 2	Thực hành giao tiếp với thân nhân người bệnh	10	
Bài 3	Thực hành giao tiếp với đồng nghiệp	5	
Bài 4	Thực hành thông báo tin xấu cho người bệnh và thân nhân người bệnh	5	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>45</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Phần học lý thuyết: Thuyết trình, Thảo luận nhóm
- Phần học thực hành: Thực hành theo mô phỏng

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2016), *Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng*, NXB Giáo dục..
2. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2010), *Giáo trình Tâm lý học giao tiếp*, Hà Nội.

##### \* Website

<http://www.ykhoanet.com>

<http://www.tamlyhoc.net.com>

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết lên lớp	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1.	Bài 1: Đại cương về giao tiếp Bài 2: Các phương tiện GT	3	0	1		8	12	- Đọc Bài 1, Bài 2 để thảo luận nội dung “đặc trưng của giao tiếp”, “Vai trò của giao tiếp trong cuộc sống” - Tham gia thảo luận trên lớp
2.	Bài 3: Kỹ năng thuyết trình	3	0	1		8	12	- Đọc trước bài 3 để thảo luận nội dung “làm thế nào để thuyết trình tốt, có hiệu quả”. - Tham gia thảo luận trên lớp.
3.	Bài 4: Hình thức phong cách và cấu trúc giao tiếp	1	0	1		6	9	- Đọc trước Bài 4, để chuẩn bị thảo luận nội dung “ưu nhược điểm của từng phong cách giao tiếp” - Tham gia thảo luận trên lớp.
	<b>Kiểm tra</b>	1						
4	Bài 5: Kỹ năng giao tiếp của người Điều dưỡng Bài 6: Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giữa người điều dưỡng và người bệnh	3	0	1		8	12	- Đọc trước bài 5,6 - Chuẩn bị thảo luận vấn đề: “tầm quan trọng của giao tiếp đối với người điều dưỡng”, “những yếu tố ảnh hưởng tới giao tiếp của người

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết lên lớp	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
							điều dưỡng” - Tham gia thảo luận trên lớp	
	<b>Thi kết thúc học phần</b>							
	<b>Tổng số</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>4</b>		<b>30</b>	<b>45</b>	
<b>5,6</b>	Thực hành giao tiếp với người bệnh				<b>10</b>			
<b>7,8</b>	Thực hành giao tiếp với thân nhân người bệnh				<b>10</b>			
<b>9</b>	Thực hành giao tiếp với đồng nghiệp				<b>5</b>			
<b>10</b>	Thực hành thông báo tin xấu cho người bệnh và thân nhân người bệnh				<b>5</b>			
	<b>Thi kết thúc học phần</b>							
	<b>Tổng số</b>	<b>11</b>		<b>4</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần học thêm theo yêu cầu.
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### **Phần Lý thuyết:**

#### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận nhóm.

#### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

Số lần kiểm tra: 01

01 bài kiểm tra: là điểm trung bình cộng các bài thực hành làm tròn 01 chữ số lẻ

#### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút

### **Phần thực hành:**

Điểm thực hành là trung bình cộng của tất cả các buổi thực hành.

## HỌC PHẦN

### 25. CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ VÀ NAM HỌC

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học**
- Mã học phần: **MID32001** Số tín chỉ: **TS: 4(2LT/2TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Kiến thức cơ sở ngành**
- Học phần song hành: **chuyên ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành tại phòng thực hành: 30 tiết
  - + Thực hành tại bệnh viện: 45 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng Phụ sản**

#### 2. Mục tiêu của học phần

- **Kiến thức:**
  - + Mô tả các dấu hiệu bình thường và bất thường của kinh nguyệt.
  - + Trình bày đặc điểm bệnh học của bộ phận sinh sản nữ khi không mang thai.
  - + Trình bày những thay đổi cơ thể và chức năng sinh lý của tuổi vị thành niên.
  - + Trình bày những rối loạn thường gặp ở người già.
  - + Trình bày kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản nam
- **Kỹ năng:**
  - + Phát hiện sớm các bệnh phụ khoa.
  - + Xử trí bước đầu một số bệnh phụ khoa thường gặp.
  - + Tư vấn về sức khỏe sinh sản và sức khỏe sinh sản vị thành niên.
  - + Hỗ trợ bác sĩ khám và điều trị các bệnh phụ khoa.
  - + Thực hiện được việc đánh giá sức khỏe sinh sản ở nam giới thuộc mọi lứa tuổi trong cộng đồng
    - + Cung cấp được lời khuyên phù hợp đối với những vấn đề nam học thông thường
    - + Thực hiện được việc tư vấn phù hợp cho nam giới về sức khỏe sinh sản
- **Thái độ:**
  - + Tôn trọng khách hàng và các dịch vụ hướng tới khách hàng.
  - + Thể hiện được sự nhạy cảm khi đánh giá một người nam giới có vấn đề về sức khỏe sinh sản

#### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò người hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản trong cộng đồng và suốt quãng



đời. Bao gồm sức khỏe phụ nữ từ khi bắt đầu có kinh nguyệt cho đến mãn kinh và cung cấp cho nữ hộ sinh sự hiểu biết về sức khỏe giới tính nam giới, hoạt động sinh sản của con người và ảnh hưởng của văn hóa. Hỗ trợ khả năng của hộ sinh để chăm sóc sức khỏe sinh sản từ vị thành niên đến lúc già yếu bằng nhiều cách nhạy cảm và tùy theo văn hóa. Nhấn mạnh vai trò của hộ sinh như một nhà giáo dục

Học phần gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

Phần lý thuyết: gồm 30 tiết, Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

Phần thực hành tại phòng thực hành: gồm 30 tiết, Phần này Sinh viên được học tại phòng thực hành bộ môn Hộ sinh.

Phần thực hành: gồm 45 tiết, Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản Nam định

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Nhắc lại giải phẫu và sinh lý bộ phận sinh sản và khung chậu nữ	1	
1	Sức khỏe sinh sản vị thành niên (ARH), người già	2	
2	Giáo dục sức khỏe phụ nữ	1	
3	Dậy thì, mãn kinh, Rối loạn kinh nguyệt	3	
4	Các bất thường bẩm sinh của đường sinh dục nữ	2	
5	Sa sinh dục, Rò bàng quang âm đạo.	2	
6	Nhiễm trùng đường sinh sản (RTIs) và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STDs)	1	
7	U sinh dục	2	
8	Những rối loạn phụ khoa thông thường, vô sinh	2	
9	Phụ nữ và rượu, bạo lực gia đình	1	
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>		
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
10	Sinh lý sinh dục nam, các vấn đề về chức năng sinh dục	5	
11	Các vấn đề bẩm sinh của dương vật, bìu, tinh hoàn, rối loạn tiền liệt tuyến	5	
12	Tư vấn cho nam giới có vấn đề về sức khỏe sinh sản	3	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
1	Tư vấn sức khỏe sinh sản vị thành niên	5	
2	Tư vấn giao dục sức khỏe phụ nữ	5	
3	Thực hành kỹ năng lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm dịch âm đạo, tế bào âm đạo	5	
4	Thực hành kỹ năng lau rửa âm đạo đặt thuốc âm đạo	5	
5	Thực hành kỹ năng chăm sóc bệnh nhân trước mổ	5	
6	Thực hành kỹ năng chăm sóc bệnh nhân sau mổ	5	
	Tổng	30	

### PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 4</b>		
1	Chuẩn bị phương tiện và dụng cụ cho phòng khám phụ khoa và phòng thủ thuật phụ khoa	3	
2	Khám, chẩn đoán và xử trí viêm âm hộ, viêm âm đạo, viêm cổ tử cung, lộ tuyến cổ tử cung.	3	
3	Khám, chẩn đoán và xử trí các bệnh viêm nhiễm khung chậu	3	
4	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm dịch âm đạo	3	
5	Rửa, làm sạch và đặt thuốc âm đạo	3	
6	Khám bệnh nhân có u vú	3	
7	Khám bệnh nhân có u nang buồng trứng	3	
8	Khám bệnh nhân có khối u xơ tử cung	3	
9	Chăm sóc bệnh nhân trước mổ phiến (chăm sóc trước mổ)	3	
10	Chăm sóc bệnh nhân trong giai đoạn hậu phẫu (chăm sóc sau mổ)	3	
11	Chăm sóc bệnh nhân có các rối loạn về phụ khoa	3	
12	Phụ giúp bác sĩ tiến hành nạo tử cung trong các trường hợp bệnh lý	3	
13	Phụ giúp bác sĩ tiến hành thăm dò hình ảnh buồng tử cung và vòi trứng	3	
14	Phụ giúp bác sĩ tiến hành sinh thiết tử cung và cổ tử cung	2	
15	Tiến hành ghi chép hồ sơ, các ghi chú theo	2	

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	đôi.v.v...theo quy định		
16	Tư vấn về vệ sinh phụ nữ (vệ sinh hàng ngày, vệ sinh kinh nguyệt, vệ sinh khi quan hệ tình dục)	2	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định - BM Điều dưỡng Phụ sản, 2015, *Bài giảng Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Trường ĐH Y Hà Nội - Bộ môn Phụ Sản (2002), Bài giảng Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
3. Dự án hỗ trợ y tế quốc gia Sức khỏe sinh sản (2000), Tài liệu đào tạo cho cán bộ y tế cơ sở của modul1, - NXBYH Hà nội.
4. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo **Đào tạo hộ sinh**

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp				Tự học, nghiên cứu	
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Nhắc lại giải phẫu và sinh lý bộ phận sinh sản và khung chậu nữ Sức khỏe sinh sản vị thành niên (ARH), người già Giáo dục sức khỏe phụ nữ	3	0,5	0,5	10	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> </ul> Nt
2 và 3	Dậy thì, mãn kinh, Rối loạn kinh nguyệt Các bất thường bẩm sinh của đường sinh dục nữ Sa sinh dục, Rò bàng quang âm Nhiễm trùng đường sinh sản (RTIs) và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STDs) đạo.	3	0,5	0,5	10	8	
		3	0,5	0,5		8	
4	U sinh dục Những rối loạn phụ khoa thông thường, vô sinh Phụ nữ và rượu, bạo lực gia đình	4	0,5	0,5	10	10	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b>						

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
5,6,7	Sinh lý sinh dục nam, các vấn đề về chức năng sinh dục	4	0,5	0,5		10	
	Các vấn đề bẩm sinh của dương vật, bìu, tinh hoàn, rối loạn tiền liệt tuyến	4	0,5	0,5		10	
	Tư vấn cho nam giới có vấn đề về sức khỏe sinh sản	2	0,5	0,5		6	
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>					<b>60</b>	

PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc người bệnh viêm sinh dục và các bệnh lây truyền qua đường tình dục	2	2	3	2	9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người điều dưỡng ngoại khoa vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> </ul>
	Chăm sóc người bệnh u nang buồng trứng	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc người bệnh u xơ tử cung	2	2	3	2	9	

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 2	Chăm sóc người bệnh rối loạn kinh nguyệt	2	2	3	2	9	- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm
	Chăm sóc người bệnh trước mổ phụ khoa	1	1	1	1	4	- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc
	Chăm sóc người bệnh sau mổ phụ khoa	2	2	3	2	9	- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2</b> <b>Thực hiện thủ thuật</b>						

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 2
- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: câu hỏi tự luận
  - + Thực hành tiền lâm sàng: thực hiện thủ thuật trên mô hình
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 26. CHĂM SÓC BÀ MẸ THAI NGHÉN BÌNH THƯỜNG

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường**
- Mã học phần **MID32002** Số tín chỉ: **TS: 4(1LT/3TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở, kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp
- Học phần song hành: các chuyên ngành khác
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### **Lý thuyết: 15 tiết**

- + Thuyết trình: 12 tiết
- + Thảo luận: 1,5 tiết
- + Bài tập: 1,5 tiết

#### **Thực hành tại trường: 30 tiết**

#### **Thực hành tại bệnh viện: 90 tiết**

- + Giao ban: 20 tiết
- + Hướng dẫn thực hành: 20 tiết
- + Tự thực hành: 30 tiết
- + Bình KHCS: 20 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe bà mẹ, thai nhi từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của bà mẹ có thai nghén bình thường, gia đình và cộng đồng.

2. Sử dụng được các kiến thức chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho thai phụ, gia đình và cộng đồng về kiểm soát và phòng bệnh khi có thai .

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường.

4. Áp dụng được kiến thức chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể



hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức người hộ sinh trong lĩnh vực sản khoa.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi. Đồng thời cung cấp kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng

Học phần gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

**Phần lý thuyết: gồm 15 tiết** Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

**Phần thực hành: gồm 30 tiết tại phòng thực hành,**

**Phần thực hành tại bệnh viện: 90 tiết** Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan, các quy trình thực hành và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Sự thụ tinh, làm tổ và sự phát triển của trứng	3	
2	Thay đổi sinh lý của bà mẹ khi mang thai	2	
3	Chẩn đoán và quản lý thai nghén	2	
4	Thai và các phần phụ của thai đủ tháng	2	
5	Khám thai, Tư vấn cho bà mẹ đang mang thai	3	
6	Ngôi thể, kiểu thể và độ lọt của thai	3	
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
1	Kỹ thuật phát hiện thai sớm bằng que thử thai	5	
2	Tư vấn cho phụ nữ có thai	5	
3	Quy trình khám thai và chẩn đoán thai nghén	5	
4	Quy trình chẩn đoán ngôi thể, kiểu thể, độ lọt	5	
5	Quy trình xét nghiệm định tính Protein niệu bằng phương pháp dùng nhiệt Quy trình xét nghiệm định tính Glucose trong nước tiểu	5	

6	Kiểm tra thủ thuật	5	
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>	

### PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		
1	Quy trình quản lý thai nghén	9	
2	Quy trình chăm sóc thai nghén	9	
3	Quy trình khám thai ba tháng đầu	9	
4	Quy trình khám thai ba tháng giữa	9	
5	Quy trình khám thai ba tháng cuối	9	
	<b>TÍN CHỈ 4</b>		
6	Khám vú	8	
7	Kỹ thuật phát hiện thai sớm bằng que thử thai	8	
8	Quy trình xét nghiệm định lượng Protein niệu bằng phương pháp dùng nhiệt	8	
9	Tư vấn cho phụ nữ có thai về chăm sóc trẻ sơ sinh và nuôi con bằng sữa mẹ	5	
10	Tư vấn cho phụ nữ có thai về các biện pháp tránh thai sau khi sinh	8	
11	Tư vấn cho phụ nữ có thai về vệ sinh và quan hệ tình dục	8	
	<b>Tổng</b>	<b>90</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – BM Hộ sinh (2015), *Bài giảng Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường* (Tài liệu lưu hành nội bộ).
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.

##### \* Tài liệu tham khảo:

1. Trường ĐH Y Hà Nội - Bộ môn Phụ Sản, (2002), *Bài giảng Sản Phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
2. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp				Tự học, nghiên cứu	
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Sự thụ tinh, làm tổ và sự phát triển của trứng	3				6	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
2	Thay đổi sinh lý của bà mẹ khi mang thai Chẩn đoán và quản lý thai nghén	3	0,5	0,5		8	
3 và 4	Thai và các phần phụ của thai đủ tháng Khám thai, Tư vấn cho bà mẹ đang mang thai	4	0,5	0,5		10	
	Ngôi thể, kiểu thể và độ lọt của thai	2	0,5	0,5		6	
5	Kỹ thuật phát hiện thai sớm bằng que thử thai				5	7,5	
6	Tư vấn cho phụ nữ có thai				5	7,5	
7	Quy trình khám thai và chẩn đoán thai nghén				5	7,5	
8	Quy trình chẩn đoán ngôi, thể, kiểu thể, độ lọt				5	7,5	
9	Quy trình xét nghiệm định tính Protein niệu bằng phương pháp dùng nhiệt				5	7,5	
	Quy trình xét nghiệm định tính Glucose trong nước tiểu						
<b>10</b>	<b>Kiểm tra định kỳ</b>				<b>5</b>		
	<b>Tổng số</b>	<b>12</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>30</b>	<b>67,5</b>	

PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc thai phụ thai 3 tháng đầu	5	5	8	5	23	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc thai phụ thai 3 tháng giữa	5	5	7	5	22	
Tuần 2	Chăm sóc thai phụ thai 3 tháng cuối	5	5	7	5	25	
	Chăm sóc thai phụ thai 3 tháng cuối	5	5	8	5	23	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2</b> <b>Thực hiện thủ thuật</b>						
	<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>90</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 2**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: Câu hỏi tự luận
  - + Thực hành tiền lâm sàng: thực hành các thủ thuật trên mô hình
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 27. CHĂM SÓC BÀ MẸ THAI NGHÉN CÓ NGUY CƠ

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ**
- Mã học phần: **MID32003** Số tín chỉ: **TS: 3(2LT/1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường
- Học phần song hành: các chuyên ngành khác
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành ở bệnh viện: 45 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng Phụ sản**

#### 2. Mục tiêu của học phần

##### **Kiến thức:**

- + Mô tả các dấu hiệu bất thường và bệnh lý của mẹ trong giai đoạn mang thai.
- + Tiến hành tư vấn và giao tiếp với phụ nữ mang thai có nguy cơ

##### **- Kỹ năng:**

- + Xác định và tiến hành xử trí bước đầu các thai nghén nguy cơ cao.

##### **- Thái độ:**

- + Thể hiện sự nhận thức về tác động của biến chứng lên người mẹ và gia đình

#### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ cung cấp những kiến thức cơ bản về sự khác biệt với thai nghén thông thường và nhằm chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả lấy bà mẹ làm trung tâm trong các tình huống phức tạp. Bảo đảm bà mẹ được chuyển tuyến thích hợp nhằm tối đa hóa sức khỏe cho cả bà mẹ và cả trẻ sơ sinh

Học phần Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

##### **Phần lý thuyết: gồm 30 tiết**

Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

##### **Phần thực hành: 45 tiết tại bệnh viện Phụ sản**

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan, chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### **PHẦN LÝ THUYẾT**

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
-----------	----------------------------	----------------	----------------

	<b>TÍNH CHỈ 1</b>		
1	Sảy thai, Thai chết lưu, Chửa trứng, Chửa ngoài tử cung	5	
2	Cao huyết áp thai nghén, tiền sản giật, sản giật	4	
3	Đọa đẻ non và đẻ non, Bệnh tim mạch và thai nghén	3	
4	Nhiễm trùng đường tiết niệu và thai nghén, Thiếu máu và thai nghén, Thiếu iod và thai nghén	3	
	<b>Kiểm tra định kỳ 1</b>		
	<b>TÍNH CHỈ 2</b>		
5	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục Bệnh lao và thai nghén Sốt rét và thai nghén	5	
6	Viêm gan và thai nghén, nhiễm HIV khi mang thai	2	
7	Viêm ruột thừa và thai nghén, Đái tháo đường và thai nghén	4	
8	Rau tiền đạo, Rau bong non	4	
	<b>Kiểm tra định kỳ 2</b>		
	<b>Thi kết thúc học phần</b>		
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

## PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
1	Quy trình khám phụ	5	
2	Tư vấn cho phụ nữ có thai về chăm sóc trẻ sơ sinh và nuôi con bằng sữa mẹ	8	
3	Quy trình xét nghiệm định tính Glucose trong nước tiểu	5	
4	Tư vấn cho phụ nữ có thai về các biện pháp tránh thai sau khi sinh	8	
5	Tư vấn cho phụ nữ có thai về vệ sinh và quan hệ tình dục	9	
6	Tư vấn cho phụ nữ nhiễm HIV có thai	10	
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Phần học Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận

- Phần học Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

### 6. Tài liệu học tập

\* **Giáo trình:**

1. Tr-ờng ĐH Điều d-ỡng Nam Định - BM Điều d-ỡng Phụ sản (2015), *Bài giảng Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

2.Tr-ờng ĐH Y Hà Nội - BM Sản (2005), *Bài giảng Sản khoa*, NXB Y học.

, \* **Tài liệu tham khảo:**

1. Sức khỏe sinh sản — Dự án P10 — Bộ Y tế.

2. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*

3. American journal of nursing



## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp				Tự học, nghiên cứu	
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Sảy thai, Thai chết lưu, Chửa trứng, Chửa ngoài tử cung	4	1/2	1/2	5	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> </ul> Nt
2	Cao huyết áp, nôn, tiền sản giật, sản giật Nhiễm trùng đường tiết niệu và thai nghén,	4	1/2	1/2	5	10	
3	Đọa đẻ non và đẻ non Bệnh tim mạch và thai nghén Thiếu máu và thai nghén, Thiếu iod và thai nghén	4	1/2	1/2	5	10	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b>						
4	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục, Bệnh lao và thai nghén, Sốt rét và thai nghén	4	1/2	1/2	5	10	
5	Viêm gan và thai nghén, nhiễm HIV khi mang thai Viêm ruột thừa và thai nghén,	4	1/2	1/2	5	10	
6	Đái tháo đường và thai nghén Rau tiền đạo, Rau bong non	4	1/2	1/2	5	10	
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>						

### PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc người bệnh chảy máu đường sinh dục khi mang thai	2	2	2	2	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc người bệnh cao huyết áp, nôn, tiền sản giật, sản giật	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc người bệnh tim mạch và thai nghén	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu và thai nghén	1	1	2	1	5	
Tuần 2	Chăm sóc người bệnh đái đường, thiếu iot và thai nghén	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc người bệnh thiếu máu, viêm gan và thai nghén	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS và thai nghén	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc người bệnh lao, sốt rét và thai nghén	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa và thai nghén	1	1	1	1	4	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2</b>						
	<b>Thực hiện thủ thuật</b>						

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 2
- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: câu hỏi ngắn
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi cổ điển cải tiến
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 28. CHĂM SÓC BÀ MẸ CHUYỂN DẠ VÀ ĐỂ THƯỜNG

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường**
- Mã học phần: **MID32004** Số tín chỉ: **TS: 4(1LT/3TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường**
- Học phần song hành: Các môn chuyên ngành
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### **Lý thuyết: 15 tiết**

- + Thuyết trình: 12 tiết
- + Thảo luận: 1,5 tiết
- + Bài tập: 1,5 tiết

#### **Thực hành tại trường: 30 tiết**

#### **Thực hành tại bệnh viện: 90 tiết**

- + Giao ban: 20 tiết
- + Hướng dẫn thực hành: 20 tiết
- + Tự thực hành: 30 tiết
- + Bình KHCS: 20 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe bà mẹ, thai nhi từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường, gia đình.

2. Sử dụng được các kiến thức chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho thai phụ và gia đình về kiểm soát và phòng tai biến khi chuyển dạ .

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường.

4. Áp dụng được kiến thức chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể

hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức người hộ sinh trong lĩnh vực sản khoa.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường, tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ. Vận dụng những kiến thức đó để nhận định, theo dõi và quản lý chuyển dạ bình thường. Đồng thời hỗ trợ cho bà mẹ có khả năng sinh con bình thường

Học phần Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

Phần lý thuyết: gồm 15 tiết Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

Phần thực hành tại trường: gồm 30 tiết tại phòng thực hành

Phần thực hành tại bệnh viện: 90 tiết, Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản Nam Định

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan, các quy trình thực hành và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Sinh lý chuyển dạ,	2	
2	Biểu đồ chuyển dạ	1	
3	Theo dõi chuyển dạ	1	
4	Sử dụng thuốc trong chăm sóc sản khoa	1	
5	Vô khuẩn trong chăm sóc sản khoa	1	
6	Cơ chế đẻ	2	
7	Chuẩn bị cho một ca đẻ thường	1	
8	Đỡ đẻ ngôi chỏm	2	
9	Đỡ đẻ bên ngoài cơ sở y tế	1	
10	Xử trí rau tích cực giai đoạn 3	1	
11	Giảm đau trong chuyển dạ	1	
12	Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ	1	
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
1	Tư vấn cho bà mẹ trong chuyển dạ	2	
2	Chuẩn bị cho một ca đẻ thường, biểu đồ chuyển dạ.	5	
3	Vô khuẩn sản khoa: rửa tay, mặc áo, đi găng, tiệt trùng dụng cụ	3	
4	Đỡ đẻ ngôi chòm	5	
5	Xử trí tích cực giai đoạn 3	5	
6	Cắt khâu tầng sinh môn	5	
	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>	5	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

#### PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		
1	Chuẩn bị cho người mẹ trong chuyển dạ, dụng cụ	3	
2	Chuẩn bị cho một cuộc đẻ thường	3	
3	Chuẩn bị thuốc (để phòng 5 tai biến sản khoa - bộ thuốc cấp cứu tại phòng đẻ)	3	
4	Rửa tay vô khuẩn	3	
5	Đi gang	3	
6	Mặc quần áo vô trùng	3	
7	Tẩy trùng dụng cụ (sử dụng Chloride 0,5%)	3	
8	Rửa dụng cụ	3	
9	Luộc dụng cụ	3	
10	Tiệt trùng khô bằng nhiệt độ	4	
11	Tiệt trùng bằng nồi hấp	4	
12	Tẩy trùng “lạnh”	4	
13	Bảo quản dụng cụ sau khi tẩy trùng và tiệt trùng	3	
14	Khử trùng và làm sạch phòng đẻ	3	
	<b>TÍN CHỈ 4</b>		
15	Theo dõi và báo cáo cuộc chuyển dạ	5	
16	Chuẩn bị và sử dụng biểu đồ chuyển dạ	4	
17	Theo dõi nghiệm pháp chẩn đoán độ lọt	5	
18	Đỡ đẻ ngôi chòm chằm trước	8	
19	Đỡ đẻ ngôi chòm chằm sau	8	
20	Đỡ đẻ ở ngoài cơ sở y tế (sử dụng bộ dụng cụ đỡ đẻ sạch)	5	

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
21	Đỡ rau bằng kiểm soát chủ động (kéo dây rốn). Kiểm tra bánh rau	5	
22	Cắt khâu tầng sinh môn	5	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>90</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy**

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Giáo trình:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - BM Hộ sinh (2015), *Bài giảng chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường* (Tài liệu lưu hành nội bộ).
2. Bộ y tế (2014), Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ và Người đỡ đẻ có kỹ năng

#### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
2. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*

**\* Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1 Phần Lý thuyết

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	Đặc điểm lâm sàng và sinh lý của chuyển dạ, Biểu đồ chuyển dạ, Theo dõi chuyển dạ	3	0,5	0,5		8	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu	
2	Sử dụng thuốc trong chăm sóc sản khoa Vô khuẩn trong chăm sóc sản khoa. Cơ chế đẻ	3	0,5	0,5		8		
3	Chuẩn bị cho một ca đẻ thường, Đỡ đẻ ngôi chỏm, Đỡ đẻ bên ngoài cơ sở y tế	3	0,5	0,5		8		
4	Xử trí rau tích cực giai đoạn 3 Giảm đau trong chuyển dạ Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ	3				6		
5	Tư vấn cho bà mẹ trong chuyển dạ Vô khuẩn sản khoa: rửa tay, mặc áo, đi găng, tiệt trùng dụng cụ				2 3	3 4,5		
6	Chuẩn bị cho một ca đẻ thường, biểu đồ chuyển dạ.				5	7,5		
7	Đỡ đẻ ngôi chỏm				5	7,5		
8	Xử trí tích cực giai đoạn 3				5	7,5		
9	Cắt khâu tầng sinh môn				5	7,5		
10	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>				5			
	<b>Tổng số</b>	<b>12</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>30</b>	<b>67,5</b>		



## 7.2 Phần thực hành tại bệnh viện

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 1a	2	2	6	2	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 1b	3	3	6	3	15	
	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 2	5	5	6	5	21	
Tuần 2	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 3	5	5	6	5	21	
	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 4	5	5	6	5	21	
	<b>Kiểm tra định kỳ Thực hiện thủ thuật</b>						
<b>Tổng số</b>		<b>20</b>	<b>20</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>90</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành, sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 2**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Thực hành tiền lâm sàng: thực hiện các thủ thuật trên mô hình
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 29. CHĂM SÓC BÀ MẸ CHUYỂN DẠ VÀ ĐẸ KHÓ

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ khó**
- Mã học phần: **MID32005**                      Số tín chỉ: **TS: 4(2LT/2TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ**
- Học phần song hành: **Các môn chuyên ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành tại phòng thực hành: 30 tiết
  - + Thực hành tại bệnh viện: 45 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng Phụ sản**

#### 2. Mục tiêu học tập

- **Kiến thức:**
  - + Biết cách phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả với phụ nữ có thai và gia đình của họ.
  - + Mô tả các dấu hiệu chuyển dạ không bình thường
  - + Nêu các hoạt động cần tiến hành để theo dõi bà mẹ trong khi chuyển dạ đẻ khó.
  - + Ghi nhận sự thay đổi bất thường so với bình thường trong chuyển dạ và sinh đẻ
  - + Áp dụng các kiến thức về chăm sóc mẹ trong các tình huống phối hợp
- **Kỹ năng:**
  - + Theo dõi và chăm sóc phụ nữ có thai trong quá trình chuyển dạ đẻ khó.
  - + Hướng dẫn người mẹ và gia đình hợp tác với các nhân viên y tế trong quá trình chuyển dạ đẻ khó.
  - + Áp dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề một cách logic trong việc ra quyết định
- + Thể hiện việc chăm sóc hộ sinh thích hợp các biến chứng nhằm cải thiện sức khỏe người mẹ.
  - + Lập kế hoạch chăm sóc cho bà mẹ bị biến chứng đẻ khó
- **Thái độ:**
  - + Hành xử chủ động, tự nguyện, xác đáng trong chăm sóc người mẹ trong khi chuyển dạ đẻ khó.
  - + Thể hiện sự hỗ trợ với người phụ nữ đang bị biến chứng
  - + Thể hiện sự trân trọng về những kỳ vọng, mong muốn mang tính văn hóa của việc sinh đẻ

#### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ khó cung cấp những kiến thức cơ bản về những vấn đề khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi... trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình sinh đẻ. Đồng thời cung cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ chuyển dạ đẻ khó để cuộc chuyển dạ và đẻ an toàn cho mẹ và con hoặc chuyển tuyến thích hợp và hội chẩn liên khoa

Phần lý thuyết: 30 tiết, Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

Phần thực hành: gồm 30 tiết tại phòng tiền lâm sàng, 45 tiết tại bệnh viện Phụ sản

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan, các quy trình thực hành và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Đẻ khó do nguyên nhân từ phía thai	4	
2	Đẻ khó do nguyên nhân từ phía người mẹ	3	
3	Đẻ khó do con co tử cung	3	
4	Chuyển dạ kéo dài/đình trệ	4	
5	Đẻ khó do phần phụ của thai	4	
6	Xử trí trong chuyển dạ ngôi mông, mặt, trán và sinh đôi	4	
7	Chuẩn bị cho đẻ can thiệp (mổ lấy thai, hút giác hút, forceps)	2	
8	Doạ vỡ và vỡ tử cung	2	
9	Chảy máu trong giai đoạn sổ rau và chảy máu sau đẻ	4	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		
1	Tư vấn cho bà mẹ trong chuyển dạ đẻ khó	5	
2	Chuẩn bị cho một cuộc đẻ can thiệp (mổ đẻ, forceps, giác hút)	5	
3	Đỡ đẻ ngôi mông	5	
4	Kiểm soát tử cung bóc, rau bằng tay	5	
5	Đỡ đẻ thai 2 trong song thai	5	
6	Kiểm tra và khâu vết rách cổ tử cung	5	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

## PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍNH CHỈ 4</b>		
1	Kỹ thuật bấm ối	5	
2	Kỹ thuật đỡ đẻ ngôi mông	10	
3	Xử trí chảy máu sau đẻ - Xoa bóp tử cung qua thành bụng đẻ cầm máu	5	
4	Xoa bóp tử cung từ bên ngoài	5	
5	Kiểm soát tử cung. Bóc rau bằng tay	5	
5	Kỹ thuật đẩy dây rốn bị sa, chi bị sa	5	
6	Hỗ trợ bác sĩ trong đỡ đẻ bằng forcep và giác hút	5	
7	Chuẩn bị thai phụ mổ lấy thai	5	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định - BM Điều dưỡng Phụ sản, 2015, *Bài giảng Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ khó* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

2. Bộ y tế (2014), Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ và Người đỡ đẻ có kỹ năng

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.

2. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo **Đào tạo hộ sinh**

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	Đẻ khó do nguyên nhân từ phía thai	3	0,5	0,5		8	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu	
2	Đẻ khó do nguyên nhân từ phía người mẹ	3	0,5	0,5		8		
3	Đẻ khó do con co tử cung	3				6		
4	Chuyên dạ kéo dài/đình trệ	3	0,5	0,5		8		
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b>							
5	Đẻ khó do phần phụ của thai	3	0,5	0,5		8		
6	Xử trí trong chuyên dạ ngôi mông, mặt, trán và sinh đôi	4			10	8		
7	Chuẩn bị cho đẻ can thiệp (mổ lấy thai, giác hút, forceps) Đọa vỡ và vỡ tử cung	3	0,5	0,5	5	8		
8	Chảy máu trong giai đoạn sổ rau và chảy máu sau đẻ	3	0,5	0,5	15	8		
	<b>Thi kết thúc học phần</b>							
	<b>Tổng số</b>				<b>30</b>	<b>60</b>		

### PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do thai	2	2	3	2	9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do mẹ	2	2	2	2	8	
	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do con co tử cung	1	1	2	1	5	
Tuần 2	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do phần phụ của thai	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc sản phụ dọa vỡ, vỡ tử cung	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc sản phụ chảy máu trong giai đoạn sổ rau và sau đẻ	2	2	2	2	8	
	Chăm sóc sản phụ mổ đẻ	1	1	2	1	5	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2</b>						
	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>						
	<b>Tổng</b>	10	10	15	10	45	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 2**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: câu hỏi tự luận
  - + Thực hành tại phòng thực hành: thực hiện thủ thuật trên mô hình
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 90 phút



## HỌC PHẦN

### 30. CHĂM SÓC BÀ MẸ SAU ĐẸ BÌNH THƯỜNG

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường**
- Mã học phần: **MID32006** Số tín chỉ: **TS: 4(1LT/3TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường**
- Học phần song hành:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### **Lý thuyết: 15 tiết**

- + Thuyết trình: 12 tiết
- + Thảo luận: 1,5 tiết
- + Bài tập: 1,5 tiết

#### **Thực hành tại trường: 30 tiết**

#### **Thực hành tại bệnh viện: 90 tiết**

- + Giao ban: 20 tiết
- + Hướng dẫn thực hành: 20 tiết
- + Tự thực hành: 40 tiết
- + Bình KHCS: 20 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe bà mẹ, thai nhi từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của bà mẹ sau đẻ bình thường, gia đình.

2. Sử dụng được các kiến thức chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho bà mẹ và gia đình về kiểm soát và phòng tai biến khi chuyển dạ.

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường.

4. Áp dụng được kiến thức chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện

qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức người hộ sinh trong lĩnh vực sản khoa.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ thời kỳ sau đẻ. Sự tiết sữa và đánh giá

Học Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

Phần lý thuyết: gồm 15 tiết Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường

Phần thực hành: gồm 30 tiết tại phòng thực hành

Phần thực hành: gồm 90 tiết, Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Đặc điểm lâm sàng và sinh lý của thời kỳ sau đẻ (gồm các tình trạng thể chất và tâm lý)	4	
2	Chăm sóc sản phụ sau sinh (tại bệnh viện và tại nhà trong tuần đầu)	4	
3	Tư vấn cho người mẹ (và gia đình họ hàng) sau khi sinh	4	
4	Những thay đổi về tâm thần trong giai đoạn sau sinh và chăm sóc của nữ hộ sinh	2	
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	

#### PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
1	Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ	5	
2	Kỹ thuật cắt chỉ khâu TSM	5	
3	Làm thuốc âm hộ, tăng sinh môn	5	
4	Tư vấn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ	5	
5	Hướng dẫn bà mẹ cho con bú đúng cách	5	
	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>	<b>5</b>	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

#### PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
----	---------------------	---------	---------

	<b>TÍNH CHỈ 3</b>		
1	Cung cấp dịch vụ tư vấn cho người mẹ sau khi sinh (tự chăm sóc bản thân, chăm sóc con và thực hiện kế hoạch hoá gia đình)	15	
2	Quy trình làm sạch bộ phận sinh dục ngoài và thay băng vệ sinh	10	
3	Quy trình cắt chỉ khâu tầng sinh môn	10	
4	Xác định được khối cầu an toàn	10	
	<b>TÍNH CHỈ 4</b>		
5	Theo dõi chảy máu sau đẻ	15	
6	Đánh giá sự tiết sữa	10	
7	Chế độ dinh dưỡng cho người mẹ sau đẻ	10	
8	Tư vấn cách nuôi con bằng sữa mẹ	10	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>90</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - BM Hộ sinh (2015), *Bài giảng Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường* (Tài liệu lưu hành nội bộ), .

2. Bộ y tế (2014), Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ và Người đỡ đẻ có kỹ năng

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Sản Phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
3. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*

\* Trang Web: <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1 Phần Lý thuyết và thực hành tiền lâm sàng

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	Đặc điểm lâm sàng và sinh lý của thời kỳ sau đẻ (gồm các tình trạng thể chất và tâm lý)	3	0,5	0,5		8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu</li> </ul>	
2	Chăm sóc hộ sinh cho người mẹ sau khi sinh (tại bệnh viện và tại nhà trong tuần đầu)	3	0,5	0,5		8		
3	Tư vấn cho người mẹ sau khi sinh	3	0,5	0,5		8		
4	Những thay đổi về tâm thần trong giai đoạn sau sinh và chăm sóc của nữ hộ sinh	3				6		
5	Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ				5	7,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Thực hiện thủ thuật đúng qui trình</li> </ul>	
6	Kỹ thuật cắt chỉ khâu TSM				5	7,5		
7	Làm thuốc âm hộ, tăng sinh môn				5	7,5		
8	Tư vấn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ				5	7,5		
9	Hướng dẫn bà mẹ cho con bú đúng cách				5	7,5		
10	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>				<b>5</b>			
	<b>Tổng số</b>	<b>12</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>30</b>	<b>67,5</b>		

## 7.2 Phần Thực hành tại bệnh viện

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
<b>Tuần 1</b>	Chăm sóc sản phụ ngày đầu sau đẻ	10	10	15	10	45	- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn - Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh
<b>Tuần 2</b>	Chăm sóc sản phụ những ngày sau đẻ	10	10	15	10	45	- Báo cáo giao ban sau ca trực - Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2</b> <b>Thực hiện thủ thuật</b>						- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc - Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình
	<b>Tổng số</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>90</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 2**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Thực hành tiền lâm sàng: thực hiện các thủ thuật trên mô hình
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 31. CHĂM SÓC BÀ MẸ SAU ĐỂ CÓ NGUY CƠ

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ**
- Mã học phần: **MID32007** Số tín chỉ: **TS: 4(1LT/3TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường**
- Học phần song hành:
  - Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
    - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
    - + Thực hành ở phòng thực hành: 30 tiết
    - + Thực hành ở bệnh viện: 45 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Phụ sản**

#### 2. Mục tiêu của học phần

- **Kiến thức**
  - + Nêu các nội dung chính cần tư vấn cho người mẹ sau khi sinh có nguy cơ.
  - + Trình bày làm thế nào để chăm sóc cho mẹ đẻ khó, mổ đẻ trong thời kỳ hậu sản.
  - + Mô tả các dấu hiệu sớm và xử trí ban đầu những tình trạng bệnh lý trong thời kỳ hậu sản.
- **Kỹ năng:**
  - + Tiến hành chăm sóc cho mẹ trong giai đoạn sau sinh có nguy cơ.
- **Thái độ:**
  - + Hành xử chủ động, tự nguyện, xác đáng trong chăm sóc mẹ và tư vấn cho mẹ trong giai đoạn sau sinh có nguy cơ .
  - + Thể hiện sự tôn trọng đối với việc lựa chọn cách chăm sóc trẻ của bà mẹ
  - + Tư vấn một cách thích hợp để tối ưu hóa sức khỏe của bà mẹ
  - + Hỗ trợ quá trình phát triển kỹ năng làm mẹ của người phụ nữ

#### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ thời kỳ sau đẻ. Sự tiết sữa và đánh giá

Học phần Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

**Phần lý thuyết: gồm 15 tiết**, Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường

**Phần thực hành: gồm 45 tiết**

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành. Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện. Phụ sản

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

## PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍNH CHỈ 1</b>		
1	Chảy máu sau đẻ	4	
2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ can thiệp	4	
3	Chăm sóc bà mẹ sau mổ lấy thai	2	
4	Chăm sóc bà mẹ có các bệnh nhiễm khuẩn sau đẻ	3	
5	Rối loạn tiết sữa trong thời kỳ cho con bú	2	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>		
	<b>Thi kết thúc học phần</b>		
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
	<b>TÍNH CHỈ 2</b>		
1	Thông rửa bàng quang và thụt trực tràng	5	
2	Day vú, vắt sữa khi cương sữa	10	
3	Hỗ trợ người bệnh vận động sau mổ lấy thai, đẻ can thiệp	10	
4	Phụ giúp nong cổ tử cung, nạo buồng tử cung	5	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

## PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍNH CHỈ 3</b>		
1	Cung cấp dịch vụ tư vấn cho người mẹ sau khi sinh (chăm sóc bản thân, chăm sóc con và thực hiện kế hoạch hoá gia đình)	9	
2	Quy trình làm sạch bộ phận sinh dục ngoài và thay băng vệ sinh	9	
3	Quy trình cắt chỉ vết mổ	9	
4	Theo dõi, phát hiện xử trí các bất thường sau đẻ	9	
5	Hỗ trợ người bệnh vận động sau mổ lấy thai, đẻ can thiệp	9	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận



- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

## **6. Tài liệu học tập**

### **\* Giáo trình:**

1. Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định - BM Điều dưỡng Phụ sản, 2015, *Bài giảng Chăm sóc bà mẹ sau đẻ có nguy cơ* (Tài liệu lưu hành nội bộ) .
2. Bộ y tế (2014), Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ và Người đỡ đẻ có kỹ năng

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2004), Bài giảng Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về công dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
3. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo **Đào tạo hộ sinh**

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	Chảy máu sau đẻ	3	0,5	0,5	5	8	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu	
2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ can thiệp	3	0,5	0,5	10	8		
	Chăm sóc bà mẹ sau mổ lấy thai Rối loạn tiết sữa trong thời kỳ cho con bú	3	0,5	0,5	5	8		
3	Chăm sóc các bệnh nhiễm khuẩn sau đẻ	3			10	6		
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>							
	<b>Thi kết thúc học phần</b>							
	<b>Tổng số</b>				<b>30</b>	<b>30</b>		

### PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
<b>Tuần 1</b>	Chăm sóc sản phụ ngày đầu sau đẻ khó	2	2	4	2	10	- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
	Chăm sóc sản phụ ngày đầu sau mổ đẻ	2	2	3	2	9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc sản phụ những ngày sau đẻ khó	1	1	2	1	5	
Tuần 2	Chăm sóc sản phụ những ngày sau mổ đẻ	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ	2	2	2	2	8	
	Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ	2	2	2	2	8	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần</b> <b>Thực hiện thủ thuật</b>						

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 2**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: câu hỏi tự luận
  - + Thực hành tại phòng thực hành: thực hiện thủ thuật trên mô hình
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 32. CHĂM SÓC SƠ SINH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc sơ sinh**
- Mã học phần: **MID32008** Số tín chỉ: **TS: 4(1LT/3TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **chăm sóc chuyển dạ dễ thường, chăm sóc chuyển dạ dễ**

#### khó

- Học phần song hành:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### Lý thuyết: 15 tiết

- + Thuyết trình: 12 tiết
- + Thảo luận: 1,5 tiết
- + Bài tập: 1,5 tiết

#### Thực hành tại trường: 30 tiết

#### Thực hành tại bệnh viện: 90 tiết

- + Giao ban: 20tiết
- + Hướng dẫn thực hành: 20 tiết
- + Tự thực hành: 30 tiết
- + Bình KHCS: 20 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc sơ sinh sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực chăm sóc sơ sinh làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật của sơ sinh từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của sơ sinh, bà mẹ và gia đình.

2. Sử dụng được các kiến thức chăm sóc sơ sinh để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho bà mẹ và gia đình về kiểm soát và phòng bệnh trong lĩnh vực sơ sinh .

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc sơ sinh.

4. Vận dụng được kiến thức chăm sóc sơ sinh trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu sơ sinh trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch.

5. Áp dụng được kiến thức chăm sóc sơ sinh để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực sản khoa khoa.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc sơ sinh cung cấp giúp cho sinh viên có khả năng phát triển kỹ năng chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường. Nghiên cứu các lĩnh vực cần quan tâm khi chăm sóc trẻ mới sinh và phát hiện các bất thường, chăm sóc trẻ sơ sinh gặp khó khăn với những chức năng như thở, bú. Can thiệp cấp cứu chuyên tuyến cũng được đề cập đến trong môn học này.

Học phần Chăm sóc sơ sinh gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

**Phần lý thuyết: gồm 15 tiết** Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

**Phần thực hành tại phòng thực hành: gồm 30 tiết**

Phần này Sinh viên được học tại phòng thực hành bộ môn

**Phần thực hành tại phòng thực hành: gồm 90 tiết** Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	2	
2	Trẻ sơ sinh bình thường – đặc điểm thể chất và hành vi	2	
3	Các xét nghiệm sàng lọc trẻ sơ sinh	2	
4	Chăm sóc sơ sinh trong giai đoạn sau sinh	2	
5	Nhu cầu về dịch, Khả năng điều chỉnh thân nhiệt ở trẻ sơ sinh	2	
6	Trẻ sinh nhẹ cân (non tháng, già tháng kém phát triển)	2	
7	Hỗ trợ hô hấp và dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh bệnh	1	
8	Phát hiện các bất thường bẩm sinh thường gặp	2	
	<b>Tổng số</b>	<b>16</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
1	Kỹ thuật chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ	5	
2	Kỹ thuật tắm, thay băng rốn	5	
3	Chuẩn bị và tiến hành hồi sức sơ sinh cho trẻ ngạt	3	

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
4	Chuẩn bị và tiến hành đặt nội khí quản cho trẻ sơ sinh ngạt	2	
5	Quy trình chăm sóc trẻ sơ sinh đang điều trị chiếu đèn	5	
6	Chuẩn bị và tiến hành cho trẻ ăn qua sonde	5	
	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>	<b>5</b>	
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>	

### PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		
1	Quy trình chăm sóc trẻ sơ sinh khoẻ mạnh	10	
2	Chuẩn bị dụng cụ và tiến hành hút đờm rãi	5	
3	Quy trình chăm sóc tắm bé	15	
4	Quy trình chăm sóc rốn	5	
5	Quy trình sử dụng máy sưởi để làm ấm trẻ	5	
6	Quy trình sử dụng lồng ấp	5	
	<b>TÍN CHỈ 4</b>		
7	Quy trình cho trẻ ăn bằng thìa, bằng cốc	10	
8	Quy trình cho trẻ ăn qua sonde	10	
9	Quy trình cung cấp oxy bằng sonde mũi hầu	10	
10	Quy trình cung cấp oxy bằng mặt nạ	5	
11	Phát hiện và theo dõi các bất thường bẩm sinh của trẻ	5	
12	Phát hiện các dấu hiệu bất thường (sốt, vàng da, giảm cân, v.v.)	5	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>90</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – BM Hộ sinh (2015), *Bài giảng Chăm sóc sơ sinh* (Tài liệu lưu hành nội bộ)
2. Bộ y tế (2014), Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ và Người đỡ đẻ có kỹ năng

##### \* Tài liệu tham khảo:

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Sản Phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học
  2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
  3. Bộ Y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*
- \* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)



## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1 Phần Lý thuyết và Thực hành tiền lâm sàng

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ Trẻ sơ sinh bình thường – đặc điểm thể chất và hành vi	3	0,5	0,5		8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> </ul>	
2	Các xét nghiệm sàng lọc trẻ sau khi sinh Chăm sóc sơ sinh trong giai đoạn ngay sau sinh	3	0,5	0,5		8		
3	Nhu cầu về dịch, khả năng điều chỉnh thân nhiệt ở trẻ sơ sinh Trẻ sinh nhẹ cân (non tháng, già tháng kém phát triển)	3	0,5	0,5		8		
4	Hỗ trợ hô hấp và dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh bệnh Phát hiện các bất thường bẩm sinh thường gặp	3				6		
5	Kỹ thuật chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ				5	7,5		
6	Kỹ thuật tắm, thay băng rốn				5	7,5		
7	Chuẩn bị và tiến hành hồi sức sơ sinh Chuẩn bị và tiến hành đặt nội khí quản cho trẻ ngạt				5	7,5		
8	Qui trình chăm sóc trẻ đang điều trị chiếu đèn				5	7,5		
9	Chuẩn bị và tiến hành cho trẻ ăn qua sonde				5	7,5		

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
10	Kiểm tra định kỳ				5		
	<b>Tổng số</b>	<b>12</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>30</b>	<b>67,5</b>	

### 7.2 Phần Thực hành tại bệnh viện

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
<b>Tuần 1</b>	Chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường ngay sau đẻ	5	5	8	5	23	- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn
	CS trẻ sơ sinh bình thường những ngày sau đẻ	5	5	7	5	22	- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh - Báo cáo giao ban sau ca trực
<b>Tuần 2</b>	Chăm sóc trẻ sơ sinh bệnh lý	5	5	8	5	23	- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm
	Chăm sóc trẻ sơ sinh bệnh lý	5	5	7	5	22	- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch CS - Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>90</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 2**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Thực hành tiền lâm sàng: thực hiện thủ thuật trên mô hình theo bảng kiểm
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 33. CHĂM SÓC TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi**
- Mã học phần: **MID31900** Số tín chỉ: **04 (2 LT- 2TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Kiến thức cơ sở ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
  - + Thực hành tại trường: 08 tiết
  - + Thực hành tại bệnh viện: 75 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng Nhi**

#### 2. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần đạt được:

- Nhớ được đặc điểm giải phẫu, các chỉ số sinh lý và sự phát triển thể chất tâm thần vận động của trẻ em qua các lứa tuổi, nuôi dưỡng trẻ khỏe mạnh và trẻ bệnh đây là kiến thức cơ bản để sinh viên phân tích các thông tin thu thập được từ đó có kế hoạch chăm sóc phù hợp cho từng trẻ

- Phân tích, giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, cơ chế bệnh sinh và tiến triển của bệnh

- Sử dụng được các kiến thức đã học để xây dựng nội dung giáo dục sức khỏe phù hợp cho các bà mẹ tại cơ sở y tế và cộng đồng nhằm nâng cao kiến thức cho các bà mẹ về chăm sóc và phòng bệnh cho trẻ.

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng, cơ chế bệnh trong nhi khoa để phân loại và xử trí tốt một số bệnh thường gặp và trong cấp cứu nhi khoa.

#### 3. Mô tả học phần

Nội dung bao gồm các kiến thức cơ bản về trẻ, chăm sóc trẻ khỏe mạnh và trẻ mắc một số bệnh thường gặp. Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc trẻ, hình thành và rèn luyện kỹ năng thành thạo.

##### 3.1. Phần lý thuyết

- Gồm 2 tín chỉ sinh viên học tại trường. Trong học phần này sinh viên được trang bị kiến thức về nhi khoa cơ sở đặc điểm giải phẫu, các chỉ số sinh lý và sự phát triển thể chất tâm thần vận động của trẻ em qua các lứa tuổi, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ khỏe mạnh và trẻ bệnh. kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, tiến triển các bệnh lý nhi khoa thường gặp. Từ kiến thức trên giúp cho sinh viên sẽ nhận định và đưa ra kế hoạch chăm sóc phù hợp cho trẻ bệnh. Hoạt động của sinh viên là nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập nhóm.

- Thực hành tại trường: Sinh viên sẽ được xem băng cách khám các dấu hiệu thường gặp trên trẻ bị mắc các bệnh về đường hô hấp và cách xử trí, các dấu hiệu trẻ bị mắc bệnh về đường tiêu hóa và cách xử trí. Nuôi dưỡng trẻ, cách tô màu bát bột, chương trình ORS, xử trí các tình huống mô phỏng. Kiến thức này giúp sinh viên có nền tảng chăm sóc trẻ tạo mức độ thành thạo cho sinh viên trước khi đi lâm sàng.

### 3.2. Phần thực hành

- Phần học thực hành tại bệnh viện sẽ được học sau khi kết thúc phần lý thuyết và thực hành tại trường. Sinh viên sẽ được chia thành từng nhóm nhỏ để thực tập tại các khoa dưới sự hướng dẫn và quản lý của các giảng viên của bộ môn Nhi và điều dưỡng tại buồng bệnh. Kế hoạch và nội dung học tập sẽ được thông báo ngay buổi đầu của tuần thứ nhất, sinh viên tham gia trực tại viện theo lịch được phân công. Trong thời gian thực hành tại bệnh viện sinh viên sẽ được nhận định trên trẻ bệnh, rèn luyện các kỹ năng thực hành, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc trẻ phù hợp và thành thạo. Xây dựng được nội dung tư vấn cho bà mẹ biết cách chăm sóc và phòng bệnh cho trẻ.

## 4. Nội dung chi tiết học phần

### 4.1. Lý thuyết

STT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1</b>		
1	Các thời kỳ tuổi trẻ	1	
2	Sự phát triển thể chất trẻ em và biểu đồ tăng trưởng.	1	
3	Sự phát triển tâm thần vận động trẻ em	1	
4	Đặc điểm giải phẫu sinh lý các hệ cơ quan của trẻ em	2	
5	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ sơ sinh non tháng, đủ tháng, già tháng.	2	
6	Sữa mẹ và nuôi con bằng sữa mẹ	1	
7	Chế độ ăn sam và ăn bổ sung cho trẻ em	1	
8	Chế độ ăn nhân tạo và ăn hỗn hợp cho trẻ em	1	
9	Chăm sóc hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh	1	
10	Chăm sóc vàng da tăng Bilirubin tự do ở trẻ sơ sinh	1	
11	Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng	2	
12	Chăm sóc trẻ còi xương	1	
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	
	<b>Tín chỉ 2</b>		
1	Chăm sóc các bệnh nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh	2	
2	Chăm sóc suy hô hấp ở trẻ sơ sinh	1	

<b>STT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và cách chăm sóc	<b>1</b>	
4	Chăm sóc trẻ viêm phổi nặng	<b>2</b>	
5	Chăm sóc trẻ dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa	<b>1</b>	
6	Chương trình phòng chống tiêu chảy, chăm sóc trẻ bị tiêu chảy	<b>2</b>	
7	Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp	<b>2</b>	
8	Chăm sóc trẻ thận nhiễm mỡ	<b>1</b>	
9	Chăm sóc trẻ viêm viêm đường tiết niệu	<b>1</b>	
10	Chăm sóc trẻ xuất huyết não, màng não	<b>1</b>	
11	Cách sử dụng thuốc cho trẻ em	<b>1</b>	
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	

**Phần thực hành tại trường:**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Thực hành ORS và tô màu bột	04	
2	Xem băng	04	
	<b>Tổng</b>	<b>8</b>	

**4.2. Thực hành tại bệnh viện**

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ sơ sinh non tháng, đủ tháng, già tháng, trẻ bị hạ thân nhiệt.	10	
2	Nuôi dưỡng trẻ: Nuôi con bằng sữa mẹ, ăn sam, ăn nhân tạo, ăn hỗn hợp	10	
3	Nhận định và chăm sóc trẻ bị bệnh đường hô hấp: Viêm phổi nặng, viêm phổi, viêm họng, viêm thanh quản, viêm phế quản...	12	
4	Nhận định và chăm sóc trẻ bị dị tật đường tiêu hóa, bệnh về đường tiêu hóa: trẻ tiêu chảy cấp, tiêu chảy kéo dài, xuất huyết tiêu hoá, viêm ruột...	13	
5	Nhận định và chăm sóc trẻ bị bệnh đường tiết niệu: Trẻ viêm cầu thận cấp, thận nhiễm mỡ, Nhiễm trùng đường tiết niệu.	10	

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
6	Nhận định và chăm sóc trẻ bị bệnh hệ thần kinh: Trẻ xuất huyết não, màng não, trẻ co giật do sốt....	10	
7	Nhận định và chăm sóc trẻ còi xương, suy dinh dưỡng, trẻ vàng da do tăng Bilirubin tự do.	10	
	<b>Tổng</b>	<b>75</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy:**

- Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thực hành tại bệnh viện:
  - + Làm thủ thuật
  - + Nhận định tại buồng bệnh, giảng tại buồng.
  - + Giao ban, bình kế hoạch chăm sóc.

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Tài liệu chính:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Điều dưỡng Nhi (2015), *Bài giảng điều dưỡng Nhi khoa*. (Tài liệu lưu hành nội bộ)

#### **\*Tài liệu tham khảo:**

1. Trường Đại học Y Hà Nội bộ môn Nhi (2009), *Bài giảng Nhi Khoa tập I, II*,
2. Tài liệu chương trình Xử trí lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (chương trình IMCI) (2013)
3. Cẩm nang điều trị Nhi khoa (2009)
4. Cấp cứu Nhi khoa (2007)

**\* Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com>

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1. Lý thuyết

STT buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	TÍN CHỈ 1	9	1,5	1,5	3	15	
1	Các thời kỳ tuổi trẻ Sự phát triển thể chất trẻ em và biểu đồ tăng trưởng. Sự phát triển tâm thần vận động trẻ em Đặc điểm giải phẫu sinh lý các hệ cơ quan của trẻ em	3	0,5	0,5	3	4	- Đọc và chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập nhóm - Tự nghiên cứu
2	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ sơ sinh non tháng, đủ tháng, già tháng. Sữa mẹ và nuôi con bằng sữa mẹ Chế độ ăn sam và ăn bổ sung cho trẻ em Chế độ ăn nhân tạo và ăn hỗn hợp cho trẻ em	3	0,5	0,5	3	4	- Đọc và chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập nhóm - Tự nghiên cứu
3	Chăm sóc hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh Chăm sóc vàng da tăng Bilirubin tự do ở trẻ sơ sinh Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng Chăm sóc trẻ còi xương	3	0,5	0,5	3	4	- Đọc và chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập nhóm - Tự nghiên cứu



STT buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	<b>Kiểm tra hết học phần</b>						
	<b>TÍN CHỈ II</b>	<b>11</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>15</b>	
<b>4</b>	Chăm sóc các bệnh nhiễm khuẩn ở trẻ sơ sinh Chăm sóc trẻ xuất huyết não, màng não Cách sử dụng thuốc cho trẻ em	3	0,5	0,5	3	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và chuẩn bị bài trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập nhóm</li> <li>- Tự nghiên cứu</li> </ul>
<b>5</b>	Chăm sóc suy hô hấp ở trẻ sơ sinh Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính và cách chăm sóc Chăm sóc trẻ viêm phổi nặng	3	0,5	0,5	3	4	
<b>6</b>	Chăm sóc trẻ dị tật bẩm sinh đường tiêu hóa Chương trình phòng chống tiêu chảy, chăm sóc trẻ bị tiêu chảy	3	0,5	0,5	3	4	
<b>7</b>	Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp Chăm sóc trẻ thận nhiễm mỡ Chăm sóc trẻ viêm đường tiết niệu	2	0,5	0,5	3	3	
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						

## 7.2. Thực hành tại trường

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Tự học		
1	Xem băng và khám các dấu hiệu nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính, tiêu chảy cấp và dinh dưỡng		2	2	2	4	Thực hiện đúng nội quy của bệnh viện. Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi trực tại bệnh viện, Tham gia chăm sóc bệnh nhi
2	Pha và cho uống ORS Tô màu bát bột		2	2	2	4	Quan sát và thực hành thành thạo

### 7.3. Thực hành bệnh viện

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
1	Gặp mặt SV, đọc nội quy, quy định, giới thiệu mô hình của bệnh viện, phương pháp và cách học lâm sàng Hướng dẫn cách làm KHCS nhi khoa	5				5	Thực hiện đúng nội quy của bệnh viện. Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi trực tại bệnh viện, Nghe, ghi và quan sát
2	Hướng dẫn các thủ thuật của nhi khoa		2	3		5	Quan sát và làm các thủ thuật

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
3	Nhận định trẻ bị bệnh đường hô hấp: Viêm họng, viêm phổi nặng, viêm phổi, viêm phế quản.		2	3		5	Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng về hô hấp
4	Lập và thực hiện chăm sóc trẻ bị bệnh về đường hô hấp			2	3	5	Lập và thực hiện được chăm sóc trên bệnh nhi
5	Nhận định trẻ bị bệnh đường tiêu hóa: trẻ tiêu chảy cấp, tiêu chảy kéo dài, xuất huyết tiêu hoá, viêm ruột.		2	3		5	Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng về tiêu hóa
6	Lập và thực hiện chăm sóc trẻ bị bệnh về đường tiêu hoá			2	3	5	Lập và thực hiện được chăm sóc trên bệnh nhi
7	Nhận định hệ thần kinh: trẻ xuất huyết não, màng não, trẻ co giật do sốt....		2	3		5	Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng thần kinh
8	Lập và thực hiện chăm sóc trẻ bị bệnh về hệ thần kinh			2	3	5	Lập và thực hiện được chăm sóc trên bệnh nhi
9	Nhận định trẻ bị bệnh đường tiết niệu: Trẻ viêm cầu thận cấp, thận nhiễm mỡ, Nhiễm trùng đường tiết niệu.		2	3		5	Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng về tiết niệu
10	Lập và thực hiện chăm sóc trẻ bị bệnh về hệ tiết niệu			2	3	5	Lập và thực hiện được chăm sóc trên bệnh nhi
11	Nhận định trẻ còi xương, suy dinh		2	3		5	Nhận định và khám đúng các dấu

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
	duỡng, trẻ vàng da do tăng Bilirubil...						hiệu lâm sàng trẻ bị còi xương, suy dinh dưỡng, và vàng da do tăng Bilirubil
12	Lập và thực hiện chăm sóc trẻ còi xương, suy dinh dưỡng và vàng da do tăng Bilirubil			3	2	5	Lập và thực hiện được chăm sóc trên bệnh nhi
13	Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng		2	3		5	Hướng dẫn được bà mẹ cho trẻ bú đúng
14	<b>Kiểm tra nhận định trẻ bệnh Kiểm tra thủ thuật</b>					5	Nhận định và khám trên trẻ bệnh Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng
15	<b>Thi kết thúc học phần:</b> - Thủ thuật - Chăm sóc trẻ					5	Thực hiện thủ thuật trên bệnh nhi Lập và thực hiện KHCS cho bệnh nhi
	<b>Tổng số</b>					<b>75</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu của giáo viên
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Tham gia thảo luận trên lớp
- Trước khi lên lớp sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học, đọc và nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến bài học.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%;*

#### **- Số lần kiểm tra: 02**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra lý thuyết bằng hình thức tự luận, câu hỏi cổ điển cải tiến.
  - + Kiểm tra thực hành:
    - . Thực hiện nhận định và khám trên bệnh nhi
    - . Thực hiện thủ thuật chăm sóc trên bệnh nhi (bằng băng kiểm).

- Thời gian: 30phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi:

- + Lý thuyết: + Câu hỏi tự luận
- + Thời gian: 60 phút

+ Thực hành:

- + Thực hiện thủ thuật chăm sóc
- + Lập và thực hiện KHCS

## HỌC PHẦN

### 34. DÂN SỐ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Dân số kế hoạch hóa gia đình**
- Mã học phần: **MID45001** Số tín chỉ: **TS: 3(1LT/2TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học
- Học phần song hành:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### **Lý thuyết: 15 tiết**

- + Thuyết trình: 12 tiết
- + Thảo luận: 1,5 tiết
- + Bài tập: 1,5 tiết

#### **Thực hành tại trường: 30 tiết**

#### **Thực hành tại bệnh viện: 45 tiết**

- + Giao ban: 10 tiết
- + Hướng dẫn thực hành: 10 tiết
- + Tự thực hành: 15 tiết
- + Bình KHCS: 10 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu môn học

Sau khi hoàn thành học phần Dân số kế hoạch hóa gia đình sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực Dân số - KHHGD làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu của khách hàng từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu khách hàng và cộng đồng.

2. Sử dụng được các kiến thức Dân số - KHHGD để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho khách hàng về kiểm soát và phòng bệnh nhằm bảo vệ, nâng cao sức khỏe sinh sản và đảm bảo công tác dân số kế hoạch hóa gia đình cho khách hàng và cộng đồng .

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong Dân số - KHHGD .

4. Vận dụng được kiến thức về sức khỏe sinh sản và công tác Dân số - KHHGD trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch thuộc công tác Dân số - KHHGD và sức khỏe sinh sản trong những trường hợp cá nhân, gia đình và cộng đồng

5. Thực hiện và tổ chức tư vấn, phục vụ được những trường hợp cá nhân, gia đình và cộng đồng trong lĩnh vực Dân số - KHHGD. Sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.

6. Áp dụng được kiến thức Dân số - KHHGD để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức trong lĩnh vực sản khoa.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Dân số kế hoạch hóa gia đình cung cấp những kiến thức cơ bản về dân số và nhân khẩu học của Việt nam. Những biện pháp tránh thai được xây dựng trên cơ sở sinh lý sinh sản đã được dạy trong môn học chăm sóc sức khỏe phụ nữ, từ đó sinh viên có kỹ năng giáo dục truyền thông, tư vấn, cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn hiệu quả. Nhằm nâng cao sức khỏe sinh sản cho tất cả các lứa tuổi trong cộng đồng

Học phần Dân số kế hoạch hóa gia đình gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

**Phần lý thuyết: gồm 15 tiết** Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

**Phần thực hành tại phòng thực hành: gồm 30 tiết**

Phần này sinh viên được học tại phòng thực hành bộ môn

**Phần thực hành tại bệnh viện: gồm 45 tiết** Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Toàn cảnh về nhân khẩu học và vấn đề phát triển dân số của Việt nam	1	
2	Toàn cảnh về sức khỏe sinh sản	1	
3	Các chỉ số về chăm sóc bà mẹ trẻ em – dân số- kế hoạch hoá gia đình	1	
4	Tư vấn bao gồm hỗ trợ, gợi ý và giáo dục về kế hoạch hoá gia đình	1	
5	Các biện pháp tránh thai	5	
6	Lập kế hoạch về dân số và kế hoạch hóa gia đình	2	
7	Lập dự trữ, quản lý, phân phối các phương tiện tránh thai	2	

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Báo cáo bài tập nhóm</b>	<b>2</b>	
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
1	Giới thiệu các biện pháp tránh thai	5	
2	Chuẩn bị dụng cụ và tiến hành đặt và tháo dụng cụ tử cung	5	
3	Tư vấn khách hàng sử dụng bao cao su, đình sản	5	
4	Tư vấn khách hàng lựa chọn và sử dụng thuốc tránh thai	5	
5	Bài tập lập dự trữ, quản lý, phân phối các phương tiện tránh thai	5	
	<b>Kiểm tra</b>	<b>5</b>	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	

#### **PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN**

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		
1	Thực hành sắp xếp phòng khám, phòng theo dõi, phòng KHHGD	5	
2	Tổ chức và tiến hành dịch vụ tư vấn và giáo dục trước và sau thực hiện KHHGD	10	
3	Thực hành kỹ năng theo dõi và phát hiện xử trí các bất thường sau khi thực hiện KHHGD	10	
4	Thực hành đặt và tháo dụng cụ tử cung	10	
5	Chuẩn bị cho khách hàng tiêm /cấy thuốc tránh thai, triệt sản nam và nữ	10	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>45</b>	

#### **5. Phương pháp giảng dạy**

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

#### **6. Tài liệu học tập**

\* **Giáo trình:**



1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - .BM Hộ sinh (2015), *Bài giảng Dân số kế hoạch hoá gia đình* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

**\* Tài liệu tham khảo:**

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Sản Phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
3. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*

**\* Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Toàn cảnh về nhân khẩu học và vấn đề phát triển dân số của Việt nam Toàn cảnh về sức khoẻ sinh sản Các chỉ số về chăm sóc bà mẹ trẻ em – dân số- kế hoạch hoá gia đình Tư vấn bao gồm hỗ trợ, gợi ý và giáo dục về kế hoạch hoá gia đình	3	0,5	0,5		8	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu
2	Các biện pháp tránh thai	3	0,5	0,5		8	
3	Lập kế hoạch về dân số và kế hoạch hóa gia đình	2				4	
4	Lập dự trù, quản lý, phân phối các phương tiện tránh thai <b>Báo cáo bài tập nhóm</b>	2	0,5	0,5		<b>6</b>	
5	Giới thiệu các biện pháp tránh thai				5	7,5	
6	Chuẩn bị dụng cụ và tiến hành đặt và tháo dụng cụ tử cung				5	7,5	
7	Tư vấn khách hàng sử dụng bao cao su, đình sản				5	7,5	

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
8	Tư vấn khách hàng sử dụng thuốc tránh thai kết hợp liều thấp, thuốc tránh thai đơn thuần				5	7,5	
9	Bài tập lập dự trù, quản lý, phân phối các phương tiện tránh thai				5	7,5	
10	<b>Kiểm tra</b>				5		
	<b>Tổng số</b>	<b>12</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>30</b>	<b>67,5</b>	

#### PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc khách hàng sử dụng thuốc TT	3	3	4	3	13	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca</li> </ul>
	Chăm sóc khách hàng sử dụng các BPTT khác	2	2	4	2	10	
	Chăm sóc khách hàng đặt, tháo dụng cụ tử cung	3	3	4	3	13	

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	Chuẩn bị cho khách hàng tiêm /cấy thuốc tránh thai, triệt sản nam và nữ	2	2	3	2	9	trực - Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm
	<b>Kiểm tra định kỳ</b> <b>Thực hiện thủ thuật</b>						- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc - Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình
	<b>Tổng số</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 2**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Thực hành tiền lâm sàng: thực hiện thủ thuật trên mô hình theo bảng kiểm
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 35. PHÁ THAI AN TOÀN VÀ TOÀN DIỆN

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Phá thai an toàn và toàn diện**
- Mã học phần: **MID34502** Số tín chỉ: **3(1LT/2TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Dân số và kế hoạch hóa gia đình**
- Học phần song hành: các chuyên ngành khác
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### **Lý thuyết: 15 tiết**

- + Thuyết trình: 12 tiết
- + Thảo luận: 1,5 tiết
- + Bài tập: 1,5 tiết

#### **Thực hành tại trường: 30 tiết**

#### **Thực hành tại bệnh viện: 45 tiết**

- + Giao ban: 10 tiết
- + Hướng dẫn thực hành: 10 tiết
- + Tự thực hành: 15 tiết
- + Bình KHCS: 10 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Phá thai an toàn và toàn diện sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực Phá thai an toàn và toàn diện làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu của khách hàng từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu khách hàng và cộng đồng.

2. Sử dụng được các kiến thức Phá thai an toàn và toàn diện để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho khách hàng về kiểm soát và đề phòng có thai ngoài ý muốn

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong Phá thai an toàn và toàn diện.

4. Vận dụng được kiến thức Phá thai an toàn và toàn diện trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu khách hàng trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch.

5. Áp dụng được kiến thức Phá thai an toàn và toàn diện để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực sản khoa khoa.

### 3. Mô tả học phần

Học phần trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ về: các chính sách, luật pháp, các quy định và các hướng dẫn của quốc gia về thực hiện phá thai an toàn; các yếu tố ảnh hưởng đến người phụ nữ khi phá thai và quá trình phá thai; tư vấn trước, trong và sau phá thai phù hợp và hiệu quả với từng đối tượng, chú ý trường hợp phá thai vì lựa chọn giới tính. Các phương pháp phá thai an toàn và toàn diện.

Học phần Phá thai an toàn và toàn diện gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

**Phần lý thuyết: 15 tiết** học tại giảng đường.

**Phần thực hành TLS: 30 tiết**, học tại phòng thực tập

**Phần thực hành LS: 45 tiết**, học tại khoa KHGGĐ bệnh viện Phụ sản Nam Định.

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan, phần thực hành tiền lâm sàng. Phần này sinh viên được học tại khoa KHHGD ở bệnh viện Phụ sản

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Hướng dẫn chung về phá thai an toàn.	3	
2	Tư vấn về phá thai.	4	
3	Phá thai bằng phương pháp hút chân không, xử lý dụng cụ sau hút thai.	4	
4	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần 13 đến hết tuần 18.	4	
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	

#### PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
1	Tư vấn về phá thai.	5	
2	Thực hành quy trình kỹ thuật phá thai bằng phương pháp hút chân không trên mô hình, xử lý dụng cụ sau hút thai.	10	
3	Thực hành quy trình kỹ thuật phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần 13 đến hết tuần 18 trên mô	10	

	hình.		
	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>	<b>5</b>	
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>	

### PHẦN THỰC HÀNH LÂM SÀNG

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍNH CHỈ 3</b>		
1	Tư vấn về phá thai.	10	
2	Thực hành quy trình kỹ thuật phá thai bằng phương pháp hút chân không trên mô hình, xử lý dụng cụ sau hút thai.	20	
3	Thực hành quy trình kỹ thuật phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần 13 đến hết tuần 18.	15	
<b>Tổng</b>		<b>45</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

#### 6. Tài liệu học tập

##### \* Giáo trình chính:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - BM Hộ sinh (2015), *Bài giảng Phá thai an toàn và toàn diện* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

##### \* Tài liệu tham khảo:

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Sản Phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
3. Bộ y tế (2015), Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*

\* Trang Web: <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)



## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp				Tự học, nghiên cứu	
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Hướng dẫn chung về phá thai an toàn.	2	0,5	0,5		6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> </ul>
2	Tư vấn về phá thai.	3	0,5	0,5		8	
3	Phá thai bằng phương pháp hút chân không, xử lý dụng cụ sau hút thai.	3	0,5	0,5		8	
4	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần 13 đến hết tuần 18.	3	0,5	0,5		8	
5	Tư vấn về phá thai.				5		
6	Thực hành quy trình kỹ thuật phá thai bằng phương pháp hút chân không trên mô hình, xử lý dụng cụ sau hút thai.				10		
7	Thực hành quy trình kỹ thuật phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần 13 đến hết tuần 18 trên mô hình.				10		
	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>				<b>5</b>		
	<b>Tổng số</b>	<b>12</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	

**PHẦN THỰC HÀNH**

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
<b>Tuần 1</b>	Tư vấn về phá thai.	2	2	4	2	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Thực hành quy trình kỹ thuật phá thai bằng phương pháp hút chân không hút thai.	3	3	6	3	15	
<b>Tuần 2</b>	Thực hành quy trình kỹ thuật phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần 13 đến hết tuần 18 trên mô hình.	5	5	5	5	25	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2: Thực hiện thủ thuật</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 2**

- Hình thức kiểm tra:
  - + Thực hành tiền lâm sàng: thực hiện thủ thuật trên mô hình theo bảng kiểm
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 36. THỰC HÀNH SẢN PHỤ KHOA KHHGD 1

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Thực hành sản phụ khoa KHHGD 1**
- Mã học phần: **MID32001L**                      Số tín chỉ: **TS 4 (4TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường; Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ bình thường; Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường
- Học phần song hành:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Giao ban: 40 tiết
  - + Hướng dẫn thực hành: 40 tiết.
  - + Tự thực hành: 60 tiết
  - + Bình kế hoạch chăm sóc: 40 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần **Thực hành sản phụ khoa KHHGD 1** sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1- Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD phù hợp với nhu cầu của bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng.

2- Áp dụng thành thạo qui trình Sản phụ khoa, KHHGD, các bằng chứng khoa học trong thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật trong lĩnh vực Sản phụ khoa KHHGD ra quyết định chăm sóc phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc an toàn, hiệu quả cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng trong lĩnh vực Sản phụ khoa KHHGD.

3- Thực hiện được các giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng trong cải thiện sức khỏe, kiểm soát bệnh, phòng mắc các bệnh thuộc lĩnh vực Sản phụ khoa, KHHGD.

4- Thực hiện được và tổ chức được sơ cứu, cấp cứu những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt trong lĩnh vực sản phụ khoa KHHGD. Sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.

5- Quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án Sản phụ khoa KHHGD theo đúng quy định; thực hành chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng trong lĩnh vực sản phụ khoa KHHGD phù hợp với qui định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp Hộ sinh.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Thực hành chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD được thực hiện tại bệnh viện. Khi kết thúc học phần Sinh viên có kỹ năng trong ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD, tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khoẻ trong lĩnh vực Sản phụ khoa KHHGD. Học phần Thực hành chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD cùng với các học phần thực hành chăm sóc người bệnh ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cử nhân hộ sinh có kỹ năng toàn diện trong chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của Hộ sinh Việt Nam.

Sinh viên sẽ được chia thành từng nhóm nhỏ 15 người để thực tập tại các khoa, buồng bệnh dưới sự hướng dẫn và quản lý của các giảng viên, trợ giảng và các Điều dưỡng của khoa, buồng bệnh. Kế hoạch và nội dung học sẽ được công bố ngay buổi đầu tiên của tuần thứ nhất. Ngoài ra sinh viên sẽ phải tham gia trực chuyên môn tại bệnh viện theo từng nhóm nhỏ. Nhiệm vụ trong các buổi trực sẽ do trưởng kíp trực điều dưỡng tại bệnh viện phân công. Trong thời gian thực hành tại bệnh viện, sinh viên sẽ học các kỹ năng thực hành và tư vấn cho người bệnh ở môi trường làm việc thực sự.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1 Chăm sóc thai nghén</b>		
1	Quy trình quản lý thai nghén	3	
2	Quy trình chăm sóc thai nghén	3	
3	Khám vú	3	
4	Quy trình khám thai ba tháng đầu	4	
5	Quy trình khám thai ba tháng giữa	4	
6	Quy trình khám thai ba tháng cuối	4	
7	Kỹ thuật phát hiện thai sớm bằng que thử thai	4	
8	Quy trình xét nghiệm định lượng Protein niệu bằng phương pháp dùng nhiệt	4	
9	Tư vấn cho phụ nữ có thai về chăm sóc trẻ sơ sinh và nuôi con bằng sữa mẹ	4	
10	Tư vấn cho phụ nữ có thai nhiễm HIV	4	
11	Tư vấn cho phụ nữ có thai về các biện pháp tránh thai sau khi sinh	4	

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
12	Tư vấn cho phụ nữ có thai về vệ sinh và quan hệ tình dục	4	
	<b>TÍN CHỈ 2 Chăm sóc chuyển dạ</b>		
13	Tư vấn cho bà mẹ trong chuyển dạ	5	
14	Chuẩn bị cho một ca đẻ thường, biểu đồ chuyển dạ.	5	
15	Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ	5	
16	Đỡ đẻ ngồi chồm	10	
17	Xử trí tích cực giai đoạn 3	5	
18	Cắt khâu tầng sinh môn	5	
19	Tư vấn cho bà mẹ trong chuyển dạ	5	
20	Chuẩn bị cho một ca đẻ thường, biểu đồ chuyển dạ.	5	
	<b>TÍN CHỈ 3 Chăm sóc sau đẻ</b>		
21	Tư vấn cho bà mẹ sau sinh	4	
22	Quy trình làm sạch bộ phận sinh dục ngoài và thay băng vệ sinh	4	
23	Quy trình cắt chỉ vết khâu tầng sinh môn.	5	
24	Xác định được khối cầu an toàn	4	
25	Theo dõi chảy máu sau đẻ	4	
26	Đánh giá sự tiết sữa	4	
27	Tư vấn cho bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ	5	
28	Chế độ dinh dưỡng cho người mẹ sau đẻ	5	
29	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ và những ngày sau đẻ	5	
30	Phát hiện các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh	5	
	<b>TÍN CHỈ 4 Dân số - KHHGD</b>		
31	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	15	
32	Theo dõi, phát hiện, xử trí các bất thường sau đặt sử dụng KHHGD	10	
33	Tư vấn cho khách hàng sử dụng các biện pháp TT	10	
34	Chuẩn bị cho khách hàng triệt sản nam và nữ	10	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>180</b>	

## **5. Phương pháp giảng dạy**

- Minh họa lâm sàng và thảo luận lâm sàng
- Giao ban, rút kinh nghiệm trường hợp người bệnh
- Bình kế hoạch chăm sóc

## **6. Tài liệu học tập**

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2004), *Bài giảng Sản Phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
3. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*
4. Bộ y tế (2014), Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ và Người đỡ đẻ có kỹ năng

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc thai phụ thai nghén 3 tháng đầu	2	2	4	2	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> </ul>
	Chăm sóc thai phụ thai nghén 3 tháng giữa	3	3	6	3	15	
	Chăm sóc thai phụ thai nghén 3 tháng cuối	5	5	5	5	20	
Tuần 2	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 1a	2	2	2	2	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 1b	3	3	5	3	14	
	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 2	2	2	4	2	10	
	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ giai đoạn 3	2	2	2	2	8	
	Chăm sóc sản phụ sau đẻ 2 giờ đầu	1	1	2	1	5	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b> <b>Thực hiện thủ thuật</b>						
Tuần 3	Chăm sóc sản phụ ngày đầu sau đẻ	3	3	4	3	13	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> </ul>
	Chăm sóc sản phụ những ngày sau đẻ	2	2	3	2	9	
	Chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường ngay sau đẻ	2	2	3	2	9	
	Chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường những ngày sau đẻ	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc trẻ sơ sinh bệnh lý	2	2	3	2	9	
Tuần 4	Chăm sóc khách hàng đặt, tháo dụng cụ tử	3	3	4	3	13	



TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	cung						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc khách hàng triệt sản nam, nữ	2	2	3	2	9	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 2</b> <b>Làm kế hoạch chăm sóc</b>						
	Chăm sóc khách hàng sử dụng thuốc tránh thai	2	2	4	2	10	
	Chăm sóc khách hàng sử dụng các biện pháp tránh thai khác	3	3	4	3	13	
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>60</b>	<b>40</b>	<b>180</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực tập;
- Thực hiện đạt yêu cầu các kỹ năng trong chăm sóc;
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận trước khi lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh theo nhóm bệnh;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

9.1. *Điểm chuyên cần*: 10%

9.2. *Kiểm tra – đánh giá định kỳ*: 40%;

- Số lần kiểm tra: 2
- Hình thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra thủ thuật chăm sóc
  - + Kế hoạch chăm sóc

9.3. *Thi kết thúc học phần*: 50%

- Hình thức thi: Thi thực hành có người bệnh cụ thể, thực hiện một kỹ thuật chăm sóc Sản phụ khoa - KHHGD, xây dựng một kế hoạch chăm sóc Sản phụ khoa - KHHGD

## HỌC PHẦN

### 37. THỰC HÀNH SẢN PHỤ KHOA – KHHGD 2

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Thực hành sản phụ khoa KHHGD 2**
- Mã học phần: **MID32002L** Số tín chỉ: **TS4 (4TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: **Thực hành sản phụ khoa – KHHGD 1**
- Học phần song hành:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Giao ban: 40 tiết
  - + Hướng dẫn thực hành: 40 tiết.
  - + Tự thực hành: 60 tiết
  - + Bình kế hoạch chăm sóc: 40 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng Phụ sản**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Thực hành sản phụ khoa KHHGD 2 sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

- Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD phù hợp với nhu cầu của khách hàng ( người bệnh, sản phụ) gia đình và cộng đồng.

- Áp dụng thành thạo qui trình Sản phụ khoa, KHHGD, các bằng chứng khoa học trong thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật trong lĩnh vực Sản phụ khoa KHHGD ra quyết định chăm sóc phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc an toàn, hiệu quả cho khách hàng (sản phụ, người bệnh, thai phụ) trong lĩnh vực Sản phụ khoa KHHGD.

- Thực hiện được các giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho khách hàng (sản phụ, người bệnh, thai phụ), gia đình và cộng đồng trong cải thiện sức khỏe, kiểm soát bệnh, phòng mắc các bệnh thuộc lĩnh vực Sản phụ khoa, KHHGD.

- Thực hiện được và tổ chức được sơ cứu, cấp cứu những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt trong lĩnh vực sản phụ khoa KHHGD. Sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.

- Quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án Sản phụ khoa KHHGD theo đúng quy định; thực hành chăm sóc khách hàng (sản phụ, người bệnh, thai phụ) trong lĩnh vực sản phụ khoa KHHGD phù hợp với qui định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp Hộ sinh.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Thực hành chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD được thực hiện tại bệnh viện. Khi kết thúc học phần Sinh viên có kỹ năng trong ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD, tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khoẻ trong lĩnh vực Sản phụ khoa KHHGD. Học phần Thực hành chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD cùng với các học phần thực hành chăm sóc người bệnh ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cử nhân hộ sinh có kỹ năng toàn diện trong chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của Hộ sinh Việt Nam.

Học phần gồm 4 tín chỉ: Tín chỉ 1 và 2: Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng chăm sóc cơ bản trong thực hành chăm sóc bà mẹ thai nghén và chuyển dạ đẻ. Tín chỉ 3 và 4: Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng thực hành chăm sóc bà mẹ sau đẻ, sơ sinh và KHHGD

Sinh viên sẽ được chia thành từng nhóm nhỏ từ 12 đến 25 người để thực tập tại các khoa, buồng bệnh dưới sự hướng dẫn và quản lý của các giảng viên, trợ giảng và các Điều dưỡng của khoa, buồng bệnh. Kế hoạch và nội dung học sẽ được công bố ngay buổi đầu tiên của tuần thứ nhất. Ngoài ra sinh viên sẽ phải tham gia trực chuyên môn tại bệnh viện theo từng nhóm nhỏ. Nhiệm vụ trong các buổi trực sẽ do trưởng kíp trực điều dưỡng tại bệnh viện phân công. Trong thời gian thực hành tại bệnh viện, sinh viên sẽ học các kỹ năng thực hành và tư vấn cho người bệnh ở môi trường làm việc thực sự.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1 CSSK phụ nữ và nam học</b>		
1	Chăm sóc người bệnh viêm sinh dục	10	
2	Chăm sóc người bệnh u nang buồng trứng	5	
3	Chăm sóc người bệnh u xơ tử cung	5	
4	Chăm sóc người bệnh rối loạn kinh nguyệt	10	
5	Chăm sóc người bệnh trước mổ phụ khoa	5	
6	Chăm sóc người bệnh sau mổ phụ khoa	10	
	<b>TÍN CHỈ 2 Chăm sóc thai nghén có nguy cơ</b>		
7	Chăm sóc người bệnh sảy thai, chửa ngoài tử cung	5	
8	Chăm sóc người bệnh chửa trứng, thai chết lưu	5	
9	Chăm sóc người bệnh cao huyết áp, nôn, tiền sản	5	

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	giặt, sản giặt		
10	Chăm sóc người bệnh dọa đẻ non	5	
11	Chăm sóc người bệnh rau tiền đạo, rau bong non	5	
12	Chăm sóc người bệnh mắc các bệnh nội khoa và thai nghén	5	
13	Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu và thai nghén	5	
16	Chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS và thai nghén	5	
18	Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa và thai nghén	5	
	<b>TÍNH CHỈ 3 Chăm sóc chuyên dạ có nguy cơ</b>		
19	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do thai	5	
20	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do mẹ	10	
21	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do con co tử cung	5	
22	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do phần phụ của thai	5	
23	Chăm sóc sản phụ dọa vỡ, vỡ tử cung	5	
24	Chăm sóc sản phụ chảy máu trong giai đoạn sổ rau và sau đẻ	10	
25	Chăm sóc sản phụ mổ đẻ	5	
	<b>TÍNH CHỈ 4 Chăm sóc sau đẻ có nguy cơ</b>		
26	Thông rửa bàng quang và thụt trực tràng	10	
27	Day vú, vắt sữa khi cương sữa	10	
28	Hỗ trợ người bệnh vận động sau mổ lấy thai, đẻ can thiệp	10	
29	Phụ giúp nong cổ tử cung, nạo buồng tử cung	15	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>180</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Minh họa lâm sàng và thảo luận lâm sàng
- Giao ban, rút kinh nghiệm trường hợp người bệnh
- Bình kế hoạch chăm sóc

### 6. Tài liệu học tập

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2004), Bài giảng Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.

3. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo **Đào tạo hộ sinh**

4. Bộ y tế (2014), Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ và Người đỡ đẻ có kỹ năng

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
<b>Tuần 1</b>	Chăm sóc người bệnh viêm sinh dục	2	2	3	2	9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc người bệnh u nang buồng trứng	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc người bệnh u xơ tử cung	2	2	3	2	9	
	Chăm sóc người bệnh rối loạn kinh nguyệt	2	2	3	2	9	
	Chăm sóc người bệnh trước mổ phụ khoa	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc người bệnh sau mổ phụ khoa	2	2	3	2	9	
<b>Tuần 2</b>	Chăm sóc người bệnh sảy thai, chữa ngoài tử cung	1	1	2	1	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào</li> </ul>
	Chăm sóc người bệnh chữa trứng, thai chết lưu	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp, , tiền sản giật, sản giật	2	2	4	2	10	
	Chăm sóc người bệnh dọa đẻ non	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc người bệnh rau tiền đạo, rau bong non	1	1	2	1	5	

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
<b>Tuần 2</b>	Chăm sóc người bệnh mắc các bệnh nội khoa và thai nghén	1	1	1	1	4	người bệnh - Báo cáo giao ban sau ca trực - Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm - Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc - Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình
	Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu và thai nghén	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS và thai nghén	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa và thai nghén	1	1	1	1	4	
<b>Tuần 3</b>	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do thai	2	2	2	2	8	
	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do mẹ	2	2	2	2	8	
	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do con co tử cung	1	1	1	1	4	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	1	1	1	1	4	
	<b>Thực hiện thủ thuật</b>						
	Chăm sóc sản phụ đẻ khó do màng ối	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc sản phụ dọa vỡ, vỡ tử cung	1	1	1	1	4	
Chăm sóc sản phụ chảy máu trong giai đoạn sổ rau và sau đẻ	2	2	3	2	9		



TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	Chăm sóc sản phụ mổ đẻ	1	1	1	1	4	
Tuần 4	Chăm sóc sản phụ ngày đầu sau đẻ khó	2	2	2	2	8	
	Chăm sóc sản phụ ngày đầu sau mổ đẻ	2	2	3	2	9	
	Chăm sóc sản phụ những ngày sau đẻ khó	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc sản phụ những ngày sau mổ đẻ	1	1	1	1	4	
	Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ	2	2	2	2	8	
	Chăm sóc sản phụ nhiễm khuẩn sau đẻ	2	2	2	2	8	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b> <b>Làm kế hoạch chăm sóc</b>						
	<b>Thi kết thúc học phần</b> <b>Tổng số</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>60</b>	<b>40</b>	<b>180</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực tập;
- Thực hiện đạt yêu cầu các kỹ năng trong chăm sóc;
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận trước khi lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh theo nhóm bệnh;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

9.1. *Điểm chuyên cần*: 10%

9.2. *Kiểm tra – đánh giá định kỳ*: 40%;

- Số lần kiểm tra: 2
- Hình thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra thủ thuật chăm sóc
  - + Kế hoạch chăm sóc

9.3. *Thi kết thúc học phần*: 50%

- Hình thức thi: Thi thực hành có người bệnh cụ thể, thực hiện một kỹ thuật chăm sóc Sản phụ khoa - KHHGD, xây dựng một kế hoạch chăm sóc Sản phụ khoa - KHHGD

## HỌC PHẦN

### 38. CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỘNG ĐỒNG

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng**
- Đối tượng: **Đại học Hộ sinh chính quy**
- Mã học phần: **NR33700** Số tín chỉ: **TS 2( 1LT/1TH)**
- Loại học phần : **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: Các học phần thuộc khối Y học cơ sở, Pháp luật và tổ chức y tế, Sức khỏe môi trường, Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng, và thực hành tại các khoa chủ yếu ở Bệnh viện.

- Các học phần song hành: **Các chương trình y tế quốc gia, Điều dưỡng thâm hợa**

- Phân bổ giờ tín chỉ:

- + Nghe giảng lý thuyết: 5 tiết
- + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
- + Thảo luận trên lớp: 5 tiết
- + Thực hành ở phòng thực hành: 10 tiết
- + Thực tế tại cộng đồng: 1 tuần (45 giờ)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Y tế công cộng.**

#### 2. Mục tiêu học phần:

**Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng**

1. Có kiến thức một cách hệ thống các khái niệm, nội dung và quy trình điều dưỡng cộng đồng.. Vai trò, phạm vi hoạt động của điều dưỡng cộng đồng.
2. Có khả năng xác định được các vấn đề sức khỏe sinh sản của cá nhân, gia đình và cộng đồng, trọng tâm là phụ nữ có thai và cho con bú.
3. Thực hiện được các kỹ năng cần thiết trong quy trình điều dưỡng cộng đồng như: phỏng vấn; điều tra; sàng lọc; vẽ bản đồ, lập kế hoạch, viết báo cáo ở cấp độ khác nhau.
4. Có khả năng vận dụng được quy trình điều dưỡng cộng đồng để chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.
5. Có khả năng sử dụng phương pháp và kỹ năng truyền thông phù hợp với đối tượng đích.

#### 3. Mô tả học phần :

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng của khoa học điều dưỡng cộng đồng. Học phần này giúp cho sinh viên được tiếp cận với một khách

hàng ở môi trường ngoài bệnh viện đồng thời sinh viên cũng được tiếp cận với những người không bị bệnh và đặc biệt là bối cảnh, môi trường của con người có liên quan đến quá trình phát sinh bệnh tật và những nguồn lực mà người dân có thể sử dụng trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cá nhân, gia đình và cộng đồng của họ. Đồng thời cung cấp cho sinh viên hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến ngành y tế, cơ cấu tổ chức, phương thức quản lý các cơ sở y tế.

### **Vị trí, tầm quan trọng của học phần**

Bệnh tật phát sinh do rất nhiều những nguyên nhân khác nhau, việc tìm hiểu trạng thái sức khỏe của con người trong những điều kiện hoàn cảnh sống cụ thể là một công việc rất quan trọng của ngành y tế và của mỗi một cán bộ y tế. Vì vậy, học phần này có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho các cá nhân trong độ tuổi sinh đẻ. Học phần này có mối liên quan đến hầu hết những môn y học (điều dưỡng) cơ sở, lâm sàng cũng như y học dự phòng.

Học phần gồm 3 phần: Lý thuyết, Thực hành tại trường, Thực tập tại cộng đồng

### **Phần lý thuyết:**

Học phần này sinh viên sẽ học ở trường. Trong học phần này sinh viên sẽ phải học 2 buổi lý thuyết, tham gia các buổi thảo luận, và thực hiện một bài kiểm tra. Những nội dung hoạt động này nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng, hệ thống tổ chức ngành y tế, các văn bản pháp quy liên quan đến ngành y tế.

### **Phần thực hành:**

Trước khi học phần thực hành, sinh viên phải học những nội dung của phần lý thuyết

Phần thực hành có hai nội dung: phần học thực hành tại trường và phần thực tập tại cộng đồng:

**Phần thực hành tại trường** sẽ được thực hiện đồng thời với học phần lý thuyết (sáng học lý thuyết/chiều thực hành). Trong thời gian này, sinh viên sẽ được học những kỹ năng cần thiết để có thể làm việc độc lập dưới cộng đồng như một cán bộ y tế thực thụ tại cơ sở. Trong học phần này, sinh viên phải đạt các kỹ năng cần thiết sau mỗi buổi học. Phần học này trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong vòng 2 buổi. Bài thi kết thúc học phần được tiến hành tại trường với hình thức đóng vai.

**Phần thực tế tại cộng đồng** sẽ được thực hiện khi kết thúc phần học thực hành tại trường và sẽ kéo dài liên tục trong vòng 2 tuần từ thứ 2 đến thứ 6 (có thể cả ngày thứ bảy và chủ nhật). Sinh viên sẽ được chia thành 4 tổ, mỗi tổ ( từ 8 – 15 người ) đi thực tế tại một trạm y tế xã (là cơ sở thực tế của nhà trường) dưới sự quản lý, hướng dẫn và hỗ trợ của các giảng viên, trợ giảng và các cán bộ y tế của trạm để thực hiện những nội dung học phần. Nội dung học phần và cách thức đánh giá sinh viên sẽ được công bố

ngay từ ngày đầu sinh viên đi thực tế. Ngoài những nội dung có trong đề cương thực tế, sinh viên cũn phải tham gia trực và các hoạt động ngoại khoá. Việc thực hiện lịch trực và tham gia các hoạt động ngoại khoá do trưởng trạm y tế phân công. Trong thời gian thực tế tại cộng đồng sinh viên sẽ được vận dụng những kiến thức, kỹ năng điều dưỡng cộng đồng nói riêng, kiến thức, kỹ năng điều dưỡng nói chung và các học phần khác vào công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân tại cơ sở thực tế. Trong thời gian 2 tuần thực tế tại cơ sở, giáo viên sẽ giám sát 2 lần/ tuần nhằm theo dõi, hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên trong quá trình đi thực tế, mỗi lần giám sát giáo viên sẽ có những đánh giá về ý thức học tập và kết quả thực hiện khối lượng công việc của sinh viên đồng thời hướng dẫn sinh viên làm những công việc tiếp theo. Trong thời gian này, sinh viên cũn sẽ được các cán bộ của trạm y tế (bao gồm cả y tế thôn) quản lý và hỗ trợ khi tiếp cận với cộng đồng.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung chương/ bài	Số tiết
Bài 1	Đại cương về điều dưỡng cộng đồng Quy trình điều dưỡng cộng đồng	2
Bài 2	Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ sinh sản cho cộng đồng dân cư.	3
Bài 3	Chăm sóc sức khoẻ sinh sản trước, trong và sau khi sinh (quản lý thai nghén)	3
Bài 4	Chăm sóc sức khoẻ bà mẹ - trẻ em Sức khoẻ sinh sản nam giới	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>

#### Thực hành tại trường

STT	Nội dung	Số tiết
Bài 1	Một số kỹ năng cơ bản (Kỹ năng phỏng vấn/ kỹ năng điều tra...)	2
Bài 2	Kỹ năng lượng giá sức khoẻ sinh sản cho cộng đồng	4
Bài 3	Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ sinh sản cho cộng đồng	2
Bài 4	Kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức một hoạt động can thiệp	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>

#### Thực tập tại cộng đồng

STT	Nội dung học tập	Ghi chú
1	Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của trạm y tế, của từng nhân viên y tế, đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của địa phương, phát hiện những nguy cơ cho sức khỏe người dân tại địa phương.	Mỗi SV/ 1 báo cáo
2	Thăm và Lập hồ sơ sức khỏe sinh sản hộ gia đình	5 hộ / 1SV
3	Lượng giá nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản của cộng đồng	5 KH/1 SV
4	Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng	5 người /1SV
5	Thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho CĐ	5 người/1SV
6	Đánh giá kết quả chăm sóc sức khỏe cho cá nhân/gia đình	5 người /1SV
7	Viết được một bản tiểu luận về một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cơ sở thực tế ( 8 – 10 trang)	01 SV/ 01 báo cáo ( chú ý phải có hình ảnh khi chăm sóc làm minh chứng)
8	Tìm hiểu quá trình lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, đánh giá các chương trình quản lý thai nghén tại địa phương	01 nhóm SV/ chương trình
9	Thực hiện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người dân đến khám và điều trị tại trạm y tế ( nội trú hoặc ngoại trú)	10 khách hàng/ 01 SV
10	Đánh giá tình trạng vệ sinh trường học	Phối hợp nếu có chương trình
11	Cách ghi các loại sổ từ A1 đến A10	10 lần/SV
	Tham gia các hoạt động ngoại khoá	

### 5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình trên lớp

Thảo luận nhóm: Sinh viên huấn bị ở nhà và trình bày trên lớp

Trình diễn: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và thực hiện trong phòng thực hành

Dạy học dựa trên vấn đề

Dạy học dựa vào dự án

Đóng vai

### 6. Tài liệu học tập:

#### \* Giáo trình

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Y tế cộng đồng (2009), *Bài giảng điều dưỡng cộng đồng*, (tài liệu lưu hành nội bộ).

2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Y tế cộng đồng (2009), *Bài giảng giáo dục sức khỏe* (tài liệu lưu hành nội bộ)

#### \* Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Y tế cộng đồng (2009), *Bài giảng quản lý và tổ chức y tế* (tài liệu lưu hành nội bộ)
2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Y tế cộng đồng (2009), *Bài giảng dịch tễ học* (tài liệu lưu hành nội bộ)
3. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Y tế cộng đồng (2009), *Bài giảng dinh dưỡng – tiết chế* (tài liệu lưu hành nội bộ)

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

Số TT	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành Lab	Thực hành CD		
1	Đại cương về điều dưỡng cộng đồng. Quy trình điều dưỡng cộng đồng	2					4	- Đọc trước bài - Tham gia thảo luận
2	Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cộng đồng dân cư.	1		2			6	- Đọc trước bài - Tham gia thảo luận - Báo cáo trước lớp
3	Chăm sóc sức khỏe sinh sản trước, trong và sau khi sinh (quản lý thai nghén)	1		2			6	- Đọc trước bài - Tham gia thảo luận - Báo cáo trước lớp
4	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em; sức khỏe sinh sản nam	2					4	- Đọc trước bài Tham gia thảo luận
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>							
	Một số kỹ năng cơ bản (Kỹ năng phỏng vấn/ kỹ năng điều tra...)	1			1		4	Nghe, nhìn và thực hành theo hướng dẫn của giảng viên Giám sát, hỗ trợ nhau thực hành đúng kỹ
	Kỹ năng lượng giá sức khỏe sinh sản cho cộng đồng	1			3		8	
	Kỹ năng lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe	1			1		6	



Số TT	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành Lab	Thực hành CD		
	sinh sản cho cộng đồng							năng theo bảng kiểm
	Kỹ năng xây dựng kế hoạch và tổ chức một hoạt động can thiệp	1			1		6	
	Thực tập cộng đồng					45	60	Thực hành dưới sự giám sát của cán bộ y tế xã và giảng viên
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>		<b>4</b>	<b>6</b>	<b>45</b>	<b>104</b>	

\* Ghi chú: lịch các tuần thực tập tại cộng đồng có thể thay đổi tùy theo tình hình cụ thể tại địa bàn thực tập.

## 8. Quy định của học phần

**Phần lý thuyết:** theo yêu cầu cụ thể của từng buổi học và sinh viên phải đi học đầy đủ, đúng giờ, tham gia tích cực vào việc xây dựng nội dung bài giảng. Sinh viên bắt buộc phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham dự đầy đủ các buổi lên lớp và dự đủ các bài kiểm tra.

**Phần thực hành:** bắt buộc phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành, làm các bài tập theo yêu cầu của giáo viên.

**Phần thực tập tại cộng đồng :** Sinh viên phải đi thực tập đầy đủ, thực hiện đúng những yêu cầu của nội dung đề cương học phần đã đề ra. Sinh viên phải thực hiện sự quản lý và phân công của cán bộ y tế cơ sở (trưởng trạm y tế)

- Sinh viên ngồi trong lớp theo tổ (cả học lý thuyết và thực hành)
- Sinh viên phải tham gia đủ các giờ thực hành làm đủ các bài tập theo yêu cầu.
- Sinh viên tự nghiên cứu những chủ đề được giao.
- Khi thảo luận nhóm phải có biên bản của buổi thảo luận
- Sinh viên có quyền trao đổi, xin hướng dẫn của giảng viên bằng các phương tiện có được
- Sinh viên chủ động trong quá trình đi thực tập cộng đồng theo điều kiện thực tế của địa phương và đề cương học phần .

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập

### 9.1. Điểm chuyên cần: 10%

- Sinh viên tham gia học tập trên lớp
- Tham gia và chuẩn bị bài học, thảo luận, làm đủ bài tập..

### 9.2. Kiểm tra định kỳ: 40%- 1 điểm

- Kiểm tra bằng trắc nghiệm trên lớp
- Kiểm tra bằng báo cáo nhóm hay thuyết trình tại phòng thực hành
- Kiểm tra bằng kết quả giám sát.

### 9.3. Thi kết thúc học phần: 50% (BÁO CÁO CỦA SINH VIÊN)

Hình thức đánh giá kết thúc học phần bằng việc sinh viên trình bày báo cáo kết quả thực tập (tổng cộng có 2 báo cáo: 01 báo cáo về tình hình kinh tế văn hóa xã hội của địa bàn; 01 báo cáo kết quả thực hiện quy trình điều dưỡng cộng đồng).

Stt	Hoạt động đánh giá	Trọng số	Số lần	Hình thức kiểm tra
1	Thái độ chuyên cần	10%		
3	Kiểm tra định kỳ	40%	1	
4	Thi hết học phần	50%	1	Báo cáo, vấn đáp

## HỌC PHẦN

### 39. QUẢN LÝ HỘ SINH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Quản lý hộ sinh**
- Mã học phần: **MID32010**                      Số tín chỉ lên lớp: **TS:4(4LT)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Học phần tiên quyết: Pháp luật
- Học phần song hành:
- Phân bổ giờ tín chỉ bao gồm:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 10 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 1,5 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 1,5 tiết
  - + Hoạt động báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm: 02 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Quản lý hộ sinh sinh viên Đại học Hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực quản lý hộ sinh làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu của bà mẹ và trẻ sơ sinh từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh trong bối cảnh Việt Nam.

2. Sử dụng được các kiến thức quản lý hộ sinh để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn, quản lý chăm sóc sức khỏe bà mẹ và quản lý dịch vụ sinh nở cho người hộ sinh, tăng cường hiểu biết về quản lý sức khỏe bà mẹ và các dịch vụ đối lập với chăm sóc trực tiếp một- một của riêng lẻ các bà mẹ.

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong quản lý chăm sóc sức khỏe bà mẹ và quản lý dịch vụ sinh nở

4. Vận dụng được kiến thức quản lý hộ sinh trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch cho những người tham gia vào công tác chăm sóc sức khỏe .

5. Áp dụng được kiến thức quản lý hộ sinh để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực sản khoa khoa.

#### 3. Mô tả học phần

Học phần này giới thiệu vai trò người hộ sinh trong việc cung cấp chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh trong bối cảnh Việt Nam. Giải thích và phát triển tầm quan

trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm. Học phần được xây dựng dựa trên những quy định về luật pháp và đạo đức hành nghề.

Nghiên cứu ảnh hưởng quốc tế đối với sự phát triển của ngành hộ sinh, đặc biệt khi chúng liên quan đến Việt Nam trong bối cảnh của khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Xác định rõ tầm quan trọng của các cơ quan điều hành quốc tế ví dụ như WHO. Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, và vai trò của các tổ chức quốc tế trong hỗ trợ phát triển ngành Hộ sinh. Học phần được thiết kế để hỗ trợ người hộ sinh tăng cường hiểu biết về quản lý sức khỏe bà mẹ và các dịch vụ đối lập với chăm sóc trực tiếp một- một của riêng lẻ các bà mẹ.

Học phần này được thiết kế để hỗ trợ người hộ sinh nâng cao hiểu biết về quản lý chăm sóc sức khỏe bà mẹ và quản lý dịch vụ sinh nở. Đối ngược với việc chăm sóc trực tiếp từng cá nhân người phụ nữ, môn học này đi sâu hơn vào phần quản lý thông tin dữ liệu và đánh giá.

Học phần chuẩn bị người hộ sinh cho vai trò quản lý trong các dịch vụ sức khỏe, vai trò lãnh đạo trong nghề Hộ sinh. Đề cập đến công tác tiếp tục giáo dục và phát triển trách nhiệm nghề nghiệp.

Học phần gồm 4 tín chỉ:

Tín chỉ 1: Giới thiệu ngành HS

Tín chỉ 2,3: Nghề hộ sinh quốc tế

Tín chỉ 4: Đạo đức nghề nghiệp

Đánh giá việc thực hiện chuyên môn và phát triển nghề nghiệp

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Vai trò và nhiệm vụ của người hộ sinh	4	
2	Sinh con với cuộc sống của người phụ nữ	4	
3	Hộ sinh và sức khỏe cộng đồng	4	
4	Chăm sóc hộ sinh với phụ nữ	2	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	1	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
5	Quy chế nghề nghiệp	2	
6	Quy chế về nghề hộ sinh	5	
7	Thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ phân tích và xu hướng	4	
8	Các chỉ số về sức khỏe chu sinh và sức khỏe bà mẹ	2	

	<b>Báo cáo bài tập nhóm</b>	2	
	<b>TÍN CHỈ 3</b>		
9	Các năng lực của hộ sinh	4	
10	Vai trò của hộ sinh và các mục tiêu phát triển	3	
11	Chương trình làm mẹ an toàn	4	
12	Các hiệp hội hộ sinh	3	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	1	
	<b>TÍN CHỈ 4</b>		
13	Đạo đức và y đức	4	
14	Các công nghệ sinh sản	4	
15	Lãnh đạo và quản lý hộ sinh	5	
	<b>Báo cáo bài tập nhóm</b>	2	
	<b>Tổng số</b>	<b>60</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn làm bài tập cá nhân nhóm, tiểu luận.

### 6. Tài liệu học tập

1. Bộ Y tế (2015), *Tài liệu tham khảo: Đào tạo Hộ sinh*
2. Pairman và Fernandez năm 2010
3. International Confederation of Midwies 1990; Midwifery Council Of New Zealand 2004
4. Guilliand & Pairman 1995; New Zealand College of Midwives 2005

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Vai trò và nhiệm vụ của người hộ sinh	3	0,5	0,5	8	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Báo cáo các vấn đề thảo luận</li> </ul>
2	Sinh con với cuộc sống của người phụ nữ	3	0,5	0,5	8	12	
3	Hộ sinh và sức khỏe công đồng	3	0,5	0,5	8	12	
4	Chăm sóc hộ sinh với phụ nữ	2			4	6	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>			1		1	
5	Quy chế nghề nghiệp	2	0,5	0,5	6	9	
6	Quy chế về nghề hộ sinh	4	0,5	0,5	10	15	
7	Thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ, phân tích và xu hướng	3	0,5	0,5	8	12	
8	Các chỉ số về sức khỏe chu sinh và sức khỏe bà mẹ	2			4	6	
	<b>Báo cáo kết quả bài tập nhóm</b>			2		2	
9	Các năng lực của hộ sinh	3	0,5	0,5	8	12	
10	Vai trò của hộ sinh và các mục tiêu phát triển	3			6	9	

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, NC	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp						
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập				
11	Chương trình làm mẹ an toàn	3	0,5	0,5	8	12		
12	Các hiệp hội hộ sinh	2	0,5	0,5	6	9		
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>					1		
13	Đạo đức và y đức	3	0,5	0,5	8	12		
14	Các công nghệ sinh sản	3	0,5	0,5	8	12		
15,	Lãnh đạo và quản lý hộ sinh	3	0,5	0,5	8	12		
16	<b>Báo cáo kết quả bài tập nhóm</b>			2		2		
	<b>Thi kết thúc học phần</b>							
	<b>Tổng số</b>	<b>42</b>	<b>6</b>	<b>10</b>	<b>116</b>	<b>168</b>		

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Tham gia thảo luận trên lớp;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 2
- Hình thức kiểm tra: câu hỏi tự luận
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Thi tự luận câu hỏi tự luận
- Thời gian: 90 phút



## HỌC PHẦN

### 40. THỰC HÀNH DỰA VÀO BẰNG CHỨNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG CHĂM SÓC HỘ SINH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Thực hành dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học trong chăm sóc hộ sinh

- Mã học phần: MID 32011                      Số tín chỉ: **TS: 3(2LT/1TH)**

- Loại học phần: **Bắt buộc**

- Học phần tiên quyết: các học phần cơ sở

- Học phần song hành: (nếu có)

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành ở tiền lâm sàng: 30 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

#### 2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần nghiên cứu khoa học điều dưỡng sinh viên Đại học Hộ sinh chính qui có những năng lực:

1. Những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu hộ sinh
2. Xác định được vấn đề, mục tiêu, các biến số trong nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu khoa học. Phương pháp chọn mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu
3. Thu thập, xử lý, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, cách viết đề cương báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học trong chăm sóc Hộ sinh
4. Phát triển được kỹ năng tư duy độc lập và tự ra quyết định trong thực hành nghiên cứu chăm sóc hộ sinh
5. Hình thành và rèn luyện được tư duy sáng tạo, khoa học của người làm công tác nghiên cứu khoa học
6. Hình thành phương pháp luận khoa học trong thực hành nghiên cứu

#### 3. Mô tả học phần

Học phần tăng cường năng lực thực hành dựa trên cơ sở khoa học và khuyến khích nữ hộ sinh tham gia chủ động vào việc phát triển kiến thức hộ sinh. Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu những phương pháp nghiên cứu bằng chứng và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học

**Phần lý thuyết: gồm 30 tiết**

Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

**Phần thực hành: gồm 30 tiết**

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

Phần này Sinh viên được thảo luận nhóm, làm tiểu luận, thu thập số liệu tại bệnh viện

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Giới thiệu khái niệm chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng	2	
2	Vai trò nghiên cứu khoa trong chăm sóc hộ sinh	1	
3	Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu hộ sinh	2	
4	Quy trình nghiên cứu khoa học trong chăm sóc hộ sinh và đề cương nghiên cứu khoa học	2	
5	Chọn đề tài nghiên cứu	4	
6	Tổng quan tài liệu	4	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
8	Phương pháp chọn mẫu và các thông số dùng cho nghiên cứu	2	
9	Phương pháp thu thập số liệu	2	
10	Phân tích trình bày số liệu và trình bày số liệu	4	
11	Phương pháp viết báo cáo NCKH và trình bày một số nghiên cứu	4	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC HÀNH</b>			
1.	Bài tập nhóm	10	
2.	Viết tiểu luận	10	
3.	Viết đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực hộ sinh	10	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy

- Phần học Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận

- Phần học Thực hành: thảo luận nhóm, viết tiểu luận, viết đề cương

#### 6. Tài liệu học tập

1. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.

2. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo **Đào tạo hộ sinh**

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1 & 2	Bài 1: Giới thiệu khái niệm chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng	1	0.5	0.5		4	- Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
	Bài 2: Vai trò nghiên cứu khoa học trong chăm sóc hộ sinh	1				2	
	Bài 3: Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu hộ sinh	2	1	1		8	
	Bài 4: Quy trình nghiên cứu khoa học và đề cương nghiên cứu khoa học						
3	Bài 5: Chọn đề tài nghiên cứu	2	1	1		8	
4	Bài 6: Tổng quan tài liệu	2	1	1		8	
5 & 6	Bài 7: Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	0.5	0.5		4	
	Bài 8: Phương pháp chọn mẫu và các thông số dùng cho nghiên cứu	1	0.5	0.5		4	
	Bài 9: Phương pháp thu thập số liệu	1	1	1		6	
7	Bài 10: Phân tích trình bày số liệu và trình bày số liệu	2	1	1		8	

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
8	Bài 11: Phương pháp viết báo cáo NCKH và trình bày một số nghiên cứu	2	1	1		8	
	<b>Kiểm tra</b>	1					
9 & 10	Bài tập nhóm				10		
11 & 12	Viết tiểu luận				10		-Đọc tài liệu - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
13 & 14	Viết đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực hộ sinh				10		
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>16</b>	<b>7.5</b>	<b>7.5</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 2
- Hình thức kiểm tra: + Câu hỏi cổ điển cải tiến - Thời gian: 45 phút  
+ Viết tiểu luận

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi cổ điển cải tiến
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 41. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

#### 1. Thông tin chung về học phần

#### 2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Thực tập tốt nghiệp**
- Mã học phần: **NR360** Số tín chỉ: **TS 4 (8 tuần)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Thực tập tại bệnh viện: 8 tuần

#### 3. Mục tiêu của học phần

##### **Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:**

1. Nhận định được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng, bệnh viện và quản lý sức khỏe cộng đồng.
2. Tích lũy được kiến thức tổng hợp của các học phần chuyên ngành để đánh giá tình trạng sức khỏe của phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh, lập kế hoạch chăm sóc và đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp.
3. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc phụ nữ, bà mẹ, trẻ sơ sinh; một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trong lĩnh vực sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình;
4. Ứng dụng qui trình điều dưỡng, tư duy tích cực trong thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật, ra quyết định chăm sóc phù hợp, Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc phụ nữ, bà mẹ-trẻ sơ sinh an toàn, hiệu quả dựa trên bằng chứng.
5. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh, kỹ năng làm việc nhóm.
6. Vận dụng các kiến thức đã học để tư vấn và giáo dục sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ, gia đình và cộng đồng.
7. Quản lý Hồ sơ bệnh: Quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án, các nội dung quản lý khác theo đúng qui định hiện hành.

#### 4. Chuẩn đầu ra

##### **Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải đạt các năng lực cụ thể như sau:**

1. Nhận định tình trạng sức khỏe, bệnh tật của phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh.
2. Xác định các chẩn đoán Hồ sơ bệnh/Điều dưỡng phù hợp với nhu cầu của người bệnh;
3. Lập kế hoạch chăm sóc và đưa ra các quyết định chăm sóc chính xác, phù hợp với nhu cầu của người bệnh;
4. Áp dụng thành thạo các kỹ thuật chăm sóc Hồ sơ bệnh/Điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành, sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, liên tục trong chăm sóc của người bệnh;

5. Xử trí kịp thời các trường hợp sơ cứu, cấp cứu, những tình huống khẩn cấp, nguy kịch trong chăm sóc;

6. Áp dụng nội dung Quản lý hộ sinh trong công tác chăm sóc người bệnh;

### **5. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Thực tập tốt nghiệp là một bộ phận quan trọng trong chương trình đào tạo, giúp cho sinh viên tích lũy và hoàn thiện được các năng lực cần thiết của người điều dưỡng trình độ đại học trong thực hành nghề điều dưỡng trước khi tốt nghiệp ra trường công tác, bao gồm: năng lực thực hiện chăm sóc bệnh nhân an toàn và hiệu quả; năng lực giao tiếp, làm việc nhóm; năng lực tư duy tích cực; năng lực quản lý lãnh đạo và năng lực làm việc theo đạo đức nghề nghiệp và pháp luật.

Sinh viên được học tập trong thời gian 8 tuần liên tục (320 giờ) tại bệnh viện. Thực hành chăm sóc người bệnh tại các khoa. Sinh viên được tham gia chăm sóc, theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc, quản lý khoa, buồng bệnh, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc dưới sự quản lý, hướng dẫn, đánh giá của giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế được công nhận là cơ sở thực hành của Trường.

Sinh viên học tập mô hình tổ chức, quản lý khoa, phòng bệnh viện. Chức năng, nhiệm vụ phòng khám, quy trình tiếp nhận bệnh nhân và chức năng điều dưỡng phòng khám. Học tập công tác quản lý và sử dụng hồ sơ lưu trữ, nguyên tắc, phương pháp, quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn.

Sinh viên tham gia trực chuyên môn theo từng nhóm, trong thời gian thực tập sinh viên sẽ được học các kỹ năng thực hành và tư vấn cho người bệnh ở môi trường làm việc thực sự.

### **6. Nội dung chi tiết học phần**

Thực tập tốt nghiệp gồm các nội dung:

#### **6.1. Quản lý Hộ sinh**

- Mô hình tổ chức, quản lý bệnh viện, khoa. Vai trò của Hộ sinh/Điều dưỡng trưởng bệnh viện, Hộ sinh/điều dưỡng trưởng khoa, các Hộ sinh viên.

- Công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ:

+ Quản lý nhân lực, quản lý vật tư- trang thiết bị,....

+ Thường quy đi buồng, mô hình phân công chăm sóc

+ Bảo quản hồ sơ.

- Công tác đón tiếp người bệnh vào viện, ra viện

#### **6.2. Thực hành các kỹ thuật chăm sóc bà mẹ-trẻ sơ sinh**

- Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc Sản phụ khoa KHHGD phù hợp với nhu cầu của bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng.

- Áp dụng thành thạo qui trình Sản phụ khoa, KHHGD, các bằng chứng khoa học trong thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật trong lĩnh vực Sản phụ

khoa KHHGD ra quyết định chăm sóc phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc an toàn, hiệu quả cho bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng trong lĩnh vực Sản phụ khoa KHHGD.

- Thực hiện được các giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng trong cải thiện sức khỏe, kiểm soát bệnh, phòng mắc các bệnh thuộc lĩnh vực Sản phụ khoa, KHHGD.

- Thực hiện được và tổ chức được sơ cứu, cấp cứu những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt trong lĩnh vực sản phụ khoa KHHGD. Sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.

- Quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án Sản phụ khoa KHHGD theo đúng quy định; thực hành chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, gia đình và cộng đồng trong lĩnh vực sản phụ khoa KHHGD phù hợp với qui định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp Hộ sinh.

#### **6.4. Thực hành tư vấn, giáo dục sức khỏe**

- Xác định vấn đề ưu tiên để GDSK.
- Lập kế hoạch, xây dựng chương trình hành động .
- Viết và trình bày một nội dung TT-GDSK.
- Sử dụng hiệu quả phương tiện, tài liệu thực hiện TT-GDSK.
- Giáo dục sức khỏe cho phụ nữ, thai phụ, bà mẹ và gia đình.

#### **7. Phương pháp giảng dạy**

- Sự viên tự học, tự nghiên cứu và thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên thỉnh giảng và Hộ sinh/điều dưỡng các khoa phòng thực tập.

- Thảo luận lâm sàng
- Giao ban, rút kinh nghiệm trường hợp người bệnh
- Bình kế hoạch chăm sóc

#### **8. Tài liệu học tập**

- Các tài liệu học tập của tất cả học phần cơ sở và chuyên ngành

#### **9. Lịch trình chi tiết**

- Sinh viên được chia thành các nhóm đi luân chuyển các khoa thuộc bệnh viện chuyên ngành Sản-Nhi nơi sinh viên đến thực tập. Đảm bảo đầy đủ các nội dung của học phần.

- Tại mỗi khoa sinh viên được thực hiện chăm sóc người bệnh và tham gia trực theo sự phân công của Hộ sinh/Điều dưỡng trưởng khoa.

- Học tập mô hình tổ chức, quản lý khoa, phòng bệnh viện. Chức năng, nhiệm vụ phòng khám, quy trình tiếp nhận bệnh nhân và chức năng Hộ sinh phòng khám.

- Học tập công tác quản lý và sử dụng hồ sơ lưu trữ, nguyên tắc, phương pháp, quy



trình vô khuẩn, tiệt khuẩn.

- Học tập công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.

### **10. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Trước thời gian đi thực tập tốt nghiệp 1 tuần. Nhà trường sẽ phổ biến kế hoạch thực tập, hướng dẫn nội dung, yêu cầu của đợt thực tập.

- Mỗi sinh viên phải lập và thực hiện được một kế hoạch chăm sóc người bệnh tại khoa đến thực tập.

- Sinh viên thực hiện các nội dung thực tập từ kiến thức tổng hợp đã học, tìm hiểu cơ sở đến thực tập và viết báo cáo thu hoạch về công tác quản lý Hộ sinh/điều dưỡng, cơ cấu tổ chức, chức năng... theo đúng mục tiêu và nội dung của thực tập tốt nghiệp. Cuối đợt thực tập sinh viên nộp Bản thu hoạch phải có chữ ký, nhận xét của Hộ sinh/Điều dưỡng trưởng và có đóng dấu xác nhận của cơ sở thực tập gửi về Nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ các quy định học tập của Nhà trường và bệnh viện nơi thực tập.

### **10. Đánh giá học phần**

Sinh viên đi thực tập tốt nghiệp các nội dung về Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh, truyền thông dân số, công tác kế hoạch hóa gia đình, quản lý hộ sinh/điều dưỡng,... tại các cơ sở thực hành của bệnh viện theo kế hoạch của Nhà trường. Tại mỗi Khoa/Nội dung sinh viên có ít nhất một điểm đánh giá học tập. Kết thúc đợt thực tập, điểm học phần Thực tập tốt nghiệp là điểm trung bình cộng của các Khoa/nội dung đã thực tập, điểm làm tròn theo quy định hiện hành.

# KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN

## HỌC PHẦN

### 42. TIẾNG ANH NÂNG CAO

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **TIẾNG ANH NÂNG CAO**
- Mã học phần: **ENG 102**                      - Số tín chỉ: **TS4 (LT)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết: **A2**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 60 tiết
  - + Giờ tự học: 120 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Ngoại ngữ**

#### 2. Mục tiêu của môn học

Kết thúc học phần sinh viên có thể: Nắm được ý chính khi nghe/đọc các văn bản chuẩn về những đề tài phổ thông, thường gặp ở nơi làm, trường học, khu vui chơi giải trí v.v... Xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy đến khi đi đến những nơi sử dụng ngôn ngữ đó. Tạo ra các ngôn bản có tính liên kết về đề tài quen thuộc, phù hợp với sở thích cá nhân và miêu tả những trải nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng, ước muốn và lý giải gọn gàng cho các ý kiến và kế hoạch được vạch ra.

Mục tiêu cụ thể như sau:

##### 2.1 Nói

- Học viên có thể tham gia vào các cuộc trao đổi xã giao không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc mà bản thân quan tâm và công việc thường nhật một cách khá tự tin.
- Có thể cung cấp tương đối chi tiết thông tin, ý kiến, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại một sự kiện/tình huống.
- Có thể sử dụng đa dạng các cấu trúc đơn giản và một số cấu trúc phức tạp nhưng đôi khi lược bỏ/giảm bớt một số thành phần như mạo từ, động từ thì quá khứ. Tuy nhiên vẫn mắc nhiều lỗi phát âm và ngữ pháp, đôi khi gây cản trở giao tiếp.
- Có thể sử dụng tập hợp những từ dùng hàng ngày, ngữ đoạn và thành ngữ quen thuộc.
- Có thể đạt mức lưu loát trong giao tiếp thông thường, nhưng vẫn còn nhiều chỗ ngập ngừng.
- Có thể trao đổi qua điện thoại những vấn đề quen thuộc, nhưng còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng khi không có hình ảnh/phương tiện nghe nhìn hỗ trợ.

##### 2.2 Nghe

- Học viên có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói có độ khó trung bình (các đoạn hội thoại trực diện, các băng hình băng tiếng, các chương trình phát thanh) trong các tình huống giao tiếp nghi lễ hoặc thông thường, về các chủ đề hàng ngày liên quan đến bản thân.

- Có thể hiểu khá nhiều từ ngữ thông thường và một số lượng rất hạn chế các thành ngữ.

- Có thể hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng, về các kinh nghiệm và kiến thức chung.

- Có thể hiểu các tập hợp chỉ dẫn/ hướng dẫn ngắn, hiểu các câu hỏi trực tiếp về kinh nghiệm bản thân hoặc các chủ đề quen thuộc.

- Có thể đôi lúc yêu cầu người nói nhắc lại.

- Có thể nghe hiểu, đoán trước được các lời nhắn đơn giản trên điện thoại, nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn.

### **2.3 Đọc**

- Học viên có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một bài văn xuôi đơn giản (ba đến năm đoạn) hoặc bài đọc không theo hình thức văn xuôi trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao.

- Có thể tìm hai hoặc ba chi tiết cụ thể trong các bài đọc dạng văn xuôi, bảng, biểu và lịch trình dùng cho mục đích phân tích, so sánh.

- Có thể hiểu tin nhắn, thư, lịch trình, hành trình được đánh máy hoặc viết tay rõ ràng.

- Có thể lấy thông tin về các chủ điểm quen thuộc từ các bài đọc có bố cục rõ ràng, gần gũi với kiến thức nền và trải nghiệm bản thân.

- Có thể thường xuyên dùng từ điển đơn ngữ dạng đơn giản, thiết kế cho người học như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ.

- Ngôn ngữ của bài đọc chủ yếu là cụ thể và sát với thực tế, với một số mục từ trừu tượng, chứa đựng các khái niệm chuyên môn và có thể đòi hỏi kỹ năng suy luận ở mức độ thấp để hiểu (ví dụ người học có thể đoán một vài từ mới bằng cách nhận ra tiền tố và hậu tố).

### **2.4 Viết**

- Học viên có khả năng hoàn thành các nhiệm vụ viết tương đối phức tạp.

- Có thể truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bố cục chuẩn quen thuộc.

- Có thể viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn.

- Có thể điền mẫu khai xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm; có thể làm báo cáo.

- Có thể viết lại các thông tin đơn giản, nghe được hoặc nhìn thấy; có thể ghi chép khi nghe các bài trình bày ngắn hoặc từ các tài liệu tham khảo.

- Có thể ghi chép thông tin từ bảng, biểu dưới dạng một đoạn văn mạch lạc.

- Có thể ghi lại lời nhắn điện thoại hàng ngày.

- Thể hiện khả năng kiểm soát viết tốt với các cấu trúc đơn giản song vẫn gặp khó khăn với một số cấu trúc phức tạp; một số câu/ cụm từ viết ra nghe chưa tự nhiên (ghép từ).

### 3. Mô tả học phần:

Học phần này rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết từ mức độ thấp đến mức độ trung bình của trình độ sơ cấp, tương đương cấp độ B1 theo Bảng đánh giá Chung của Hội đồng Châu Âu. Nội dung gồm bốn thành tố: từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng và các tình huống giao tiếp tương ứng với chủ đề của từng bài.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>Giới thiệu môn học</b> <b>Đề cương chi tiết</b> <b>Nhập môn</b>	2	
<b>Unit 1: A questions of sport</b>	<b>Các kỹ năng</b> + Reading part 1 + Speaking part 1 <b>- Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Thời hiện tại đơn giản + Từ vựng: Thể thao, sở thích và cách diễn tả thái độ	2	
<b>Unit 2: I am friendly person</b>	<b>Các kỹ năng</b> + Listening Part 3 + Writing Part 1, 2 and 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: have got + Từ vựng: Mô tả người về ngoại hình, các tính, sở thích... + Ngữ âm: các nguyên âm đơn	2	
<b>Unit 3: What is your job?</b>	<b>Các kỹ năng</b> + Speaking Part 3 + Reading Part 3	2	

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ pháp: Hiện tại đơn giản và hiện tại tiếp diễn</li> <li>+ Từ vựng: những từ chỉ nghề nghiệp và công việc</li> <li>+ Ngữ âm: Các nguyên âm đơn</li> </ul>		
<p><b>Unit 4: Let's go out</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Listening Part 1</li> <li>+ Writing Part 5</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ pháp: Giới từ chỉ thời gian, hiện tại tiếp diễn diễn tả kế hoạch tương lai</li> <li>+ Từ vựng: Giải trí, cách hẹn lịch</li> <li>+ Ngữ âm: Phát âm những từ về ngày, tháng</li> </ul>	2	
<p><b>Unit 5: Wheeling and wings</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Reading: Part 2</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ pháp: Danh từ đếm được và không đếm được, cách diễn tả số lượng</li> <li>+ Từ vựng: Phương tiện giao thông, ngôn ngữ hàng không</li> <li>+ Ngữ âm: Những âm tiết không được nhấn</li> </ul>	2	
<p><b>Unit 6: What did you do at school?</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Listening Part 2</li> <li>+ Writing Part 3</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ pháp: Quá khứ đơn</li> <li>+ Từ vựng: Các môn học ở trường, mô tả về cảm xúc, quan điểm</li> </ul>	2	
<p><b>Unit 7: Around town</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Reading: Part 3</li> </ul> <p><b>Kiến thức ngôn ngữ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ pháp: Giới từ chỉ vị trí và sự chuyển động, so sánh tính từ</li> <li>+ Từ vựng: Các địa điểm</li> </ul>	2	
<p><b>Unit 8:</b></p>	<p><b>Các kĩ năng</b></p>	2	

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
Let's celebrate	+ Speaking Part 3, 4 + Writing part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Hiện tại hoàn thành + Từ vựng: Mô tả các kinh nghiệm và đưa ra lời chúc		
Unit 9: How do you feel?	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 4 + Speaking: Part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Câu trả lời ngắn cho hiện tại hoàn thành + Từ vựng: Mô tả cơ thể, bệnh tật	2	
Unit 10: I look forward to hearing from you	<b>Các kĩ năng</b> + Listening: Part 1 + Writing Part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn + Từ vựng: Viết thư và thư điện tử	2	
Unit 11: Facts and Fingers	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 5 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: So sánh cao nhất, Bị động hiện tại đơn + Từ vựng: Về quốc gia, quốc tịch	2	
Unit 12: A good read	<b>Các kĩ năng</b> + Speaking: Part 1 + Writing: Part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Quá khứ tiếp diễn + Từ vựng: Kể chuyện, các loại sách	2	
	<b>Stop and check 1</b>	4	
Unit 13: A place of my own	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b>	2	

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	+ Ngữ pháp: Động từ khuyết thiếu + Từ vựng: Mô tả phòng và đồ đạc		
<b>Unit 14:</b> <b>What's in fashion</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening: Part 4 + Writing Part 2 and 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: used to, too and enough + Từ vựng: Quần áo, thời trang, màu sắc	2	
<b>Unit 15:</b> <b>Risk!</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 1 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Động từ khuyết thiếu + Từ vựng: Cụm động từ	2	
<b>Unit 16:</b> <b>Free time</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening: Part 2 + Writing: Part 1 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Tương lai đơn + Từ vựng: Học hành và thư giãn	2	
<b>Unit 17:</b> <b>Next week's episode</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 4 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Tương lai đơn + Từ vựng: TV and Radio	2	
<b>Unit 18:</b> <b>Shooting a film</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening: Part 3 + Writing: part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành + Từ vựng: Kể chuyện, miêu tả sự kiện trong quá khứ	2	
<b>Unit 19:</b> <b>Happy families</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 5 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b>	2	

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	+ Ngữ pháp: Động từ sau Make và let + Từ vựng: Gia đình		
<b>Unit 20: So you think you've got talent?</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening Part 1 + Writing Part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: So sánh trạng từ + Từ vựng: Nhạc cụ	2	
<b>Unit 21: Keep in touch!</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: have something done + Từ vựng: Gọi điện thoại	2	
<b>Unit 22: Strange but true?</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening : Part 4 + Writing part 1 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Câu tường thuật + Từ vựng: Khoa học	2	
<b>Unit 23: Best friends</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Reading: Part 1 + Speaking: Part 2 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Đại từ quan hệ, giới từ đi với tính từ + Từ vựng: Tình bạn	2	
<b>Unit 24: I've got an idea</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening Part 3 + Writing part 3 <b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: Bị động quá khứ đơn + Từ vựng: Mô tả đồ vật	2	
<b>Unit 25: Blue for a boy, pink</b>	<b>Các kĩ năng</b> + Listening: Part 4 + Speaking: Part 3 and 4	2	



TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
for a girl	<b>Kiến thức ngôn ngữ</b> + Ngữ pháp: hardly, before, after + Từ vựng: Nói lời tạm biệt		
	<b>Stop and check 2</b>	4	
	<b>Tổng số</b>	<b>60</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

Một số phương pháp học tập được áp dụng giúp sinh viên học tập chủ động:

- Phương pháp động não (Brainstorming): Trong một thời gian ngắn, nảy sinh nhiều ý tưởng, sáng kiến cho tình huống chăm sóc, điều dưỡng.
- Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Think-pair- share): Sinh viên cùng đọc, suy nghĩ về một tình huống điều dưỡng sau đó trao đổi về ý kiến và kinh nghiệm trong một thời gian nhất định.
- Phương pháp đóng vai (Role-playing)
- Phương pháp hoạt động nhóm (Group- based learning)
- Phương pháp mô phỏng (Simulations)

### 6. Tài liệu học tập (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

#### \* Giáo trình:

1. Louise Hashem & Barbara Thomas, *Objective PET*. Cambridge University press

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Sue, I. & Joanna, K. (2005) *Target PET*. Richmond Publishing
2. Martyn, F. (2004) *Instant PET*. Cambridge University Press
3. Cambridge ESOL Examination (2008) – Preliminary English Tests 1, 2, 3, 4, 5. Cambridge University Press.

\* **Trang Web:** <http://www.ndun.edu.vn>

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức lên lớp				Yêu cầu đối với SV
					Tổng số tiết	
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập		
1	<b>Nhập môn</b> <b>UNIT 1</b>	0,5	1	0,5	2	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
		0,5	1	0,5	2	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập
2	<b>UNIT 2</b> <b>UNIT 3</b>	0,5	1	0,5	2	Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp
		0,5	1	0,5	2	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập
3	<b>UNIT 4</b> <b>UNIT 5</b>	0,5	1	0,5	2	- Tham gia thảo luận trên lớp
		0,5	1	0,5	2	- Tham gia làm bài tập
4	<b>UNIT 6</b> <b>UNIT 7</b>	0,5	1	0,5	2	- Tham gia thảo luận trên lớp
		0,5	1	0,5	2	- Tham gia làm bài tập
5	<b>UNIT 8</b> <b>UNIT 9</b>	0,5	1	0,5	2	- Tham gia thảo luận trên lớp
		0,5	1	0,5	2	- Tham gia làm bài tập
6	<b>UNIT 10 and</b> <b>UNIT 11</b>	1	2	1	4	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài test 1
7	<b>UNIT 12</b> <b>Stop and check (part 1)</b>	1	2	1	4	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập
8	<b>Stop and check (part 2)</b>	1	2	1	4	- Tham gia thảo luận trên lớp

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức lên lớp				Yêu cầu đối với SV
					Tổng số tiết	
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập		
	<b>UNIT 13</b>					- Tham gia làm bài tập
9	<b>UNIT 14 and 15</b>	1	2	1	4	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập
10	<b>UNIT 16 and 17</b>	1	2	1	4	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập
11	<b>UNIT 18 and 19</b>	1	2	1	4	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập
12	<b>UNIT 20, 21</b>	1	2	1	4	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài bài test 2
13	<b>UNIT 22, 23</b>	1	2	1	4	- Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập
14	<b>UNIT 24 and 25</b>	1	2	1	4	
15	<b>Stop and check 2</b>	1	2	1	4	
	<b>Tổng</b>	<b>15,5</b>	<b>30</b>	<b>14,5</b>	<b>60</b>	

## 8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Phải có sơ đồ ngồi theo lớp học để giảng viên kiểm soát lớp;
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Các nhóm phải làm bài tập cũ, đọc từ mới trước khi lên lớp;
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

### 9.1. Điểm chuyên cần: 10%

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### 9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%;

- + Số lần kiểm tra: 2
- + Thời gian: 45 phút

Dạng thức bài kiểm tra định kỳ

Kỹ năng kiểm tra	Nội dung	Điểm
<b>Part 1 Use of English</b>	7. Pronunciation 8. Vocabulary 9. Grammar	20
<b>Part 2 Reading comprehension</b>	Bài tập lựa chọn 2 trong 3 dạng sau - Đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) - Đọc một bài khoảng 200 – 250 từ, chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. - Làm bài đọc điền từ (Cloze test)	30
<b>Part 3 Writing</b>	Bài tập lựa chọn 2 trong 3 dạng sau - Sentence transformation - Write an email - Write a letter (100 words)	30
<b>Part 4 Listening</b>	Bài tập lựa chọn 1 trong số 3 dạng sau - Listen to choose the correct picture - Multi word choice (A, B, C) - Filling words in the blank	20
<b>Tổng điểm</b>		100

9.3. Thi kết thúc học phần: 50%

- Hình thức thi: Viết
- Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra.
- Bài kiểm tra được viết hoàn toàn bằng tiếng Anh do sinh viên đã được làm quen với các hướng dẫn làm bài trong suốt môn học và để giúp các em làm quen với các hướng dẫn làm bài trong bài thi hết môn.
- Sinh viên viết kết quả bài làm lên phiếu trả lời (Answer sheet)

**Dạng thức đề thi trình độ B1:**

Đề thi gồm 3 bài, tổng thời gian 135 phút.

Bài thi	Kỹ năng	Phần	Loại hình bài tập và mục đích đánh giá	số câu/mục	thang điểm
BÀI 1 (90 phút)	ĐỌC Reading	I	- Đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày (dạng hình ảnh không có chữ hoặc có ít chữ) hoặc thông báo ngắn, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD)	5	10
		II	- Đọc một bài khoảng 200 - 250 từ, chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.	5	10
		III	- Làm bài đọc điền từ (Cloze test) : Bài đọc này dài khoảng 150 từ trong đó có 10 từ bỏ trống. Chọn trong số 15 từ cho sẵn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống.	10	10
	VIẾT Writing	I	Cho sẵn 5 câu, viết lại các câu đó với những cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó không thay đổi (sentence transformation)	5	10
			Viết một bài viết ngắn khoảng 100 - 120 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến đời sống hàng		

Bài thi	Kỹ năng	Phần	Loại hình bài tập và mục đích đánh giá	số câu/mục	thang điểm
		II	ngày, hoặc dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn như: viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm; viết một lá thư mời hay thư phàn nàn về một sản phẩm hoặc dịch vụ sau khi đã mua hàng hoặc dùng dịch vụ theo một quảng cáo; viết thư trả lời để cảm ơn, xin lỗi, giải thích một sự việc hay dặn dò, đưa lời khuyên cho ai đó; viết một câu chuyện đã có sẵn câu mở đầu và câu kết thúc...		20
<b>TỔNG ĐIỂM BÀI I</b>					60
BÀI II	NGHE Listening	I	Nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng (True) hoặc Sai (False) với nội dung.	5	10
		II	Nghe một đoạn hội thoại hay độc thoại. Điền vào 10 chi tiết bỏ trống trong bài. Chỗ trống thường là thông tin quan trọng.	10	10
<b>TỔNG ĐIỂM BÀI II</b>					20
BÀI III	NÓI Speaking  (Thời gian chuẩn bị cho chủ đề bốc)	I (2-3 phút)	Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiểu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.		5
		II (5 phút)	Thí sinh bốc thăm 1 trong số 14 chủ đề nói của trình độ B1 liên quan tới các lĩnh vực cá nhân, xã hội, nghề nghiệp, giáo dục, nơi chốn làm việc... Thí sinh trình bày chủ đề đã bốc thăm. Phần trình bày phải có bố cục rõ ràng, giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận, biết sử dụng phương tiện liên kết ý. Tránh liệt kê hàng loạt mà không		10

<b>Bài thi</b>	<b>Kỹ năng</b>	<b>Phần</b>	<b>Loại hình bài tập và mục đích đánh giá</b>	<b>số câu/mục</b>	<b>thang điểm</b>
	thăm từ 5-7 phút – không tính vào thời gian thi)		phát triển kỹ từng ý.		
		III	Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm về những vấn đề có liên quan đến chủ đề vừa trình bày. Trong phần hội thoại, giáo viên đặt các câu hỏi phản bác hoặc thăm dò ý kiến, thí sinh phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.		5
<b>TỔNG ĐIỂM BÀI III</b>					20

### **Thang điểm tổng cộng**

<b>TT</b>	<b>Bài thi</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Điểm đạt</b>
1	Đọc – Viết	60	$\geq 18$
2	Nghe	20	$\geq 06$
3	Nói	20	$\geq 06$
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b><math>\geq 50</math></b>

## HỌC PHẦN

### 43. SỬ DỤNG PHẦN MỀM TRONG Y HỌC

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Sử dụng phần mềm trong Y học**
- Mã học phần: **SIM400** Số tín chỉ: **TS 2 (1LT/1TH)**
- **Loại học phần: Tự chọn**
- Học phần tiên quyết: **Xác suất thống kê.**
- Học phần song hành: **Thực hành dựa vào bằng chứng và Nghiên cứu khoa học trong chăm sóc Hộ sinh.**

#### học trong chăm sóc Hộ sinh.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
  - + Thực hành: 30 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Toán Tin**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần sử dụng phần mềm trong y học, sinh viên có những năng lực:

- Sử dụng phần mềm SPSS để quản lý, xử lý, phân tích dữ liệu thu thập được trong quá trình điều tra phục vụ nghiên cứu khoa học.
- Giải thích công dụng của các số thống kê, đánh giá kết quả phân tích và nhận diện các mối quan hệ giữa các biến số.
- Áp dụng hiểu biết thống kê vào việc tổ chức, xử lý các số liệu nghiên cứu khoa học. Vận dụng những kiến thức tin học để ứng dụng vào cuộc sống và môi trường làm việc.
- Sáng tạo, nghiêm túc, cẩn thận khi thu thập, xử lý dữ liệu. Nghiêm túc, chính xác khi giải thích kết quả.

#### 3. Mô tả học phần

**Nội dung học phần gồm 3 chương**

Chương 1: Tổng quan về phần mềm SPSS

Chương 2: Cấu trúc số liệu trong SPSS

Chương 3: Phân tích, thống kê và xử lý dữ liệu

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>			
	<b>Chương I: Tổng quan về SPSS</b>	<b>3</b>	
1	Giới thiệu và cài đặt SPSS	0,5	
2	Bắt đầu với SPSS	0,5	
3	Giao diện SPSS, các loại cửa sổ	1	



STT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
4	Mã hóa dữ liệu Các bước phân tích số liệu của SPSS	1	
	<b>Chương II: Cấu trúc số liệu trong SPSS</b>	<b>5,5</b>	
1	Cấu trúc số liệu, các dạng số liệu	0,5	
2	Nhập, sửa chữa số liệu	0,5	
3	Biến đổi số liệu	1,5	
4	Làm sạch số liệu	1	
5	Kết nối số liệu	1	
	Kiểm tra định kỳ	1	
	<b>Chương III: Phân tích, thống kê dữ liệu</b>	<b>6,5</b>	
1	Thống kê tần số: Frequencies	1	
2	Thống kê mô tả: Descriptives	1	
3	Lập bảng báo cáo	0,5	
4	Biểu đồ	0,5	
5	Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến	1	
6	Kiểm định về trung bình (test-T)	1	
7	Chỉnh sửa file Output (cửa sổ Viewer)	0,5	
	Kiểm tra định kỳ	1	
	<b>Tổng số tiết lý thuyết</b>	<b>15</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH</b>			
1	<b>GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM SPSS</b> Khởi động SPSS; Mở, đóng, lưu tập tin SPSS; Mở tập tin từ dạng khác (xls, txt..)	1	
2	<b>CẤU TRÚC DỮ LIỆU</b> Cách khởi tạo biến trên SPSS. Tên biến, Kiểu biến, Độ rộng của biến, Nhãn biến, Bảng danh mục mã hóa, Xử lý giá trị khuyết, Độ rộng cột chứa biến, Kiểu trình bày dữ liệu, Thang đo của biến. Khởi tạo biến Multiple:	3	

<b>STT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
3	<b>CÁC THAO TÁC TRÊN BIẾN</b> Xoá, chèn thêm, copy biến, Cách nhập liệu, Kiểm tra dữ liệu để làm sạch dữ liệu.	4	
4	<b>BIẾN ĐỔI DỮ LIỆU</b> Tính toán biến Mã hóa dữ liệu trên biến có sẵn Mã hóa dữ liệu trên biến mới Lọc dữ liệu, Sắp xếp dữ liệu, Làm sạch số liệu Định nghĩa biến nhiều trả lời Lập bảng cho biến nhiều trả lời Tách, nối file dữ liệu,	8	
5	<b>PHÂN TÍCH DỮ LIỆU</b> Thông kê tần số Thông kê mô tả Lập bảng báo cáo Dùng đồ thị để biểu diễn dữ liệu.	6	
6	<b>KIỂM ĐỊNH</b> Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến Kiểm định TEST-T	6	
7	<b>CHỈNH SỬA FILE OUTPUT</b>	2	
	<b>Tổng số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy trực quan, tại phòng thực hành máy tính (đã được nối mạng Lan và kết nối Internet). Giảng viên dạy lý thuyết tại phòng thực hành với các thiết bị hỗ trợ máy tính và máy chiếu. Sinh viên nghe giảng, quan sát các kỹ thuật và cách thực hiện của giảng viên. Sau đó sinh viên sẽ được thực tập theo các bài tập thực hành. Giảng viên, qua mạng LAN sử dụng phần mềm NetOp Shool để theo dõi và quản lý hoạt động học tập của sinh viên. Giảng viên trực tiếp đánh giá kết quả thực hành của sinh viên qua mạng. Chọn lọc những kết quả thực hành, những bài thực hành điển hình để nhận xét và rút kinh nghiệm.

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Giáo trình:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Toán Tin (2014), *Bài giảng Phần mềm thống kê Y học SPSS*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

**\* Tài liệu tham khảo:**

1. Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS* - NXB Hồng Đức.
2. Phan Thanh Hồng – Nguyễn Thị Nhung (Tháng 5 năm 2010), *Bài giảng Hướng dẫn thực hành SPSS*

\* **Website:** <http://www.violet.vn>; <http://thegioitinhoc.v>; <http://www.ebook.edu.vn>

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	- Giới thiệu đề cương chi tiết học phần: - Giới thiệu tổng quan về học phần, gợi mở các hướng nghiên cứu, những vấn đề sinh viên cần đạt được. - Chia nhóm sinh viên.							
	Chương I	3						
	<b>Thực hành bài 1</b>				1			
2	<b>Chương II</b> - Cấu trúc số liệu, các dạng số liệu - Nhập, sửa chữa số liệu	1						
	<b>Thực hành bài 2</b>				3		Thực hành <b>Phần mã hóa câu hỏi</b> - Hướng dẫn cách mã hóa bộ câu hỏi theo mẫu phiếu cho trước - Nhận biến câu hỏi 01 trả lời, nhiều trả lời để mã hóa	

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
							- Phân biệt các loại biến: định tính, định lượng, các loại thang đo	
3	<b>Lý thuyết</b> - Biến đổi số liệu (tính toán, sắp xếp, lọc)	1,5						
	<b>Thực hành bài 3</b> Xóa, thêm, copy biến Cách nhập dữ liệu Kiểm tra dữ liệu, làm sạch dữ liệu				4		Thực hành <b>Phần mã hóa câu hỏi</b> - Tự nhập dữ liệu trên bảng mã hóa tại phần trước - Kiểm tra số liệu, làm sạch số liệu - Xóa, thêm, sửa, copy dữ liệu	
4	<b>Thực hành bài 4</b> Tính toán trên biến Lọc dữ liệu, Sắp xếp dữ liệu, Mã hóa dữ liệu trong nội bộ biến Mã hóa dữ liệu thành biến mới				4		Thực hành <b>Phần bài tập Nhập dữ liệu</b> - Khai báo biến, nhập dữ liệu theo mẫu - Thực hiện các phép biến đổi dữ liệu.. - Thực hiện các câu hỏi trong phần bài tập	
5	<b>Lý thuyết</b> Làm sạch số liệu	2						

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	Tách, nối file dữ liệu							
	<b>Thực hành bài 4 (tiếp)</b> Định nghĩa biến nhiều trả lời Lập bảng cho biến nhiều trả lời				2			Thực hành <b>Phần mã hóa câu hỏi (tiếp)</b>
6	<b>Thực hành bài 4 (tiếp)</b> Làm sạch số liệu Tách, nối file dữ liệu				2			Thực hành <b>Phần mã hóa câu hỏi (tiếp)</b>
	<b>Kiểm tra định kỳ bài 1</b>	1						
7	<b>Chương III Phân tích dữ liệu</b> - Thống kê tần số - Thống kê mô tả	2						
	<b>Thực hành bài 5</b> - Thống kê tần số - Thống kê mô tả				2			Thực hành <b>Phần Phân tích số liệu</b>
8	<b>Lý thuyết</b> Lập bảng báo cáo Biểu đồ	1						

Thứ tự buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
	<b>Thực hành bài 5 (tiếp)</b>				4		Thực hành <b>Phần Phân tích số liệu</b>	
<b>9</b>	<b>Lý thuyết</b> Kiểm định mối quan hệ giữa hai biến Kiểm định test-T	2						
	<b>Thực hành bài 6</b>				2		Thực hành <b>Phần Phân tích số liệu</b>	
<b>10</b>	<b>Thực hành bài 6 (tiếp)</b>				4			
<b>11</b>	Chỉnh sửa file Output	0,5						
	<b>Thực hành bài 7</b>				2			
	Kiểm tra định kỳ 2	1						
	<b>Thi kết thúc học phần</b>							
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>			<b>30</b>			

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: 10 %*

- Tham gia học tập trên lớp
- BT Cá nhân.

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

### *9.3. Thi cuối kỳ: 50%*

Hình thức: thực hành.

Thời gian làm bài: 60 phút.

### *9.4. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập*

#### ***BT cá nhân:***

Hình thức: Thực hành + vấn đáp

Tiêu chí đánh giá: Thực hiện đúng yêu cầu của bài;  
Lập luận logic; Trả lời câu hỏi



## HỌC PHẦN

### 44. DỊCH TỄ HỌC

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Dịch tễ học
- Mã học phần: EPI400                      Số tín chỉ lên lớp: **TS: 2 (1/1)**
- Đối tượng: **Đại học Điều dưỡng chính quy**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết: Sinh viên đã được học qua các môn y học cơ sở: Vi sinh-Ký sinh trùng, Dinh dưỡng-Vệ sinh an toàn thực phẩm, Sức khỏe môi trường, chương trình y tế quốc gia và kiến thức về các môn y học lâm sàng.
- Học phần song hành: có thể học song hành cùng một số môn như: Điều dưỡng Truyền nhiễm; Quản lý và Nghiên cứu Điều dưỡng
- Phân bổ giờ tín chỉ bao gồm:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 29 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Y tế cộng đồng

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Dịch tễ học sinh viên Đại học Điều dưỡng chính quy có những năng lực:

##### **2.1. Về kiến thức:**

-Trình bày được các đặc điểm và ứng dụng của dịch tễ học

Mô tả được cách tiếp cận dịch tễ học để định nghĩa và đo lường sự xuất hiện những tình trạng liên quan đến sức khỏe trong quần thể

-So sánh những điểm mạnh và hạn chế của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học

Đánh giá được các yếu tố căn nguyên của các hiện tượng sức khỏe trong cộng đồng.

-Lựa chọn được các thiết kế nghiên cứu phù hợp để đánh giá được tình trạng sức khỏe của cộng đồng từ đó

-Phân tích được các đóng góp của dịch tễ học để phòng bệnh, nâng cao sức khỏe; xây dựng chính sách y tế; trong thực hành lâm sàng và trong đánh giá hiệu suất và hiệu quả các chương trình chăm sóc y tế.

##### **2.2. Về kỹ năng**

- Tính toán được các số đo bệnh trạng và các đo lường sự kết hợp bệnh trạng trong cộng đồng
- Tính toán được các chỉ số để đánh giá một chương trình sàng tuyển bệnh trạng trong cộng đồng.
- Sử dụng các khung thiết kế nghiên cứu phù hợp để trả lời những câu hỏi cụ thể liên quan đến nguyên nhân gây bệnh, lịch sử tự nhiên, chẩn đoán, phòng bệnh và đánh giá phương pháp điều trị và các can thiệp khác để phòng và kiểm soát các vấn đề sức khỏe.
- Có khả năng tổ chức và tham gia đánh giá được một chương trình, dịch vụ y tế; tham gia vào công tác điều tra và kiểm soát một vụ dịch xảy ra tại cộng đồng.
- Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về dịch tễ vào công việc cụ thể của mình tại nơi công tác.

### **2.3. Về thái độ**

- Nhận thức đúng về vai trò của dịch tễ học trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Chủ động áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào cuộc sống, đặc biệt đối với công tác phòng và điều trị bệnh.
- Tôn trọng, lắng nghe và học hỏi từ đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng trong việc áp dụng các kiến thức dịch tễ học vào thực tế.

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Vai trò cơ bản của dịch tễ học là góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Học phần này trình bày những nguyên lý và phương pháp cơ bản của dịch tễ học. Từ đó giúp giải thích những nguyên lý về nguyên nhân gây bệnh trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến những yếu tố môi trường có thể thay đổi được và khuyến khích việc ứng dụng dịch tễ trong phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.

Để học tốt học phần này sinh viên cần có các kiến thức về các học phần y học sơ sở như: Vi sinh-Ký sinh trùng, Dinh dưỡng-Vệ sinh an toàn thực phẩm... cũng như những kiến thức cơ bản về bệnh học.

Học phần gồm 45 tiết được chia thành 2 phần chính: (i) Phần lý thuyết cung cấp những kiến thức về dịch tễ học cơ bản và dịch tễ học lâm sàng; (ii) Phần thực hành hướng dẫn sinh viên thực hiện cách tính toán những chỉ số cơ bản trong dịch tễ học.

#### 4. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về:

- Đặc điểm và ứng dụng của dịch tễ học
- Cách tiếp cận dịch tễ học để định nghĩa và đo lường sự xuất hiện những tình trạng liên quan đến sức khỏe trong quần thể
- Những điểm mạnh và hạn chế của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học
- Đóng góp của dịch tễ học để phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và xây dựng chính sách y tế
- Đóng góp của dịch tễ học trong thực hành lâm sàng
- Vai trò của dịch tễ học trong đánh giá hiệu suất và hiệu quả các chương trình chăm sóc y tế.

Học phần gồm 2 tín chỉ:

Tín chỉ 1: Lý thuyết (16 tiết)

Tín chỉ 2: Thực hành (29 tiết)

#### 5. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết
<b>TÍN CHỈ 1: Lý thuyết</b>		<b>16</b>
1	Bài 1: Đại cương dịch tễ học	2
	Bài 2: Các thiết kế nghiên cứu trong dịch tễ học	2
2	Bài 3: Đo lường bệnh trạng và đo lường sự kết hợp	4
3	Bài 4: Đại cương dịch tễ học lâm sàng	4
	Bài 5: Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm	
4	Bài 6: Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm	2
	Bài 7: Tổ chức một cuộc điều tra	2
<b>TÍN CHỈ 2: Thực hành</b>		<b>29</b>
5	Bài 1: Đo lường bệnh trạng trong cộng đồng	5
6	Bài 2: Đo lường sự kết hợp trong các nghiên cứu dịch tễ	5
7	Bài 3: Thiết kế công cụ điều tra tại cộng đồng	5
8	Bài 4: Báo cáo kết quả thiết kế công cụ điều tra	4
9	Bài 5: Lập kế hoạch điều tra tại cộng đồng	5
10	Bài 6: Báo cáo kết quả lập kế hoạch điều tra	5
<b>Tổng số</b>		<b>45</b>

## **6. Phương pháp giảng dạy**

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn làm bài tập cá nhân nhóm, tiểu luận

## **7. Tài liệu học tập**

### **\* Giáo trình:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Y tế cộng đồng (2015), Bài giảng dịch tễ học, (Tài liệu lưu hành nội bộ).
2. Nguyễn Minh Sơn (2012), *Dịch tễ học-Dùng cho đào tạo cử nhân điều dưỡng*, Nhà Xuất bản giáo dục Việt Nam.

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Trịnh Quân Huấn (2009), *Dịch tễ học thực địa*, Nhà xuất bản Y học.
2. Tiểu ban Giám sát Dự án Phòng chống HIV/AIDS (2013), "Tình hình dịch HIV/AIDS năm 2013 ở Việt Nam", *Tạp chí Y học dự phòng, phụ bản số 2/2014*.
3. Nguyễn Văn Tuấn (2008), *Y học thực chứng*, Nhà xuất bản Y học, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Paulo Pinheiro, Dietrich Pla và Alexander Kr€ amer (2011), *The Burden of Disease Approach for Measuring Population Health*, Springer-Verlag Berlin Heidelberg.
5. WHO (2013), *The World Health Report 2013*, Printed in Luxembourg.

## 8. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
<b>Tín chỉ 1: Lý thuyết</b>							
1	Bài 1: Đại cương dịch tễ học Bài 2: Các thiết kế nghiên cứu trong dịch tễ học	1,5 2	0,5			4	- Đọc tài liệu bài 1, 2 Phần I - Thảo luận về vai trò của các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học
2	Bài 3: Đo lường bệnh trạng và đo lường sự kết hợp	3	1			4	- Đọc tài liệu bài 3, Phần I - Thảo luận ý nghĩa của các đo lường
3	Bài 4: Đại cương dịch tễ học lâm sàng Bài 5: Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm	1,5 2	0,5			4	- Đọc tài liệu bài 4, 5 Phần I - Thảo luận các yếu tố nguy cơ gia tăng bệnh không lây
4	Bài 6: Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm Bài 7: Tổ chức một cuộc điều tra	1,5 1,5	0,5 0,5			4	- Đọc tài liệu bài 6,7 Phần I - Thảo luận về gánh nặng do bệnh truyền nhiễm gây ra và các điểm lưu ý khi tiến hành điều tra tại cộng đồng
<b>Tín chỉ 2: Thực hành</b>							
5	Bài 1: Đo lường bệnh trạng trong cộng đồng	0,5	1	3,5		5	- Đọc tài liệu bài 1, Phần II - Thảo luận và giải các bài tập theo hướng dẫn
6	Bài 2: Đo lường sự kết hợp trong các nghiên cứu dịch tễ	0,5	1	3,5		5	- Đọc tài liệu bài 2, Phần II - Thảo luận và giải các bài tập theo hướng dẫn
7	Bài 3: Thiết kế công cụ điều tra tại cộng đồng	0,5	1	3,5		5	- Đọc tài liệu bài 3, Phần II - Thảo luận và thiết kế công cụ điều

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
						tra theo hướng dẫn	
8	Bài 4: Báo cáo kết quả thiết kế công cụ điều tra		1	3		4	- Báo cáo kết quả thiết kế công cụ điều tra theo nhóm - Thảo luận về một số điểm lưu ý khi thiết kế công cụ
9	Bài 5: Lập kế hoạch điều tra tại cộng đồng	0,5	1	3,5		5	- Đọc tài liệu bài 4, Phần II - Thảo luận và giải các bài tập theo hướng dẫn
10	Bài 6: Báo cáo kết quả lập kế hoạch điều tra		1	3		4	- Báo cáo kết quả lập kế hoạch điều tra theo nhóm - Thảo luận về một số điểm lưu ý khi lập kế hoạch điều tra
	Kiểm tra: Kết quả chuẩn bị bài trình bày và trình bày kết quả tại giảng đường được sử dụng để lấy điểm kiểm tra	1				1	
11	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
12	<b>Tổng số</b>	<b>16</b>	<b>9</b>	<b>20</b>		<b>45</b>	

## **9. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Tham gia thảo luận trên lớp;

## **10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *10.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *10.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01
- Hình thức kiểm tra: Chuẩn bị và báo cáo kết quả bài tập
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: test khách quan
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 45. NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần : **Nâng cao sức khỏe và hành vi con người**
- Mã học phần: **HEP400** Số tín chỉ: **TS2 (1LT /1TH)**
- Loại học phần: **tự chọn**
- Phân bổ giờ tín chỉ với các hoạt động:

#### Lý thuyết

- + Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
- + Hướng dẫn làm bài tập, chuẩn bị thảo luận trên lớp: 1 tiết
- + Thảo luận trên lớp : 3 tiết
- + Hoạt động báo cáo kết quả theo nhóm: 3 tiết

#### Thực hành

- + Thực hành tại phòng thực tập: 30 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Y tế cộng đồng**

#### 2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Nâng cao sức khỏe và hành vi con người, sinh viên có khả năng:

- Giải thích được các quan niệm về sức khỏe của người dân ở các nền văn hóa khác nhau
- Mô tả được hệ thống các khái niệm, hoạt động nâng cao sức khỏe
- Liệt kê được yếu tố cấu thành hành vi và phân tích được các bước của quá trình thay đổi hành vi
- Thực hiện được kỹ năng xây dựng nhóm làm việc, ứng dụng vào trong quá trình hoạt động nâng cao sức khỏe

#### 3. Mô tả học phần:

Học phần Nâng cao sức khỏe và hành vi con người trang bị cho sinh viên những quan niệm về sức khỏe của những đối tượng khác nhau trong xã hội, những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi. Trên cơ sở đó sinh viên có thể áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học vào việc nâng cao sức khỏe cho người dân, cho bệnh nhân và cho cộng đồng.

Học phần gồm 2 tín chỉ:

- Tín chỉ 1: Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về Nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi
- Tín chỉ 2: Sinh viên được thực hành các kỹ năng nâng cao sức khỏe



#### 4. Nội dung chi tiết học phần:

STT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
	<b>Tín chỉ 1: PHẦN LÝ THUYẾT</b>		
1	Các khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	
2	Lập kế hoạch và đánh giá hoạt động nâng cao sức khỏe	4	
3	Các yếu tố thúc đẩy năng lực nâng cao sức khỏe	4	
4	Hành vi và các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi	3	
5	Quá trình thay đổi hành vi	2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	
	<b>Tín chỉ 2: PHẦN THỰC HÀNH</b>		
1	Xây dựng kế hoạch nâng cao sức khỏe	5	
2	Đánh giá hoạt động nâng cao sức khỏe	5	
3	Các bước của quá trình thay đổi hành vi	5	
4	Đánh giá thay đổi hành vi	5	
5	Kỹ năng phát triển năng lực trong nâng cao sức khỏe (1)	5	
6	Kỹ năng phát triển năng lực trong nâng cao sức khỏe (2)	3	
	Kiểm tra thực hành	2	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình trên lớp
- Thảo luận nhóm: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và trình bày trên lớp
- Trình diễn: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và thực hiện trong phòng thực hành

#### 6. Tài liệu học tập:

##### \* Giáo trình

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Y tế cộng đồng (2014), *Giáo trình Sức khỏe, nâng cao sức khỏe và hành vi con người*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

2 Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định- Bộ môn Y tế cộng đồng (2014) *Thực hành nâng cao sức khỏe*, (Tài liệu lưu hành nội bộ)

##### \* Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định- Bộ môn Y tế cộng đồng (2014) *Bài giảng Giáo dục sức khỏe* dành cho Cử nhân chuyên khoa cấp I (Tài liệu lưu hành nội bộ).

2. Trường Đại học Y tế Công cộng - Bộ môn Giáo dục sức khỏe (2008), *Bài giảng Giáo dục sức khỏe* (Tài liệu cho Cử nhân Y tế cộng đồng), NXB Y học..

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

Stt	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, tự NC	Yêu cầu với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
	<b>Tín chỉ 1: Kiến thức cơ bản về TT- GDSK</b>						
1	Các khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe	1	1				Chuẩn bị bài theo nhóm; tham khảo tài liệu và chuẩn bị báo cáo thảo luận theo nhóm
	Lập kế hoạch và đánh giá hoạt động nâng cao sức khỏe	2	1	1			
2	Các yếu tố thúc đẩy năng lực nâng cao sức khỏe	2	1	1			
3	Hành vi và các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi	2	1	0,5			
	Quá trình thay đổi hành vi	1		0,5			
	<b>Kiểm tra ký thuyết</b>						
	<b>Tín chỉ 2: Thực hành nâng cao sức khỏe</b>						
4	TH: Xây dựng kế hoạch nâng cao sức khỏe				5		
5	TH: Đánh giá hoạt động nâng cao sức khỏe				5		
6	TH: Các bước của quá trình thay đổi hành vi				5		
7	TH: Đánh giá thay đổi hành vi				5		
8	TH: Kỹ năng phát triển năng lực trong nâng cao sức khỏe (1)				5		
9	TH: Kỹ năng phát triển năng lực trong nâng cao sức khỏe (2)				3		
	Kiểm tra thực hành				2		
	<b>Tổng số</b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>30</b>		

## **8. Quy định của học phần**

- Sinh viên ngồi trong lớp theo tổ (cả học lý thuyết và thực hành)
- Sinh viên phải tham gia đủ các giờ thực hành làm đủ các bài tập theo yêu cầu.
- Sinh viên tự nghiên cứu những vấn đề được giao.
- Khi thảo luận nhóm phải có biên bản của buổi thảo luận
- Sinh viên có quyền trao đổi, xin hướng dẫn của giảng viên bằng các phương tiện

có được như điện thoại, Email...

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập**

Đánh giá kết quả học tập theo Quy chế 43 với thang điểm 10

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Sinh viên tham gia học tập trên lớp
- Tham gia và chuẩn bị bài học, thảo luận, làm đủ bài tập..

### *9.2. Kiểm tra định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1

+ **Thực hành: báo cáo nhóm hay thuyết trình tại phòng thực hành**

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi tự luận
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 46. ĐIỀU DƯỠNG THẨM HỌA

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần : **Điều dưỡng thẩm họa**
- Mã học phần: **DIN410** Số tín chỉ: **TS2 (2LT)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Các học phần tiên quyết:
- Các học phần song hành:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động
  - + Nghe giảng lý thuyết: 13 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận trên lớp : 12 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Y tế cộng đồng**

#### 2. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần Điều dưỡng thẩm họa, sinh viên có thể đạt được các năng lực :

- Có kiến thức về các môi nguy hiểm có thể gây ra thẩm họa
- Sử dụng các kỹ năng điều dưỡng trong việc phân loại, chăm sóc người bị nạn trong thẩm họa.
- Phối hợp với các thành viên khác trong nhóm y tế để giáo dục, hướng dẫn cho người dân và cộng đồng về phòng chống thẩm họa.

#### 3. Mô tả môn học:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thẩm họa: khái niệm, nguyên nhân, phân loại... và quản lý thẩm họa; những kiến thức và kỹ năng cơ bản của điều dưỡng thẩm họa và biện pháp giáo dục cho cộng đồng về thẩm họa và cách phòng chống. Từ những kiến thức cơ bản đã được cung cấp học viên vận dụng vào thực tế để phòng, chống thẩm họa và thực hiện giáo dục điều dưỡng thẩm họa.

Học phần bao gồm 30 tiết lý thuyết (2 tín chỉ)

Tín chỉ 1: học viên được cung cấp kiến thức về quản lý thẩm họa và điều dưỡng thẩm họa: học viên chia nhóm (theo tổ) chuẩn bị bài ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên (chọn chủ đề và tiến hành tìm kiếm tài liệu, chuẩn bị bài trình bày theo nhóm) sau đó tiến hành thảo luận nhóm trên lớp theo chủ đề đã được phân công, trên lớp giảng viên hướng dẫn sinh viên cách chuẩn bị bài, hướng dẫn thảo luận và giảng những nội dung trọng tâm của bài. Sinh viên được hướng dẫn các kỹ năng phân loại nạn nhân và thực hành tại lớp.

Tín chỉ 2: Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng về chăm sóc tinh thần trong thẩm họa và giảng dạy điều dưỡng thẩm họa. Hình thức học như tín chỉ 1.

Cách thức thảo luận: mỗi nhóm sinh viên cử một hoặc nhiều đại diện (không quá 3 người) trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, sau đó các thành viên trong nhóm bổ sung, các sinh viên của nhóm khác có ý kiến đóng góp, giảng viên tổng hợp các ý kiến và tóm tắt lại những nội dung chính.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
	TÍN CHỈ 1		
Bài 1	Quản lý thảm họa	5	
Bài 2	Thực trạng thảm họa trên thế giới và ở Việt nam	5	
Bài 3	Điều dưỡng trong thảm họa	10	
	TÍN CHỈ 2		
Bài 4	Chăm sóc tinh thần trong thảm họa	5	
Bài 5	Giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa	5	
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình trên lớp
- Thảo luận nhóm: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và trình bày trên lớp
- Đóng vai: Sinh viên đóng vai là người bị nạn, người điều dưỡng tiến hành phân loại người bị nạn

### 6. Tài liệu học tập:

#### \* Giáo trình chính

1. Trường đại học Điều dưỡng Nam Định – The Japanese Red Cross Kyushu International College of Nursing - Điều dưỡng thảm họa,(2012)

#### \* Tài liệu tham khảo ( reference material)

1. Ủy hội sông Mê Công - Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực phòng chống lụt bão cấp xã. Cập nhật ngày 2/3/2014 tại URL:

<http://www.ccfsc.gov.vn/resources/ccfsc/images/download/.pdf>

#### \* Khác Các địa chỉ tham khảo:

[http://sn.polyu.edu.hk/en/collaborations/who\\_collaborating\\_centre\\_for\\_community\\_health\\_services/disaster\\_nursing/index.html](http://sn.polyu.edu.hk/en/collaborations/who_collaborating_centre_for_community_health_services/disaster_nursing/index.html)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, tự NC	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp				
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập		
1	Quan lý thảm họa	3	2		5	Sinh viên đọc và chuẩn bị báo cáo trên lớp về các nội dung: khái niệm thảm họa, hiểm họa, phân loại thảm họa, chu kỳ thảm họa và quản lý thảm họa
2	Thực trạng thảm họa ở thế giới và Việt Nam (Dịch tễ học thảm họa )	2	3		10	Sinh viên thu thập thông tin cập nhật về thực trạng thảm họa trên thế giới và ở Việt nam
3	Điều dưỡng trong thảm họa	4	4	2	15	Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị báo cáo về: Sự khác nhau giữa điều dưỡng thảm họa và điều dưỡng cấp cứu, nguyên tắc và phương pháp phân loại nạn nhân, các kỹ thuật đánh giá thể chất cần có trong điều dưỡng thảm họa, các hỗ trợ khẩn cấp cơ bản: triển khai điều dưỡng theo chu kỳ thảm họa; triển khai điều dưỡng theo đặc trưng của người bị nạn
	<b>Kiểm tra 45 phút</b>					
4	Chăm sóc tinh thần trong thảm	2	2	1	10	Sinh viên đọc và chuẩn bị báo cáo theo chủ đề: Phản ứng tâm lý khi thảm họa; Quy trình phục hồi tâm lý; chăm sóc người nhà, chăm sóc tinh thần người bị nạn, chăm sóc tinh thần cho cán bộ tham gia phòng chống thảm họa
5	Giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa	2	1	2	10	Sinh viên đọc tài liệu và chuẩn bị thảo luận theo chủ đề: Tính cần thiết giáo dục điều dưỡng trong phòng chống thảm họa
	<b>Tổng số</b>	<b>13</b>	<b>12</b>	<b>5</b>	<b>60</b>	

## **8. Quy định của học phần**

- Sinh viên ngồi trong lớp theo tổ (cả học lý thuyết và thực hành)
- Sinh viên bắt buộc phải tự nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị báo cáo thảo luận theo nhóm với những chủ đề được giao.
- Khi thảo luận nhóm phải tích cực tham gia góp ý cho buổi thảo luận
- Sinh viên có quyền trao đổi, xin hướng dẫn của giảng viên bằng các phương tiện sẵn có (tài liệu, địa chỉ tìm kiếm tài liệu...)
- Phải làm bài tập đầy đủ (mỗi cá nhân phải chuẩn bị riêng bài tập được giao)

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Sinh viên tham gia học tập trên lớp
- Tham gia và chuẩn bị bài học, thảo luận, làm đủ bài tập..

### *9.2. Kiểm tra định kỳ: 40%*

- Số lần: 01
- Hình thức: Viết tự luận hoặc bằng báo cáo nhóm hay thuyết trình tại phòng học
- Thời gian: 45 phút

### *9.3 Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 47. CÁC CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần : **Các chương trình Y tế Quốc gia**
- Mã học phần: **TAR400** Số tín chỉ: **TS 2 (2LT)**
- Loại học phần : **Tự chọn**
- Các học phần tiên quyết:
- Các học phần song hành: **Điều dưỡng cộng đồng**
- Phân bổ giờ tín chỉ với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 3 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 7 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Y tế cộng đồng.**

#### 2. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Có kiến thức về các cơ sở để xây dựng chương trình mục tiêu Quốc gia Y tế (4)
- Phân tích được mục tiêu cụ thể của các dự án trong chương trình mục tiêu Quốc gia Y tế (4,6)
- Có kiến thức về các nội dung và giải pháp để thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia Y tế (1,3,9)

#### 3. Mô tả học phần :

- Mô hình bệnh tật có xu hướng thay đổi theo thời gian, vì vậy mỗi giai đoạn, ngành Y tế phải chọn những bệnh tật có tỷ lệ mắc cao và gây những hậu quả nghiêm trọng cho xã hội để đưa vào chương trình mục tiêu Quốc gia Y tế .

- Các chương trình mục tiêu Quốc gia Y tế là một học phần quan trọng cung cấp cho SV các mục tiêu, nội dung và giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của những bệnh trong chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	TÍN CHỈ 1		
1	Giới thiệu về các chương trình mục tiêu Y tế Quốc gia	1	
2	Dự án Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.	3	



TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
3	Dự án Phòng, chống các bệnh không lây phổ biến.	3	
4	Dự án Tiêm chủng mở rộng	4	
5	Dự án Dân số và phát triển	4	
	TÍNH CHỈ 2		
6	Dự án An toàn thực phẩm	4	
7	Dự án Phòng, chống HIV/AIDS	4	
8	Dự án Đảm bảo máu an toàn và phòng chống một số bệnh lý huyết học	4	
9	Dự án Quân dân y kết hợp	1	
10	Dự án Quản lý và truyền thông y tế	2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình trên lớp
- Thảo luận nhóm: Sinh viên luân bị ở nhà và trình bày trên lớp
- Trình diễn: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và thực hiện trong phòng thực hành
- Dạy học dựa trên vấn đề
- Dạy học dựa vào dự án
- Đóng vai

#### 6. Tài liệu học tập:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Y tế cộng đồng (2015), *Giáo trình Chương trình mục tiêu Quốc gia Y tế*. (Tài liệu lưu hành nội bộ)
2. Quyết định số 1208/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 04 tháng 9 năm 2012 về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia Y tế giai đoạn 2012 -2015.
3. <http://giadinh.net.vn/y-te/chuong-trinh-muc-tieu-y-te-dan-so-giai-doan-2016-2020-hep-ngan-sach-nhung-rong-loi-ich-cong-dong-20160516153959937.htm>
4. Bộ Y tế, 2012, *Quyết định về việc phê duyệt khung kế hoạch phối hợp giữa chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống HIV/AIDS và dự án phòng, chống bệnh lao thuộc chương trình mục tiêu quốc gia y tế, giai đoạn 2012 – 2015, số 2497/QĐ-BYT*

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Giới thiệu về các chương trình mục tiêu Y tế Quốc gia	1				1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi lên lớp</li> <li>+ Đọc bài</li> <li>+ Tham khảo tài liệu từ trang web</li> <li>- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên</li> </ul>
2	Chương trình phòng chống Phong Chương trình phòng chống Lao Chương trình phòng chống Sốt rét Chương trình phòng chống Sốt xuất huyết	1	2			3	
3	Chương trình phòng chống bệnh Ung thư Chương trình phòng chống bệnh Tăng huyết áp Chương trình phòng chống bệnh Đái tháo đường Chương trình Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng	1	3			4	

	Chương trình phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính						
4	Dự án Chương trình Tiêm chủng mở rộng	1	3			4	
5	Dự án Dân số và phát triển	1	3			4	
6	Dự án An toàn thực phẩm	1	3			4	
7	Dự án Phòng, chống HIV/AIDS	1	3			4	
8	Dự án Đảm bảo máu an toàn và phòng chống một số bệnh lý huyết học		2			4	
9	Dự án Quân dân y kết hợp Dự án Quản lý và truyền thông y tế Kiểm tra thường xuyên	1	3			2	
	<b>Kiểm tra</b>						
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng</b>	<b>8</b>	<b>22</b>			<b>30</b>	

## **8. Quy định của học phần**

- Sinh viên ngồi trong lớp theo tổ (cả học lý thuyết và thực hành)
- Sinh viên phải tham gia đủ các giờ thực hành làm đủ các bài tập theo yêu cầu.
- Sinh viên tự nghiên cứu những chủ đề được giao.
- Khi thảo luận nhóm phải có biên bản của buổi thảo luận
- Sinh viên có quyền trao đổi, xin hướng dẫn của giảng viên bằng các phương tiện

có được

- Sinh viên chủ động tìm kiếm thông tin phục vụ cho việc chuẩn bị bài theo chỉ dẫn của giảng viên và tích cực trong quá trình thảo luận xây dựng bài giảng

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Sinh viên tham gia học tập trên lớp
- Tham gia và chuẩn bị bài học, thảo luận, làm đủ bài tập..

### *9.2. Kiểm tra định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01
- Hình thức: Viết câu hỏi trắc nghiệm kết hợp tự luận

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

Hình thức: sinh viên trình bày báo cáo kết quả thực tế  
(01 báo cáo thu hoạch của cá nhân).

## HỌC PHẦN

### 48. GIÁO DỤC SỨC KHỎE

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Giáo dục sức khỏe**
- Mã học phần: **HED400** Số tín chỉ: **TS2 (1LT/1TH)**
- Loại học phần : **Tự chọn**
- Phân bổ giờ tín chỉ:  
**Lý thuyết: 15 tiết**
  - + Nghe giảng lý thuyết : 9 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 3 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 3 tiết
- Thực hành tại phòng thực tập: 30 tiết**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Y tế cộng đồng**

#### 2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn thành học phần **Giáo dục sức khỏe**, sinh viên có khả năng:

- Giải thích được hệ thống các khái niệm, nội dung, phương pháp và kỹ năng Truyền thông- Giáo dục sức khỏe, làm cơ sở cho việc thực hiện chức năng nghề nghiệp của người điều dưỡng trong bệnh viện cũng như tại cộng đồng.
- Vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng TT-GDSK để thực hiện TT-GDSK cho người bệnh trong bệnh viện.
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng TT-GDSK để thực hiện TT-GDSK cho người dân ở cộng đồng.

#### 3. Mô tả học phần:

Học phần **Giáo dục sức khỏe** trang bị cho sinh viên kiến thức và các kỹ năng TT-GDSK để giúp người dân và người bệnh thực hiện hành vi sức khỏe lành mạnh để giảm tỷ lệ mắc bệnh, tàn tật- Đó là mục tiêu của toàn bộ hệ thống y tế. Để đạt mục tiêu này mỗi cán bộ y tế, đặc biệt là người điều dưỡng – người cán bộ y tế tiếp xúc nhiều nhất với người bệnh và cộng đồng ngoài việc phải có đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức, trình độ chuyên môn vững vàng mà còn phải có kiến thức và kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe để sử dụng trong quá trình thực hiện chức năng nghề nghiệp của mình.

Học phần gồm 3 tín chỉ:

- Tín chỉ 1: Sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về TT-GDSK
- Tín chỉ 2: Sinh viên được thực hành các kỹ năng TT-GDSK

Bài tiểu luận là bài tập chủ yếu của học phần, được thực hiện theo nhóm sinh viên (mỗi nhóm không quá 10 người), mỗi nhóm sẽ trình bày một nội dung TT-GDSK, tiểu

luận không nên dài quá 5 trang, đại diện mỗi nhóm sẽ trình bày báo cáo tóm tắt trước lớp về kết quả làm việc của nhóm.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần:

Stt	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
<b>Tín chỉ 1: LÝ THUYẾT</b>			
Bài 1	Đại cương về Truyền thông – Giáo dục sức khỏe	2	
Bài 2	Các phương pháp, phương tiện TT- GDSK	2	
Bài 3	Những chủ đề, nội dung cần TT- GDSK tại cộng đồng	2	
Bài 4	Lập kế hoạch TT- GDSK	2	
Bài 5	Các kỹ năng TT- GDSK	2	
Bài 6	Tổ chức một buổi TT- GDSK	2	
Bài 7	Kỹ năng tư vấn	1	
Bài 8	Lồng ghép “ giới” trong TT- GDSK	1	
	Kiểm tra định kỳ	1	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>15</b>	
<b>Tín chỉ 2: THỰC HÀNH TT- GDSK</b>			
Bài 1	TH: Xác định vấn đề ưu tiên để GDSK	5	
Bài 2	TH: Lập kế hoạch, xây dựng chương trình hành động	5	
Bài 3	TH: Viết và trình bày một nội dung TT-GDSK	5	
Bài 4	TH: Sử dụng phương tiện, tài liệu thực hiện TT- GDSK	5	
Bài 5	TH: Thảo luận nhóm, trình diễn	5	
Bài 6	TH: Xem phim và kiểm tra định kỳ bằng đóng vai	5	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>Tổng số</b>	<b>45</b>	

#### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình trên lớp
- Thảo luận nhóm: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và trình bày trên lớp
- Trình diễn: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và thực hiện trong phòng thực hành

#### 6. Tài liệu học tập:

##### \* Giáo trình

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Y tế cộng đồng (2015) *Giáo trình Giáo dục sức khỏe*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

2 Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Y tế cộng đồng (2014) *Thực hành Giáo dục sức khỏe*, (Tài liệu lưu hành nội bộ)

**\* Tài liệu tham khảo**

1. Trường Đại học Y tế công cộng - Bộ môn Giáo dục sức khỏe (2008), *Bài giảng Giáo dục sức khỏe* ( Tài liệu cho Cử nhân Y tế cộng đồng). NXB Y học.

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

Stt buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học	Yêu cầu với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Đại cương về Truyền thông – Giáo dục sức khỏe	2				4	Đọc trước tài liệu ở nhà. Chuẩn bị các nội dung thảo luận. Chuẩn bị các câu hỏi
	Các phương pháp, phương tiện TT- GDSK	1		1		3	
2	Những chủ đề, nội dung cần TT- GDSK tại cộng đồng	1		1		3	
	Lập kế hoạch TT-GDSK	2				4	
3	Các kỹ năng TT-GDSK	1		1		4	
	Tổ chức một buổi TT-GDSK	2				4	
4	Kỹ năng tư vấn	1				2	
	Lồng ghép “giới” trong TT-GDSK	1				2	
	Kiểm tra định kỳ	1					
1	TH: Xác định vấn đề ưu tiên để GDSK				5		
2	TH: Lập kế hoạch, xây dựng chương trình hành động				5		
3	TH: Viết và trình bày một nội dung TT-GDSK				5		
4	TH: Sử dụng phương tiện, tài liệu thực hiện TT-GDSK				5		



Stt buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học	Yêu cầu với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
5	TH: Thảo luận nhóm, trình diễn				5		
6	TH: Xem phim và kiểm tra định kỳ bằng đóng vai				5		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>		<b>3</b>	<b>30</b>		

## **8. Quy định của học phần**

- Sinh viên ngồi trong lớp theo tổ (cả học lý thuyết và thực hành)
- Sinh viên phải tham gia đủ các giờ thực hành làm đủ các bài tập theo yêu cầu.
- Sinh viên tự nghiên cứu những vấn đề được giao.
- Khi thảo luận nhóm phải có biên bản của buổi thảo luận
- Sinh viên có quyền trao đổi, xin hướng dẫn của giảng viên bằng các phương tiện

có được như điện thoại, Email...

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Sinh viên tham gia học tập trên lớp
- Tham gia và chuẩn bị bài học, thảo luận, làm đủ bài tập..

### *9.2. Kiểm tra định kỳ: 40%*

#### **- Số lần kiểm tra: 1**

- Thực hành: Báo cáo nhóm hay thuyết trình tại phòng thực hành

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: tự luận
- Thời gian: 90 phút.

## HỌC PHẦN

### 49. SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

#### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Sức khỏe môi trường**
- Mã học phần: **EOH400** Số tín chỉ: **2 (1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Các học phần tiên quyết: **Các môn y cơ sở**
- Các học phần song hành: **Các môn lâm sàng**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### Lý thuyết

- + Nghe giảng lý thuyết: 11 tiết
- + Thảo luận trên lớp: 2 tiết
- + Bài tập: 2 tiết

**Thực hành** tại phòng thực hành: 30 tiết

- Bộ môn phụ trách: **Bộ môn Y tế cộng đồng**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Sức khỏe môi trường, sinh viên có những năng lực sau:

- Tích lũy được các kiến thức cơ bản về môi trường và sức khỏe, các yếu tố của môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe để thiết lập được môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.
- Sử dụng được các kiến thức cơ bản về sức khỏe môi trường để xây dựng được các nội dung tư vấn cho người bệnh và cộng đồng về kiểm soát và phòng ngừa các yếu tố nguy cơ từ môi trường đến sức khỏe.
- Vận dụng được những kiến thức về sức khỏe môi trường vào việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.

#### 3. Mô tả học phần

Hiện nay với sự gia tăng của các bệnh không truyền nhiễm trên toàn thế giới, mà yếu tố nguy cơ của các bệnh không truyền nhiễm chủ yếu liên quan đến vấn đề vệ sinh môi trường, thói quen sinh hoạt và hành vi lối sống. Chính vì vậy việc cung cấp kiến thức cho sinh viên về lĩnh vực vệ sinh môi trường là một biện pháp hữu hiệu mang tính bền vững.

Sức khỏe môi trường là một học phần trang bị nguyên lý tổng quát dựa trên những phương pháp nghiên cứu nhằm thu thập những thông tin cơ bản về sức khỏe, các yếu tố của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe. Nghiên cứu sự phân bố và yếu tố quyết định sự phân bố các chất ô nhiễm (các nguy cơ) trong môi trường đất, nước, không khí, môi trường lao động... và đánh giá sự ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng để áp dụng những kiến thức về sức khỏe môi trường vào thực tế chăm sóc sức khỏe nhân dân.

**Học phần:** Gồm 2 phần là lý thuyết và thực hành.

- Phần lý thuyết: Sinh viên sẽ được học tại trường gồm 4 buổi được trình bày dưới dạng thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập và thực hiện các bài tập nhóm. Tập giải quyết các vấn đề theo tình huống cụ thể dưới sự giám sát của các giảng viên và trợ giảng, đồng thời phải thực hiện 1 bài kiểm tra. Giúp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sức khỏe môi trường và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe môi trường.

- Phần thực hành: Sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng tại phòng thực tập của Bộ môn gồm 6 buổi. Sinh viên sẽ phải thực hiện các kỹ năng theo nhóm hoặc cá nhân dưới sự hướng dẫn của các giảng viên của bộ môn: Sinh viên sẽ được thực hiện các kỹ năng thu gom, xử lý chất thải, phòng và diệt các vecto truyền bệnh dưới hình thức đóng vai, thảo luận nhóm và giải quyết tình huống...

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung/Tên bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>		
1	Đại cương về môi trường và sức khỏe	4	
2	Ô nhiễm môi trường không khí	1	
3	Ô nhiễm môi trường đất	1	
4	Ô nhiễm môi trường nước	2	
5	Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế	1	
6	Vệ sinh học đường	1	
7	Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp	2	
8	An toàn môi trường	1	
9	Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh	1	
10	Phát triển môi trường bền vững	1	
11	Vệ sinh nhà ở và ô nhiễm nội thất		Đọc thêm
12	Vệ sinh bệnh viện		Đọc thêm
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>15</b>	
	<b>PHẦN THỰC HÀNH</b>		
1	Quy trình xử lý nước và rác thải	5	
2	Thực hành xem video các kỹ năng thu gom, xử lý chất thải y tế	5	
3	Thực hành đóng vai phòng và diệt các véc tơ truyền bệnh	5	

STT	Nội dung/Tên bài	Số tiết	Ghi chú
4	Thực hành kiểm nghiệm nước	5	
5	Thu thập thông số đánh giá vệ sinh trường học	5	
6	Khảo sát môi trường lao động và xác định một số yếu tố vi khí hậu	5	
	<b>Số tiết thực hành</b>	<b>30</b>	
	<b>TỔNG SỐ TIẾT HỌC PHẦN</b>	<b>45</b>	

## 5. Phương pháp dạy và học

### - Phần học lý thuyết:

- + Thuyết trình,
- + Thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân/nhóm/tiểu luận.

### - Phần học thực hành:

+ Thao tác mẫu, sinh viên quan sát và làm theo. Giảng viên hướng dẫn cách đọc kết quả và nhận định kết quả đối với các xét nghiệm, hoặc các kết quả thu thập thông số đánh giá vệ sinh trường học, yếu tố vi khí hậu

+ Đóng vai, thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch sau mỗi buổi thực hành đối với các bài thực hành kỹ năng. Giảng viên dùng bảng kiểm để đánh giá các kỹ năng thực hành của sinh viên theo các chủ đề.

## 6. Tài liệu học tập:

### \* Giáo trình:

1. Bộ y tế (2005), *Sức khỏe môi trường*, NXB Y học Hà Nội
2. Trường Đại học Y Dược Huế (2009), *Sức khỏe môi trường*, Nxb Y học.

### \* Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia 2015-2020, Định hướng kế hoạch hành động ưu tiên về bảo vệ môi trường giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030, Hà Nội, 2014.

2. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật bảo vệ môi trường năm 2005*. Hà Nội ngày 29 tháng 11 năm 2005

\* **Trang Web:** <http://www.tinmoitruong.vn>      [http:// www.ykhoanet.com](http://www.ykhoanet.com)

### 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Đại cương về môi trường và sức khỏe	3	0,5	0,5		10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia phát biểu ý kiến thảo luận nhóm, xây dựng bài</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời lên lớp và thời gian tự nghiên cứu</li> </ul>
2	Ô nhiễm môi trường không khí Ô nhiễm môi trường đất Ô nhiễm môi trường nước	3	0,5	0,5		10	
3	Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp Vệ sinh học đường	3	0,5	0,5		10	
4	An toàn môi trường Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh Phát triển môi trường bền vững	2	0,5	0,5		10	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1 (45 phút)</b>		1				
5	Quy trình xử lý nước và rác thải				5	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi học thực hành sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết</li> <li>- Viết báo cáo thu hoạch nhận định quy trình xử lý nước và rác thải</li> </ul>
6	Thực hành xem video các phương pháp thu gom, xử lý chất thải y tế				5	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận các kỹ năng thu gom, xử lý chất thải y tế sau khi xem video</li> <li>- Viết báo cáo nhận xét ưu/nhược điểm của các phương pháp.</li> </ul>
7	Thực hành đóng vai phòng và diệt các véc tơ truyền bệnh				5	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng vai nhân viên y tế dự phòng thực hiện được các biện</li> </ul>

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
							pháp phòng và diệt các véc to truyền bệnh - Viết bài thu hoạch	
8	Thực hành kiểm nghiệm nước				5	10	- Thành thực các thao tác kiểm nghiệm nước sau khi giảng viên thao tác mẫu. - Biết cách đọc kết quả xét nghiệm	
9	Thu thập thông số đánh giá vệ sinh trường học				5	10	- Biết cách thu thập các thông số đánh giá vệ sinh trường học - Viết báo cáo thu hoạch	
10	Khảo sát môi trường lao động và xác định một số yếu tố vi khí hậu				5	10	- Sử dụng được máy đo để xác định một số yếu tố vi khí hậu trong môi trường lao động - Viết báo cáo trình bày kết quả đo	
	<b>Tổng số</b>	<b>11</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>10</b>		

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01
- Hình thức kiểm tra: Kiểm tra test/tự luận
- Thời gian: 45 phút

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Điều kiện dự thi: tham gia  $\geq 75\%$  số tiết lý thuyết và 100% các buổi thực hành
- Hình thức thi: Thi tự luận /test
- Thời gian: 90 phút



## HỌC PHẦN

### 50. BỆNH HỌC NỘI KHOA

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **BỆNH HỌC NỘI KHOA**
- Mã học phần: **MID31701** Số tín chỉ: **TS 2 (1LT/ 1TH)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Các học phần tiên quyết: **Kiến thức cơ sở của ngành Điều dưỡng – Hộ sinh**
- Các học phần học song hành: **Chuyên ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### **Phân lý thuyết:**

- + Nghe giảng lý thuyết: 9 tiết
- + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 1,5 tiết
- + Thảo luận trên lớp: 1,5tiết
- + Báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm: 3 tiết

#### **Phân thực hành:**

- + Giao ban: 8 tiết
  - + Hướng dẫn thực hành: 12 tiết
  - + Tự thực hành: 17 tiết
  - + Bình Kế hoạch chăm sóc: 8 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng người lớn Nội khoa**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần bệnh học Nội khoa sinh viên đại học Hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực triệu chứng các bệnh nội khoa làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của người bệnh nội khoa, gia đình và cộng đồng.

2. Sử dụng được các kiến thức triệu chứng các bệnh nội khoa để xây dựng các nội dung tư vấn cho người bệnh và cộng đồng về kiểm soát và phòng bệnh trong lĩnh vực nội khoa.

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc điều dưỡng Nội khoa.

4. Vận dụng được kiến thức triệu chứng các bệnh nội khoa trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu nội khoa trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.

5. Áp dụng được kiến thức triệu chứng các bệnh nội khoa để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực nội khoa.

### 3. Mô tả học phần:

Học phần gồm 2 tín chỉ.

Tín chỉ 1: Bệnh học Nội khoa

Tín chỉ 2: Thực hành bệnh học Nội khoa

#### Phần lý thuyết

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về triệu chứng các bệnh nội khoa thường gặp. Việc nắm vững kiến thức này giúp cho sinh viên nhận định được người bệnh mắc các bệnh nội khoa và từ đó đưa ra được kế hoạch chăm sóc đúng. Hoạt động của sinh viên là nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo kết quả theo nhóm. Học phần triệu chứng các bệnh Nội khoa cùng với các học phần ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cử nhân Cao đẳng Hộ sinh có kiến thức toàn diện trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của Điều dưỡng – Hộ sinh Việt Nam ở bậc Cao đẳng.

**Phần thực hành:** được thực hiện tại bệnh viện và được tiến hành sau phần học lý thuyết. Khi kết thúc sinh viên có kỹ năng để nhận định thực thể trong lĩnh vực nội khoa từ đó phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc một số bệnh Nội khoa, tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khoẻ trong lĩnh vực Nội khoa.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
<b>TÍN CHỈ 1</b>			
1.	Bệnh học tăng huyết áp	1	
2.	Bệnh học đau thắt ngực		
3.	Bệnh học tim chu sản	1	
4.	Bệnh học tai biến mạch não	1	
5.	Bệnh học hen phế quản	1	
6.	Bệnh học viêm phế quản cấp		
7.	Bệnh học viêm phổi	1	
8.	Bệnh học loét dạ dày tá tràng	1	
9.	Bệnh học xuất huyết tiêu hóa cao	1	
10.	Bệnh học xơ gan	1	
11.	Bệnh học nhiễm khuẩn tiết niệu	1	

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
12.	Bệnh học suy thận mạn	1	
13.	Bệnh học viêm khớp dạng thấp	1	
14.	Bệnh học đái tháo đường	1	
	Báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm	3	
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	
<b>TÍN CHỈ 2</b>			
1.	Thực hành bệnh học tăng huyết áp	4	
2.	Thực hành bệnh học đau thắt ngực	3	
3.	Thực hành bệnh học tim chu sản	3	
4.	Thực hành bệnh học tai biến mạch não	5	
5.	Thực hành bệnh học hen phế quản	2	
6.	Thực hành bệnh học viêm phế quản cấp	2	
7.	Thực hành bệnh học viêm phổi	4	
8.	Thực hành bệnh học loét dạ dày tá tràng	3	
9.	Thực hành bệnh học xuất huyết tiêu hóa cao	3	
10.	Thực hành bệnh học xơ gan	4	
11.	Thực hành bệnh học nhiễm khuẩn tiết niệu	2	
12.	Thực hành bệnh học suy thận mạn	4	
13.	Thực hành bệnh học viêm khớp dạng thấp	2	
14.	Thực hành bệnh học đái tháo đường	4	
	<b>Đánh giá định kỳ</b>		
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy:**

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn làm bài tập cá nhân nhóm, tiểu luận
- Minh họa lâm và thảo luận lâm sàng
- Giao ban, rút kinh nghiệm trường hợp người bệnh

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Giáo trình:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2014), *Chăm sóc người bệnh nội khoa*, NXB Y học

#### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Đại học Y Hà Nội (2006) - *Bệnh học Nội khoa tập I-II.*

2. Bộ y tế- Hội đồng Dược điển Việt Nam (2004)

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com>

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1. Lý thuyết

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	<b>TÍN CHỈ 1</b>						
<b>1</b>	Bài 1: Bệnh học tăng huyết áp Bài 2: Bệnh học đau thắt ngực Bài 3: Bệnh học tim chu sản Bài 4: Bệnh học tai biến mạch não Bài 5: Bệnh học hen phế quản Bài 6: Bệnh học viêm phế quản cấp	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
<b>2</b>	Bài 7: Bệnh học viêm phổi Bài 8: Bệnh học loét dạ dày tá tràng Bài 9: Bệnh học xuất huyết tiêu hóa cao Bài 10: Bệnh học xơ gan	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
<b>3</b>	Bài 11: Bệnh học nhiễm khuẩn tiết niệu Bài 12: Bệnh học suy thận mạn Bài 13: Bệnh học viêm khớp dạng thấp	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức			Tự học, tự NC	Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp					
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	Bài 14: Bệnh học đái tháo đường						
4	Báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm					3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu</li> </ul>

## 7.2. Thực hành

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	<b>TÍN CHỈ 2</b>						
1.	Thực hành bệnh học tăng huyết áp	2	4	7	2	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người điều dưỡng nội khoa vào chăm sóc người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> </ul>
	Thực hành bệnh học đau thắt ngực						
	Thực hành bệnh học tim chu sản						
	Thực hành bệnh học tai biến mạch não						

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	<b>TÍN CHỈ 2</b>						
	Thực hành bệnh học loét dạ dày tá tràng	2	2	4	2	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Thực hành bệnh học xuất huyết tiêu hóa cao						
	Thực hành bệnh học xơ gan						
2.	Thực hành bệnh học hen phế quản	2	2	2	2	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người điều dưỡng nội khoa vào chăm sóc người bệnh</li> </ul>
	Thực hành bệnh học viêm phế quản cấp						
	Thực hành bệnh học viêm phổi						
	Thực hành bệnh học nhiễm khuẩn tiết niệu.	1	2	2	1	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng vai trò người điều dưỡng nội khoa vào chăm sóc người bệnh</li> </ul>
	Thực hành bệnh học suy thận mạn						
		Thực hành bệnh học viêm khớp dạng thấp	1	2	2	1	6
	Thực hành bệnh học đái tháo đường						

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	TÍN CHỈ 2						
							- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình
	<b>Đánh giá định kỳ</b>						
	<b>Tổng số</b>					<b>45</b>	



## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Lập sơ đồ chỗ ngồi cho sinh viên để giảng viên kiểm soát lớp;
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Tham gia thảo luận trên lớp
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận trước khi lên lớp, có biên bản của các cuộc thảo luận;
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành
- Thực hiện đạt yêu cầu nhận định thực thể trong chăm sóc người bệnh Nội khoa
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận nội dung nhận định thực thể;
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm
- Tham gia đầy đủ các buổi thực hành bệnh viện

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01
- Hình thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra thực hành: Nhận định trên người bệnh

### *9.3. Điểm thi lý thuyết: 50%*

- Hình thức thi: Thi tự luận
- Cách đánh giá: Câu hỏi cổ điển cải tiến

## HỌC PHẦN

### 51. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NỘI KHOA**
- Mã học phần: **MID31702** Số tín chỉ: **TS 2 (1LT/ 1TH)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Các học phần tiên quyết: **Kiến thức cơ sở của ngành Hộ sinh**
- Các học phần học song hành: **Chuyên ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

#### **Phân lý thuyết:**

- + Nghe giảng lý thuyết: 9 tiết
- + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 1,5 tiết
- + Thảo luận trên lớp: 1,5tiết
- + Báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm: 3 tiết

#### **Phân thực hành:**

- + Giao ban: 8 tiết
- + Hướng dẫn thực hành: 12 tiết
- + Tự thực hành: 17 tiết
- + Bình Kế hoạch chăm sóc: 8 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Trung tâm thực hành tiền lâm sàng**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc người bệnh Nội khoa sinh viên đại học Hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực điều dưỡng nội khoa người lớn làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của người bệnh nội khoa, gia đình và cộng đồng.

2. Sử dụng được các kiến thức điều dưỡng nội khoa người lớn để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng về kiểm soát và phòng bệnh trong lĩnh vực nội khoa người lớn.

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc điều dưỡng Nội khoa người lớn.

4. Vận dụng được kiến thức điều dưỡng nội khoa người lớn trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu nội khoa trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.

5. Áp dụng được kiến thức điều dưỡng nội khoa người lớn để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực nội khoa.

### 3. Mô tả học phần:

Học phần gồm 2 tín chỉ.

Tín chỉ 1: Chăm sóc người bệnh Nội khoa

Tín chỉ 2: Thực hành chăm sóc người bệnh Nội khoa

#### Phần lý thuyết

Sinh viên sẽ học tại trường.

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về chăm sóc người bệnh nội khoa người lớn. Việc nắm vững kiến thức này giúp cho sinh viên nhận định và đưa ra được kế hoạch chăm sóc đúng cho người bệnh. Hoạt động của sinh viên là nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo kết quả theo nhóm. Học phần Chăm sóc người bệnh Nội khoa cùng với các học phần chăm sóc người bệnh ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cử nhân Cao đẳng Hộ sinh có kiến thức toàn diện trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của Điều dưỡng – Hộ sinh Việt Nam ở bậc Cao đẳng.

**Phần thực hành:** được thực hiện tại bệnh viện và được tiến hành sau phần học lý thuyết. Khi kết thúc sinh viên có kỹ năng để nhận định thực thể trong lĩnh vực nội khoa từ đó phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc một số bệnh Nội khoa, tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực Nội khoa.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
<b>TÍN CHỈ 1</b>			
15.	Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp	1	
16.	Chăm sóc người bệnh đau thắt ngực		
17.	Chăm sóc người bệnh tim chu sản	1	
18.	Chăm sóc người bệnh tai biến mạch não	1	
19.	Chăm sóc người bệnh hen phế quản	1	
20.	Chăm sóc người bệnh viêm phế quản cấp		
21.	Chăm sóc người bệnh viêm phổi	1	
22.	Chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng	1	
23.	Chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa cao	1	
24.	Chăm sóc người bệnh xơ gan	1	

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
25.	Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu	1	
26.	Chăm sóc người bệnh suy thận mạn	1	
27.	Chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp	1	
28.	Chăm sóc người bệnh đái tháo đường	1	
	Báo cáo làm bài tập theo nhóm	3	
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	
<b>TÍN CHỈ 2</b>			
15.	Thực hành chăm sóc người bệnh tăng huyết áp	4	
16.	Thực hành chăm sóc người bệnh đau thắt ngực	3	
17.	Thực hành chăm sóc người bệnh tim chu sản	3	
18.	Thực hành chăm sóc người bệnh tai biến mạch não	5	
19.	Thực hành chăm sóc người bệnh hen phế quản	2	
20.	Thực hành chăm sóc người bệnh viêm phế quản cấp	2	
21.	Thực hành chăm sóc người bệnh viêm phổi	4	
22.	Thực hành chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng	3	
23.	Thực hành chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa cao	3	
24.	Thực hành chăm sóc người bệnh xơ gan	4	
25.	Thực hành chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu	2	
26.	Thực hành chăm sóc người bệnh suy thận mạn	4	
27.	Thực hành chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp	2	
28.	Thực hành chăm sóc người bệnh đái tháo đường	4	
	<b>Đánh giá định kỳ</b>		
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy:**

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn làm bài tập cá nhân nhóm, tiểu luận
- Minh họa lâm và thảo luận lâm sàng
- Giao ban, rút kinh nghiệm trường hợp người bệnh

### **6. Tài liệu học tập**

**\* Giáo trình:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (2013), *Chăm sóc người bệnh nội khoa*, NXB Y học

**\* Tài liệu tham khảo:**

1. Đại học Y Hà Nội (2006) - Bệnh học Nội khoa tập I-II.
2. Bộ Y tế - Hội đồng Dược điển Việt Nam (2004)

**\* Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com>

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1. Lý thuyết

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	<b>TÍN CHỈ 1</b>						
<b>1</b>	Bài 1: Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp Bài 2: Chăm sóc người bệnh đau thắt ngực Bài 3: Chăm sóc người bệnh tim chu sản Bài 4: Chăm sóc người bệnh tai biến mạch não Bài 5: Chăm sóc người bệnh hen phế quản Bài 6: Chăm sóc người bệnh viêm phế quản cấp	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
<b>2</b>	Bài 7: Chăm sóc người bệnh viêm phổi Bài 8: Chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng Bài 9: Chăm sóc người bệnh xuất	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	huyết tiêu hóa cao Bài 10: Chăm sóc người bệnh xơ gan						
<b>3</b>	Bài 11: Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu Bài 12: Chăm sóc người bệnh suy thận mạn Bài 13: Chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp Bài 14: Chăm sóc người bệnh đái tháo đường	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
<b>4</b>	Báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm					3	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu

7.2. Thực hành

TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
	<b>TÍN CHỈ 2</b>						
3.	Thực hành chăm sóc người bệnh tăng huyết áp	2	4	7	2	15	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người điều dưỡng nội khoa vào chăm sóc người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Thực hành chăm sóc người bệnh đau thắt ngực						
	Thực hành chăm sóc người bệnh tim chu sản						
	Thực hành chăm sóc người bệnh tai biến mạch não						
	Thực hành chăm sóc người bệnh loét dạ dày tá tràng	2	2	4	2	10	
	Thực hành chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa cao						
	Thực hành chăm sóc người bệnh xơ gan						
4.	Thực hành chăm sóc người bệnh hen phế quản	2	2	2	2	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người điều dưỡng nội khoa vào chăm sóc người bệnh</li> </ul>
	Thực hành chăm sóc người bệnh viêm phế quản cấp						



TT Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
	<b>TÍN CHỈ 2</b>						
	Thực hành chăm sóc người bệnh viêm phổi						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Thực hành chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu.	1	2	2	1	6	
	Thực hành chăm sóc người bệnh suy thận mạn						
	Thực hành chăm sóc người bệnh viêm khớp dạng thấp	1	2	2	1	6	
	Thực hành chăm sóc người bệnh đái tháo đường						
	<b>Đánh giá định kỳ</b>						
	<b>Tổng số</b>					<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Lập sơ đồ chỗ ngồi cho sinh viên để giảng viên kiểm soát lớp;
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Tham gia thảo luận trên lớp
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận trước khi lên lớp, có biên bản của các cuộc thảo luận;
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành
- Thực hiện đạt yêu cầu nhận định thực thể trong chăm sóc người bệnh Nội khoa
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận nội dung nhận định thực thể;
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### **9.1. Điểm chuyên cần: 10%**

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm
- Tham gia đầy đủ các buổi thực hành bệnh viện

### **9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%**

- Số lần kiểm tra: 01
- Hình thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra thực hành: Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh cụ thể

### **9.3. Điểm thi lý thuyết: 50%**

- Hình thức thi: Thi tự luận
- Cách đánh giá: Câu hỏi cổ điển cải tiến

## HỌC PHẦN

### 52. BỆNH HỌC NGOẠI KHOA

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **BỆNH HỌC NGOẠI KHOA**
- Mã học phần: **MID31801** Số tín chỉ: **TS 2 (1LT/ 1TH)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: **Kiến thức cơ sở của ngành Hộ sinh**
- Các học phần học song hành: **Chuyên ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động

#### **Lý thuyết:**

- + Nghe giảng lý thuyết: 10 tiết
- + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 1,5 tiết
- + Thảo luận trên lớp: 1,5 tiết
- + Hoạt động báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm: 02 tiết

#### **Thực hành:**

- + Giao ban: 10
- + Hướng dẫn thực hành: 20
- + Tự thực hành: 15

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng người lớn Ngoại khoa**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Bệnh học Ngoại khoa sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực các bệnh ngoại khoa cơ bản làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của người bệnh ngoại khoa, gia đình và cộng đồng.

2. Sử dụng được kiến thức bệnh ngoại khoa để xây dựng các nội dung tư vấn cho người bệnh và cộng đồng về kiểm soát và phòng bệnh trong lĩnh vực ngoại khoa.

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật chăm sóc hộ sinh trong lĩnh vực Ngoại khoa.

4. Vận dụng được kiến thức các bệnh ngoại khoa thường gặp trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu ngoại khoa trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.

5. Áp dụng được kiến thức các bệnh ngoại khoa để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức hộ sinh trong lĩnh vực ngoại khoa.

### 3. Mô tả học phần:

#### Phân lý thuyết

Gồm 1.0 tín chỉ, phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các bệnh ngoại khoa thường gặp. Việc nắm vững kiến thức này giúp cho sinh viên nhận định được người bệnh mắc các bệnh ngoại khoa trước và sau phẫu thuật từ đó đưa ra được kế hoạch chăm sóc đúng. Hoạt động của sinh viên là nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo kết quả theo nhóm. Học phần Bệnh học Ngoại khoa cùng với các học phần ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cử nhân điều dưỡng có kiến thức toàn diện trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của hộ sinh Việt Nam ở bậc đại học.

#### Phần thực hành:

Sinh viên sẽ được chia thành từng nhóm nhỏ từ 12 đến 25 người để thực tập tại các khoa, buồng bệnh dưới sự hướng dẫn và quản lý của các giảng viên, trợ giảng. Kế hoạch và nội dung học sẽ được công bố ngay buổi đầu tiên của tuần thứ nhất. Ngoài ra sinh viên sẽ phải tham gia trực chuyên môn tại bệnh viện theo từng nhóm nhỏ. Nhiệm vụ trong các buổi trực sẽ do trưởng kíp trực điều dưỡng tại bệnh viện phân công. Khi kết thúc sinh viên có kỹ năng để nhận định thực thể trong lĩnh vực ngoại khoa từ đó phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc một số bệnh Ngoại khoa, tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khoẻ trong lĩnh vực Ngoại khoa.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	PHẦN LÝ THUYẾT		
	TÍN CHỈ 1		
	BỆNH ĐƯỜNG TIÊU HÓA		
	Viêm phúc mạc	1	
	Viêm ruột thừa cấp, Thủng dạ dày – tá tràng, Tắc ruột cơ học, Thoát vị bẹn	4	
	Sỏi đường mật	1	
	BỆNH ĐƯỜNG TIẾT NIỆU		
	Sỏi tiết niệu	1	
	U tuyến tiền liệt	1	
	CHẤN THƯƠNG		
	Gãy xương	1	
	Chấn thương sọ não	1	
	Chấn thương cột sống	1	

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	Bỏ	1	
	Báo cáo kết quả bài tập theo nhóm	2	
	Kiểm tra 45 phút	1	
		<b>15</b>	
	<b>PHẦN THỰC HÀNH</b>		
1	Nhận định người bệnh có bệnh đường tiêu hóa	15	
2	Nhận định người bệnh có bệnh đường tiết niệu	15	
3	Nhận định người bệnh chấn thương	15	
4	Kiểm tra thực hành		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn làm bài tập cá nhân nhóm, tiểu luận
- Minh họa lâm sàng và thảo luận lâm sàng
- Giao ban, rút kinh nghiệm trường hợp người bệnh

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Điều dưỡng Ngoại (2013), *Điều dưỡng ngoại khoa*, (Tài liệu lưu hành nội bộ)

2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (2013), *Bài giảng Điều dưỡng Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Tấn Cường, (2008), *Điều dưỡng Ngoại*, Tập I-II, Hà Nội, NXB Giáo dục.

2. Phạm Văn Linh, Hồ Duy Bình, (2009), *Điều dưỡng Ngoại*, Tập I-II, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

3. Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (2004), *Tai mũi họng nhập môn*. Nhà xuất bản Y học.

4. Hoàng Tử Hùng, Huỳnh Lan Anh, Võ Thị Do (2001), *Bệnh học miệng*. Nhà xuất bản Y học

5. Nguyên bản Basic and Clinical Science Course. Hội nhãn khoa Mỹ. Người dịch BS Nguyễn Đức Anh. Bệnh Glôcôm. Nhà xuất bản Y học năm 1993- 1994.

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1. Lý thuyết

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	TÍNH CHỈ 1						
1	Viêm phúc mạc Sỏi đường mật Sỏi tiết niệu U tuyến tiền liệt	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu
2	Viêm ruột thừa cấp Thủng dạ dày – tá tràng Tắc ruột cơ học Thoát vị bẹn	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu
3	Gãy xương Bỏng Chấn thương sọ não Chấn thương cột sống	3	0,5	0,5	8	12	- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu
4	Báo cáo kết quả bài tập theo nhóm	3			6	9	
		12	1.5	1.5	30	45	

### 7.2. Thực hành

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
	Nhận định người bệnh có bệnh đường tiêu hóa	3	6	6		15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban</li> </ul>
	Nhận định người bệnh có bệnh đường tiết niệu	3	6	6		15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban</li> </ul>
	Nhận định người bệnh chấn thương	3	6	6		15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban</li> </ul>
	<b>Kiểm tra : Nhận định người bệnh</b>						
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>9</b>	<b>18</b>	<b>18</b>		<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Lập sơ đồ chỗ ngồi cho sinh viên để giảng viên kiểm soát lớp
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện
- Tham gia thảo luận trên lớp
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận trước khi lên lớp, có biên bản của các cuộc thảo luận;

luận;

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành
- Thực hiện đạt yêu cầu nhận định thực thể trong chăm sóc ngoại khoa
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận nội dung nhận định thực thể
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01
- Hình thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra thực hành: Nhận định trên người bệnh

### *9.3. Điểm thi lý thuyết: 50%*

- Hình thức thi: Thi tự luận
- Cách đánh giá: Câu hỏi cổ điển cải tiến



## HỌC PHẦN

### 53. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH NGOẠI KHOA

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa**
- Mã học phần: **MID31802** Số tín chỉ: **TS 2 (1LT/1LS)**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần tiên quyết: **Bệnh học ngoại khoa**
- Các học phần học song hành: **Chuyên ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động

#### Lý thuyết

- + Nghe giảng lý thuyết: 10 tiết
- + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 1,5 tiết
- + Thảo luận trên lớp: 1,5 tiết
- + Hoạt động báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm: 02 tiết

#### Thực hành tại bệnh viện:

- + Giao ban: 09 tiết
  - + Hướng dẫn thực hành: 9 tiết
  - + Tự thực hành, thảo luận: 18 tiết
  - + Bình kế hoạch chăm sóc: 9 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Trung tâm thực hành tiền lâm sàng**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực điều dưỡng ngoại khoa người lớn làm nền tảng cho việc thu thập thông tin về sức khỏe và bệnh tật từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của người bệnh ngoại khoa, gia đình và cộng đồng.

2. Sử dụng được các kiến thức điều dưỡng ngoại khoa người lớn để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng về kiểm soát và phòng bệnh trong lĩnh vực ngoại khoa người lớn.

3. Áp dụng được qui trình điều dưỡng, các bằng chứng khoa học trong thu thập thông tin về sức khỏe và bệnh tật trong lĩnh vực Ngoại khoa, ra quyết định chăm sóc phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc an toàn, hiệu quả người bệnh mắc các bệnh Ngoại khoa. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc người bệnh ngoại khoa phù hợp với nhu cầu của người bệnh, gia đình và cộng đồng.

4. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc hộ sinh lĩnh vực Ngoại khoa người lớn.

5. Vận dụng được kiến thức điều dưỡng ngoại khoa người lớn trong việc tham gia giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu ngoại khoa trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.

6. Áp dụng được kiến thức điều dưỡng ngoại khoa người lớn để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức hộ sinh trong lĩnh vực ngoại khoa.

### **3. Mô tả học phần:** Sinh viên sẽ học tại trường

Phần lý thuyết: có 01 tín chỉ. Phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về chăm sóc người bệnh ngoại khoa người lớn. Trong ngoại khoa việc chăm sóc người bệnh có hai giai đoạn đó là chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật và chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật. Việc nắm vững kiến thức này giúp cho sinh viên nhận định và đưa ra được kế hoạch chăm sóc đúng cho người bệnh. Hoạt động của sinh viên là nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm và báo cáo kết quả theo nhóm. Học phần Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa cùng với các học phần chăm sóc người bệnh ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cao đẳng hộ sinh có kiến thức toàn diện trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của hộ sinh Việt Nam ở bậc cao đẳng.

Phần Thực hành có 01 tín chỉ được thực hiện tại bệnh viện. Khi kết thúc Sinh viên có kỹ năng trong ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh Ngoại khoa, tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực Ngoại khoa. Học phần Thực hành chăm sóc người bệnh Ngoại khoa cùng với các học phần thực hành chăm sóc người bệnh ở các chuyên ngành khác nhằm đào tạo người cao đẳng hộ sinh có kỹ năng toàn diện trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đạt được cơ bản chuẩn năng lực của hộ sinh Việt Nam.

Sinh viên sẽ được chia thành từng nhóm nhỏ từ 12 đến 25 người để thực tập tại các khoa, buồng bệnh dưới sự hướng dẫn và quản lý của các giảng viên, trợ giảng và các Điều dưỡng của khoa, buồng bệnh. Kế hoạch và nội dung học sẽ được công bố ngay buổi đầu tiên của tuần thứ nhất. Ngoài ra sinh viên sẽ phải tham gia trực chuyên môn tại bệnh viện theo từng nhóm nhỏ. Nhiệm vụ trong các buổi trực sẽ do trưởng kíp trực điều dưỡng tại bệnh viện phân công. Trong thời gian thực hành tại bệnh viện, sinh viên sẽ học các kỹ năng thực hành và tư vấn cho người bệnh ở môi trường làm việc thực sự.

## 4. Nội dung chi tiết học phần

### 4.1. Lý thuyết

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	TÍN CHỈ 1		
1	Vai trò người điều dưỡng ngoại khoa	1	
2	Chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật	2	
3	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa	3	
4	Chăm sóc người bệnh đường tiết niệu	2	
5	Chăm sóc người bệnh gãy xương	2	
6	Chăm sóc người bệnh bỏng	1	
7	Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não	1	
8	Chăm sóc người bệnh chấn thương cột sống	1	
	Báo cáo kết quả bài tập theo nhóm	2	
		<b>15</b>	
	TÍN CHỈ 2		

### 4.3. Thực hành tại bệnh viện

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	TÍN CHỈ 1		
1	Thực hành vai trò người điều dưỡng ngoại khoa	5	
2	Thực hành chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật	5	
3	Thực hành chăm sóc người bệnh đường tiêu hóa	10	
4	Thực hành chăm sóc người bệnh đường tiết niệu	5	
5	Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não	5	
6	Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương cột sống	5	
7	Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương	5	
8	Thực hành chăm sóc người bệnh bỏng	5	
	<b>Kiểm tra thủ thuật</b>		
		<b>45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn làm bài tập cá nhân nhóm
- Minh họa lâm sàng và thảo luận lâm sàng
- Giao ban, rút kinh nghiệm trường hợp người bệnh
- Bình kế hoạch chăm sóc

## **6. Tài liệu học tập**

### **\* Giáo trình:**

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Điều dưỡng Ngoại (2013), *Điều dưỡng ngoại khoa*, (Tài liệu lưu hành nội bộ)

2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định – Bộ môn Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (2013), *Bài giảng Điều dưỡng Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt*, (Tài liệu lưu hành nội bộ).

### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Tấn Cường, (2008), *Điều dưỡng Ngoại*, Tập I-II, Hà Nội, NXB Giáo dục.

2. Phạm Văn Linh, Hồ Duy Bình, (2009), *Điều dưỡng Ngoại*, Tập I-II, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học.

3. Bộ y tế (1996), *Điều dưỡng các chuyên khoa*. Nhà xuất bản Y học.

4. 4<sup>t</sup> Edition U.B saunders Company Philadelphia, 1993

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1. Lý thuyết

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	TÍN CHỈ 1						
1	1: Vai trò người điều dưỡng ngoại khoa 2: Chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật 3: Chăm sóc người bệnh bỏng	3	0,5	0,5	8	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu</li> </ul>
2	4: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa 5: Chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não	3	0,5	0,5	8	12	
3	6: Chăm sóc người bệnh đường tiết niệu 7: Chăm sóc người bệnh gãy xương	3	0,5	0,5	8	12	
4	8: Chăm sóc người bệnh chấn thương cột sống Báo cáo kết quả bài tập theo nhóm	1 2			8	12	
		<b>13</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>32</b>	<b>48</b>	

## 7.2. Lâm sàng

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
<b>Tuần 1</b>	Thực hành vai trò người điều dưỡng ngoại khoa	1	1	2	1	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người điều dưỡng ngoại khoa vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Thực hành chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật	1	1	2	1	5	
	Thực hành chăm sóc người bệnh đường tiêu hóa	2	2	4	2	10	
	Thực hành chăm sóc người bệnh đường tiết niệu	1	1	2	1	5	
	Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não	1	1	2	1	5	
	Thực hành chăm sóc người bệnh chấn thương cột sống	1	1	2	1	5	
	Thực hành chăm sóc người bệnh gãy xương	1	1	2	1	5	
	Thực hành chăm sóc người bệnh bỏng	1	1	2	1	5	
	<b>Kiểm tra định kỳ: Thực hiện thủ thuật</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>18</b>	<b>9</b>	<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Lập sơ đồ chỗ ngồi cho sinh viên để giảng viên kiểm soát lớp;
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Tham gia thảo luận trên lớp
- Các nhóm phải tổ chức thảo luận trước khi lên lớp, phải có biên bản của các cuộc thảo luận;
- Các trao đổi cần thiết thực hiện bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại và địa chỉ Email.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp đầy đủ
- Chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm
- Giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy học phần chấm điểm chuyên cần

### *9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 01
  - Hình thức kiểm tra: Nhận định người bệnh
- + Thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Thi tự luận Câu hỏi cô điển cải tiến

## HỌC PHẦN

### 54. CHĂM SÓC NGƯỜI NHIỄM HIV/AIDS

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS**
- Mã học phần: **HIV400** Số tín chỉ: **4 (3LT/1TH)**
- Loại học phần : **Tự chọn**
- Các học phần tiên quyết:
- Các học phần song hành: **Điều dưỡng cộng đồng**
- Phân bổ giờ tín chỉ với các hoạt động:

#### Lý thuyết

- + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
- + Làm bài tập trên lớp: 6 tiết
- + Thảo luận trên lớp : 12 tiết

**Thực hành tại trường: 20 tiết**

**Thực hành tại cơ sở y tế 10 tiết**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Y tế cộng đồng**

#### 2. Mục tiêu học phần:

**Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:**

- Có kiến thức một cách hệ thống về dịch tễ học của bệnh HIV/AIDS trên thế giới và ở Việt Nam.
- Xác định được các xét nghiệm sử dụng trong chẩn đoán người có HIV/AIDS phù hợp
- Mô tả được các dấu hiệu, các bệnh nhiễm trùng cơ hội, giai đoạn lâm sàng của bệnh AIDS.
- Phân tích được cách phối hợp các thuốc (ARV) trong điều trị cho các đối tượng có HIV/AIDS.
- Áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng đã học để chăm sóc và chăm sóc giảm nhẹ cho người có HIV
- Sử dụng được các phương pháp và phương tiện truyền thông phù hợp để tư vấn xét nghiệm tự nguyện HIV cho các đối tượng
- Trình bày được các mục tiêu, nội dung và giải pháp của chương trình quốc gia phòng chống HIV/AIDS
- Lựa chọn và áp dụng được các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động phòng chống HIV/AIDS ở Việt Nam vào thực tế công việc và cách cập nhật các thông tin này.

#### 3. Mô tả môn học:



- Mặc dù đại dịch HIV trên phạm toàn cầu và ở Việt Nam tuy có những thành công đáng kể trong việc kiểm soát dịch bệnh song tỷ lệ mắc và tử vong vẫn còn ở mức độ cao, phân bố rộng và bao phủ nhiều đối tượng vì vậy việc cung cấp kiến thức và kỹ năng phòng chống, chăm sóc người có HIV/AIDS cho học sinh-sinh viên giúp sinh viên tự tin khi tiếp xúc với người có HIV là một biện pháp hữu hiệu và mang tính bền vững.

- Chương trình phòng chống HIV/AIDS là một môn học quan trọng cung cấp kiến thức và kỹ năng về phòng chống, chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS cho sinh viên để các cán bộ điều dưỡng tương lai có đủ tự tin thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng đặc biệt là giới trẻ hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

***Những phần chủ yếu của môn học: theo tài liệu của Bộ y tế***

- Dịch tễ học về HIV/AIDS trên thế giới và ở Việt Nam
- Lâm sàng HIV/AIDS
- Chăm sóc người HIV/AIDS
- Chống kỳ thị, phân biệt đối xử với người có HIV/AIDS và Phòng chống HIV/AIDS
- Chính sách, pháp luật liên quan đến người nhiễm HIV/AIDS

**Yêu cầu môn học:**

Phần lý thuyết: theo yêu cầu cụ thể của từng buổi học và sinh viên phải đi học đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị theo chủ đề đã được phân công và tham gia tích cực vào việc xây dựng nội dung bài giảng. Sinh viên bắt buộc phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham dự đầy đủ các buổi lớn lớp và dự đủ các bài kiểm tra.

Phần thực hành: bắt buộc phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành, làm các bài tập theo yêu cầu của giáo viên.

Phần thực tế: Sinh viên phải đi thực tế đầy đủ, thực hiện đúng những yêu cầu của giảng viên. Sinh viên phải thực hiện sự quản lý và phân công của giảng viên kiêm nhiệm (Trung tâm phòng chống AIDS tỉnh Nam Định)

**4. Nội dung chi tiết học phần**

Stt	Nội dung chương/ bài	Số tiết
	Tín chỉ 1:	
1	Dịch tễ học HIV/AIDS	5
2	Chẩn đoán và điều trị nhiễm HIV/AIDS	5
3	Kỳ thị và Phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS	2
4	Kiểm soát và Phòng ngừa lây nhiễm HIV trong thực hành chăm sóc điều dưỡng	5

Stt	Nội dung chương/ bài	Số tiết
	<b>Kiểm tra 45 phút</b>	
	<i>Tín chỉ 2: Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS</i>	
5	Tư vấn xét nghiệm HIV/AIDS	5
6	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS	5
7	Chăm sóc phụ nữ nhiễm HIV/AIDS mang thai, chuyển dạ và sau đẻ	2
8	Chăm sóc trẻ em nhiễm HIV/AIDS	3
9	Chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV/AIDS	3
	<b>Kiểm tra 45 phút</b>	
	<i>Chăm sóc người nhiễm HIV tại nhà và cộng đồng</i>	
10	Dinh dưỡng cho người nhiễm HIV/AIDS	5
11	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS tại nhà và cộng đồng	2
12	Một số chính sách, pháp luật về HIV/AIDS	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>

#### Thực hành tại trường và Thực tập tại TT phòng chống AIDS tỉnh Nam Định

Stt	Tên bài giảng	Số tiết
1	Lập kế hoạch cho một buổi TT- tư vấn xét nghiệm tự nguyện cho người nhiễm HIV/AIDS	5
2	Tính nhu cầu dinh dưỡng cho người nhiễm HIV/	5
3	Truyền thông chống kỳ thị - phân biệt đối xử người nhiễm HIV/AIDS; Chăm sóc người nhiễm HIV tại nhà và cộng đồng	5
4	Thực hiện các kỹ năng chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV/AIDS.	5
5	Thực tập tại cơ sở: Đi kiến tập tại Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Nam Định	10
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>

#### 5. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình trên lớp
- Thảo luận nhóm: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và trình bày trên lớp
- Trình diễn: Sinh viên chuẩn bị ở nhà và thực hiện trong phòng thực hành
- Dạy học dựa trên vấn đề
- Dạy học dựa vào dự án
- Đóng vai

## 6. Tài liệu học tập:

### \* Giáo trình

1. Bộ Y tế (2015) *Giáo trình chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS* (dùng cho đào tạo cử nhân điều dưỡng), NXB Y học

### \* Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2010), *Kỷ yếu hội nghị 20 năm phòng chống HIV/AIDS ở Việt Nam*, Hà Nội.

2. Bộ Y tế (2010), *Việt Nam – 20 năm phòng chống HIV/AIDS*, Tổ chức sức khỏe gia đình quốc tế, Hà Nội.

3. Bộ Y tế (2010), *Những bước chân không mỏi*, Công ty in thương mại Thái Hà, Hà Nội.

4. Bộ Y tế - Cục phòng chống HIV/AIDS (2010), *Tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện cho phụ nữ mang thai dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con*, tài liệu đào tạo dành cho học viên, Hà Nội.

6. Biadgilign, S., Deribew, A., Amberbir, A. & Deribe, K. (2009), "Barriers and facilitators to antiretroviral medication adherence among HIV-infected paediatric patients in Ethiopia: A qualitative study", *Sahara J*, 6(4), pp. 148-54.

7. Gaudine, A., Gien, L., Thuan, T. T. & Dung do, V. (2009), "Developing culturally sensitive interventions for Vietnamese health issues: an action research approach", *Nurs Health Sci*, 11(2), pp. 150-3.

8. Nyamathi, A., Thomas, B., Greengold, B. & Swaminathan, S. (2009), "Perceptions and health care needs of HIV-Positive mothers in India", *Prog Community Health Partnersh*, 3(2), pp. 99-108.

9. Ngo, D. A., Ross, M. W., Phan, H., Ratliff, E. A., Trinh, T. & Sherburne, L. (2009), "Male homosexual identities, relationships, and practices among young men who have sex with men in Vietnam: implications for HIV prevention", *AIDS Educ Prev*, 21(3), pp. 251-65.

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

Số TT	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực hành CĐ		
1	Dịch tễ học HIV/AIDS	4		1			10	Lớp chia theo tổ, thảo luận về: Đường lây; đối tượng nguy cơ
2	Chẩn đoán và điều trị nhiễm HIV/AIDS	3	1	1			10	Chia nhóm (4 nhóm): Mỗi nhóm chuẩn bị một chủ đề để thảo luận và nhận một tình huống để đóng vai.
3	Tư vấn xét nghiệm HIV/AIDS	1		1	5	5	8	
	Kỳ thị và Phân biệt đối xử với người nhiễm HIV/AIDS	1	1	1	2	5	8	
	<b>Kiểm tra 45 phút</b>							
4	Kiểm soát và Phòng ngừa lây nhiễm HIV trong thực hành chăm sóc điều dưỡng.	3	1	1			10	
5	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS	3	1	1	3		10	
6	Chăm sóc phụ nữ nhiễm HIV/AIDS mang thai, chuyển dạ và sau đẻ	1		1			4	

Số TT	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp						
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Thực hành CD		
6	Chăm sóc trẻ em nhiễm HIV/AIDS	2		1			6	Chuẩn bị theo nhóm Để thảo luận trên lớp, chuẩn bị nội dung đóng vai
7	Chăm sóc giảm nhẹ cho người nhiễm HIV/AIDS	3	1	1	3		10	
	<b>Kiểm tra 45</b>							
8	Dinh dưỡng cho người nhiễm HIV/AIDS	2	1	2	5		10	
9	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS tại nhà và cộng đồng	2		1	2		6	
	Một số chính sách, pháp luật về HIV/AIDS	2					4	
	<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>6</b>	<b>12</b>	<b>20</b>	<b>10</b>	<b>96</b>	

## **8. Quy định của học phần**

- Sinh viên ngồi trong lớp theo tổ (cả học lý thuyết và thực hành)
- Sinh viên phải tham gia đủ các giờ thực hành làm đủ các bài tập theo yêu cầu.
- Sinh viên tự nghiên cứu những chủ đề được giao.
- Khi thảo luận nhóm phải có biên bản của buổi thảo luận
- Sinh viên có quyền trao đổi, xin hướng dẫn của giảng viên bằng các phương tiện có được
- Sinh viên chủ động tìm kiếm thông tin phục vụ cho việc chuẩn bị bài theo chỉ dẫn của giảng viên và tích cực trong quá trình đi thực tế cộng đồng

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học tập**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Sinh viên tham gia học tập trên lớp
- Tham gia và chuẩn bị bài học, thảo luận, làm đủ bài tập..

### *9.2. Kiểm tra định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 02
  - + Lý thuyết: Kiểm tra bằng hỏi bài trên lớp
  - + Thực hành: - Kiểm tra bằng kết quả thực hành.

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức: trắc nghiệm hoặc tự luận
- Thời gian: 90 phút

# **KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG**

## **CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

### **HỌC PHẦN**

#### **55. CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC**

##### **1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: **Các bệnh lây truyền qua đường tình dục**
- Mã học phần: **MID42003**                      Số tín chỉ: **TS: 2(2LT)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết: Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn cơ quan sinh dục
- Học phần song hành: các chuyên ngành khác
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 3 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 3 tiết
  - + Hoạt động báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm: 04 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

##### **2. Mục tiêu của học phần**

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu của khách hàng từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu bà mẹ.

2. Sử dụng được các kiến thức Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho bà mẹ về kiểm soát và phòng ngừa những tai biến trước, trong và sau phẫu thuật.

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa.

4. Vận dụng được kiến thức Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu khách hàng trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch.

5. Áp dụng được kiến thức Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực sản khoa.

### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc người bệnh mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STIs) cung cấp những kiến thức cơ bản về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho chăm sóc- kiểm soát- dự phòng các bệnh STIs thông qua các hoạt động dạy học. Từ đó hình thành cho sinh viên năng lực chăm sóc và giải quyết các vấn đề liên quan đến các bệnh STIs .

Học phần này chỉ có phần lý thuyết gồm **30 tiết**: Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
1	Viêm sinh dục do Chlamydia.	4	
2	Herpes sinh dục.	2	
3	Mụn cóc sinh dục	2	
4	Lậu sinh dục.	2	
5	Viêm sinh dục do vi khuẩn.	3	
	<b>Báo cáo bài tập nhóm</b>	2	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
6	Viêm sinh dục do nấm	4	
7	Viêm sinh dục do Trichomonas.	4	
8	Viêm sinh dục do Giang mai.	3	
9	Viêm sinh dục do Hạ cam.	2	
	<b>Báo cáo bài tập nhóm</b>	2	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - BM Hộ sinh (2015), *Bài giảng Các bệnh lây truyền qua đường tình dục* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

2. Trần Thị Phương Mai (2005), *Bệnh học ung thư phụ khoa*, NXB Y học

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2004) *Bài giảng Sản phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học

2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.

3. Bộ Y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)



### 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1	Viêm sinh dục do Chlamydia.	3	0,5	0,5	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> <li>- Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul>	
2	Herpes sinh dục. Mụn cóc sinh dục	3	0,5	0,5	8		
3	Viêm sinh dục do vi khuẩn.	2	0,5	0,5	6		
4	Lậu sinh dục. <b>Báo cáo bài tập nhóm</b>	2		2	4		
	<b>TÍNH CHỈ 2</b>						
5	Viêm sinh dục do nấm	3	0,5	0,5	8		
6	Viêm sinh dục do Trichomonas.	3	0,5	0,5	8		
7	Viêm sinh dục do Giang mai.	2	0,5	0,5	6		
8	Viêm sinh dục do Hạ cam.	2			4		
	<b>Báo cáo bài tập nhóm</b>			2			
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>						
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>20</b>	<b>3</b>	<b>7</b>	<b>52</b>		

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ lý thuyết.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu.
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao.
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1
- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: câu hỏi cổ điển cải tiến

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi cổ điển cải tiến
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 56. XỬ TRÍ LÒNG GHÉP TRẺ BỆNH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Xử trí lồng ghép trẻ bệnh (IMCI)**
- Mã học phần: **MID41900** Số tín chỉ: **04 (1 LT/3 TH)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết:
- Các học phần song hành: **Chuyên ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
  - + Thực hành tại bệnh viện: 135 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Trung tâm thực hành tiền lâm sàng**

#### 2. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần sinh viên cần đạt được:

- Tích lũy được các kiến thức nhi khoa như điểm giải phẫu, các chỉ số sinh lý và sự phát triển thể chất tâm thần vận động của trẻ em qua các lứa tuổi, nuôi dưỡng trẻ đây là kiến thức cơ bản để sinh viên phân tích các thông tin thu thập được từ đó đánh giá và phân loại, điều trị chính xác trẻ bệnh.

- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng thăm khám để xử trí hiệu quả các bệnh thường gặp ở trẻ em.

- Sử dụng được các kiến thức đã học để xây dựng nội dung giáo dục sức khỏe phù hợp cho các bà mẹ tại cơ sở y tế và cộng đồng nhằm nâng cao kiến thức cho các bà mẹ về chăm sóc và phòng bệnh cho trẻ.

- Nâng cao năng lực tự quyết định, sử dụng kỹ năng phân tích để cải thiện hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại cơ sở y tế cũng như tại cộng đồng.

#### 3. Mô tả học phần

Nội dung bao gồm các kiến thức cơ bản để xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ.

##### 3.1. Phần lý thuyết

Gồm 1 tín chỉ sinh viên học tại trường. Trong học phần này sinh viên được trang bị kiến thức để xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ bao gồm có 5 phần.

- Phần 1: Sinh viên sẽ được trang bị phần đại cương đó là mục tiêu, nguyên tắc tiếp cận và xử trí lồng ghép bệnh trẻ em, lợi ích của chiến lược và các phác đồ xử trí thích hợp.

- Phần 2: Đánh giá và phân loại trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức để khám và phát hiện được các dấu hiệu bất thường trên trẻ như:

dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, ho hoặc khó thở, dấu hiệu của trẻ bị tiêu chảy, trẻ sốt, các dấu hiệu về tai, mắt và các vấn đề về dinh dưỡng.

- Phần 3: Đánh giá và phân loại trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi, sinh viên được trang bị kiến thức kết hợp với tư duy logic để đánh giá khả năng nhiễm khuẩn của trẻ, dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, tình trạng vàng da, các tiếng thở bất thường, vấn đề nuôi dưỡng và tình trạng tiêm chủng của trẻ.

- Phần 4: Sinh viên được trang bị cách thu thập thông tin, kỹ năng khám thực thể sinh viên sẽ xác định và điều trị và tham vấn nuôi con bằng sữa mẹ

- Phần 5: Sinh viên sẽ được học cách vận dụng các kiến thức, tư duy logic, kỹ năng tham vấn đề chăm sóc, tư vấn khi trẻ đến khám lại.

**Thực hành tại trường:** Sinh viên sẽ được xem băng cách khám các dấu hiệu thường gặp trên trẻ bệnh. Kiến thức này giúp sinh viên có nền tảng chăm sóc trẻ tạo mức độ thành thạo cho sinh viên trước khi đi lâm sàng.

### 3.2. Phần thực hành

- Phần học thực hành tại bệnh viện sẽ được học sau khi kết thúc phần lý thuyết. Sinh viên thực tập tại các khoa dưới sự hướng dẫn và quản lý của các giảng viên của bộ môn Nhi. Kế hoạch và nội dung học tập sẽ được thông báo ngay buổi đầu của tuần thứ nhất.

- Thực hành tại bệnh viện sinh viên chia thành từng nhóm nhỏ từ 10 – 15 sinh viên, giảng viên bộ môn Nhi sẽ giảng nhận định, khám các dấu hiệu lâm sàng trực tiếp trên bệnh nhi tại buồng bệnh, viết phiếu ghi, xác định điều trị, tham vấn cho bà mẹ. Sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng khám lâm sàng. Sau khi được nghe, quan sát giảng viên làm mẫu sinh viên sẽ vận dụng các kiến thức đã học độc lập nhận định, thăm khám trên bệnh nhi, lắng phản hồi các nhân tại buồng bệnh mình phụ trách dưới sự giám sát của giảng viên lâm sàng, được sửa và rút kinh nghiệm sau mỗi bài tập.

## 4. Nội dung chi tiết học phần

### 4.1. Lý thuyết

STT	Nội dung	Số tiết	Ghi chú
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu về chiến lược, mục tiêu, nguyên tắc, lợi ích của xử trí lồng ghép trẻ bệnh (IMCI), cách học, cách sử dụng tài liệu, phiếu ghi và cách phản hồi cá nhân.</li> <li>- Hướng dẫn nhận định, khám, đánh giá dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, ho hoặc khó thở, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.</li> <li>- Thực hành làm bài tập tình huống về dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, ho hoặc khó thở, phân loại và xác</li> </ul>	4	

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
	định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi. Làm phản hồi nhóm, phản hồi cá nhân.		
2	- Hướng dẫn: Đánh giá và phân loại trẻ có tiêu chảy, có sốt, các vấn đề về tai và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi. - Thực hành: Đánh giá và phân loại trẻ có tiêu chảy, có sốt, các vấn đề về tai và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi. Làm phản hồi nhóm, phản hồi cá nhân.	4	
3	- Hướng dẫn: Đánh giá suy dinh dưỡng, chế độ nuôi dưỡng cách sử dụng biểu đồ cân nặng theo tuổi, thiếu máu, tình trạng tiêm chủng, xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi, tư vấn và hẹn khám lại cho trẻ. Thực hành: Đánh giá suy dinh dưỡng, chế độ nuôi dưỡng cách sử dụng biểu đồ cân nặng theo tuổi, thiếu máu, tình trạng tiêm chủng, xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi, tư vấn và hẹn khám lại cho trẻ. Làm phản hồi nhóm, phản hồi cá nhân.	3	
4	- Hướng dẫn: Nhận định, khám dấu hiệu bệnh rất nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, vàng da, tiêu chảy, vấn đề nuôi dưỡng, tiêm chủng, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi. - Thực hành làm bài tập tình huống về dấu hiệu bệnh rất nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, vàng da, tiêu chảy, vấn đề nuôi dưỡng, tiêm chủng, phân loại, xác định điều trị và hẹn khám lại cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi. Làm phản hồi cá nhân.	4	
	<b>Tổng</b>	15	

#### 4.2. Thực hành tại trường

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Thực hành xem băng các dấu hiệu lâm sàng trên trẻ bệnh	4	
	<b>Tổng</b>	4	

### 4.3. Thực hành tại bệnh viện

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ I</b>		
1	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, ho hoặc khó thở, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.	5	
2	- Thực hành nhận định, khám dấu nguy hiểm toàn thân, ho hoặc khó thở, hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ bệnh 2 tháng đến 5 tuổi, Làm phản hồi cá nhân.	17	
3	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu trẻ có tiêu chảy, có sốt, các vấn đề về tai, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.	5	
4	- Thực hành nhận định, khám dấu hiệu trẻ có tiêu chảy, có sốt, các vấn đề về tai, hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ bệnh 2 tháng đến 5 tuổi, Làm phản hồi cá nhân.	18	
	<b>TÍN CHỈ II</b>		
5	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu suy dinh dưỡng và thiếu máu, tình trạng tiêu chảy, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.	5	
6	- Thực hành nhận định, khám dấu hiệu suy dinh dưỡng và thiếu máu, tình trạng tiêu chảy hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ bệnh 2 tháng đến 5 tuổi, Làm phản hồi cá nhân.	15	
7	- Hướng dẫn nhận định, đánh giá chế độ nuôi dưỡng, cách sử dụng biểu đồ cân nặng theo tuổi, tư vấn cho bà mẹ và hẹn khám lại khi nào, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.	5	
8	Thực hành: Đánh giá chế độ nuôi dưỡng, đối chiếu cân nặng của trẻ vào biểu đồ tăng trưởng, tư vấn hẹn khám	15	

<b>TT</b>	<b>Nội dung chương/ bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
	lại cho trẻ, viết vào phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em. Làm phản hồi cá nhân.		
<b>9</b>	Kiểm tra: Nhận định, phân loại và xử trí trẻ bệnh 2 tháng đến 5 tuổi.	5	
	<b>TỈN CHỈ III</b>		
10	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu bệnh rất nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, vàng da, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi.	5	
11	- Thực hành nhận định, khám dấu hiệu bệnh rất nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, vàng da, hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi, Làm phản hồi cá nhân.	15	
12	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu bệnh tiêu chảy, vấn đề nuôi dưỡng, tiêm chủng, hẹn khám lại. cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi.	5	
13	- Thực hành nhận định, khám dấu hiệu bệnh tiêu chảy, vấn đề nuôi dưỡng, tình trạng tiêm chủng, hẹn khám lại, hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi, Làm phản hồi cá nhân.	15	
14	Kiểm tra: Nhận định, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi.	5	
	<b>Tổng</b>	135	

### **5. Phương pháp giảng dạy:**

- Lý thuyết: Thuyết trình, làm bài tập cá nhân, nhóm
- Thực hành tại bệnh viện: + Giảng nhận định, cách khám các dấu hiệu tại buồng.

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Tài liệu chính:**

1. Bộ Y tế (2006), Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, NXB Lao động xã hội
2. Bộ Y tế (2006) Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học

3. Lê Văn An (2008), Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học

**\* Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Y tế : Tham vấn nuôi con bằng sữa mẹ - Chương trình nuôi con bằng sữa mẹ  
- Nhà xuất bản Y học (1996)



## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1. Lý thuyết

STT buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	TÍN CHỈ 1	11	2	2	14	15	
1	<p>- Giới thiệu về chiến lược, mục tiêu, nguyên tắc, lợi ích của xử trí lồng ghép trẻ bệnh (IMCI), cách học, cách sử dụng tài liệu, phiếu ghi và cách phản hồi cá nhân.</p> <p>- Hướng dẫn nhận định, khám, đánh giá dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, ho hoặc khó thở, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.</p> <p>- Thực hành làm bài tập tình huống về dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, ho hoặc khó thở, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi. Làm phản hồi nhóm, phản hồi cá nhân.</p>	3	0,5	0,5	4	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và chuẩn bị bài trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập nhóm</li> <li>- Làm phản hồi cá nhân, nhóm</li> <li>- Tự nghiên cứu</li> </ul>
2	<p>- Hướng dẫn: Đánh giá và phân loại trẻ có tiêu chảy, có sốt, các vấn đề về tai và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.</p> <p>- Thực hành: Đánh giá và phân loại trẻ có tiêu chảy, có sốt, các vấn đề về tai và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi. Làm phản hồi nhóm, phản hồi cá nhân.</p>	3	0,5	0,5	3	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và chuẩn bị bài trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập nhóm</li> <li>- Làm phản hồi cá nhân, nhóm</li> <li>- Tự nghiên cứu</li> </ul>

STT buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, tự NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
	nhân.						
3	- Hướng dẫn: Đánh giá suy dinh dưỡng, chế độ nuôi dưỡng cách sử dụng biểu đồ cân nặng theo tuổi, thiếu máu, tình trạng viêm chủng, xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi, tư vấn và hẹn khám lại cho trẻ. Thực hành: Đánh giá suy dinh dưỡng, chế độ nuôi dưỡng cách sử dụng biểu đồ cân nặng theo tuổi, thiếu máu, tình trạng viêm chủng, xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi, tư vấn và hẹn khám lại cho trẻ. Làm phản hồi nhóm, phản hồi cá nhân.	2	0,5	0,5	3	3	- Đọc và chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập nhóm - Làm phản hồi cá nhân, nhóm - Tự nghiên cứu
4	- Hướng dẫn: Nhận định, khám dấu hiệu bệnh rất nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, vàng da, tiêu chảy, vấn đề nuôi dưỡng, viêm chủng, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi. - Thực hành làm bài tập tình huống về dấu hiệu bệnh rất nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, vàng da, tiêu chảy, vấn đề nuôi dưỡng, viêm chủng, phân loại, xác định điều trị và hẹn khám lại cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi. Làm phản hồi cá nhân.	3	0,5	0,5	4	4	- Đọc và chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập nhóm - Làm phản hồi cá nhân, nhóm - Tự nghiên cứu
	<b>Tổng</b>					<b>15</b>	

### 7.2. Thực hành tại trường

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Tự học		
1	Xem băng và khám các dấu hiệu lâm sàng trẻ bệnh,		2	2	2	4	Thực hiện đúng nội quy Quan sát và thực hành thành thạo

### 7.3. Thực hành bệnh viện

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
1	Gặp mặt SV, đọc nội quy, quy định, giới thiệu mô hình của bệnh viện, phương pháp và cách học chương trình IMCI	5				5	- Thực hiện đúng nội quy của bệnh viện. - Nghe, ghi và quan sát
2	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, ho hoặc khó thở, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi. Hướng dẫn làm phản hồi cá nhân.		5			5	- Quan sát, ghi - Sử dụng thành thạo tài liệu của chương trình
3	- Thực hành nhận định, khám dấu nguy			10	5	15	- Nhận định và khám đúng các

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	hiêm toàn thân, ho hoặc khó thở, hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ bệnh 2 tháng đến 5 tuổi, Làm phản hồi cá nhân.						dấu hiệu lâm sàng của trẻ. - Hoàn thành phiếu ghi - Xác định điều trị và tham vấn được cho bà mẹ - Phản hồi cá nhân
4	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu trẻ có tiêu chảy, có sốt, các vấn đề về tai, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.		5			5	- Quan sát, ghi - Sử dụng thành thạo tài liệu của chương trình
5	- Thực hành nhận định, khám dấu hiệu trẻ có tiêu chảy, có sốt, các vấn đề về tai, hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ bệnh 2 tháng đến 5 tuổi, Làm phản hồi cá nhân.			10	5	15	- Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng của trẻ. - Hoàn thành phiếu ghi - Xác định điều trị và tham vấn được cho bà mẹ - Phản hồi cá nhân, nhóm
	<b>TÍN CHỈ II</b>						
6	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu suy dinh dưỡng và thiếu máu, tình trạng tiêu chảy, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng		5			5	- Quan sát, ghi - Sử dụng thành thạo tài liệu của chương trình

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.						
<b>7</b>	- Thực hành nhận định, khám dấu hiệu suy dinh dưỡng và thiếu máu, tình trạng tiêm chủng hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại và xác định điều trị cho trẻ bệnh 2 tháng đến 5 tuổi, Làm phản hồi cá nhân.			10	5	15	- Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng của trẻ. - Hoàn thành phiếu ghi - Xác định điều trị và tham vấn được cho bà mẹ - Phản hồi cá nhân, phản hồi nhóm
<b>8</b>	- Hướng dẫn nhận định, đánh giá chế độ nuôi dưỡng, cách sử dụng biểu đồ cân nặng theo tuổi, tư vấn cho bà mẹ và hẹn khám lại khi nào, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí cho trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.		5			5	- Quan sát, ghi - Sử dụng thành thạo tài liệu của chương trình
	Thực hành: Đánh giá chế độ nuôi dưỡng, đối chiếu cân nặng của trẻ vào biểu đồ tăng trưởng, tư vấn hẹn khám lại cho trẻ, viết vào phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em. Làm phản hồi cá nhân.			10	5	<b>15</b>	- Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng của trẻ. - Hoàn thành phiếu ghi - Xác định điều trị và tham vấn được cho bà mẹ - Phản hồi cá nhân, phản hồi

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
							nhóm
10	<b>Kiểm tra: Nhận định, phân loại và xử trí trẻ bệnh 2 tháng đến 5 tuổi.</b>					5	
	<b>TÍN CHỈ III</b>						
11	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu bệnh rất nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, vàng da, cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi.		5			5	- Quan sát, ghi - Sử dụng thành thạo tài liệu của chương trình
12	- Thực hành nhận định, khám dấu hiệu bệnh rất nặng, nhiễm khuẩn tại chỗ, vàng da, hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi, Làm phản hồi cá nhân.			10	5	15	- Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng của trẻ. - Hoàn thành phiếu ghi - Xác định điều trị và tham vấn được cho bà mẹ - Phản hồi cá nhân, phản hồi nhóm
13	- Hướng dẫn nhận định, khám dấu hiệu bệnh tiêu chảy, vấn đề nuôi dưỡng, tiêm chủng, hẹn khám lại. cách viết phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại,		5			5	- Quan sát, ghi - Sử dụng thành thạo tài liệu của chương trình

TT Buổi	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
	xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi.						
14	- Thực hành nhận định, khám dấu hiệu bệnh tiêu chảy, vấn đề nuôi dưỡng, tình trạng tiêm chủng, hẹn khám lại, hoàn thành phiếu ghi, đối chiếu bảng hướng dẫn xử trí, phân loại, xác định điều trị cho trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi, Làm phản hồi cá nhân.			10	5	15	- Nhận định và khám đúng các dấu hiệu lâm sàng của trẻ. - Hoàn thành phiếu ghi - Xác định điều trị và tham vấn được cho bà mẹ - Phản hồi cá nhân, phản hồi nhóm
15	<b>Kiểm tra: Nhận định, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 0 đến 2 tháng tuổi.</b>					5	
16	<b>Thi</b>						
	<b>Tổng</b>					<b>135</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành
- Hoàn thành đủ các bài tập theo yêu cầu của giáo viên
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao ở nhà hoặc thư viện;
- Tham gia thảo luận trên lớp
- Làm phản hồi cá nhân, phản hồi nhóm.
- Trước khi lên lớp sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học, đọc và nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến bài học.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### **9.1. Điểm chuyên cần: 10%**

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận.
- Làm phản hồi cá nhân, phản hồi nhóm.

### **9.2. Kiểm tra – đánh giá định kỳ: 40%;**

- Số lần kiểm tra: 02
- Hình thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra thực hành: 02

### **9.3. Thi kết thúc học phần: 50%**

- Hình thức thi:
  - + Lý thuyết: Xử trí tình huống
  - + Thực hành: Thực hiện khám và phân loại trên bệnh nhi.

Hoàn thành phiếu ghi, xác định điều trị và tham vấn cho bà mẹ.



## HỌC PHẦN

### 57. CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO

- Tên học phần: **Chăm sóc hộ sinh nâng cao**
- Mã học phần: **MID42004** Số tín chỉ: **TS: 2 (1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Các học phần tiên quyết:
- Các học phần học song hành: **Chuyên ngành**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
  - + Thực hành tại bệnh viện: 45 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng Phụ sản**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần Chăm sóc hộ sinh nâng cao, sinh viên có thể đạt được mục tiêu tổng quát sau:

- *Về kiến thức:*

+ Mô tả và phân tích được nguyên nhân, những biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng các bệnh sản phụ khoa ít gặp ở bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- *Về kỹ năng:*

+ Phát hiện đ- ọc các vấn đề về sức khỏe của mẹ và con sau đẻ.

+ Phát hiện, tham gia lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc những tr- ờng hợp bình th- ờng, bất th- ờng và các cấp cứu về sản khoa.

+ Tham gia t- vấn đ- ọc cho ng- ời phụ nữ về các nội dung cơ bản về sức khỏe sinh sản.

+ Làm đ- ọc thủ thuật cơ bản và 1 số thủ thuật khó về sản phụ khoa.

- *Về thái độ:*

+ Hình thành và rèn luyện đ- ọc thái độ đúng đắn, ân cần, nghiêm túc trong chăm sóc khách hàng và ng- ời bệnh sản phụ khoa

#### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc hộ sinh nâng cao tập trung vào một số bệnh thường gặp có thể ảnh hưởng đến thai nghén và sinh đẻ và cách chăm sóc những phụ nữ bị bệnh này trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ. Giới thiệu những kiến thức và các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong chăm sóc bà ẹ trong thời kỳ nuôi con. Đồng thời học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng đánh giá, phương thức điều trị, dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

Học phần Chăm sóc hộ sinh nâng cao gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

Phần lý thuyết: gồm 15 tiết, Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

Phần thực hành: gồm 45 tiết, Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và chuẩn bị trước các nội dung thực hành.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Điều kiện và các yếu tố ảnh hưởng đến sự thụ tinh	2	
2	Các phương pháp hỗ trợ sinh sản	2	
3	Đại cương về chẩn đoán trước sinh	2	
4	Chăm sóc người bệnh đa ối, thiếu ối	2	
5	Chăm sóc thai phụ đa thai	2	
6	Chăm sóc người bệnh thai chậm phát triển trong buồng tử cung	2	
7	Chăm sóc người bệnh ung thư nguyên bào nuôi	2	
8	Chăm sóc điều trị bằng hóa chất chống ung thư	1	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>		
	<b>Thi kết thúc học phần</b>		
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	

##### PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		
1	Thực hành kỹ năng theo dõi, phát hiện, xử trí các bất thường ở mẹ	5	
2	Thực hành kỹ năng theo dõi, phát hiện, xử trí các bất thường ở trẻ	5	
3	Thực hành kỹ năng thực hiện các thủ thuật sản khoa	5	
4	Tư vấn cho cặp vợ chồng vô sinh, chuẩn bị mang thai	5	
5	Thực hành chuẩn bị, thực hiện soi ối, lấy máu da đầu thai	5	
6	Thực hành kỹ năng sử dụng mornitor và đọc kết quả	5	
7	Thực hành kỹ năng đặt sonde dạ dày và cho ăn qua sonde	5	
8	Thực hành kỹ năng đặt Forceps, Ventour	5	

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
9	Thực hành chuẩn bị kỹ năng hủy thai	5	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>45</b>	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Trần Thị Phương Mai (2005), Bệnh học ung thư phụ khoa, NXB Y học
1. Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định - BM Điều dưỡng Phụ Sản (2015), *Bài giảng điều dưỡng Sản phụ khoa* (Tài liệu lưu hành nội bộ) .

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2007), Bài giảng Sản phụ khoa tập I, II, NXB Y học
2. Trường ĐH Y Hà Nội (2005), Bài giảng Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học
3. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về cơ dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
4. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo **Đào tạo hộ sinh**

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức					Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp						
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành			
1	Điều kiện và các yếu tố ảnh hưởng đến sự thụ tinh Các phương pháp hỗ trợ sinh sản	3	0,5	0,5		8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> </ul>	
2	Đại cương về chẩn đoán trước sinh Chăm sóc người bệnh đa ối, thiếu ối	3	0,5	0,5		8		
	Chăm sóc thai phụ đa thai Chăm sóc người bệnh thai chậm phát triển trong buồng tử cung	3	0,5	0,5		8		
3	Chăm sóc người bệnh ung thư nguyên bào nuôi Chăm sóc điều trị bằng hóa chất chống ung thư	3				6		
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>							
	<b>Thi kết thúc học phần</b>							
	<b>Tổng số</b>					<b>30</b>		

### PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc người bệnh đa ối, thiếu ối	1	1	5	1	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững và thực hiện tốt nội quy, quy chế của bệnh viện, khoa, bộ môn</li> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> </ul>
	Chăm sóc thai phụ đa thai	1	1	2	1	5	
	Chăm sóc người bệnh ung thư nguyên bào nuôi	1	1	2	1	5	
Tuần 2	Chăm sóc người bệnh điều trị bằng hóa chất chống ung thư	1	1	5	1	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc bệnh nhân hỗ trợ sinh sản	1	1	6	1	9	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b> <b>Thực hiện thủ thuật</b>						

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 2
- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: câu hỏi cô điển cải tiến
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi cô điển cải tiến
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 58. CHĂM SÓC BÀ MẸ TRƯỚC, TRONG VÀ SAU PHẪU THUẬT

#### SẢN PHỤ KHOA

##### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa**
- Mã học phần: MID42005 Số tín chỉ: **TS: 2(1LT/1LS)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết: Chăm sóc bà mẹ đẻ khó và ung thư sinh dục
- Học phần song hành: các chuyên ngành khác
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

##### **Lý thuyết: 15 tiết**

- + Thuyết trình: 12 tiết
- + Thảo luận: 1,5 tiết
- + Bài tập: 1,5 tiết

##### **Thực hành tại bệnh viện: 50 tiết**

- + Giao ban: 10 tiết
- + Hướng dẫn thực hành: 10 tiết
- + Tự thực hành: 15 tiết
- + Bình KHCS: 10 tiết

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Hộ sinh**

##### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa sinh viên đại học hộ sinh chính quy có những năng lực:

1. Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu của khách hàng từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu bà mẹ.

2. Sử dụng được các kiến thức Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch, tư vấn cho bà mẹ về kiểm soát và phòng ngừa những tai biến trước, trong và sau phẫu thuật.

3. Ứng dụng các bằng chứng khoa học, tin học và ngoại ngữ nhằm cải thiện kiến thức thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa.

4. Vận dụng được kiến thức Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu khách hàng trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch.

5. Áp dụng được kiến thức Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người hộ sinh. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực sản khoa.

### 3. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về chăm sóc nhằm chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả cho bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa.

Học phần Chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau phẫu thuật sản phụ khoa gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

**Phần lý thuyết: gồm 15 tiết** Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

**Phần thực hành: gồm 45 tiết**

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan, chuẩn bị trước các nội dung thực hành. Phần này Sinh viên được học tại khoa phòng ở bệnh viện Phụ sản

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Chăm sóc bà mẹ trước phẫu thuật sản khoa.	3	
2	Chăm sóc bà mẹ sau phẫu thuật sản khoa.	4	
3	Chăm sóc bà mẹ trước phẫu thuật phụ khoa.	4	
4	Chăm sóc bà mẹ sau phẫu thuật phụ khoa.	4	
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	

#### PHẦN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
1	Chăm sóc bà mẹ trước phẫu thuật sản khoa.	10	
2	Chăm sóc bà mẹ sau phẫu thuật sản khoa.	10	
3	Chăm sóc bà mẹ trước phẫu thuật phụ khoa.	10	
4	Chăm sóc bà mẹ sau phẫu thuật phụ khoa.	15	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận
- Thực hành: dựa vào qui trình, bảng kiểm, thang điểm .

### 6. Tài liệu học tập

\* **Giáo trình:**



1. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - BM Hộ sinh (2015), *Bài giảng điều dưỡng Sản phụ khoa* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

**\* Tài liệu tham khảo:**

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2005), *Bài giảng Sản Phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
3. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo *Đào tạo hộ sinh*

**\* Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### 7.1 PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1	Chăm sóc bà mẹ trước phẫu thuật sản khoa.	3				6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> </ul>
2	Chăm sóc bà mẹ sau phẫu thuật sản khoa	3	0,5	0,5		8	
3	Chăm sóc bà mẹ trước phẫu thuật phụ khoa.	3	0,5	0,5		8	
4	Chăm sóc bà mẹ sau phẫu thuật phụ khoa.	3	0,5	0,5		8	
<b>Tổng số</b>		<b>12</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>		<b>30</b>	

### 7.2 PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn TH	Tự TH	Bình KHCS		
Tuần 1	Chăm sóc bà mẹ trước phẫu thuật sản khoa.	2	2	4	2	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng vai trò người hộ sinh vào người bệnh</li> <li>- Báo cáo giao ban sau ca trực</li> <li>- Báo cáo nhận định người bệnh trước nhóm</li> <li>- Tham gia thảo luận ca bệnh, giao ban, bình kế hoạch chăm sóc</li> <li>- Thực hiện thủ thuật theo yêu cầu đúng quy trình</li> </ul>
	Chăm sóc bà mẹ sau phẫu thuật sản khoa.	2	2	4	2	10	
	Chăm sóc bà mẹ trước phẫu thuật phụ khoa.	2	2	4	2	10	
	Chăm sóc bà mẹ sau phẫu thuật phụ khoa.	3	3	6	3	15	
	<b>Kiểm tra định kỳ Thực hiện thủ thuật</b>						
<b>Tổng số</b>		<b>10</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>10</b>	<b>45</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1
- Hình thức kiểm tra:
  - + Thực hành lâm sàng: thủ thuật và kế hoạch chăm sóc

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 60 phút

## HỌC PHẦN

### 59. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH UNG THƯ SINH DỤC

- Tên học phần: **Chăm sóc người bệnh ung thư sinh dục**
- Mã học phần: **MID42006** Số tín chỉ: **2(2LT)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần song hành: các chuyên ngành khác
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 10 tiết
  - + Hướng dẫn làm bài tập trên lớp: 1,5 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 1,5 tiết
  - + Hoạt động báo cáo kết quả làm bài tập theo nhóm: 02 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng Phụ sản**

#### 2. Mục tiêu của học phần

##### - Kiến thức:

- + Mô tả được các dấu hiệu bất thường của người bệnh ung thư sinh dục.
- + Mô tả được tiến triển, biến chứng, hướng xử trí người bệnh ung thư sinh dục.

##### - Kỹ năng:

- + Thực hiện được các kỹ thuật thông thường trợ giúp việc xác định, xử trí người bệnh ung thư sinh dục.
- + Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh ung thư sinh dục.

##### - Thái độ:

- + Thể hiện được sự đúng mực khi chăm sóc người bệnh trước, trong và sau thực hiện các can thiệp y tế.

#### 3. Mô tả học phần

Học phần Chăm sóc người bệnh ung thư sinh dục cung cấp những kiến thức cơ bản về các bệnh ung thư sinh thường gặp, nhằm chăm sóc có hiệu quả người bệnh.

Học phần Chăm sóc người bệnh ung thư sinh dục chỉ có phần lý thuyết.

Phần lý thuyết: gồm 30 tiết, Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Ung thư vú.	7	
2	Ung thư cổ tử cung.	8	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		

<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Ung thư niêm mạc tử cung.	8	
4	Ung thư buồng trứng.	7	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy:**

Thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận.

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Giáo trình:**

1. Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định - BM Điều dưỡng Phụ sản (2015), *Bài giảng điều dưỡng Sản Phụ khoa* (Tài liệu lưu hành nội bộ)
2. Trần Thị Phương Mai (2005), *Bệnh học ung thư phụ khoa*, NXB Y học.

#### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2005), *Bài giảng Sản Phụ khoa*, Nhà xuất bản Y học
2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về công dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.
3. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo **Đào tạo hộ sinh**

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1 và 2	Ung thư vú.	6	0,5	0,5		14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> </ul>
3 và 4	Ung thư cổ tử cung.	6	1	1		16	
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b>						
5 và 6	Ung thư niêm mạc tử cung	6	1	1		16	
7 và 8	Ung thư buồng trứng	6	0,5	0,5		14	
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>					<b>60</b>	

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1
- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: câu hỏi cổ điển cải tiến

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi cổ điển cải tiến
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 60. CHĂM SÓC TIỀN THAI, SÀNG LỌC TRƯỚC SINH

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc Tiền thai, sàng lọc trước sinh**
- Mã học phần: **MID42007** Số tín chỉ: **TS: 2(2LT)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Học phần tiên quyết: **Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ**
- Học phần song hành: các chuyên ngành khác
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Bộ môn Điều dưỡng Phụ sản**

#### 2. Mục tiêu của học phần

##### Kiến thức

+ Mô tả được một số hội chứng bệnh lý bẩm sinh thường gặp của thai cần sàng lọc trong giai đoạn mang thai.

+ Mô tả được một số hội chứng bệnh lý bẩm sinh thường gặp của sơ sinh.

+ Nêu được lợi ích của sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

+ Nêu được những thai phụ cần sàng lọc trước sinh.

##### - Kỹ năng:

+ Chuẩn bị được thai phụ cần làm các xét nghiệm sàng lọc trước sinh.

##### - Thái độ:

+ Thể hiện sự nhận thức về vai trò của người điều dưỡng hộ sinh trong sàng lọc trước sinh và sơ sinh

#### 3. Mô tả học phần

Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về sàng lọc trước sinh và sơ sinh, nâng cao vai trò của người điều dưỡng hộ sinh trong công tác chăm sóc bà mẹ trước và sau sinh.

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

##### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	+ Một số hội chứng bệnh lý bẩm sinh thường gặp của thai cần sàng lọc trong giai đoạn mang thai.	7	
2	+ Một số hội chứng bệnh lý bẩm sinh thường gặp của sơ sinh.	8	
	<b>TÍN CHỈ 2</b>		



<b>TT</b>	<b>Nội dung Chương/bài</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
5	+ Các thai phụ cần được sàng lọc và lợi ích của sàng lọc trước sinh và sơ sinh.	7	
6	+ Các xét nghiệm cần làm để sàng lọc trước sinh và sơ sinh.	8	
	<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	

### **5. Phương pháp giảng dạy**

- Lý thuyết: *thuyết trình*, thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập cá nhân, tiểu luận

### **6. Tài liệu học tập**

#### **\* Giáo trình:**

1. Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định - BM Điều dưỡng Phụ sản (2015), *Bài giảng điều dưỡng Sản phụ khoa* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

2. Vương Tiến Hoà (2005), Sản khoa và sơ sinh, NXB Y học

#### **\* Tài liệu tham khảo:**

1. Trường ĐH Y Hà Nội (2005), Bài giảng Sản Phụ khoa, Nhà xuất bản Y học

2. Hướng dẫn chuẩn Quốc Gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản số 4620/QĐ-BYT, Hà Nội ngày 25/11/2009.

3. Bộ y tế (2015) Tài liệu tham khảo **Đào tạo hộ sinh**

\* **Trang Web:** <http://www.ykhoanet.com/> (Trang Y khoa Việt Nam)

## 7. Lịch trình thực hiện học phần

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp			Tự học, NC		
		Thuyết trình	Thảo luận	Bài tập			
1 và 2	Một số hội chứng bệnh lý bẩm sinh thường gặp của thai cần sàng lọc trong giai đoạn mang thai.	6	0,5	0,5	14	21	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài học trước khi lên lớp</li> <li>- Tham gia thảo luận trên lớp</li> <li>- Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời tự nghiên cứu</li> <li>- Báo cáo các vấn đề thảo luận</li> </ul>
2	Một số hội chứng bệnh lý bẩm sinh thường gặp của sơ sinh.	6	1	1	16	24	
3	<b>TÍNH CHỈ 2</b>						
4	Các thai phụ cần được sàng lọc và lợi ích của sàng lọc trước sinh và sơ sinh.	6	0,5	0,5	14	21	
	Các xét nghiệm cần làm để sàng lọc trước sinh và sơ sinh.	6	1	1	16	24	
	<b>Kiểm tra</b>						
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>24</b>	<b>3</b>	<b>3</b>			

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu;
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao;
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm

### *9.2. Kiểm tra- đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1
- Hình thức kiểm tra:
  - + Lý thuyết: câu hỏi điển cải tiến

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Câu hỏi tự luận
- Thời gian: 90 phút

## HỌC PHẦN

### 61. CHĂM SÓC SỨC KHỎE BẰNG Y HỌC CỔ TRUYỀN

#### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền**
- Mã học phần: **MID42200**                      Số tín chỉ: **TS: 2(1LT/1TH)**
- Loại học phần: **Tự chọn**
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 12 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 1,5 tiết
  - + Thảo luận trên lớp: 1,5 tiết
  - + Thực hành ở phòng thực hành: 08 tiết
  - + Thực hành lâm sàng: 45 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: **Y học cổ truyền**

#### 2. Mục tiêu của học phần

Sau khi hoàn thành học phần Chăm sóc sức khỏe bằng YHCT sinh viên cần phải có những năng lực:

- Tích lũy được các kiến thức về lĩnh vực điều dưỡng YHCT làm nền tảng cho việc thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật từ đó đưa ra các biện pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của người bệnh YHCT, gia đình và cộng đồng.

- Sử dụng các kiến thức điều dưỡng YHCT để xây dựng các nội dung, lập kế hoạch tư vấn cho người bệnh và cộng đồng về kiểm soát và phòng bệnh trong lĩnh vực Y học cổ truyền.

- Áp dụng được kiến thức điều dưỡng Y học cổ truyền để thực hành chăm sóc theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp người điều dưỡng. Có ý thức vươn lên thể hiện qua việc tự học thường xuyên để nâng cao kiến thức điều dưỡng trong lĩnh vực Y học cổ truyền.

- Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc người bệnh phù hợp với nhu cầu của người bệnh, gia đình và cộng đồng.

- Áp dụng thành thạo quy trình điều dưỡng, thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật trong lĩnh vực YHCT, ra quyết định chăm sóc phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc an toàn, hiệu quả người bệnh mắc các bệnh YHCT.

- Thực hiện được các giao tiếp, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng trong cải thiện sức khỏe, kiểm soát bệnh, phòng mắc các bệnh thuộc lĩnh vực YHCT.

- Sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.

- Quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án YHCT theo đúng quy định; thực hành chăm sóc người bệnh phù hợp với quy định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng.

### 3. Mô tả học phần

- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và thái độ về chăm sóc người bệnh theo YHCT. Học phần Y học cổ truyền gồm hai phần: lý thuyết và thực hành.

Phần lý thuyết: gồm 15 tiết, Phần này sinh viên sẽ được học tại giảng đường của trường.

Phần thực hành: gồm 23 tiết, trong đó 8 tiết thực hành tại Phòng thực hành và 45 tiết thực hành tại bệnh viện

Trước khi học phần thực hành bệnh viện, sinh viên phải học phần lý thuyết liên quan và thực hành tại trường

Khi học thực hành ở bệnh viện, sinh viên được học tại các khoa của bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định .

### 4. Nội dung chi tiết học phần

#### PHẦN LÝ THUYẾT

TT	Nội dung Chương/bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
1	Học thuyết âm dương ngũ hành- Nguyên nhân gây bệnh - Chức năng tạng phủ - Phương pháp nhận định và chăm sóc bệnh nhân theo YHCT	04	
2	Đại cương châm cứu - Hệ kinh lạc- Kỹ thuật châm và cứu- Huyết, cách xác định và phối hợp huyết - Huyết vị 12 đường kinh chính - Mạch nhâm - Mạch Đốc - Huyết vị ngoài đường kinh - Đơn huyết.	04	
3	CSBN bằng phương pháp xoa bóp bấm huyết - CSBN bằng phương pháp tập luyện dưỡng sinh - CSBN cảm mạo bằng phương pháp dân gian. Chăm sóc bệnh nhân bằng thuốc nam, toa căn bản.	04	
4	- Chăm sóc bệnh nhân: Rối loạn kinh nguyệt; Rong kinh; Thống kinh; Bế kinh; Rong huyết; Đới hạ; Viêm tuyến vú; Viêm phần phụ; Khẩu nhãn oa tà; tọa cốt phong; Huyền vụng; đau vai gáy, chứng tý.	03	
	<b>Số tiết lý thuyết</b>	<b>15</b>	

#### PHẦN THỰC HÀNH TẠI PHÒNG THỰC TẬP VÀ BỆNH VIỆN

TT	Nội dung chương/ bài	Số tiết	Ghi chú
	<b>TÍN CHỈ 1</b>		
	<b>* Thực hành tại phòng thực tập</b>		
1	Châm cứu	04	
2	Xoa bóp + Dưỡng sinh + Thuốc nam	04	
	<b>* Thực hành tại bệnh viện</b>		
1	Phương pháp nhận định và chăm sóc bệnh nhân theo YHCT	10	
2	Chăm sóc bệnh nhân: Khẩu nhân oa tà; tọa cốt phong; Huyền vụng; đau vai gáy, chứng tý.	10	
3	Chăm sóc bệnh nhân: Rối loạn kinh nguyệt; Rong kinh; Thống kinh; Bê kinh; Rong huyết; Đới hạ; Viêm tuyến vú; Viêm phần phụ.	12	
4	Bàn luận về chăm sóc BN theo YHCT	13	
5	<b>Kiểm tra phần thực hành bệnh viện</b>		
	Số tiết thực hành bệnh viện	45	

### 5. Phương pháp giảng dạy

- Lý thuyết: Thuyết trình, Thảo luận nhóm
- Thực hành bệnh viện
  - + Minh họa lâm sàng và thảo luận lâm sàng
  - + Bình kế hoạch chăm sóc

### 6. Tài liệu học tập

#### \* Giáo trình:

1. Bộ Y tế (2009), Sản phụ khoa y học cổ truyền, NXB Y học
2. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định - Bộ môn Y học cổ truyền (2013) *Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền*, (Tài liệu lưu hành nội bộ)

#### \* Tài liệu tham khảo:

1. Trường Đại học Y Hà Nội - Bộ môn Y học Cổ truyền (2005), "*Bài giảng Y học cổ truyền*". Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ y tế (2002) "*Dược thư quốc gia Việt Nam*". Nhà xuất bản Y học.
3. Học viện Y học cổ truyền Trung Quốc (2000) "*Châm cứu học Trung Quốc*" Nhà xuất bản Y học
4. Tuệ Tĩnh (1966) "*Nam dược Thần hiệu*" Nhà xuất bản Y học
5. Lê Hữu Trác (2001), "*Hải Thượng Y tông tâm lĩnh*", tập 1 & 2 Nhà xuất bản Y học.

\* **Trang Web:** <http://www.yhoccotruyen.org/> (Trang Y khoa Việt Nam)

<http://www.chamcuuvietnam.vn/> (Trang Y khoa Việt Nam)



## 7. Lịch trình thực hiện học phần

### PHẦN LÝ THUYẾT

STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
1.	1. Học thuyết âm dương - ngũ hành và ứng dụng trong y học cổ truyền. 2. Nguyên nhân gây bệnh. 3. Chức năng tạng phủ. 4. Phương pháp nhận định và chăm sóc bệnh nhân theo y học cổ truyền	3	0,5	0,5		08	- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
2	1. Đại cương châm cứu. Hệ kinh lạc. 2. Phương pháp châm cứu. 3. Huyệt – Cách xác định huyệt – Phối hợp huyệt- 4. Huyệt vị XII đường kinh chính- Mạch Nhâm-Mạch Đốc- Huyệt vị ngoài đường kinh và đơn huyệt	3	0,5	0,5		08	Chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
	<b>Kiểm tra định kỳ lần 1</b>						
3	1. Phương pháp xoa bóp bấm huyệt 2. Phương pháp tập luyện dưỡng sinh. 3. Chăm sóc bệnh nhân cảm mạo bằng phương pháp dân gian.	3	0,5	0,5		08	Chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng



STT buổi giảng	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tự học, nghiên cứu	Yêu cầu đối với SV
		*Lên lớp					
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Thực hành		
	4. Chăm sóc bệnh nhân bằng thuốc nam, toa căn bản.						nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
4	1. Chăm sóc bệnh nhân: Khẩu nhân oa tà; tọa cốt phong; Huyền vụng; đau vai gáy, chứng tý. Rối loạn kinh nguyệt; Rong kinh; Thống kinh; Bế kinh; Rong huyết; Đới hạ; Viêm tuyến vú; Viêm phần phụ.	2	0,5	0,5		06	Chuẩn bị bài trước khi lên lớp - Tham gia thảo luận trên lớp - Tham gia làm bài tập cùng nhóm trong thời gian tự nghiên cứu
	<b>Thi kết thúc học phần</b>						
	<b>Tổng số</b>						

### PHẦN THỰC HÀNH

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
<b>Tuần 1</b>	Bài 1: Phương pháp nhận định và chăm sóc bệnh nhân theo YHCT	1h	1h	4h	4h	10	
	Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân: : Rối loạn	1h	2h	3h	4h	10	

TT tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức				Tổng số tiết	Yêu cầu đối với SV
		Giao ban	Hướng dẫn thực hành	Tự thực hành	Bình KHCS		
	kinh nguyệt; Rong kinh; Thống kinh; Bế kinh; Rong huyết; Đói hạ; Viêm tuyến vú; Viêm phần phụ;						
	Bài 3: Chăm sóc bệnh nhân: Khẩu nhãn oa tà; tọa cốt phong; Huyền vụng; đau vai gáy, chứng tý.	1h	2h	5h	4h	12	
Tuần 2	Bài 4: Bàn luận về cách xử trí chăm sóc BN theo YHCT	1h		5h	7h	13	
	<b>Thực hiện thủ thuật + Làm Bảng KHCS</b>						

## **8. Quy định đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên**

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành.
- Hoàn thành đủ các phần đọc thêm theo yêu cầu.
- Tự nghiên cứu các vấn đề do giảng viên giao.
- Trước khi lên lớp học lý thuyết, Sinh viên phải tự đọc và nghiên cứu các phần sẽ học trên lớp.
- Trước khi lên lớp học thực hành Sinh viên phải nghiên cứu trước những nội dung đã giảng dạy ở phần lý thuyết.

## **9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

### *9.1. Điểm chuyên cần: 10%*

- Tham gia học tập trên lớp
- Đánh giá chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, hoàn thành bài tập, làm bài tập nhóm.

### *9.2. Kiểm tra đánh giá định kỳ: 40%*

- Số lần kiểm tra: 1
- Hình thức kiểm tra:
  - + Kiểm tra viết câu hỏi ngắn, trắc nghiệm.
  - + Bài tập, bản thu hoạch, báo cáo, thảo luận, thuyết trình hoạt động theo nhóm
  - + Kiểm tra lâm sàng (Lập bảng kế hoạch chăm sóc và thực hành một quy trình kỹ thuật châm cứu, xoa bóp, nhận biết thuốc nam)

### *9.3. Thi kết thúc học phần: 50%*

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm
- Thời gian: 90 phút